

TỈNH DÒNG SALÊDIÊNG DON BOSCO VIỆT NAM
BAN GIA ĐÌNH SALÊDIÊNG

KẾ HOẠCH
ĐỜI SỐNG TÔNG ĐỒ
CỘNG TÁC VIÊN SALÊDIÊNG

BẢN CẮT NGHĨA CHÍNH THỨC

Rôma – 2016



HIỆP HỘI
CỘNG TÁC VIÊN SALÊDIÊNG
ASSOCIAZIONE SALESIANI COOPERATORI

BẢN CẤT NGHĨA CHÍNH THỨC
Rôma – 2016



Bản dịch tiếng Việt
SÀI GÒN - 2016

MỤC LỤC

<i>Lời giới thiệu</i>	9
<i>Vào đề</i>	12
Chương I: Cộng Tác Viên Salêdiêng trong gia đình và thế giới	17
Điều 1. Người được Thiên Chúa sai đến	23
Điều 2. CTV Salêdiêng: Một ơn gọi chuyên biệt trong Hội Thánh	31
Điều 3. Hai cách sống một Ơn Gọi duy nhất	39
Điều 4. Hiệp Hội CTV trong Hội Thánh	46
Điều 5. Hiệp Hội CTV trong Gia Đình Salêdiêng	56
Điều 6. Cộng tác viên Sa-lê-diêng: Người Sa-lê-diêng giữa đời	62
Chương II: Dẫn thân tông đồ của Cộng tác Viên Salêdiêng	69
Điều 7. Làm chứng cho các Mối Phúc Thật	75
Điều 8. Dẫn thân tông đồ	92
Điều 9. Nhiệm vụ giáo dục Kitô giáo	110
Điều 10. Khoa sư phạm của lòng nhân ái	121
Điều 11. Các hoạt động tiêu biểu	132
Điều 12. Cơ cấu và cách thức hoạt động	142

Chương III: Tinh thần Salêdiêng của CTV Salêdiêng 146

- Điều 13.** Di sản quý báu 152
- Điều 14.** Trải nghiệm một Đức Tin dần thân 159
- Điều 15.** Địa vị trung tâm của Đức Ái tông đồ 170
- Điều 16.** Sự hiện diện Salêdiêng trong thế giới 180
- Điều 17.** Phong cách hành động 185
- Điều 18.** Phong cách giao tiếp 199
- Điều 19.** Phong cách cầu nguyện 204
- Điều 20.** Hiệp thông với Đức Mẹ và các Thánh 208

Chương IV: CTV Salêdiêng trong hiệp thông và hợp tác 215

- Điều 21.** Là anh chị em trong Don Bosco 220
- Điều 22.** Đồng trách nhiệm trong sứ mạng 228
- Điều 23.** Sự tham dự và các mối liên kết với các Nhóm của Gia Đình Salêdiêng 234
- Điều 24.** Thừa tác vụ của Cha Bề Trên Cả 241
- Điều 25.** Các mối liên kết đặc biệt với Tu Hội SDB và FMA 248
- Điều 26.** Việc phục vụ tông đồ của các Ủy Viên 253

Chương V: Việc gia nhập và đào luyện của CTV Salêdiêng 260

- Điều 27.** Gia nhập Hiệp Hội 264

Điều 28.	Giá trị của tư cách thành viên	269
Điều 29.	Các trách nhiệm và sáng kiến liên quan đến Đào Luyện	273
Điều 30.	Trung thành với các cam kết đã làm	276
Điều 31.	Ra khỏi Hiệp Hội	281
Điều 32.	Ý nghĩa và Văn thức <i>Tuyên Hứa tông đồ</i>	285
Chương VI:	Tổ Chức của Hiệp Hội	295
Điều 33.	Các lý do của Tổ chức này	302
Điều 34.	Tổ chức linh hoạt	310
Điều 35.	Việc Quản trị và sinh động hoá ở cấp Tỉnh, Địa Phương và Thế Giới	316
Điều 36.	Cấp Địa Phương	325
Điều 37.	Cấp Tỉnh	330
Điều 38.	Cấp Thế giới	338
Điều 39.	Quản trị tài sản của Hiệp Hội	345
Điều 40.	Những sự sắp xếp cuối cùng	356
Điều 41.	Một con đường nên thánh	365
Tài liệu tham khảo		372

LỜI GIỚI THIỆU

Anh chị em CTV Salêdiêng thân mến,

Chúng ta đang sống trong một thời đại thực sự của Ân Sủng mà Chúa ban cho Hiệp Hội và toàn thể Gia Đình Salêdiêng chúng ta. Chúng ta vừa kết thúc Kỷ Niệm 200 Năm Sinh Nhật Cha Thánh và Đấng Sáng Lập chúng ta, và bây giờ chúng ta đang cùng với toàn thể Hội Thánh chuẩn bị để tham dự Năm Thánh Lòng Thương Xót mà Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã công bố.

Chính trong bầu khí suy tư này về tình yêu của Thiên Chúa Cha, ơn cứu độ mà Chúa Con, Đấng Cứu Thế, đem đến cho chúng ta, và sức mạnh mà Chúa Thánh Thần tuôn đổ vào lòng mỗi người chúng ta và mọi người, tôi hân hạnh giới thiệu cho anh chị em bản “*Cắt Nghĩa về Kế Hoạch Đời Sống Tông Đồ*” này. Đây là một sự hiện thực hoá, một sự duyệt xét năng động và trung thành Bản Cắt Nghĩa Chính Thức của năm 1990, trong ánh sáng của *Kế Hoạch Đời Sống Tông Đồ* đã được phê chuẩn bởi Đại Hội Cộng Tác Viên 2012.

Giống như *Kế Hoạch Đời Sống Tông Đồ* của chúng ta, bản Cắt Nghĩa này cũng là kết quả của sự quyết tâm, làm việc cật lực, nghiên cứu và phân tích của nhiều anh chị em CTV. Do đó chúng ta chân thành cảm ơn Ban Cố Vấn Thế Giới nhiệm kỳ trước: Điều Phối Viên, Rosario Maiorano, và các Ủy Viên, Don Stjepan Bolkovac và Nữ tu Maria Trigila, là những người đã khởi sự công việc nặng nề là cắt nghĩa từng điều của bản Điều Lệ. Sau đó, các thành viên Ban Thư Ký Điều Hành của Ban Cố Vấn Cộng Tác Viên Thế Giới đương nhiệm đã hết sức nhiệt tình và cần mẫn cộng tác vào việc soạn thảo bản văn chung cuộc này, nhờ đó hoàn thành việc duyệt xét và tổ chức các bình luận dưới dạng lược đồ, đầy đủ với các tham chiếu rõ ràng về các giáo huấn mới nhất của Huấn Quyền Hội Thánh và các văn kiện của Gia Đình Salêdiêng.

Bản *Kế Hoạch Đời Sống Tông Đồ* là “thẻ căn cước” của chúng ta: nó mô tả kho tàng thiêng liêng phong phú của ơn gọi chúng ta và vạch ra cho chúng ta con đường nên thánh qua công việc phục vụ hằng ngày của chúng ta cho giới trẻ, cho các gia đình, cho những người bị gạt ra bên lề và những người bị loại trừ.

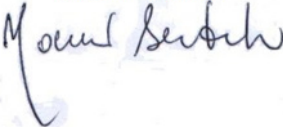
Bản Cắt Nghĩa này là sự bổ túc cần thiết cho *Kế Hoạch Đời Sống Tông Đồ* vì nó phân tích từng chương, từng điều và nắm bắt được tinh thần của từng điều của *Kế Hoạch* ấy, cho thấy rõ những

gợi hứng lớn từ Tin Mừng đang sau những Điều Lệ và việc thực thi các nguyên tắc hành động trong Qui Chế.

Vì vậy đây là một chìa khoá thích hợp và hiệu quả cho sự hiểu biết hầu giúp mỗi người chúng ta nội tâm hoá Kế Hoạch và đem ra thực hành trong đời sống của Hiệp Hội chúng ta.

Trong khi mời gọi anh chị em hân hoan làm chứng cho ý tưởng độc đáo của Don Bosco là muốn chúng ta là những *người Salêdiêng đích thực trong thế giới*, tôi cố gắng hiến anh chị em tài liệu trợ giúp này để góp phần bảo đảm rằng chúng ta luôn luôn là những nhánh nho sống được ghép vào Cây Nho.

Thân ái và chân thành,

Noemi Bertola


Rôma, 24 tháng 1, 2016

Lễ Thánh Phanxicô Salê

VÀO ĐỀ

Mục đích của bản *Kế Hoạch Đời Sống Tông Đồ* mới là xác định rõ nét căn tính của người Cộng Tác Viên Salêdiêng (từ đây viết tắt là CTV). Nó không chỉ trình bày một cách hiện hữu, sống, hành động và quan hệ với người khác, mà còn là hiểu biết ơn gọi giáo dân của một người; nghĩa là “kế hoạch đời sống cá nhân” của một người theo phong cách Salêdiêng.

Thuật ngữ “ơn gọi” là một từ chìa khoá giúp hiểu bản văn mới của *Kế Hoạch Đời Sống Tông Đồ*. Các CTV chúng ta không chỉ là những người “cộng sự” hay “ân nhân”, nhưng là những giáo dân cảm thấy mình “*được gọi và sai đi thực hiện một sứ mạng cụ thể: góp phần vào việc cứu rỗi giới trẻ, dấn thân cho chính sứ mạng của Don Bosco cho giới trẻ và giới bình dân.*” (*Kế Hoạch Đời Sống Tông Đồ*, Điều 2). Ơn gọi là một lời mời gọi và một Ân Sủng; nó vượt quá các khả năng của chúng ta: chúng ta không phải là nguồn mạch gọi hứng hay tạo ra nó. Sáng kiến là của Thiên Chúa. Đây là một yếu tố bất biến trong các ơn gọi được trình bày trong Kinh Thánh, và Đức Giêsu đã từng nhắc lại: “Không phải các con đã chọn Thầy, nhưng chính Thầy đã chọn các con.” (Ga 15:16). Vì vậy chúng ta phải chấp nhận và hoan nghênh ơn gọi này, tạ ơn vì ơn gọi, đồng thời cầu nguyện và làm việc; hơn

nữa, nếu muốn hướng đến tương lai của Hiệp Hội, chúng ta phải có một cái nhìn và quả tim chăm chú hướng về giới trẻ. Họ không chỉ là những người ưu tiên hưởng nhận công việc tông đồ của chúng ta—họ còn là những chủ thể tích cực của một mùa xuân mới và một diện mạo mới cho người CTV Salêdiêng.

On gọi là một con đường nối kết mật thiết với sự trưởng thành Đức Tin, trong một cuộc đối thoại với Thiên Chúa kéo dài suốt đời. Điều kiện cơ bản cần thiết để ơn gọi lớn lên là phát triển đời sống Kitô giáo trong mọi khía cạnh: sự thật, việc tông đồ, đời sống luân lý và cầu nguyện. Một đức tin mạnh và một đời sống nội tâm kết hợp mật thiết với Đức Kitô là những điều không thể thiếu để các ơn gọi tăng trưởng phù hợp với Lời Chúa. Mọi người CTV cần phải trở nên ý thức về điều này. Mỗi Cộng Đoàn và mỗi Trung Tâm là biểu thị của Don Bosco tại khu vực mà các thành viên sinh sống và làm việc và họ được chỉ định để mở rộng đoàn sủng và sứ mạng của Gia Đình Salêdiêng cho tương lai. Có một Cộng Đoàn và một nơi cho Hiệp Hội là những điểm qui chiếu thiết yếu. Không một ơn gọi nào là biệt lập; vì vậy, rất cần khuyến khích mọi công cuộc Salêdiêng tổ chức cộng đoàn giáo dục của mình, có nhiều lãnh vực thừa tác hay hoạt động phục vụ sứ mạng, để làm nơi qui tụ. Những nơi này phải trở thành chỗ mà mọi nhóm có thể trải nghiệm đặc sủng và sứ mạng Salêdiêng. Tiêu chí “đến mà xem” được tuân

thủ để giới trẻ có thể vui vẻ tiếp đón và đáp lại tiếng gọi của Thiên Chúa một cách có trách nhiệm.

Trong nhiều trường hợp, cần đưa ra một lời mời rõ ràng. Xã hội thời nay không còn quan niệm cuộc đời như một ơn gọi và sứ mạng. Con người thời nay ít hiểu về tầm quan trọng và ý nghĩa xã hội của ơn gọi và sứ mạng. Các điểm qui chiếu để người ta hình dung ra đời sống của mình sẽ như thế nào trong tương lai xa thì rất mơ hồ, thậm chí làm người ta nản lòng. Tại một số phần của giáo hội mà ở đó người ta coi giáo hội như là một “cơ chế”, giáo hội được trình bày như là kế thừa một quá khứ của sự thống trị trí thức và đạo đức. Một người trẻ có thể có khát vọng dâng thân cho một công việc, nhưng sự dâng thân này thường được hướng về các “Phong Trào” và về các nguyên nhân phổ biến nhất hôm nay là: hoà bình, sinh thái, và người nghèo. Sức lôi cuốn của Đức Kitô và tình yêu đối với Don Bosco sẽ luôn luôn quyết định một hướng khác để họ theo. Các môn đệ đã từng rất ấn tượng về Đức Giêsu nhưng họ hiểu rằng để có thể đi theo Ngài, họ cần phải nghe lời mời gọi, “Hãy theo Ta!” Có lẽ cần phải kiện cường trong Hiệp Hội chúng ta khả năng trình bày, khơi dậy niềm phấn khởi, vạch ra các bước đi và các điều kiện cần thiết, và mời gọi người trẻ trải rộng “nguồn năng lượng đức ái” để trở thành những Cộng Tác Viên của Thiên Chúa và của Don Bosco. Do đó, chúng ta cần những Cộng Tác Viên và những Đào Luyện Viên hiểu biết Don

Bosco và đặc sứ của ngài, và những người không chỉ hiểu mà còn có thể đưa ra những đề nghị trong tư cách là những chuyên gia về đời sống thiêng liêng. *Kế Hoạch Đời Sống Tông Đồ* vạch ra một cách rõ ràng lãnh vực ưu tiên của hoạt động tông đồ của chúng ta: giới trẻ. Chính trong lãnh vực này mà chúng ta phát triển về thi hành một hoạt động rất phù hợp với đề nghị ơn gọi của chúng ta: giáo dục. Chúng ta nên thường xuyên lui tới những nơi có thể cống hiến chúng ta những sự kích thích thú vị: các cộng đoàn giáo dục. Chúng ta cần mở rộng các chọn lựa cho sự dân thân vào một *Kế Hoạch Đời Sống Tông Đồ* vượt ra ngoài khuôn khổ các công cuộc Salêdiêng.

Tác giả Sách Thánh nói: “Lời Ngài là đèn soi bước chân con, là ánh sáng chỉ đường con đi.” (Tv 118:105) Lời Thiên Chúa là một ánh sáng có khả năng soi sáng các bước chân trên đường đời của một con người; nó làm cho con đường trở thành an toàn vì nó là một cái la bàn có thể chỉ phương hướng giữa màn sương mù của quá nhiều tiếng nói và những quyền rũ gây lẫn lộn, mất phương hướng, và làm cho quả tim con người đi lang thang lạc lối. Bằng cách đi theo *Kế Hoạch Đời Sống Tông Đồ*, người CTV đi theo con đường được Tin Mừng vạch ra và “dân thân một cách có trách nhiệm vào con đường này, là con đường dẫn tới sự thánh thiện.” (*Kế Hoạch Đời Sống Tông Đồ* đ. 41).

CHƯƠNG I

CỘNG TÁC VIÊN SALÊDIÊNG TRONG GIA ĐÌNH VÀ THẾ GIỚI

*“Không phải anh em đã chọn Thầy,
nhưng chính Thầy đã chọn anh em,
và cắt cử anh em để anh em ra đi, sinh được hoa
trái, và hoa trái của anh em tồn tại”*

(Ga 15:16)

Chúa Thánh Thần đã khơi dậy Don Bosco. Đức Giêsu đã chọn các Môn Đệ của Ngài và sai họ ra đi để sinh nhiều hoa trái, và hoa trái ấy sẽ tồn tại. Là những môn đệ Đức Giêsu và những con trai con gái của Don Bosco, các CTV Salêdiêng được kêu gọi sinh nhiều hoa trái. Một món quà cao quý và một sứ mạng to lớn biết bao đã được uỷ thác cho chúng ta! Để thấu hiểu *Kế Hoạch Đời Sống Tông Đồ* và sống Kế Hoạch này một cách đích thực, chúng ta phải để cho mình được soi sáng bởi Mầu Nhiệm cao cả này.

Trong một trang rất nổi tiếng của tiên tri Êdêkien, ông mô tả gỗ của cây nho. Gỗ cây nho có công dụng gì không? Không. Gỗ cây nho chỉ là

gỗ giống như gỗ các cây ở đồng quê mà người ta chẳng dùng được để làm gì; không, không thể làm ra đồ vật gì từ nó. Gỗ cây nho chỉ có giá trị cho một việc duy nhất: giúp truyền nhựa sống tới các cành nho để chúng sinh hoa trái; vì vậy gỗ của cây nho là vô dụng ngoại trừ để giúp cây sinh trái. Và Đức Giêsu đã dùng chính hình ảnh này của Êdêkien trong bài giảng nổi tiếng của Người về Cây Nho và Cành Nho trong sách Tin Mừng Gioan chương 15. Trong văn hoá Israel, cây nho là hình ảnh về dân, dân Israel. Tiên tri Isaia có bài ca nổi tiếng về tình yêu của Chúa đối với vườn nho của Ngài ở chương 15. Tiên tri Giêrêmia cũng gọi Israel là cây nho. Vì Đức Giêsu tuyên bố Ngài là “Cây Nho thật”, cho nên cũng phải có những cây nho giả. Đức Giêsu tiếp tục thay thế thực tại của Israel bằng thực tại của chính con người Ngài: không phải manna từ trời, nhưng chính Ngài mới là Bánh thật ban sự sống cho dân; Ngài là Ánh Sáng thật tương phản với Lễ Luật; Ngài là Cây Nho thật, là Dân thật được Chúa trồng, và Cha “là người trồng nho”. Thế nên ta có thể thấy rằng có những vai trò khác nhau: Đức Giêsu là Cây Nho, qua đó nhựa ban sự sống được truyền đi, và Cha là người trồng nho. Người trồng nho chăm lo điều gì? Chăm lo cho cây nho luôn luôn trổ sinh trái; thực vậy, tác giả Tin Mừng viết, “cành nào trong Ta không sinh trái, thì Người cắt bỏ.”

Câu nói này có nghĩa là gì? Tác giả Tin Mừng

đang nói về cộng đoàn Kitô trong đó có tình yêu được thông truyền bởi Chúa, một tình yêu nhận được từ Chúa, và tình yêu này phải biến đổi thành tình yêu đối với người khác. Đây là tính chất đặc trưng của Thánh Thể. Trong Thánh Thể, chúng ta lãnh nhận Mình Thánh Chúa, Bánh thật, Nguồn sự sống. Nhưng cũng có nguy cơ: trong một cộng đoàn, có thể có ai đó lãnh nhận nhựa sống này, nguồn năng lượng này, tình yêu này, và Bánh này, nhưng rồi không trở thành bánh cho người khác hay biến đổi tình yêu mà họ đã lãnh nhận thành tình yêu cho người khác. Người ấy là một yếu tố tiêu cực chỉ nghĩ về bản thân mình và lợi ích riêng của mình và vì thế không thông truyền sự sống. Cảnh ấy trở nên vô dụng và bị chắt đi không phải bởi các cảnh khác, thậm chí không phải bởi Đức Giêsu, nhưng bởi Chúa Cha.

Tình yêu dẫn đến phục vụ chính là sự bảo đảm rằng một người có sự kết hợp trọn vẹn với Chúa. Đức Giêsu lặp lại điều này khi Ngài nói, “Hãy ở lại trong Thầy, như Thầy ở lại trong anh em. Cũng như cành nho không thể tự mình sinh hoa trái, nếu không gắn liền với cây nho, anh em cũng thế, nếu không ở lại trong Thầy.” Vì vậy, Đức Giêsu tiếp tục nhấn mạnh rằng tình yêu chúng ta nhận được nơi Ngài phải được biến đổi thành tình yêu được thông truyền cho người khác, nếu không nó chẳng có ích gì. Đức Giêsu lại tuyên bố danh hiệu của Ngài, thân phận là Thiên Chúa của Ngài: “Thầy là

cây nho, anh em là cành. Ai ở lại trong Thầy và Thầy ở lại trong người ấy”—trong tiến trình tháp nhập năng động vào Thiên Chúa, Ngài chỉ xin được đón tiếp vào đời sống của tín hữu, để làm cho sự sống ấy phát triển thêm—“thì người ấy mang nhiều hoa trái.” Một người càng trao hiến sự sống mình cho người khác, người ấy càng được nhận sự sống dồi dào hơn. Một người chỉ có cái mà mình đã được ban cho. Một người càng trao ban sự sống mình cho người khác một cách dồi dào và vô hạn bao nhiêu, thì Thiên Chúa càng đáp lại một cách dồi dào và vô hạn bấy nhiêu. Nhưng rồi Đức Giêsu lại cảnh giác: “Ai không ở lại trong Thầy, thì bị quăng ra ngoài như cành nho và sẽ khô héo.” Kiểu nói này mà chúng tôi dịch là “khô héo”, dịch sát chữ là “trở nên cần cỗi”. Tác giả Tin Mừng lấy kiểu nói này từ sách tiên tri Edêkien chương 37, ở đó tiên tri tưởng tượng ra hoàn cảnh của dân như một thung lũng đầy những xương khô, cho thấy rằng dân không có Thánh Thần. Vì thế ai không ở lại trong Đức Giêsu—ai nhận tình yêu này mà không truyền thông nó cho người khác—người ấy trở nên khô cằn, vì một người chỉ có cái mà mình trao ban cho người khác. Đây là sự bảo đảm của Đức Giêsu (nhưng tiếc thay chúng ta trong ngôn ngữ hiện đại đã thay đổi nó đi cách này hay cách khác): mọi người đều biết câu nói “Hãy xin thì sẽ được”; nhưng chúng ta quên mất hai điều kiện mà Đức Giêsu đặt ra: —*nếu anh em ở lại trong Thầy*, vì thế nếu chúng ta thông truyền cho người khác tình yêu

đã nhận từ Đức Giêsu—*nếu lời Thầy ở lại trong anh em*, vì thế, nếu lời Người tiếp tục hướng dẫn đời sống chúng ta, sự hiện hữu của chúng ta, và một tình yêu trở thành sự phục vụ tha nhân—ở điểm này, và chỉ ở điểm này, sau khi có hai điều kiện này, Đức Giêsu nói, “Hãy xin điều anh em muốn và điều ấy sẽ được ban cho anh em.” Cho nên, khi một người sống hoà hợp với Chúa, khi đời sống của một người được đặt nền trên đời sống của Thiên Chúa tới độ trở nên một mà thôi, thì điều duy nhất mà họ sẽ xin là ơn Chúa Thánh Thần và một khả năng yêu thương lớn lao. Chúa Cha sẽ lo cho mọi thứ khác. Chúa Cha không đáp lại các nhu cầu của con cái; đúng hơn, Người thấy trước các nhu cầu ấy. Điều này tạo sự bảo đảm cho chúng ta. Và hãy lưu ý đến câu kết: “Chính trong điều này mà Chúa Cha được tôn vinh.” Chúng ta thường có thói quen nghĩ rằng Thiên Chúa cần được tôn vinh qua các công trình phi thường và các kỳ công; không phải thế, cách duy nhất tỏ lộ vinh quang của Thiên Chúa, mặc khải tình thương của Người, đó là một tình thương trở nên giống như tình thương của Người, “là anh em sinh nhiều hoa trái và trở thành những môn đệ của Thầy.” Cách duy nhất để tôn vinh Thiên Chúa là biểu lộ trong cuộc đời chúng ta sự tha thứ, lòng thương xót, và sự chia sẻ một cách nào đó giống như Người.

Đây là chọn lựa cơ bản xuyên suốt *Kế Hoạch Đời Sống Tông Đồ* và chương 1 của nó. Nó là một

thực tại huyền nhiệm, nhưng có thật và cao cả. Từ đây nảy sinh “đặc sứng Salêdiêng”. Bằng việc kêu gọi người CTV trở thành môn đệ của Don Bosco, chính Chúa Thánh Thần làm cho họ trở nên sinh động trong công việc tông đồ để nó mang lại hoa trái—sự hiệp thông trong Hiệp Hội và với các thành viên khác của Gia Đình Salêdiêng và Tỉnh Thần Salêdiêng. Một cách khái quát và toàn diện, chương 1 định nghĩa căn tính độc đáo và định tính của người CTV và của Hiệp Hội. Nó vạch ra những đường nét lớn mô tả người CTV là ai, họ làm gì, họ làm thế nào, họ có vị trí và vai trò nào trong Gia Đình Salêdiêng và trong Hội Thánh. Do đó chương này bao quát những điểm nền tảng quan trọng—đặt nền móng cho toà nhà được gọi là Hiệp Hội Cộng Tác Viên Salêdiêng.

ĐIỀU 1. Người được Thiên Chúa sai đến

Để góp phần vào việc cứu rỗi giới trẻ, “thành phần mong manh và quý báu nhất của xã hội loài người,”¹ Chúa Thánh Thần, qua sự can thiệp từ mẫu của Đức Maria, đã cho trời dậy Thánh Gioan Bosco, người đã sáng lập Tu Hội Thánh Phanxicô Salê (1859), và đã cùng với Thánh Maria Domenica Mazzarello, sáng lập Tu Hội Con Đức Mẹ Phù Hộ các Giáo Hữu (1972). Ngài đã tăng cường năng lượng tông đồ của đặc sủng Salêdiêng bằng việc chính thức thiết lập “Hội Đạo Đức Cộng Tác Viên Salêdiêng,” nhánh thứ ba của Gia Đình Salêdiêng (1876), được kết hợp vào Tu Hội Thánh Phanxicô Salê (cũng gọi là Tu Hội Salêdiêng Don Bosco hay Tu Hội Salêdiêng).

Chúa Thánh Thần đã hình thành nơi Thánh Gioan Bosco quả tim của một người Cha và Thầy, một quả tim có khả năng hoàn toàn hiến dâng, và đã gợi hứng cho ngài một phương pháp giáo dục thấm nhuần đức ái của Người Mục Tử Nhân Hậu.

1 Giovanni Battista Lemoyne, SDB. *The Biographical Memoirs of St. John Bosco*. Diego Borgatello, SDB, ed. Vol. II (New Rochelle: Salesiana Publishers, 1966), 35. Ibid. Vol. VII, 171.

DIỄN GIẢI

Các chủ đề chính

1. Don Bosco: Người của Thiên Chúa, Đấng Sáng Lập, được Chúa Thánh Thần hướng dẫn.
2. Thực tại đặc sủng của Hội Cộng Tác Viên Salêdiêng trong Hội Thánh.

Các ý tưởng nòng cốt

A. Tên gọi “Đấng Sáng Lập” đã được Hội Thánh ban cho Don Bosco khi chỉ về ba Nhóm thuộc Gia Đình tông đồ do ngài sáng lập. Trong các văn kiện của Giáo Hội, danh hiệu “Đấng sáng lập một tu hội” có những ý nghĩa khác nhau. Trước Công Đồng Vaticanô II, danh hiệu này có hai nghĩa chính:

- *nghĩa lịch sử-pháp lý (hay giáo luật)*: một người đã thai nghén ý tưởng về một Phong Trào Tu Trì hay Tông Đồ, đã định rõ các mục tiêu của nó, và vạch ra các qui tắc cho đời sống và việc quản trị nó (ít là những qui tắc cơ bản), người ấy được tuyên bố là Đấng Sáng Lập theo *nghĩa lịch sử-pháp lý*.
- *nghĩa lịch sử-thần học*: một người đã cảm thấy mình được Thiên Chúa kêu gọi để tạo lập một Tu Hội, và đã xác định các mục tiêu, lối sống và tinh thần, người ấy được nhìn nhận là một Đấng Sáng Lập theo *nghĩa lịch sử-thần học*.

Trong các văn kiện của Vaticanô II, cũng xuất

hiện một nghĩa thứ ba:

- *nghĩa thần học-đặc sủng*: một Đấng Sáng Lập theo nghĩa này là một người được Thiên Chúa kêu gọi, không chỉ tạo lập một tu hội mới, mà còn tạo sự sống cho nó và đích thân sống sự trải nghiệm về Thánh Thần, nét đặc trưng của tu hội.

Don Bosco là Đấng Sáng Lập Gia Đình Salêdiêng theo tất cả các nghĩa trên - lịch sử, pháp lý, thần học, và đặc sủng:

- *theo nghĩa lịch sử-pháp lý*: ngài khơi nguồn cho ba hội tông đồ bằng cách vạch ra mục đích và các qui luật của mỗi hội;
- *theo nghĩa thần học*: ngài cảm thấy mình được “Thiên Chúa kêu gọi” trao hiến đời mình cho một Gia Đình thiêng liêng; và
- *theo nghĩa đặc sủng*: ngài trao hiến đời mình và đích thân sống trải nghiệm Tin Mừng của Gia Đình tông đồ mà ngài đã tạo dựng.

B. Để nhìn nhận Don Bosco là một công cụ trong tay Chúa, Giáo Hội đã dựa vào các tiêu chí sự khôn ngoan của mình: tính xác thực của các nhân đức và hành động của ngài. Phần ngài, trong khi phát triển kinh nghiệm của mình, ngài tin chắc mình đang được Chúa Quan Phòng hướng dẫn. Khi là một linh mục trẻ ở Torinô năm 1841, Don Bosco được

Chúa Thánh Thần ban cho một sự nhạy cảm đặc biệt để nhận ra, qua các kinh nghiệm khác nhau, những khó khăn mà giới trẻ đang gặp phải khi rời bỏ nếp sống nông thôn của chúng để tuồn về thành phố này giữa những biến động xã hội, chính trị và tôn giáo. Vì thế ngài được kêu gọi hiến dâng đời mình để giúp chúng trở thành những người công dân lương thiện và những Kitô hữu tốt, và để đạt mục đích này, ngài đã tạo ra một chuỗi những công cuộc đáp ứng các nhu cầu vật chất và tinh thần của chúng.

C. Chúa Thánh Thần dẫn dắt Don Bosco để ngài dần dần khám phá ra rằng sứ mạng giới trẻ của ngài “phải lan rộng trong không gian và thời gian vì lợi ích của các dân tộc khác nhau và của vô số các thế hệ.” Nhưng để làm điều này, ngài cần “những người có khả năng hợp tác với Don Bosco và các tổ chức thích hợp để bảo đảm tính liên tục trong sự trung thành năng động.” Từ năm 1844, ngài đã qui tụ quanh mình các linh mục và giáo dân, nam cũng như nữ, để tạo thành một kiểu “Tu Hội Thánh Phanxicô Salê”: Đây là những cộng tác viên đầu tiên của ngài. Về sau, dưới sự thúc đẩy của Chúa Thánh Thần, Don Bosco hiểu rằng sứ mạng quan trọng và phức tạp của ngài sẽ có tính ổn định lâu dài hơn nếu ngài có thể tin tưởng vào những người hoàn toàn hiến mình cho sứ mạng này. Cùng một Thánh Thần đã khơi dậy ơn gọi thánh hiến tông đồ

trong lòng những môn đệ đầu tiên của thánh nhân. Thế nên, bắt đầu vào năm 1859, năm khai sinh Tu Hội Salêdiêng, kiểu cách sơ khởi của “Tu Hội Thánh Phanxicô Salê” đã không biến mất, cũng không bị tiêu tó, nhưng như lời Đấng Sáng Lập, “đã được chia thành hai phạm trù, hay đúng hơn là hai gia đình.” Những người tự nguyện và cảm thấy mình có ơn gọi này đã tụ tập lại với nhau trong đời sống chung, sống tại ngôi nhà (Nguyễn Xá Thánh Phanxicô Salê tại Valdoccô) mà từ trước đến giờ luôn luôn được nhìn nhận là Nhà Mẹ và trung tâm của “Hội Đạo Đức” mà Đức Thánh Cha khuyến ngài gọi là “Tu Hội Thánh Phanxicô Salê” và tên gọi này vẫn được duy trì cho đến nay. Những người khác, hay “ngoại trú”, vẫn sống ngoài đời, trong các gia đình của họ, đồng thời tiếp tục cổ vũ hoạt động của các nguyện xá, họ vẫn giữ tên gọi “Hiệp Hội” hay “Hội Đoàn Thánh Phanxicô Salê” và “Cổ Động Viên” hay “Cộng Tác Viên.”

Các Cộng Tác Viên này được gọi là những “thành viên ngoại trú”, đã được dự kiến trước trong các bản thảo khác nhau của *Hiến Luật* từ 1860 đến 1874, là năm họ đã phải hi sinh (Chương VII Quyển X của *Biographical Memoirs of St. John Bosco* được dành hoàn toàn để nói về việc *Hiến Luật* của Tu Hội Salêdiêng được phê chuẩn và nhiều khó khăn Don Bosco đã gặp khi phải làm việc này.) Năm 1872, ngài sáng lập Tu Hội Con Đức Mẹ Phù Hộ các Giáo Hữu mà ngài muốn kết hợp hay liên

kết chặt chẽ với Tu Hội Salêdiêng để chăm lo việc giáo dục các thanh thiếu nữ. Do đó Don Bosco đã không từ bỏ niềm xác tín vững chắc của ngài rằng các Kitô hữu phải tập hợp lực lượng tối đa để chăm lo cho lợi ích các linh hồn, trên hết là cho giới trẻ nghèo. Từ 1874 đến 1876, ngài đã viết nhiều bản thảo của bộ *Qui Luật* để rồi cuối cùng kế hoạch của ngài được làm sáng tỏ và ngài đã tìm ra một diện mạo pháp lý khác: Tu Hội Salêdiêng phải là men sống cho một phong trào bác ái rộng rãi trong đó những người nam và nữ sẽ là những thành viên tham gia vào sứ mạng và tinh thần của ngài—mỗi người tùy theo bậc sống của mình: thế là Hiệp Hội Cộng Tác Viên Salêdiêng ra đời - hội tông đồ thứ ba và mang đặc sủng của ngài.

D. Chương 1 của bộ *Qui Luật* Cộng Tác Viên do Don Bosco viết nói rằng: “Các Kitô hữu cần đoàn kết với nhau để làm việc thiện.” (“Salesian Cooperators: A Practical Way...” Đoạn 1). Nó liệt kê một số điểm tổng quát mà chắc chắn là vẫn còn thích hợp cho chúng ta hôm nay mặc dù nó đã được viết ra theo văn phong của những năm 1880, và vì thế phản ánh bầu khí văn hoá của thời ngài. Kinh nghiệm của *Hội Thánh Tông Đồ thời kỳ đầu* là bằng chứng cho thấy tầm quan trọng của việc các Kitô hữu đoàn kết với nhau để làm việc. Những lợi thế của cách làm việc chung với nhau này được vạch ra bởi thông điệp của Tin Mừng. Mặt trận thống nhất

này của những người Công Giáo là cần thiết nếu họ muốn đối diện với các lực lượng văn hoá, xã hội và chính trị khác.

E. Sự linh hứng của Thiên Chúa trong việc sáng lập Tu Hội Salêdiêng và Tu Hội Con Đức Mẹ Phù Hộ các Giáo Hữu đã được nhiều người dễ dàng chấp nhận không thắc mắc, trong khi nguồn gốc của Hội Cộng Tác Viên được cho là từ một sáng kiến thuần túy nhân loại của Don Bosco do hoàn cảnh lịch sử. Nhưng chính Don Bosco đã nói:

Không phải Don Bosco, mà là *Bàn tay Thiên Chúa* sử dụng các Cộng Tác Viên! Hãy nghe đây! Các con đã nói rằng... công cuộc của các Cộng Tác Viên được nhiều người yêu thích. Và cha nói thêm rằng nó sẽ lan rộng tới mọi quốc gia, tới toàn thể Kitô giáo... *Bàn tay Thiên Chúa* nâng đỡ nó! Các Cộng Tác Viên sẽ là những người sẽ giúp cổ vũ tinh thần Công Giáo. Điều này xem ra có vẻ là một điều không tưởng của cha, nhưng cha vẫn vững vàng trong niềm xác tín này. (*Biographical Memoirs*, Vol. XVIII, 125)

Đối với Don Bosco, là người CTV chính là một cách cụ thể để là người Công Giáo, và suy cho cùng, nó là một cách để sống Tin Mừng trong thực tại lịch sử của một người. Khoản luật này trong *Kế Hoạch Đời Sống Tông Đồ* kêu gọi chúng ta đọc lại

sự kiện phê chuẩn Hiệp Hội, như được chứa đựng trong Chỉ Dụ 1876 của Đức Giáo Hoàng Piô IX. Đây là lời tuyên bố của thẩm quyền cao nhất của Hội Thánh và là bảo đảm cho sự xác thực của sự linh hứng từ Tin Mừng đối với kế hoạch tông đồ mà các CTV thực hiện.

ĐIỀU 2. CTV Salêdiêng: Một Ôn Gọi chuyên biệt trong Hội Thánh

- §1. *Dấn thân làm một Cộng Tác Viên Salêdiêng có nghĩa là đáp lại ơn gọi tông đồ Salêdiêng, quà tặng của Thánh Thần, bằng cách sống Tin Mừng một cách chuyên biệt và tham gia vào sứ mạng của Hội Thánh. Nó là một chọn lựa tự do, và xác định sự hiện hữu của một người.*
- §2. *Những người Công Giáo thuộc bất kỳ hoàn cảnh văn hoá hay xã hội nào đều có thể đi theo con đường này. Họ cảm thấy được kêu gọi sống đức tin bằng cách dấn thân trọn vẹn trong các bổn phận của cuộc sống hằng ngày, được đánh dấu bằng hai thái độ:*
- a) biết Thiên Chúa là Cha và Tình Yêu cứu độ; gặp gỡ nơi Con Một là Đức Giêsu, Tông Đồ hoàn hảo của Cha; sống trong tình thân mật với Chúa Thánh Thần, Đấng sinh động hoá Dân Thiên Chúa trong thế giới;*
 - b) cảm thấy được gọi và sai đi cho một sứ mạng cụ thể: góp phần vào việc cứu rỗi giới trẻ, dấn thân cho sứ mạng của Don Bosco cho giới trẻ và giới bình dân.²*

2 Giovanni Bosco. "Salesian Cooperators: A Practical Way of Contributing to Public Morality and to the Good of Society." Bản dịch tiếng Anh của Arthur J. Lenti, SDB, trong *Project of Apostolic Life*, 121. Art. IV. Trang web ngày

DIỄN GIẢI

Chủ đề chính

Sự dẫn thân “Salêdiêng” như một Ôn Gọi.

Các ý tưởng nòng cốt

Bằng sự Hiện Diện, Lời và Tình Yêu của người—dù là cho một cá nhân hay một dân tộc—Thiên Chúa đã mạo hiểm dẫn mình vào những thăng trầm của cuộc sống con người. Cuộc mạo hiểm này là một Mầu Nhiệm vượt quá sự hiểu biết của chúng ta. Hội Thánh là “Thân Thể Đức Kitô” và “Hiền Thê của Chúa Thánh Thần”; đó là một thực tại phi thường không thể thấu hiểu hay sống một cách sâu xa nếu không sử dụng các phạm trù và các khả năng trực giác và phân tích mà chỉ đức tin mới có được. Vaticanô II đã chỉ ra rằng Hội Thánh là người mang một ơn gọi tối thượng và một sứ mạng thiết yếu, xác định Hội Thánh như là “Dân Thiên Chúa” theo nghĩa lịch sử hơn. Đây là một hình ảnh về Hội Thánh diễn tả sự đầy đủ của tính đồng trách nhiệm và phẩm giá bình đẳng cho mọi người, không có bất kỳ tính cá nhân chủ nghĩa ở bất kỳ bình diện nào; hình ảnh này cũng diễn tả Hội Thánh như là một “cộng đoàn” trung thành trong một thực thể duy nhất được phân biệt bởi những thừa tác vụ và đặc sủng khác nhau.

A. Khi trình bày bản tính của ơn gọi CTV, khoản luật này lấy cảm hứng từ ngôn ngữ Kinh Thánh gần gũi với kinh nghiệm nhân loại. Trên thực tế, ngoài thuật ngữ “ơn gọi”, khoản luật còn sử dụng các từ liên quan tới “sứ mạng,” “con đường,” và “quà tặng.” Xét từ quan điểm nó là một “chọn lựa” của Chúa Giêsu, ơn gọi CTV Salêdiêng được trình bày như là một trong những “con đường” có thể được đề nghị cho các Kitô hữu. Để hiểu rõ lập luận này, cần nhắc lại ý nghĩa mà Kinh Thánh gán cho các từ khoá nói trên.

Theo tư tưởng Kinh Thánh, mọi ơn gọi đều đến từ Thiên Chúa, là kết quả Ân Sủng của Đức Kitô, và là một quà tặng của Chúa Thánh Thần: Đáng kêu gọi luôn luôn là chính Thiên Chúa, hay Chúa Kitô, hay Chúa Thánh Thần. Mọi ơn gọi đều có đối tượng là một sứ mạng phải thực hiện: Thiên Chúa kêu gọi để sai đi những người Ngài đã chọn, và những ai Ngài đã gọi thì Ngài luôn luôn lặp lại cùng một mệnh lệnh: “Hãy đi!” Mọi ơn gọi đều bao hàm một con đường phải đi. Một người đã được gọi để thực thi một sứ mạng thì phải nhận ra và đi theo các con đường của Thiên Chúa: con đường thẳng của sự thiện, nhân đức, sự thật, công bằng, yêu thương, hoà bình, con đường dẫn tới sự sống; không phải con đường ngoằn ngoèo của sự dữ đưa người ta tới sự hư mất và sự chết. Là Kitô hữu có nghĩa là: đã được Thiên Chúa chọn; đã nhận được một ơn gọi phát sinh bởi Chúa Thánh Thần để sống

một cuộc đời trong cùng một Thánh Thần ấy; được sai đi để cộng tác vào kế hoạch cứu rỗi của Thiên Chúa; và đi trên *con đường* Đức Kitô đã đi (*sequela Christi*—theo Chúa Kitô). Ơn gọi tông đồ và nên thánh này là ơn gọi chung cho mọi người Công Giáo do phép rửa và thêm sức; ơn gọi này được hiện thực hoá thành hành động bằng cách đi theo các ơn gọi chuyên biệt khác nhau. Vaticanô II nói một cách minh nhiên về ơn gọi riêng của giáo dân, của các cặp vợ chồng Công Giáo, của các linh mục, tu sĩ, và của các giáo dân thành viên của một tu hội được Hội Thánh phê chuẩn. Người ta có thể yêu mến Thiên Chúa và đồng loại bằng những hình thức *phục vụ* hay *dấn thân* hay *thừa tác vụ* khác nhau: những công việc dành riêng cho hàng giáo sĩ; những công việc gắn liền với đời sống gia đình, xã hội và chính trị; và những việc phục vụ liên quan tới công việc rao giảng Tin Mừng và đáp ứng các nhu cầu cấp bách của thời điểm lịch sử.

Nhìn trong ánh sáng của những điểm nêu trên, rõ ràng nhiệm vụ của mọi người Công Giáo là đáp lại Tiếng Gọi của Thiên Chúa, chung cho mọi tín hữu, một cách vừa *cụ thể* vừa *cá nhân*. Có nghĩa là mọi người phải thành thật tự nói với mình rằng: “Thiên Chúa *kêu gọi* tôi mến Chúa yêu người. Ngài gọi *tôi*, với các năng khiếu tự nhiên của tôi và các năng khiếu tôi đã nhận được từ Thánh Thần. Ngài gọi tôi *ở đây* và *bây giờ*, *hôm nay*, trong các hoàn cảnh cá nhân, gia đình, xã hội và giáo hội của tôi.”

B. Có ơn gọi CTV Salêdiêng này nghĩa là gì? Trên hết, nó có nghĩa là cảm thấy được lôi cuốn bởi hình ảnh Tin Mừng của Don Bosco và nhận ra rằng nhân cách ngài, hoạt động của ngài, tinh thần thực tế và năng động của ngài, và phương pháp giáo dục của ngài, tất cả đều tương ứng với một số nét của kinh nghiệm Kitô hữu. Nó có nghĩa là cảm thấy sống thoải mái với Don Bosco và ước muốn làm việc với ngài trong Gia Đình Salêdiêng để tiếp nối sứ mạng của ngài cho giới trẻ và giới bình dân. Nó có nghĩa là tỏ ra nhạy bén và quan tâm tới các vấn đề của giới trẻ và giới bình dân, hiểu rằng các vấn đề này của họ có lẽ mang tính quyết định trong thế giới hôm nay và trong tương lai gần; và vì thế, đồng cảm với những người bé mọn và nghèo khổ, muốn giúp họ một cách cụ thể để bảo đảm sự thăng tiến con người và sự cứu rỗi Kitô giáo của họ. Tóm lại, có ơn gọi CTV Salêdiêng có nghĩa là cảm thấy ước muốn mãnh liệt công hiến phần đóng góp cá nhân của mình—dù khiêm tốn hay to tát—cho việc thể hiện kế hoạch tông đồ của Don Bosco trong khi vẫn ở bậc sống của một người giáo dân Công Giáo tham gia vào việc tông đồ, hay một Phó Tế, một Linh Mục giáo phận. Có ơn gọi CTV Salêdiêng có nghĩa là xác tín rằng Thần Khí Thiên Chúa là Tình Yêu và Tự Do. Ngài gọi mọi người Công Giáo tìm thấy chỗ đứng độc đáo của mình giữa lòng Dân Thiên Chúa và chu toàn một nhiệm vụ cụ thể trong sứ mạng của Hội Thánh.

C. Sắc lệnh về Tông Đồ Giáo Dân của Công Đồng Vaticanô II, *Apostolicam Actuositatem*, số 3, lấy lại và nhấn mạnh những điểm nêu trên:

Để thể hiện việc tông đồ này, Chúa Thánh Thần thánh hóa dân Chúa qua tác vụ và các bí tích. Ngài cũng ban cho các tín hữu những ơn đặc biệt (x. 1Cor 12,7), “phân phát những ơn đó cho mọi người tùy ý Ngài” (1Cor 12,11) để “mỗi người tùy theo ơn đã nhận mà giúp đỡ nhau” và chính họ trở nên như những người quản lý trung tín giữ mọi thứ ơn của Thiên Chúa” (1P 4,10) hầu xây dựng toàn thân trong đức ái (x. Eph 4,16). Do sự đón nhận những đoàn sủng này đều là những đoàn sủng thông thường, mỗi tín hữu có quyền lợi và bổn phận sử dụng những ơn đó trong Giáo Hội cũng như giữa trần gian để mưu ích cho mọi người và xây dựng Giáo Hội trong tự do của Chúa Thánh Thần, Đấng “muốn thổi đâu thì thổi” (Gio 3,8) và đồng thời sử dụng trong sự hiệp thông với anh em trong Chúa Kitô, nhất là với các vị chủ chăn của mình.

Khi nói rằng ơn gọi CTV Salêdiêng là “một quà tặng”, bản văn của Bản Điều Lệ không làm gì khác hơn là áp dụng giáo lý Kinh Thánh và Công Đồng này vào cho trường hợp cụ thể của người CTV Salêdiêng. Một cách chính xác hơn, ơn gọi CTV Salêdiêng là một đặc sủng của Chúa Thánh Thần, Đấng là Tình Yêu. Quà tặng này đã được ban cho mỗi cá nhân nhằm sự thăng tiến nhân bản của

con người họ, không phải để họ thống trị người khác, nhưng để họ phục vụ người khác tùy theo các khả năng và hoàn cảnh thích hợp nhất của họ. Mọi Ôn Gọi cá nhân từ Thiên Chúa được thể hiện nơi đáy thẳm ý thức của một người; nó thay đổi sự hiện hữu của họ, không chỉ trong các hoàn cảnh bên ngoài của họ nhưng trong trái tim họ. Ôn gọi Kitô hữu là một ơn gọi theo Đức Kitô trên một con đường mới bao gồm sự *hoán cải*. Mọi ơn gọi cụ thể đều xác định con người đón nhận nó bằng những cách thức khác nhau, theo nghĩa là nó cố gắng hiện những mục tiêu nhất định cho các hoạt động tông đồ của họ, cùng việc hấp thu những thái độ thiêng liêng, những cách ứng xử và hành động rõ rệt. Ôn gọi làm CTV Salêdiêng là một *chọn lựa tự do, định tính sự hiện hữu của họ*. Thực vậy, nó kêu gọi tính trách nhiệm nơi mỗi người; kêu gọi lời đáp tự do của họ; bao hàm việc họ tham dự vào kế hoạch tông đồ của Don Bosco và hấp thu tinh thần của ngài.

D. Ôn gọi CTV Salêdiêng không chỉ dành cho một số người ưu tú, hay là một món quà cho một ít người may mắn. *Những người Công Giáo thuộc bất cứ điều kiện văn hoá và xã hội nào* đều có thể đi theo con đường này. Khi tìm kiếm các CTV Salêdiêng, Don Bosco nhắm tới những *người Công Giáo tốt* của thời ngài. Các viễn tượng của ngài về Tu Hội này không chật hẹp nhưng khá mở rộng: ngài nhìn thấy trước đông đảo các thành viên trong Hiệp Hội,

mở rộng Hiệp Hội cho những người Công Giáo thuộc mọi tầng lớp xã hội và Hiệp Hội sẽ lan rộng khắp nơi. Trên thực tế, Hiệp Hội bao gồm trong thành phần của mình những người thuộc tầng lớp quý tộc, giai cấp trung lưu, hay giới bình dân từ thành thị hay vùng sâu vùng xa, những nhà chuyên môn, những giáo sư và giáo viên, những người lao động, những nông dân, thợ thủ công, những phó tế, và linh mục giáo phận. Tóm lại, ơn gọi CTV Salêdiêng phù hợp với mọi tình trạng văn hoá và xã hội, từ cao nhất tới thấp nhất. Ngày nay có rất nhiều cách thức hữu hiệu để “làm việc với Don Bosco.”

ĐIỀU 3. Hai cách sống một Ôn Gọi duy nhất

- §1. Don Bosco quan niệm Hiệp Hội CTV Salêdiêng được mở rộng cho giáo dân và giáo sĩ triều.*
- §2. Các CTV Salêdiêng giáo dân thực thi sự dần thân tông đồ của mình và sống tinh thần Salêdiêng, với những nét đặc trưng và sự nhạy cảm của giáo dân, trong các hoàn cảnh bình thường của đời sống và công việc.³*
- §3. Các giám mục, linh mục và phó tế thuộc giáo phận là CTV Salêdiêng thì sống thừa tác của họ bằng cách lấy nguồn cảm hứng từ đức ái mục tử của Don Bosco, mà đời sống linh mục của ngài là một mô hình của đời sống ưu tiên làm việc hăng say vì lợi ích giới trẻ và tại những nơi mà giới bình dân làm việc và sinh sống.*

DIỄN GIẢI

Các chủ đề chính

1. Bản chất giáo dân, riêng cho người CTV Salêdiêng.
2. Thừa tác vụ chức thánh, riêng cho các CTV là phó tế và linh mục triều.

³ Bộ Giáo Luật, điều 278.

Các ý tưởng nòng cốt

Diện mạo của Hiệp Hội phản ánh một ý hướng minh nhiên của Đấng Sáng Lập mà đoạn 1 của khoản luật này phát biểu như sau: *Don Bosco quan niệm Hiệp Hội CTV Salêdiêng được mở rộng cho giáo dân và giáo sĩ triều.* Xuyên suốt lịch sử của nó, Hiệp Hội lúc nào cũng có trong thành phần của mình cả các giáo dân Công Giáo và các linh mục giáo phận. Sĩ số CTV giáo dân luôn luôn vượt trội so với sĩ số CTV linh mục, con số này thay đổi tùy hoàn cảnh. Trên hết, vào thời các Bề Trên Cả Don Rua và Don Rinaldi, có nhiều linh mục làm việc giữa các CTV: trong tư cách Giám Đốc, Đồng Giám Đốc, và Đội Trưởng cấp giáo phận. Nhiều hoạt động trong khu vực địa phương hay giáo phận được các vị này lãnh đạo và sinh động hoá. Từ khoảng 1950 trở đi, sự hiện diện của các linh mục này trong Hiệp Hội giảm mạnh.

Trong Hiệp Hội, sự hiện hữu và hành động Kitô giáo và giáo hội của hai nhóm (giáo dân và giáo sĩ) mang những nét đặc trưng chuyên biệt một cách nổi bật, và ghi khắc trên họ những hướng dẫn chuyên biệt cho sự tham gia của họ vào kế hoạch tông đồ của Don Bosco. Là giáo dân hay giáo sĩ là *hai cách sống* cùng một ơn gọi Salêdiêng duy nhất và chung cho mọi CTV Salêdiêng.

Trong Hội Thánh, mọi người, cả giáo sĩ và giáo dân, đều là những người cộng tác với Thiên

Chúa và với nhau. Được xây dựng trên nền tảng các Tông Đồ và cùng với Đức Maria, hình ảnh và mẫu tiên trưng của Hội Thánh, toàn thể Hội Thánh là Cộng Tác Viên vĩ đại của Thiên Chúa và của Đức Kitô trong công cuộc kiên trì xây dựng Nước Thiên Chúa. Không có sự cộng tác đích thực và hoàn hảo với Thiên Chúa ở ngoài Hội Thánh: Don Bosco cũng xác tín như thế. Trong Hội Thánh, mọi thành viên của Hội Thánh, không trừ một ai, đều được kêu gọi cộng tác tích cực vào nhiệm vụ cứu rỗi của Thiên Chúa. Do đó, ngày nay Đức Kitô nhân danh Chúa Cha, Đức Mẹ và Hội Thánh nhân danh Đức Kitô, kêu gọi mỗi người đã được rửa tội và có ý thức về đức tin đến với các Ngài và sai họ đến với những người khác. Với những Kitô hữu biếng nhác, dửng dưng, ngủ mê, Chủ Vườn Nho nói: “Hãy tỉnh dậy đi! Tại sao các ngươi ở đây suốt ngày mà không làm gì cả?” Câu trả lời ẩn tượng của họ, vẫn còn thích hợp hôm nay: “Vì không ai mướn chúng tôi!” “Vậy, cả các ngươi nữa, *hãy đi làm vườn nho của Ta!*” (Mt 9:37). Công đồng đã xác nhận lại điều này rất rõ ràng, và sử dụng rất ẩn tượng thuật ngữ “cộng tác.” Không được có những kẻ ăn bám trong Hội Thánh: mọi cá nhân đã chịu phép rửa đều được gọi đích thân cộng tác, như một người con ngoan, vào công trình của Thiên Chúa Cha, và chính vì lý do này, mọi người, dù là giáo dân hay giáo sĩ, nhận được từ Thiên Chúa những *khả năng khác nhau*, những quà tặng (“*carisma*”, 1 Cr 7:7 và 12:7) khác nhau, và khả năng cống hiến phần đóng góp của

mình, dù là bé nhỏ nhưng không thể thiếu.

khảo luật này nhấn mạnh ba hướng dẫn liên quan đến sự tham dự chuyên biệt của người CTV Salêdiêng vào kế hoạch tông đồ của Thiên Chúa: 1) Họ làm sống dậy ngày hôm nay sự cam kết tông đồ của họ và sống tinh thần Salêdiêng trong các hoàn cảnh sống và làm việc hằng ngày. Đây là những hoàn cảnh thần học và xã hội học của đời sống trần thế trong đó họ thi hành sứ mạng của Hội Thánh theo tinh thần Don Bosco. 2) Người CTV Salêdiêng chu toàn tất cả điều này với sự nhạy cảm đặc trưng của họ; nghĩa là, như một Kitô hữu được gọi thi hành một hoạt động tông đồ cho giới trẻ và giới bình dân qua sự trung thành với các việc thực hành đức tin, qua việc làm ngôn sứ, và qua việc làm chứng và sinh động hoá Kitô giáo trong trật tự trần thế. 3) Là giáo dân, họ quảng bá những giá trị này trong môi trường sống của họ; nghĩa là, các giá trị cụ thể của kế hoạch Tin Mừng của Don Bosco được thực thi với những nét đặc trưng giáo dân trong gia đình, đời sống hôn nhân, trong các lãnh vực đời sống và lao động, và trong thực tại xã hội của một người. Mọi giáo dân, trên danh nghĩa đầy đủ của mình, đều đồng trách nhiệm trong công trình của Thiên Chúa. Hiến Chế *Lumen Gentium* nói: “Nhờ lãnh nhận phép Thánh Tẩy và Thêm Sức, mỗi tín hữu đều được Chúa cắt cử làm tông đồ. ... Như thế, vì những ân huệ đã lãnh nhận, mọi giáo dân vừa là chứng nhân vừa là dụng cụ sống động cho chính

sứ mệnh của Hội Thánh.” (số 33b). Và Sắc Lệnh *Apostolicam Actuositatem* nói:

Ơn gọi làm Kitô hữu tự bản chất cũng là ơn gọi làm tông đồ. ... Giáo dân có bổn phận và quyền làm tông đồ do chính việc kết hợp với Chúa Kitô là Đầu. Lại nữa, nhờ giới răn tình yêu, giới răn cao cả nhất của Chúa, mọi tín hữu được thúc đẩy để tìm vinh danh Thiên Chúa bằng cách làm cho nước Ngài trị đến. (các số 2a và 3b)

Và các văn kiện Công Đồng xác định rõ: “Tất cả phải cộng tác vào việc mở mang và phát triển Nước Chúa Kitô trên trần gian.” (*LG*, số 35d) “Họ là những người cộng sự cùng làm việc cho chân lý... Họ cộng tác vào việc trình bày Lời Chúa đặc biệt qua việc dạy giáo lý.” (*AA*, các số 6a và 10). Và, với những lời tuyệt vời: “Người giáo dân cũng phải ý thức rằng họ trở nên những người cộng tác với Thiên Chúa là Đấng tạo dựng, cứu chuộc và thánh hóa” (*AA*, số 16a) “cộng tác viên của Chúa, cộng tác vào cùng một công cuộc tông đồ của Giáo Hội bằng nhiều hình thức và phương tiện khác nhau.” Rõ ràng, họ cũng làm việc với các giám mục, các linh mục triều và dòng, giữa họ với nhau, trong giáo xứ, trong giáo phận, và ở những nơi khác. (xem *LG*, số 27c). Các *thầy giảng* tại các xứ truyền giáo được gọi là những “cộng tác viên đáng tin cậy của hàng linh mục.” (*Ad Gentes*, số 17b) Các *vợ chồng và cha mẹ Kitô hữu* nhận được các danh hiệu là “Cộng tác viên của tình yêu Thiên Chúa” (*GS*, số 50b), “Các cộng tác viên trong ân

sủng và các chứng nhân đức tin cho nhau, cho con cái họ” (AA, số 11b), “các chứng nhân và cộng tác viên trong sự sinh sản của Mẹ Hội Thánh.” (LG, số 41e)

Khi phác hoạ diện mạo người Salêdiêng là một phó tế hay linh mục, một thành viên của hàng giáo sĩ, điều luật này nhấn mạnh ba hướng dẫn cơ bản trực tiếp chỉ về cách thức cụ thể để họ tham dự vào việc thể hiện kế hoạch tông đồ của Don Bosco, trong hoàn cảnh độc đáo của họ trong thế giới. Việc họ sống thừa tác riêng của họ với sự gợi hứng của Don Bosco, một mẫu mực đời sống linh mục tuyệt vời, là phong cách đặc trưng Salêdiêng để họ thực hiện thừa tác vụ linh mục hay phó tế của họ. Họ dành ưu tiên cho giới trẻ và giới bình dân trong các chọn lựa mục vụ của họ. Đây là cái đánh dấu lãnh vực hoạt động thừa tác của họ, giữ nó hoà hợp với sứ mạng Salêdiêng cho giới trẻ và giới bình dân. Bằng cách này, họ làm giàu cho Hội Thánh mà họ làm việc trong đó, vì kế hoạch tông đồ của Don Bosco là một cách diễn tả cụ thể sứ mạng của Hội Thánh.

Các Thừa Tác Viên Có Chức Thánh—giám mục, linh mục và phó tế—rõ ràng là những người tuyệt vời để làm những “Cộng tác viên của Thiên Chúa”. Công Đồng áp dụng danh hiệu này một cách minh nhiên cho các nhà truyền giáo bởi vì họ cộng tác vào “mâu nhiệm cứu rỗi.” (AG, số 15b và 25b).

Các linh mục, đặc biệt các cha xứ, thường được định nghĩa là những “Cộng tác viên khôn ngoan của hàng giám mục.” (*LG*, các số 28b và 41c).

Tất cả những điều trên biểu lộ sự cao cả mầu nhiệm, giá trị giáo hội, và phẩm chất giáo lý và thiêng liêng của danh xưng “Cộng Tác Viên.” Là người CTV Salêdiêng có nghĩa là gì? Đối với người Kitô hữu, đó là một cách biểu lộ và sống sự hợp tác của một người với kế hoạch của Thiên Chúa, là một thành phần sâu xa của chính ơn gọi Kitô hữu.

ĐIỀU 4. Hiệp Hội CTV trong Hội Thánh

- §1. *Hiệp Hội CTV Salêdiêng được Toà Thánh phê chuẩn⁴ như là một Hiệp Hội công của tín hữu và chia sẻ gia sản thiêng liêng của Tu Hội Thánh Phanxicô Salê. Các thành viên tích cực cộng tác trong sứ mạng, nhân danh Hội Thánh, dưới thẩm quyền của Bề Trên Cả, người kế vị Don Bosco, trong tinh thần trung thành với các Chủ Chấn của Hội Thánh và hợp tác với các lực lượng khác của Hội Thánh.*
- §2. *Người CTV Salêdiêng biểu lộ một lòng yêu mến con thảo với Đức Thánh Cha.*
- §3. *Hiệp Hội CTV Salêdiêng được nhìn nhận là một pháp nhân công theo giáo luật.⁵ Hiệp Hội có trụ sở đặt tại Rôma.*

4 Piô IX. “Cum Sicuti.” *Memorie Biografiche del Beato Giovanni Bosco*. Eugenio Ceria, SDB. Vol. XI. (Torino: Pia Società Salesiana, 1930), 546-547. Sách in. (Chỉ có trong phiên bản tiếng Ý).

Gioan Phaolô II, RVA (5/9/1986), Prot. N. T9-1/1986 - Benedict XVI, PVA *ad experimentum* (3/15/2007), Prot. N. T9-1/2006 - Francis, Definitive PVA (4/29/2013).

5 Bộ Giáo Luật, điều 313.

DIỄN GIẢI

Chủ đề chính

Hiệp Hội là một thực thể pháp lý.

Các ý tưởng nòng cốt

A. Hiệp Hội là một thực thể pháp lý (pháp nhân)

Ngay từ thời khởi đầu công cuộc Nguyễn Xá, Don Bosco đã tìm cách thay đổi tư cách hiện hữu của các cộng tác viên—tư cách của một hiệp hội tư—và đem đến cho sự cộng tác của họ một tính chất công khai dưới dạng một hiệp hội được phê chuẩn trước hết bởi Tổng Giám Mục Torinô và sau đó bởi Đức Thánh Cha. Để đạt mục đích này, trước hết ngài đã phác thảo một số hướng dẫn hay qui tắc thực hành, sau đó là một số điều luật được ngài đưa vào các bản thảo khác nhau của bộ *Hiến Luật* Tu Hội Salêdiêng. Sau cùng, trong bộ *Qui Luật* năm 1876, Hiệp Hội được coi là tương đương với một “Dòng Ba” nhưng với một điểm khác biệt: nó có các mục đích tông đồ chứ không chỉ là các mục đích đạo đức. Trung thành với ý hướng của Đấng Sáng Lập, và tuân theo *Bộ Giáo Luật* mới, điều luật này bây giờ trình bày các CTV Salêdiêng như là một “Hiệp Hội công của tín hữu” tham dự vào gia sản thiêng liêng của Tu Hội Thánh Phanxicô Salê.

Một Hiệp Hội công của tín hữu: Theo *Bộ Giáo Luật*, “Những hiệp hội nào gồm các thành

viên sống giữa đời nhưng thông dự vào tinh thần của một hội dòng, sống đời tông đồ và tiến đến sự trọn lành Kitô giáo dưới sự điều hành tối cao của hội dòng đó, thì được gọi là Dòng Ba hay một danh xưng thích hợp khác.” Đây là chỗ thích hợp để nhắc lại sự phân biệt truyền thống giữa “Dòng Nhất,” “Dòng Nhì,” và “Dòng Ba,” là những cách gọi để chỉ tuần tự về: một Tu Hội nam (vd., các tu sĩ dòng Phanxicô—“Dòng Nhất”); một Tu Hội nữ (vd., các nữ tu Đaminh—“Dòng Nhì”); và Hiệp Hội các tín hữu liên kết với một dòng nam và dưới sự lãnh đạo của dòng này— (“Dòng Ba”). Trong trường hợp các CTV Salêdiêng, Hiệp Hội này tương đương với một Dòng Ba với tên gọi chính thức là “Hiệp Hội Cộng Tác Viên Salêdiêng” vì nó đáp ứng các tiêu chí trên đây. Thực vậy, nó là một Hiệp Hội “*sống đời tông đồ*”: cách nói này đã là nguồn gợi hứng cho tựa đề *Kế Hoạch Đời Sống Tông Đồ* của sách này. Hiệp hội được *liên kết với một hội dòng*—Tu Hội Thánh Phanxicô Salê: đây là lý do tại sao bản *Kế Hoạch Đời Sống Tông Đồ* được phê chuẩn bởi Bộ Tu Sĩ chứ không phải bởi Hội Đồng Giáo Hoàng về Giáo Dân. Vì lý do này, nó “*thông dự vào tinh thần*” của Tu Hội này. Tất cả các giá trị Salêdiêng riêng cho kế hoạch tông đồ của Don Bosco và chung với các nhóm ơn gọi của Gia Đình Salêdiêng tạo thành gia sản tinh thần này; nó được đặt “dưới sự điều hành tối cao” của Tu Hội Thánh Phanxicô Salê theo nghĩa được xác định bởi *Kế Hoạch Đời Sống Tông Đồ*. Tư cách pháp lý của

Hiệp Hội bao hàm một hệ lụy chung: bộ luật của giáo hội chi phối các “Hiệp Hội của tín hữu” và cách riêng các “Hiệp Hội công” cũng có giá trị cho Hiệp Hội này. Các luật của giáo hội về những vấn đề liên quan trực tiếp đến các CTV Salêdiêng gồm: sự hiện hữu và các mục đích của các Hiệp Hội tín hữu (Giáo Luật, điều 298); quyền lợi của một Hiệp Hội tín hữu (GL 299); thẩm quyền của Giáo Hội trong việc thiết lập các Hiệp Hội (GL 300 và 301); các Điều Lệ của các Hiệp Hội và các vấn đề được xác định trong Điều Lệ (GL 304); sự giám sát của thẩm quyền giáo hội trên các Hiệp Hội (GL 305); điều kiện để hưởng các quyền lợi và đặc quyền của Hiệp Hội (GL 306; việc tiếp nhận thành viên vào Hiệp Hội (GL 307) và việc thải hồi họ (GL 308); các thẩm quyền của các Hiệp Hội (GL 309); và các nghĩa vụ của các Dòng Tu mà một Hiệp Hội được liên kết vào (GL 311).

Phần giáo luật liên quan đến các Hiệp Hội công nói đến các qui định khác liên quan đến Hiệp Hội CTV Salêdiêng: các giới chức có thẩm quyền thiết lập Hiệp Hội công (GL 312); tư cách pháp nhân của các Hiệp Hội ấy (GL 313); việc phê chuẩn các Điều Lệ (GL 314); các thẩm quyền cao hơn của giáo hội (GL 315); điều kiện có hiệu lực để tiếp nhận và thải hồi một ứng sinh (GL 316); việc quản trị tài sản của Hiệp Hội (GL 319); và việc giải thể Hiệp Hội (GL 320). Trong cuộc duyệt lại *Kế Hoạch Đời Sống Tông Đồ*, đã có sự lưu ý tới các qui định

giáo luật nói trên cùng với các qui tắc liên quan đến nó, để nó có thể được Toà Thánh phê chuẩn. Các cắt nghĩa về từng điều luật nói trên nhấn mạnh các khía cạnh pháp lý của điều luật và sẽ được xem xét từng điều một.

B. Khi thi hành sứ mạng Salêdiêng, các CTV không chỉ hoạt động như là những thành viên của Giáo Hội, như bất kỳ tín hữu nào, nhưng còn hoạt động nhân danh Giáo Hội và đặc biệt nhân danh các linh mục là những người hướng dẫn và sinh động hoá Giáo Hội, vì các CTV là thành viên của một Hiệp Hội công trong Giáo Hội. Có nghĩa là: việc tông đồ Salêdiêng của họ được chính thức nhìn nhận bởi thẩm quyền của Giáo Hội và được thẩm quyền này cho phép; họ chia sẻ sứ mạng của toàn thể cộng đồng Kitô giáo; họ biểu lộ việc sống sứ mạng ấy một cách công khai; liên kết với Tu Hội Thánh Phanxicô Salê, họ hoạt động trong khuôn khổ các mối liên kết cụ thể với Tu Hội và với Bề Trên Cả; và họ làm việc không phải như một ‘nhóm khép kín’ nhưng với một tinh thần hợp tác, *trung thành với các Mục Tử của họ, và hợp tác với các lực lượng khác của giáo hội*. Bộ Giáo Luật nhấn mạnh điểm này:

Các thành viên của các tu hội thánh hiến lãnh đạo hoặc trợ giúp những hiệp hội liên kết với tu hội mình theo một hình thức nào đó, phải liệu sao cho những hiệp hội đó giúp các việc tông đồ hiện có

trong giáo phận, nhất là hợp tác với các hiệp hội có mục đích làm việc tông đồ trong giáo phận, dưới sự hướng dẫn của Đấng Bản Quyền địa phương. (GL 311)

Qui tắc này được hướng dẫn bởi luật hiệp thông cần thiết để sinh động hoá mọi thành viên của cộng đồng Kitô, ở cấp giáo xứ cũng như giáo phận. Sự hiệp thông này trở thành hiện thực nhờ sự hợp tác hỗ tương giữa những cá nhân và những nhóm. Tại nhiều giáo xứ và giáo phận hôm nay, có một sự áp dụng cụ thể cái được gọi là một “mục vụ hữu cơ” từng được thúc đẩy bởi Vaticanô II—nhờ phương tiện này các lực lượng tông đồ khác nhau hiện có ở cấp giáo xứ và giáo phận hợp tác với nhau trong việc soạn thảo và thực hiện một kế hoạch mục vụ trong sự hiệp thông với các linh mục quản xứ và dưới sự lãnh đạo của giám mục giáo phận.

C. Một hệ lụy cơ bản thứ tư liên quan tới sự kiện *Hiệp Hội CTV Salêdiêng được hưởng tư cách một pháp nhân công của giáo hội* theo các qui định của GL 313 và trong lãnh vực được xác định bởi *Kế Hoạch Đời Sống Tông Đồ*. Tư cách pháp nhân này được ban cho Hiệp Hội qua sắc lệnh thiết lập và sau đó với sự phê chuẩn các Điều Lệ. Bộ Giáo Luật cắt nghĩa tư cách này bao gồm những gì: dưới đây là một ít trích đoạn về những gì trực tiếp liên quan đến Hiệp Hội CTV, đặc biệt trong lãnh vực tổ chức

của Hiệp Hội; các Hội Đồng các cấp của Hiệp Hội; việc quản trị tài sản; và các quyền lợi và nghĩa vụ của Hiệp Hội trong Giáo Hội.

GL 114 §1. Các tập hợp nhân sự hay sự vật nhằm một mục tiêu hợp với sứ mạng Giáo Hội và vượt quá mục tiêu của các cá nhân, có thể được thiết lập thành pháp nhân, hoặc do chính qui định của pháp luật hay do sự cấp phát của nhà chức trách có thẩm quyền bằng một nghị định.

§2. Các mục tiêu nói trong §1 được hiểu là những gì liên can đến công việc phụng tự, tông đồ hay bác ái, về tinh thần hay trần thế.

Do đó, Hiệp Hội CTV Salêdiêng được hiểu như là một tập hợp nhân sự hay tập hợp sự vật thuộc về chính Hiệp Hội.

GL 115 §1. Các pháp nhân trong Giáo Hội là những tập hợp nhân sự hoặc là những tập hợp sự vật.

§2. Một tập hợp nhân sự có thể được thiết lập khi có ít nhất là ba người ; tập hợp đó có tính cách hiệp đoàn, nếu các thành viên ấn định hoạt động của tập hợp bằng cách đồng tham gia vào việc quyết định chung, dù đồng quyền hành hay không, chiếu theo quy tắc của luật và của các quy chế; nếu không, thì tập hợp đó không có tính cách tập đoàn.

§3. Tập hợp sự vật hay quỹ tự trị, gồm những tài sản hay sự vật hoặc tinh thần hoặc vật chất, chiếu theo quy tắc của luật và của các quy chế, được một hoặc nhiều thể nhân hoặc một tập đoàn quản trị.

Các Ban Cố Vấn Hiệp Hội CTV Salêdiêng ở các cấp khác nhau tạo thành một tập hợp nhân sự với tính chất tập đoàn.

GL 116 §1 Các pháp nhân công là những tập hợp nhân sự hay sự vật được thiết lập do nhà chức trách của Giáo Hội có thẩm quyền, ngõ hầu trong khuôn khổ ấn định, họ nhân danh Giáo Hội để chu toàn nhiệm vụ riêng đã được ủy thác nhằm tới công ích, chiếu theo các quy tắc luật định. Các pháp nhân khác đều là tư.

§2 Các pháp nhân công thủ đắc tư cách ấy hoặc do chính luật, hoặc do một nghị định đặc biệt minh thị ban cấp tư cách ấy bởi nhà chức trách có thẩm quyền. Các pháp nhân tư chỉ thủ đắc tư cách ấy do một nghị định đặc biệt minh thị ban cấp bởi nhà chức trách có thẩm quyền.

“Những người đại diện pháp nhân công và hành động nhân danh pháp nhân ấy, là những người được luật phổ quát hay luật địa phương hoặc quy chế riêng công nhận họ có thẩm quyền này; những người đại diện pháp nhân tư là những người được

quy chế trao cho thẩm quyền này.” (GL 118) “Pháp nhân tự bản chất là *vĩnh viễn*; tuy nhiên, pháp nhân cũng chấm dứt, nếu bị nhà chức trách có thẩm quyền chính thức bãi bỏ, hoặc đã ngưng hoạt động từ một trăm năm.” (GL 120). Là một pháp nhân, Hiệp Hội CTV Salêdiêng dựa theo những cách thức được dự liệu bởi *Kế Hoạch Đời Sống Tông Đồ*, có thể làm một hành vi chính thức được giáo hội nhìn nhận liên quan đến hoạt động tông đồ của Hiệp Hội; thành lập và giải tán các thành viên; và tổ chức Hiệp Hội ở các cấp. Tại những quốc gia có những hiệp định chi phối quan hệ giữa Giáo Hội và Nhà Nước, Hiệp Hội có thể vận dụng các mối quan hệ này với chính quyền dân sự. Sau cùng, là một Hiệp Hội công, nó có trụ sở đặt tại Roma, bên cạnh Nhà Tổng Quyền của Tu Hội Salêdiêng. Tư cách pháp nhân này của Hiệp Hội mang theo một số hệ quả thiêng liêng: sự ý thức thật sự mình là thành viên của một nhóm riêng biệt có tổ chức được gắn kết vào cơ thể sống động của giáo hội—Mầu Nhiệm hiệp thông—và sự tham dự một cách hiệu quả và hiển nhiên hơn vào sứ mạng của Giáo Hội bằng cách thực hiện kế hoạch tông đồ của Don Bosco.

ĐIỀU 5. Hiệp Hội CTV trong Gia Đình Salêdiêng

Hiệp Hội CTV Salêdiêng là một Nhóm thuộc Gia Đình Salêdiêng. Cùng với Tu Hội Thánh Phanxicô Salê, Tu Hội Con Đức Mẹ Phù Hộ, và các Nhóm khác được nhìn nhận chính thức,⁶ Hiệp Hội mang Ôn Gọi Salêdiêng chung và chia sẻ trách nhiệm về sức sống của kế hoạch Don Bosco trong Hội Thánh và trong thế giới.

Hiệp Hội mang đến cho Gia Đình Salêdiêng những giá trị chuyên biệt của bậc sống giữa đời, tôn trọng căn tính và tính tự trị riêng của mỗi nhóm. Hiệp Hội sống mối quan hệ hiệp thông cụ thể với Tu Hội Thánh Phanxicô Salê mà theo ý muốn Đáng Sáng Lập, Tu Hội này có một vai trò đặc biệt trong Gia Đình.

DIỄN GIẢI

Các chủ đề chính

1. Tư cách thuộc về Hiệp Hội và Gia Đình Salêdiêng.

6 Superior Council of the Salesian Society of St. John Bosco. "Guidelines Adopted by the Superior Council for Acceptance into the Salesian Family." Transl. *Acts of the General Council*, 304.2(1982): 61-65. Print.

2. Diện mạo, các trách nhiệm và các giá trị liên quan đến Kế hoạch của Don Bosco.
3. Mọi dây hiệp thông với Tu Hội Thánh Phanxicô Salê.

Các ý tưởng nòng cốt

A. Don Bosco đã sáng lập một Gia đình thiêng liêng gồm các Nhóm khác nhau và bổ túc cho nhau, mặc dù lúc sinh thời, ngài đã không thành công trong việc thể hiện sự hiệp nhất này bằng một hình thức giáo luật phù hợp. Sự hiệp nhất nguyên thủy này của Gia Đình bắt nguồn từ sự hiệp thông tinh thần và sứ mạng hướng tới việc phục vụ giới trẻ và giới bình dân. Dựa vào sự soi dẫn của các giáo huấn của Công Đồng Vaticanô II, Gia Đình do Don Bosco sáng lập đã được nhìn nhận là một thực tại đặc sủng, nghĩa là như một quà tặng của Chúa Thánh Thần trong Hội Thánh cho sự phát triển và mở rộng giữa dân Thiên Chúa qua các thời đại—vượt qua những hoàn cảnh đổi thay của không gian và thời gian và theo một hướng đi nhất định và vững bền.

Ba nhu cầu cấp bách đòi hỏi sự hiệp thông các lực lượng Salêdiêng: bối cảnh xã hội chịu ảnh hưởng đặc biệt bởi tiến trình tục hoá khiến chúng ta được thúc đẩy tránh mọi hình thức tự cô lập và tự mãn; bối cảnh giáo hội trong cuộc tái khám phá Dân Thiên Chúa như là những tác nhân chính trong

lịch sử cứu độ; và khối lượng bao la và phức tạp của các vấn đề mà giới trẻ phải đối diện thúc bách chúng ta kết hợp các lực lượng vào lãnh vực này và kêu gọi sự hợp tác giữa các lực lượng ấy. Vấn đề không chỉ đơn thuần là một “chiến lược hành động”, mà là việc cùng nhau kiến tạo một “tương lai” trong ánh sáng Tin Mừng cho việc thể hiện Nước Chúa. Don Bosco Đăng Sáng Lập chúng ta và Gia Đình Salêdiêng cần được hiểu trong viễn tượng giáo hội này, nó thúc đẩy chúng ta tiến tới để vượt qua mọi khái niệm chật hẹp có thể giản lược cả Don Bosco và Gia Đình của ngài thành “tài sản riêng” của chúng ta, những người tiếp nối công cuộc của ngài. Do đó, Gia Đình Salêdiêng là một thực tại giáo hội, nó trở thành một dấu chỉ và chứng tá về ơn gọi của các thành viên của mình cho một sứ mạng đặc thù theo tinh thần Don Bosco. Bằng cách này, Gia Đình Salêdiêng phát triển một linh đạo độc đáo mang tính chất đặc sủng, làm giàu cho toàn Thân Thể Hội Thánh và trở thành một mô hình sư phạm Kitô giáo.

B. Có các kiểu Nhóm khác nhau thuộc về Gia Đình tông đồ của Don Bosco, mỗi Nhóm có kiểu liên kết riêng với Gia Đình Salêdiêng và với các Nhóm khác. Ôn gọi là tiêu chí chủ yếu được chấp nhận để xác định kiểu liên kết của mỗi Nhóm: Ôn Gọi Salêdiêng chung làm cho một số Nhóm có những mối liên kết chặt chẽ hơn với nhau. Các Nhóm có

những mối liên kết chặt chẽ nhất là những nhóm mà Chúa Thánh Thần linh hứng để theo đuổi sự thánh thiện Kitô giáo bằng việc dấn thân cho sứ mạng giới trẻ và giới bình dân theo Tinh Thần Salêdiêng. Họ là những người biết rằng mình đồng trách nhiệm và hợp tác để chu toàn sứ mạng này theo một tinh thần như thế. Ba Nhóm được chính Don Bosco sáng lập (CTV, SDB, FMA) thuộc loại này, dựa theo tiêu chí ơn gọi. [Mặc dù Don Bosco cũng đã sáng lập một Nhóm thứ tư, Hiệp Hội Đức Mẹ Phù Hộ (ADMA: *Associazione di Maria Ausiliatrice*), nhưng Nhóm này nằm ở một bình diện khác với ba Nhóm trên vì các thành viên không có lời khấn trọn đời và việc tông đồ của họ không phải là bằng hành động nhưng chủ yếu bằng cầu nguyện.]

Dần dần theo thời gian, Thánh Thần Chúa đã làm cho Gia Đình Salêdiêng thêm phong phú bằng các Nhóm khác nữa. Đây là những nhóm *tham gia vào sứ mạng*—không chỉ là những người được hưởng nhận hành động Salêdiêng (nghĩa là các thanh thiếu niên và người nghèo). Các Nhóm này tạo thành một chuỗi đa dạng các lực lượng biểu thị mọi hoàn cảnh sống khác nhau và mọi hình thức hoạt động tông đồ Salêdiêng. Họ cống hiến khả năng cụ thể để đáp ứng tốt hơn những đòi hỏi đa dạng của sứ mạng nhưng với điều kiện họ thật sự cảm thấy mình chỉ là một Gia Đình duy nhất và muốn cộng tác bằng thực tế và bằng hành động.

Rồi còn có những Nhóm hay những người khác

xoay quanh các Nhóm chính thức nói trên và có những kiểu liên kết khác nhau với họ nhưng không phải bởi Ôn Gọi Salêdiêng hay bởi nền giáo dục họ đã nhận được. Tập hợp chung lại, họ tạo thành một “Phong Trào Salêdiêng.” Gia Đình Salêdiêng chiếm một vị trí nhất định như là “động cơ” hay trung tâm thống nhất trong Phong Trào này. Năng động xã hội riêng của phong trào này đã khiến cho Don Bosco trở thành gia sản không chỉ của người Salêdiêng mà còn của toàn thể Hội Thánh và loài người. Trên thực tế, “Phong Trào Salêdiêng” tuy *tự thân* vẫn là một năng động giáo hội, nhưng nó có thể bao gồm nhiều lực lượng khác nhau, thậm chí cả những lực lượng khá dị biệt và có những hình thái tổ chức và những lợi ích khác nhau liên quan tới sự thăng tiến con người và các mối quan tâm xã hội, vì “Phong Trào” này mở rộng sự hợp tác cả với những người không phải Kitô hữu và đôi khi cả với những người không có đức tin. Tóm lại, những người thiện chí, cả khi họ không luôn luôn hiểu biết sâu các giá trị trung tâm của nền giáo dục Salêdiêng như được diễn tả bởi Hệ Thống Dự Phòng, họ vẫn có thể liên kết với nhau xung quanh Don Bosco và các lý tưởng của ngài.

C. Gia Đình Salêdiêng là một kế hoạch đời sống và hành động thống nhất—vừa trọn vẹn vừa cởi mở—mà các cá nhân được Chúa Thánh Thần kêu gọi đi vào và tham gia thực hiện bằng những cách

thức khác nhau. Nó là một kế hoạch *thống nhất* bởi vì nhiều giá trị chung được nhìn nhận và được cùng nhau thể hiện, do sự kiện họ đã được gọi cho cùng một sứ mạng cứu rỗi riêng theo Don Bosco và được thực thi theo tinh thần của ngài. Hành động của mọi thành viên Gia Đình Salêdiêng—hiểu như là một sự thăng tiến toàn diện và giáo dục Đức Tin cho giới trẻ—hành động ấy đi theo con đường đồng trách nhiệm cho dù các cách diễn tả hành động tông đồ này sẽ khác nhau tùy theo mỗi thời đại, con người và nhu cầu. Nó là một kế hoạch tích hợp bởi vì mỗi Nhóm làm việc trên kế hoạch này dựa theo căn tính riêng của Nhóm mình: Thánh hiến (các tu sĩ SDB và FMA và các Tu Hội khác—các tu hội đời như VDB [Volontarie di Don Bosco] và CDB [Volontari Con Don Bosco]) và các hình thức đời sống cụ thể (linh mục hay giáo dân, độc thân hay kết hôn) thích hợp cho mỗi cá nhân thành viên của Gia Đình Salêdiêng. Nó là một kế hoạch được sinh động hoá bởi Chúa Thánh Thần, Đáng hiệp nhất tất cả những ai Người đã “qui tụ lại”. Nó là một kế hoạch bao hàm sự *hiệp thông trong một sự tự trị chính đáng* để mỗi Nhóm có thể diễn tả sự phong phú riêng của mình một cách trọn vẹn.

D. Về mối liên kết riêng với Tu Hội Salêdiêng Don Bosco, Hiệp Hội sống một sự liên kết hiệp thông với Tu Hội Salêdiêng, mà theo ý muốn của Đáng Sáng Lập, Tu Hội này có một vai trò trách nhiệm

đặc biệt trong Gia Đình. Tu Hội Salêdiêng có chức năng gìn giữ và tạo “sự ổn định”: họ sống sứ mạng và tinh thần Salêdiêng trong việc Thánh hiến tu trì theo sự sung mãn mà Don Bosco từng ước muốn. Việc họ tuyên khấn các Lời Khuyên Phúc Âm giúp họ có sự ổn định cần thiết này và giúp họ có sự sáng tạo trung thành cả trong Giáo Hội Phổ Quát nói chung và trong, giữa các Nhóm của Gia Đình Salêdiêng nói riêng. Họ thực thi một chức năng thống nhất cả bên trong và bên ngoài, vì trong một tinh thần phục vụ, họ đề nghị các mối liên kết với từng Nhóm và cũng giữa các Nhóm với nhau.

ĐIỀU 6. Cộng tác viên Salêdiêng: Người Salêdiêng giữa đời

Các CTV Salêdiêng sống đức tin giữa thực tại trần thế của họ. Lấy hứng khởi từ kế hoạch tông đồ của Don Bosco, họ có một ý thức hiệp thông sâu xa với các thành viên khác của Gia Đình Salêdiêng. Họ dấn thân cho cùng một sứ mạng giới trẻ và giới bình dân trong tình hiệp nhất huynh đệ. Họ làm việc cho lợi ích của Giáo Hội và xã hội theo cách thức phù hợp với các nhu cầu giáo dục của địa phương họ và các khả năng cụ thể của họ.⁷

DIỄN GIẢI

Các chủ đề chính

1. Bản chất Hội Thánh
2. Bản chất thế tục
3. Bản chất Salêdiêng

Các ý tưởng nòng cốt

Ơn gọi làm người là trở nên người hơn mỗi ngày và luôn luôn; ơn gọi làm Kitô hữu là trở nên ngày càng là một người con đích thực của Thiên

⁷ Pascual Chavez, SDB. *Character of the Charismatic Identity of the Salesian Family of Don Bosco (Salesian Family Charter)*. (Roma: Tipografia Vaticana, 2012) 25-26.

Chúa—một Đức Kitô khác; nghĩa là hướng tới sự sung mãn của đời sống Kitô giáo. Nhưng vì Hội Thánh “liên kết mật thiết” với loài người và lịch sử của loài người (xem GS số 1), Thần Khí Thiên Chúa không ngừng làm trỗi dậy trong Hội Thánh những người nam người nữ và những Phong Trào để đáp lại những nhu cầu mới của thời đại. Chúng ta đều biết rằng thế kỷ 19 là một bản hùng ca về sự biến đổi có tính quyết định: sự khởi đầu của công cuộc kỹ nghệ hoá trên khắp Châu Âu được đi kèm bởi những biến động xã hội và chính trị, và đặc biệt, bởi hiện tượng đô thị hoá. Chính vào thời kỳ này Chúa Thánh Thần đã cho trỗi dậy Don Bosco và biến ngài thành “một con người khổng lồ của đức ái”: ơn gọi của ngài sẽ là hiến đời mình cho những thanh thiếu niên nghèo, bị bỏ rơi, và gặp nguy hiểm để cứu họ khỏi tình trạng đời sống bần cùng về vật chất và thiêng liêng và bảo đảm cho họ sự thăng tiến toàn diện; ngài cũng sẽ phải phát minh ra một phương pháp giáo dục thích hợp cho họ và thiết lập một *phong trào rộng lớn các lực lượng tông đồ* có khả năng bảo đảm sự tiếp nối và bành trướng công cuộc của ngài và tinh thần nguyên thủy mà ngài muốn làm sinh động công cuộc này. Chẳng hạn, ngài sẽ tìm một nhóm cộng sự viên trực tiếp, tại chỗ—các nam nữ tu sĩ làm tông đồ—và một nhóm cộng sự viên linh động hơn: các linh mục giáo phận và các giáo dân tông đồ được đưa vào mọi môi trường và nơi chốn. Ngài trao Thánh Phanxicô

Salê cho Gia Đình rộng lớn và thống nhất này làm nguồn soi sáng và làm Quan Thầy; *vì thế, tất cả các thành viên sẽ được gọi là Salêdiêng*, khẩn hứa làm cùng một công việc cơ bản và theo cùng một tinh thần cho dù một số thành viên là các Salêdiêng tu sĩ (có lời khẩn: SDB và FMA) và số khác là những người Salêdiêng không phải là tu sĩ (không lời khẩn: các “Cộng Tác Viên”).

A. Sự kiện người CTV Salêdiêng lấy nguồn cảm hứng “từ kế hoạch tông đồ của Don Bosco” là dấu chỉ toàn thể và quyết định về mọi khía cạnh đặc trưng cho căn tính của họ. Một mặt, điều luật này làm nổi bật những yếu tố chung cho các Nhóm ơn gọi khác của Gia Đình Salêdiêng: ơn gọi, sứ mạng cho giới trẻ và giới bình dân, tinh thần đoàn kết và hợp tác, làm việc vì lợi ích Giáo Hội và xã hội, và tinh thần Salêdiêng. Mặt khác, nó cũng làm sáng tỏ các khía cạnh phân biệt nó với các thực thể khác: bản chất thể tục, phù hợp với những người sống tại gia đình mình và tham gia vào các hoạt động trần thế, các năng khiếu cá nhân—cả tự nhiên và do ân sủng—và bậc sống giáo dân hay giáo sĩ của họ. Các yếu tố chung làm cho họ là người “Salêdiêng”; các yếu tố riêng làm cho họ là “người Salêdiêng giữa đời”; nghĩa là “thể tục.”

B. Điều luật này trình bày căn tính của người CTV Salêdiêng trong ánh sáng của Vaticanô II. Theo

Công Đồng, Hội Thánh là kết quả của một *chọn lựa* tự do, ơn gọi và sự thánh hoá. Về mặt cơ cấu, nó là một Mẫu nhiệm hiệp thông, có tính *truyền giáo* thiết yếu, và tham dự vào sứ mạng của Đức Kitô và Thần Khí Người. Nó thúc đẩy sứ mạng này hoạt động để *phục vụ* con người, theo các nhu cầu của thời điểm lịch sử và theo gương Đức Giêsu. Bằng *Lời Hứa* của mình, người CTV Salêdiêng đi theo sự *thúc đẩy* của Thần Khí và chọn một cách sống ơn *thánh hiến* trong phép Rửa Tội và Thêm Sức của mình. Trong ơn gọi của người CTV Salêdiêng, họ dấn thân cho *sứ mạng giới trẻ và giới bình dân* của Don Bosco để tham gia vào sứ mạng của Hội Thánh. Họ thi hành sứ mạng Salêdiêng theo năng động của sự *hiệp thông* trong Hiệp Hội, trong sự tương quan với Gia Đình Salêdiêng, và trong sự hợp tác với các lực lượng khác của Hội Thánh.

Trong các mối quan hệ với những người theo các tôn giáo khác và những người thuộc những Giáo Hội không phải là Công Giáo, các CTV Salêdiêng đi theo các chỉ dẫn của Vaticanô II và của các lời dạy thuộc Huân Quyền của Đức Thánh Cha và các giám mục liên quan đến đối thoại đại kết và mối quan hệ giữa Hội Thánh và các tôn giáo ngoài Kitô giáo.

C. Tính cách và bản chất thế tục (=sống giữa đời) của người giáo dân và của các phó tế, cũng như của các linh mục triều, và các bổn phận nội tại trong bậc sống của họ (đối với các giáo dân, việc

sinh động hoá Kitô giáo các thực tại trần thế (gia đình, công việc, kinh tế, văn hoá, và chính trị...) là một phần thiết yếu trong đời sống của người CTV Salêdiêng và được đồng hoá với sứ mạng Kitô giáo của họ. Ôn gọi thích hợp cho người CTV Salêdiêng là làm “một người Salêdiêng giữa đời” không bị ràng buộc bởi các lời khấn tu trì. Trong hiệp hội có những người nam và nữ; những người lao động trí óc và tay chân; những người trí thức và bình dân; những thanh niên; những người lớn; những người già; nhưng người Công Giáo giáo dân, phó tế và linh mục triều; những người độc thân và có gia đình; những người làm việc trong các tổ chức dân sự và giáo hội, cũng như những người hoạt động trong các công cuộc của SDB và FMA hay những người thuộc các Nhóm Salêdiêng khác. Trong mọi môi trường và địa điểm, người CTV Salêdiêng thực thi kế hoạch của Don Bosco theo cách thức thích hợp với các hoàn cảnh và khả năng cụ thể của họ. Một định hướng như thế chạy xuyên suốt lãnh vực sứ mạng Salêdiêng và việc phục vụ giới trẻ, sự hiệp thông và hợp tác, việc đào luyện và tổ chức.

Dựa trên những cơ sở trên đây, một CTV cần có những điều kiện gì?

Trên hết, cần xác tín rằng “*Thần Khí Chúa bao trùm vũ trụ*”: Chúa Thánh Thần không chỉ bằng lòng với việc linh hứng cho các Ôn Gọi vào đời linh mục hay đời tu trì: Ngài “kêu gọi” mỗi người

đã được rửa tội tìm thấy vị trí riêng của mình trong Hội Thánh và chu toàn nhiệm vụ cụ thể của mình trong sứ mạng chung:

- có một sự *hâm mộ* và ước muốn đời sống Kitô hữu đích thực khi chứng kiến cảnh có quá nhiều người đã được rửa tội nhưng có vẻ như hoàn toàn không biết đến các trách nhiệm gắn liền với phép rửa của họ;
- ước muốn *tránh sự tầm thường* và “đạo đức hình thức” để sống Tin Mừng một cách nghiêm túc và cố gắng sống cuộc mạo hiểm gay cấn của một Đức Tin nhập thể và một đời sống trao hiến cho người khác;
- có ý thức nhạy bén và quan tâm tới vấn đề của giới trẻ và người nghèo và ý thức rằng các vấn đề này là những vấn đề quyết định nhất trong thế giới chúng ta và thế giới sắp đến, và vì thế, đồng cảm với giới trẻ và người nghèo và ước muốn giúp họ bảo đảm sự thăng tiến nhân bản và Kitô giáo của họ;
- *có ý thức về tình huynh đệ*, thích gặp gỡ người khác, thích làm việc với người khác, chấp nhận các giá trị của sự đồng trách nhiệm và một mức độ kỷ luật trong hành động.

Các thanh niên và người lớn trở thành các CTV Salêdiêng khi họ thưa “VÂNG” trước lời mời gọi này của Thánh Thần, và hoàn toàn dấn thân cho đời

sống Kitô hữu trọn vẹn theo tinh thần Don Bosco và cho việc giáo dục các thanh thiếu niên. “Chúng ta cần ý thức rõ ràng rằng quyết định làm một ‘CTV Salêdiêng’ là đáp lại một ‘ơn gọi’ thực sự; vì thế, đó là chấp nhận một ơn gọi tông đồ Salêdiêng đích thực.” (xem *Công Báo Tổng Tu Nghị Đặc Biệt XX*, số 730).

CHƯƠNG II

DẤN THÂN TÔNG ĐỒ CỦA CỘNG TÁC VIÊN SALÊDIÊNG

*“Anh em là muối cho đời.
Anh em là ánh sáng cho trần gian.
Ánh sáng của anh em phải chiếu giải
trước mặt thiên hạ, để họ thấy
những công việc tốt đẹp anh em làm,
mà tôn vinh Cha của anh em,
Đấng ngự trên trời.”*

(Mt 5:13-16)

Tất cả chương 2 được soi sáng bởi những lời này: “Nếp sống của người CTV Salêdiêng được đánh dấu bởi tinh thần các Mối Phúc Thật.” Các Mối Phúc Thật nói cho chúng ta biết về một thế giới khác, một kiểu cộng đồng khác, một cách lý luận đối chọi triệt để với cách lý luận của thế gian - một chọn lựa thay cho những chọn lựa hiện hành - và một Giáo Hội tự đặt mình làm đầy tớ của loài người. Một cách tự nhiên chúng ta tự hỏi mình: Những cử chỉ nào có thể minh chứng và làm cho việc rao giảng các Mối Phúc Thật trở nên dễ hiểu hôm nay?

Các Mối Phúc Thật của Đức Giêsu không chỉ là một ước muốn suông, cũng không phải là một sự luật hoá những điều kiện đạo đức bảo đảm việc thực hiện một lời hứa. các Mối Phúc Thật là lời rao giảng hiệu quả về Lời hứa Mêsia: Có thể “có phúc” trong tình trạng chúng ta là ai và là gì. Sở dĩ như thế - cho dù hoàn cảnh có thể là vô vọng - bởi vì chính Thiên Chúa đã tuyên bố rằng phúc cho những ai tin tưởng nơi Người. các Mối Phúc Thật là một lời hứa lớn lao, hiệu quả về sự sống và hạnh phúc, nó thúc đẩy chúng ta suy nghĩ lại về những cách chúng ta định nghĩa cuộc đời và hạnh phúc là gì trong đời sống hằng ngày của chúng ta. Chính các điểm nhấn khác nhau được dành cho các Mối Phúc Thật và được ứng nghiệm trong các bản văn Kinh Thánh (những người nghèo, những người có lòng thanh sạch, những người đói khát chân lý và hoà bình, và những người đau khổ và khóc lóc...) cho thấy - nhờ một sự thật được công hiến, được hoan nghênh, và được chấp nhận bởi một người về đời sống và hạnh phúc là gì - đó chính là việc chúng ta bảo đảm cho chúng ta về sự sung mãn của lời hứa ấy. Nếu việc công bố các Mối Phúc Thật có nghĩa là viết lại chúng thành một câu truyện luôn luôn mới mẻ và luôn luôn trung thành - một câu truyện mà trong đó các sự kiện về các Mối Phúc Thật của Tin Mừng đặt nền tảng và niềm đam mê mới cho chúng ta trong việc loan báo Tin Mừng, và các thách thức mà giới trẻ đặt ra cho chúng ta được lồng ghép vào những thời kỳ khủng hoảng phức tạp

và thay đổi sâu xa này - thì chúng ta cần nhận ra các thách thức ấy một cách chính xác và có sự sẵn sàng để đáp lại chúng. Trên thực tế, nhận thức của chúng ta về chúng thể nào sẽ ảnh hưởng tới mọi đề nghị để đương đầu với thực tại. Giữa nhiều thách thức, người CTV Salêdiêng chúng ta coi những thách thức liên quan đến việc giáo dục là quan trọng nhất.

Chúng ta “đặt cược” vào việc giáo dục

Chúng ta biết mình đang sống trong những hoàn cảnh đầy cam go và phức tạp. Và chúng ta hiểu rằng con người là trung tâm của một câu chuyện về các mối tương quan chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, và đôi khi thậm chí là tôn giáo, chúng chi phối con người và thậm chí thường bóp nghẹt con người. Một truyền thống lâu đời của giáo hội khuyến chúng ta can đảm dành vị trí ưu tiên cho việc giáo dục như là một cách vừa sâu xa vừa khả thi để dẫn tới sự biến đổi toàn cầu. Giáo dục là một cách ưu tiên để phục vụ sự biến đổi xã hội vì nhờ giáo dục người ta có thể đạt được sự thể hiện cụ thể các Môi Phúc Thật. Trên thực tế, giáo dục là một sự hiện diện và một mối quan hệ để khôi phục cho mỗi người niềm vui sống và một tương lai mà trước đó họ thường bị lừa dối; sự khôi phục này kích hoạt dần dần nơi họ một sự ý thức có suy xét và phê bình về chính mình, về câu chuyện của chính mình, của người khác, và của thế giới. Khôi phục sự sống và

hi vọng bằng cách này có vẻ chỉ là một chuyện nhỏ giữa tất cả sự chèn ép và lạm dụng quyền lực, bóc lột, kỳ thị và thành kiến, và các hành vi bạo lực; nhưng thực ra, nó là một việc rất lớn mà chúng ta muốn đặt cược vào, cả trong lãnh vực chính trị và trong khả năng tái sinh của nó. Chính ở đây chúng ta tìm thấy cốt tuỷ sự dân thân tông đồ của mình nhằm phục vụ giới trẻ.

Không những chúng ta khẳng định mối quan hệ mật thiết phải có giữa giáo dục và rao giảng Tin Mừng, chúng ta cũng phải nhấn mạnh một điều gì hơn nữa: chọn lựa giáo dục cũng còn là chỗ ưu tiên cho việc rao giảng Tin Mừng. Cái nhìn này nhắc nhở chúng ta rằng Thiên Chúa không thể thiếu trong cuộc đời mỗi người, chính là khi con người là chủ cuộc đời mình. Thiên Chúa không phải là một đối thủ cạnh tranh độc ác trong cơn khát sự sống và tự do của con người. Trái lại, Ngài là “nguồn lực quyết định” mà con người phải cậy dựa vào trong tất cả chiều sâu và sự thật của chính phẩm giá con người.

Lấy tình yêu cuộc sống làm định hướng

Những điểm nói trên được diễn tả và trở nên cụ thể trong một thái độ toàn diện - yêu sự sống. Thái độ này là thiết yếu cho bất cứ ai muốn rao giảng các Mối Phúc Thật của Tin Mừng. Trong tình yêu của chúng ta đối với sự sống, chúng ta tuyên

xung sức mạnh cứu độ của Thiên Chúa. Và nhân danh Đức Giêsu, chúng ta khẳng định rằng con người của cuộc sống hằng ngày đã là con người mới. Hiện tại được đánh dấu như là một mầm mống của tương lai.

Chắc chắn con người là hèn yếu và tội lỗi. Nhưng con người không chỉ là như thế. Họ đã là con người mới - hèn yếu, sai lầm, tội lỗi - nhưng trở thành con người mới nhờ đưa món quà sự sống của mình tới chỗ hoàn thành dần dần. Giống như một hạt giống: nó mang trong mình tất cả cái cây - trong mảnh sự sống nhỏ bé mà nó được diễn tả. Bằng một sức mạnh nội tại và trong sự có mặt của các điều kiện thuận lợi, nó nảy nở từng chút một để thành một vật luôn luôn mới. Các lá, thân và cành cây không phải được thêm vào từ bên ngoài. Chúng không phải là những bộ phận được lắp ghép. Chúng đã hiện diện trong giai đoạn khởi đầu ấy, *trong tiềm thể*: hạt giống đã là cây, cho dù nó phát triển thành cây từ ngày này qua ngày khác.

Đây là sự sống. Một hành vi đức tin vào quyền năng của Thiên Chúa lập tức trở thành một sự tin tưởng lớn lao, vô hạn nơi con người. Người CTV Salêdiêng đứng sát bên cạnh người trẻ để chứng kiến đức tin và sự tin tưởng này: họ không phải là người làm cho hạt giống trong những người trẻ phát triển thành cây to. Họ chỉ hỗ trợ cho tiến trình tăng trưởng—giải phóng nó, khích lệ nó, thúc đẩy nó tiến tới, và hồi phục cho mỗi người khả năng trở

về lại với sự sống và niềm hi vọng của họ.

“Anh em là muối cho đời... Anh em là ánh sáng thế gian”

Những lời này được dùng làm lời giới thiệu tuyệt vời cho sự hiểu biết sáng suốt và khôn ngoan về nội dung của chương 2, chương được dành chủ yếu cho sự dẫn thân tông đồ của người CTV Salêdiêng trong cấu tạo cụ thể của đời sống gia đình và xã hội, nghề nghiệp, văn hoá, chính trị, giáo hội và Salêdiêng của họ. Trong bối cảnh của sự dẫn thân hoàn toàn vào cuộc sống trần thế, họ phải thực thi một sứ mạng thăng tiến chất lượng đời sống con người và Kitô hữu cho tất cả những người mà họ sống và làm việc với, và đặc biệt cho những người “lãnh nhận” ưu tiên sự dẫn thân của họ: giới trẻ và giới bình dân.

ĐIỀU 7. Làm chứng cho các Mối Phúc Thật

Nếp sống của người CTV Salêdiêng, được đánh dấu bởi tinh thần các Mối Phúc Thật, giúp họ dấn thân vào việc phúc âm hoá đời sống văn hoá và xã hội.⁸ Vì vậy, kết hợp mật thiết với Đức Kitô và ý thức rằng mọi người được rửa tội đều được gọi tới sự hoàn thiện của tình yêu, họ sống và làm chứng cho:

- một nếp sống theo Thần Khí, là nguồn của niềm vui, an bình và tha thứ;*
- sự tự do, trong sự vâng phục kế hoạch của Thiên Chúa, quý chuộng giá trị và sự tự trị của các thực tại trần thế, họ dấn thân dẫn đưa các thực tại này tới việc phục vụ con người trước hết;*
- sự nghèo khó Tin Mừng, quản trị các của cải được uỷ thác cho họ bằng các tiêu chuẩn của sự tiết độ và chia sẻ, vì lợi ích chung;*

8 John Paul II. *Christifideles Laici*. Par. 16. Trans. The Holy See.n.d. Web. 26 Nov. 2013. http://www.vatican.va/holy_father/john_paul_ii/apost_exhortations/documents/hf_jp-ii_exh_30121988_christifideles-laici_en.html

Vatican Council II. *Gaudium et Spes*. Par. 72. Trans. The Holy See.n.d. Web. 26 Nov. 2013. http://www.vatican.va/archive/hist_councils/ii_vatican_council/documents/vat-ii_cons_19651207_gaudium-et-spes_en.html

- một tính dục theo cái nhìn của Tin Mừng về khiết tịnh, được đánh dấu bởi sự tế nhị và một đời sống hôn nhân hay độc thân vui tươi, được sống với sự trung thực và dựa trên tình yêu;
- lòng thương xót, nó làm con người mở rộng lòng trước những cảnh khốn cùng vật chất và tinh thần và thúc đẩy người ta làm việc với đức ái mục vụ;
- công lý để xây dựng một thế giới huynh đệ hơn, một thế giới nhìn nhận và cố vũ các quyền lợi của mọi người, đặc biệt của những người yếu nhất;
- một ý chí kiên quyết muốn là người xây dựng hoà bình trong một thế giới bị khuấy động bởi bạo lực và thù hận giai cấp.

Con đường yêu mến Thiên Chúa và tha nhân này là con đường chắc chắn để nên thánh.

DIỄN GIẢI

Các chủ đề chính

1. Các giá trị Tin Mừng được đề nghị cho mọi môn đệ Chúa Giêsu.
2. Phúc âm hoá bằng tinh thần các Môi Phúc Thật.
3. Các Môi Phúc Thật của người CTV Salêdiêng

Các ý tưởng nòng cốt

Lumen Gentium (Ánh Sáng Muôn Dân) long trọng tuyên bố rằng mọi tín hữu trong Hội Thánh được kêu gọi nên thánh và hoàn thiện đức ái, cho dù bằng các con đường khác nhau và các bậc sống khác nhau, và các Lời Khuyên Tin Mừng đã được đề nghị cho mọi môn đệ Đức Kitô - cho dù trong thực hành chúng được diễn tả bằng cách thức khác nhau tùy theo ơn gọi chuyên biệt của mỗi cá nhân. Chính trong (và chỉ trong) ý nghĩa này mà điều luật này nói đến các thái độ và các Lời Khuyên Tin Mừng khác nhau, trong mức độ chúng có thể được sống trên thực tế bởi mọi giáo dân, sau khi đã xét đến các khả năng, các ơn gọi riêng biệt, và các hoàn cảnh sống khác nhau: độc thân vì yêu Nước Trời; đính hôn; kết hôn; hay goá bụa. Tóm lại, điều luật này tập trung vào cách thức mà các tông đồ “sống giữa đời” có thể sống một cách cụ thể các giá trị Tin Mừng được diễn tả trong các Mối Phúc Thật.

A. Một phong cách sống riêng in đậm Tinh Thần các Mối Phúc Thật

Gaudium et Spes tuyên bố rằng điều vô cùng quan trọng là giáo dân “phải giữ đúng bậc thang giá trị trong các hoạt động trần thế. Nhờ vậy cả cuộc sống của họ, riêng tư cũng như giữa xã hội đều được thấm nhuần tinh thần của các Mối Phúc Thật, đặc biệt là tinh thần nghèo khó.” (số 72a).

Nhưng có thể nào đạt được lý tưởng này không? Chắc chắn! Nhưng không phải chỉ dựa vào sức riêng mình, mà phải đặt lòng tin tưởng vào ơn trợ giúp của Chúa. Sắc lệnh *Apostolicam Actuositatem* khẳng định rằng “tình yêu của Chúa làm cho giáo dân có sức biểu lộ thực sự trong đời sống mình tinh thần các Mối Phúc Thật.” (số 4). *Kế Hoạch Đời Sống Tông Đồ* nhìn nhận và chấp nhận các lời dạy có thẩm quyền này của CĐ Vaticanô II với lời khẳng định: *Nếp sống của người CTV Salêdiêng* được đánh dấu bởi *tinh thần các Mối Phúc Thật*.

B. Phúc âm hoá văn hoá và đời sống xã hội bằng tinh thần các Mối Phúc Thật

Công Đồng còn đi xa hơn một bước và mời gọi mọi tín hữu giáo dân không chỉ dốc thủ cho mình tinh thần các Mối Phúc Thật bằng cách vâng nghe theo hành động kỳ diệu của Chúa Thánh Thần, mà còn phải làm nó chiếu toả ra nơi các môi trường sống của họ, cho mọi người được hưởng nhờ. Đây là lời khẳng định của *LG* số 38: “Tất cả cộng đoàn giáo dân và mỗi người tuỳ khả năng của mình phải góp phần nuôi dưỡng thế giới bằng những hoa trái thiêng liêng” (x. Gal 5,22), và truyền bá cho thế gian tinh thần của những người nghèo khó, hiền lành và hiếu hòa, những người mà Phúc Âm Chúa đã tuyên bố là có phúc” (x. Mt 5,3-9). Sự đảo ngược các giá trị này chỉ có thể hiểu được khi có sự qui chiếu về Đức Kitô; không có Ngài, các Mối Phúc

Thật chẳng là gì cả, vì chỉ một mình Ngài ban cho chúng ý nghĩa vì Ngài đã sống các điều ấy một cách hoàn hảo: “Hãy học với tôi, vì tôi có lòng hiền hậu và khiêm nhường. Tâm hồn anh em sẽ được nghỉ ngơi bồi dưỡng” (Mt 11:29). Thực vậy, việc các Mỗi Phúc Thật được đặt ở phần đầu bài giảng khai mạc sứ vụ của Đức Giêsu theo Mt 5:3-12 cung cấp cho chúng ta “*kế hoạch về hạnh phúc Kitô giáo.*” Không thể đưa tinh thần các Mỗi Phúc Thật vào thế giới hôm nay nếu không có một cuộc *phúc âm hoá* đời sống văn hoá và xã hội. Và điều này mang theo với nó một cuộc canh tân thực sự loài người hôm nay trong mọi tầng lớp xã hội. Đức Giáo Hoàng Phaolô VI đã nhấn mạnh điều này trong một trang của Tông Huấn *Evangelii Nuntiandi*, rất đáng được trích dẫn ở đây vì *Kế Hoạch Đời Sống Tông Đồ* lấy cảm hứng từ đó khi Kế Hoạch tuyên bố rằng nếp sống của người CTV Salêdiêng, được đánh dấu bởi tinh thần các Mỗi Phúc Thật, *giúp họ dấn thân vào việc phúc âm hoá đời sống văn hoá và xã hội:*

Đối với Hội Thánh, phúc âm hoá có nghĩa là mang Tin Mừng đến mọi môi trường nhân loại, và nhờ sự tiếp xúc này, làm biến đổi và đổi mới nhân loại từ bên trong: “Này đây, Ta làm mới mọi sự.” Nhưng không có nhân loại mới nếu trước tiên không có những con người mới được canh tân bởi Phép Rửa và bởi đời sống theo Tin Mừng. Như vậy mục đích việc phúc âm hóa chính là sự thay đổi bên trong này, và nếu phải diễn tả một cách vắn gọn thì

cách tốt nhất là nói rằng Hội Thánh làm công việc phúc âm hóa khi chỉ nhờ sức thiêng của sứ điệp mình công bố để tìm cách hoán cải cả lương tâm cá nhân và tập thể của con người, các hoạt động của họ, cũng như cuộc sống và môi trường cụ thể của họ... Đối với Hội Thánh, vấn đề không phải chỉ là rao giảng Tin Mừng ở những vùng địa dư ngày càng rộng hơn, hoặc cho những dân tộc ngày càng đông đảo hơn, mà còn là tác động tới, và như thế là dùng sức mạnh của Tin Mừng làm đảo lộn những tiêu chuẩn phán đoán, những giá trị quyết định, những điểm quan tâm, những triền tư tưởng, những nguồn cảm hứng và những kiểu mẫu sống của nhân loại, khi chúng đi ngược lại với lời Thiên Chúa và ý định cứu độ. (các số 18 và 19)

Chúng ta cần phải phải là những con người có hiểu biết nếu muốn đưa Tin Mừng hội nhập vào văn hoá và xã hội.

C. Các Mỗi Phúc Thật của người Cộng Tác Viên Salêdiêng hôm nay

Theo Bài Giảng Trên Núi, tất cả các Mỗi Phúc Thật được tóm gọn trong hai mỗi: nghèo khó, với tập hợp các công việc của nó là công lý, khiêm nhường, hiền lành, trong sạch, thương xót, xây dựng hoà bình; và chịu bách hại vì yêu mến Đức Kitô. “Vâng” cho các Mỗi Phúc Thật có nghĩa là “Không” cho các thái độ và hành vi ngược lại nó: ghen ghét, tự mãn, kiêu ngạo, lòng chai cứng, căi

vã, ước muốn thống trị, bạo lực, ước muốn xa hoa, và lười biếng.

Khi chuyển dịch sứ điệp Tin Mừng về các Mỗi Phúc Thật cho người CTV Salêdiêng hôm nay, *Kế Hoạch Đời Sống Tông Đồ* vẫn lưu tâm tới tất cả điều này nhưng đề cập trực tiếp về một số năng động lực cơ bản của nhân vị con người (việc sử dụng tự do, quản trị tài sản vật chất, và đời sống tình dục) và một số tình huống xã hội phổ biến ngày nay (tính hiệu quả, tính hiếu chiến, chia rẽ, bạo lực, và đau khổ). Một cách cụ thể, *Kế Hoạch Đời Sống Tông Đồ* liệt kê các Mỗi Phúc Thật sau đây: một đời sống theo Thần Khí; sử dụng tự do cá nhân trong sự vâng phục kế hoạch của Thiên Chúa; quản trị tài sản vật chất trong tinh thần nghèo khó phúc âm; sống đời sống tình dục theo quan điểm Tin Mừng về đức khiết tịnh; và dành vị trí tối thượng cho các giá trị của Chúa Thánh Thần: lòng thương xót, công lý, hoà bình, và hiệu năng tông đồ của việc chịu đau khổ, bất bạo động, và lòng tha thứ.

Thứ tự của ba Mỗi Phúc Thật đầu tiên trên bản danh sách này được lấy từ *Hiến Luật* của Tu Hội Salêdiêng, tôn trọng thứ tự mà Don Bosco đã đề nghị. Môtip cơ bản là sự liên kết rõ ràng giữa vâng phục, nghèo khó và khiết tịnh với sứ mạng Salêdiêng. Gộp chung lại, các Mỗi Phúc Thật này tạo thành một kế hoạch đời sống Tin Mừng và Salêdiêng thực sự có khả năng phúc âm hoá một cách sâu xa cả gia đình và các thực tại xã hội nơi

người CTV Salêdiêng sống và làm việc.

▪ *Tự do, trong sự vâng phục kế hoạch của Thiên Chúa*

Các khía cạnh “trần thế” của sự vâng phục Kitô giáo được trình bày một cách đặc biệt trong điều luật này. Chỉ ở một lúc sau, nhưng chắc chắn không phải vì nó bị coi là phụ thuộc, điều luật này mới nói về sự vâng phục “trong Hội Thánh”, được mô tả là thái độ vâng phục chăm chú, ngoan ngoãn và trưởng thành đối các vị Chủ Chăn hợp pháp. Vậy sự “vâng phục thế tục” này bao gồm những gì? Dựa theo những chỉ dẫn của Vaticanô II, *Kế Hoạch Đời Sống Tông Đồ* đưa chúng ta trở về với sự vâng phục kế hoạch của Thiên Chúa. Về điểm này, bản văn Sắc Lệnh về Tông Đồ Giáo Dân *Apostolicam Actuositatem* số 7b nói rất rõ:

Tất cả những gì tạo nên trật tự trần thế như giá trị của cuộc sống và của gia đình, văn hóa, kinh tế, nghệ thuật và nghề nghiệp, tổ chức cộng đồng chính trị, bang giao quốc tế, và những thực tại tương tự khác, cũng như sự biến chuyển và tiến bộ của chúng, tất cả những thực tại đó, hoặc xét ngay trong chính bản tính của chúng, hoặc xét chúng như thành phần của toàn thể trật tự trần thế, chẳng những chúng là phương thế giúp con người đạt tới mục đích tối hậu, mà chúng còn có giá trị riêng do Thiên Chúa phú bẩm: “Vì Thiên Chúa nhìn thấy vạn vật Ngài đã tạo thành thấy đều rất tốt đẹp” (St 1:31). Sự thiện hảo tự nhiên ấy của vạn vật còn có thêm một giá trị đặc biệt do sự liên lạc của chúng

với con người, vì chúng được tạo dựng để phục vụ con người. Sau cùng, Thiên Chúa đã vui lòng qui tụ mọi loài, tự nhiên cũng như siêu nhiên, nên một trong Chúa Giêsu Kitô “để Người được nắm quyền tối cao trên hết thảy” (Cl 1:18). Nhưng sự đặt định này chẳng những không làm cho trật tự trần thế mất sự tự lập, mất cứu cánh riêng cũng như các định luật và những phương tiện riêng, hay mất tầm quan trọng đối với ích lợi của con người, mà trái lại còn làm cho sức mạnh và giá trị riêng của trật tự đó thêm hoàn hảo, đồng thời nâng cao cho hợp với thiên chức toàn vẹn của con người trên trái đất.

Việc nhìn nhận và vâng phục Kế Hoạch của Thiên Chúa bao hàm một thái độ ban đầu về nhân bản và Kitô hữu, được đề nghị một cách minh nhiên cho CTV Salêdiêng trong *Kế Hoạch Đời Sống Tông Đồ: đề cao giá trị và tính tự lập riêng của các thực tại trần thế*. Vun trồng thái độ này đòi hỏi phải đặc thủ một não trạng giáo dân đúng; nghĩa là, một não trạng mang những đặc tính sau: 1) quan tâm tới giá trị khách quan của các thực tại trần thế, như sức khoẻ thể chất và đời sống, gia đình, lao động, việc làm và nghề nghiệp, văn hoá, các khoa học, kinh tế, kỹ nghệ, thương mại, chính trị, các mối quan hệ giữa các dân tộc, công bằng xã hội, và hoà bình; 2) dấn thân cho những điều này với sự kiên trì cho dù chúng là những thực tại phức tạp đòi hỏi nghiên cứu nghiêm túc xem cái gì là có thật ngày nay; 3) một ý thức sâu sắc về tính chuyên nghiệp; 4) ý thức về tính hữu dụng và mục đích của

mọi việc làm và nghề nghiệp và các đòi hỏi gắn liền với chúng, thường rất nặng nề; 5) nuôi dưỡng một thái độ thực tế lành mạnh khi đứng trước cuộc đời mình; 6) nghiêm túc trong việc đặt ra các mục tiêu phải đạt tới; 7) vun trồng tinh thần hợp tác; và 8) đánh giá cao tổ chức. Các phẩm chất này không dễ tìm thấy nơi những người tin rằng họ có thể bỏ qua các giá trị thích hợp cho người “giáo dân.”

Việc nhìn nhận và vâng phục kế hoạch của Thiên Chúa đối với Tạo Dựng trong hoàn cảnh hiện nay có nghĩa là *không để mình bị tẩy não bởi các hình thức đa dạng và đương đại của chủ nghĩa thể tục, chủ nghĩa duy giáo dân, và chủ nghĩa duy vật vô thần*. Chúng coi các thực tại tự nhiên và thể tục là tuyệt đối, tách rời các thực tại này khỏi Thiên Chúa, hay theo giả thuyết vô thần, “giải phóng chúng khỏi sự thống trị của Người”; thái độ này chứng tỏ sự thiếu khả năng nghiêm trọng để hiểu ý nghĩa của Tạo Dựng và sự hợp nhất giữa Thiên Chúa và các thực tại mà Người đã dựng nên và giao phó cho con người chịu trách nhiệm. Về các ý tưởng này, một đoạn thứ hai của Sắc Lệnh Công Đồng (số 7c) có tầm quan trọng và cần được trích lại ở đây:

Qua dòng lịch sử, việc sử dụng những sự vật trần thế mắc phải những sai lạc trầm trọng, bởi vì loài người đã bị nhiễm tội nguyên tổ, thường sa vào nhiều lầm lẫn về Thiên Chúa đích thực, về bản tính con người và về những nguyên tắc của luật

luân lý: do đó, phong hóa và những định chế của loài người bị hư hỏng, và chính nhân vị đôi khi cũng bị chà đạp. Ngày nay cũng vậy, nhiều người vì quá tin tưởng vào tiến bộ khoa học và kỹ thuật, nên dường như muốn tôn thờ sự vật trần thế, đến nỗi trở thành nô lệ sự vật hơn là làm chủ chúng.

Đứng trước những sai lầm này và những tình huống lệch lạc tương tự do sự can thiệp của con người tội lỗi, rõ ràng người giáo dân Kitô có một nhiệm vụ đặc biệt. Điều này cũng đã được minh nhiên đề nghị cho các CTV Salêdiêng bởi *Kế Hoạch Đời Sống Tông Đồ: luôn luôn hướng [các thực tại trần thế] vào việc phục vụ con người*. Đây là một khía cạnh thứ hai của tính trần thế đặc trưng cho ơn gọi chuyên biệt của người CTV Salêdiêng vì nó nhắm tới việc sinh động hoá trật tự trần thế của người Kitô hữu.

▪ ***Tin Mừng và sự nghèo khó trần thế***

Trước hết, kiểu nghèo khó được đề nghị cho người CTV SDB là sự nghèo khó Tin Mừng; nói khác đi, đó là sự nghèo khó được thực hành bởi Đức Giêsu và được Người tuyên bố là một “Mối Phúc Thật.” Trước khi là một thực tại kinh tế hay xã hội, nó là một thái độ tinh thần và tôn giáo. “Người nghèo” theo nghĩa Kinh Thánh là những người hiền lành ý thức được những giới hạn của bản thân và đặt lòng tin cậy vào Thiên Chúa. Đức Giêsu Nadarét được trình bày như là Đấng Mêsia

của người nghèo và chính Ngài là người nghèo vì Ngài “có lòng hiền hậu và khiêm nhường” (Mt 11:29), và Ngài là Vua “hoà bình” (Mt 21:5). Cũng là người coi trọng những sự vật trần thế và sử dụng chúng một cách đơn sơ, Ngài đòi hỏi các môn đệ phải có thái độ tinh thần này trước mọi sự: “Phúc cho những người có tinh thần nghèo khó” (Mt 5:3); nghĩa là, Ngài đòi hỏi họ phải có: một thái độ tự do triệt để liên quan đến của cải vật chất (những gì họ có thể có hay thiếu thốn); nhìn nhận và chấp nhận tình trạng thiếu thốn và yếu đuối của mình; và ý thức rằng họ cần sự trợ giúp của Thiên Chúa. Bằng cách này, họ trở nên có khả năng ước muốn và đón nhận những của cải đích thực từ trời ban xuống. Việc Tin Mừng nhấn mạnh khía cạnh tinh thần này của sự nghèo khó không được phép làm chúng ta quên mất giá trị tôn giáo của sự nghèo khó vật chất, theo nghĩa nó là một dấu chỉ và một phương tiện để đạt sự tự do trong tâm hồn. Bêlem (Mt 24:35), Nadarét (Mt 13:55), cuộc đời công khai (Mt 8:20), và Thập Giá (Mt 27:35) tất cả là những hình thức khác nhau của một sự nghèo khó được Chúa chấp nhận, sống, chịu đựng và chịu đau khổ vì nó. Đức Kitô cảnh giác tất cả các môn đệ Ngài về mối nguy hiểm của sự giàu có (Mt 6:19tt.) và Ngài mời gọi họ sống nếp sống nghèo khó vật chất. Trên thực tế, đó chính là cảnh sống của các Tông Đồ và của Th. Phaolô, người đã sống dựa vào bàn tay lao động của chính mình (1 Cr 11–12) và là lý tưởng mà Cộng Đoàn tín hữu đầu tiên đã đề ra trước mắt để

noi theo - trong cộng đoàn này “không một ai coi bất cứ cái gì mình có là của riêng.” (Cv 4:32)

Tuy sự nghèo khó vật chất - miễn là nó được chấp nhận với tinh thần quảng đại - ngay ở trần gian này đã là nguyên nhân tạo ra niềm vui thiêng liêng đích thực và niềm hi vọng cho phần thưởng vô cùng đời đời rồi, nhưng nó vẫn là một tình trạng phi nhân, và Tin Mừng kêu gọi sự lưu tâm tới những đòi hỏi của công bằng xã hội: người giàu phải có bổn phận đối với người nghèo; hơn nữa, việc phục vụ người nghèo là một cách biểu lộ tình yêu đối với Đức Kitô (vì khi giúp đỡ người nghèo là chúng ta giúp đỡ chính Đức Kitô.) (xem Mt 25:35 par.). Sự nghèo khó phúc âm mở rộng các chân trời cho ý nghĩa của những sự vật tốt lành đã được Thiên Chúa dựng nên vì lợi ích mọi người; do đó nó thúc đẩy chúng ta tìm kiếm những chọn lựa cơ cấu khác liên quan đến các hoàn cảnh duy vật đang thống trị thế giới ngày nay. Sau cùng, nguyên tắc và mục tiêu của sự nghèo khó phúc âm là tham dự vào Mầu Nhiệm “lòng quảng đại của Đức Giêsu Chúa chúng ta”: “Người vốn giàu sang phú quý, nhưng đã tự ý trở nên nghèo khó vì anh em, để lấy cái nghèo của mình mà làm cho anh em trở nên giàu có.” (2 Cr 8:9) Với ý nghĩa Kinh Thánh của sự nghèo khó tinh thần được làm sáng tỏ, chúng ta cần nói thêm ngay rằng loại nghèo khó được vạch ra cho người CTV Salêdiêng là một sự nghèo khó trần thế, và do đó, là sự nghèo khó phù hợp với hoàn cảnh của những

người sống trong một bối cảnh nhất định của con người với những trách nhiệm đối với gia đình và xã hội của họ. Như thế, nó được phân biệt hoàn toàn với loại nghèo khó của các tu sĩ chẳng hạn. Hơn nữa, Hơn nữa, nó không chỉ liên quan đến các của cải vật chất mà cả các của cải thiêng liêng, văn hoá và đạo đức, vốn còn quý báu hơn những của cải vật chất. Còn nữa, nó không chỉ liên quan đến việc sử dụng của cải nhưng cũng liên quan đến việc sở hữu và quyết định về của cải. Tất cả điều này được hiểu trong câu: *“quản trị các của cải được uỷ thác cho họ bằng các tiêu chuẩn của sự tiết độ và chia sẻ, vì lợi ích chung.”*

Bản văn cũng vạch ra những đòi hỏi của sự nghèo khó phúc âm và trần thế này và các đòi hỏi này liên quan tới các hoàn cảnh cụ thể của ngày hôm nay như thế nào. Về cơ bản đó là: ý thức rằng mình không phải là những chủ sở hữu mà là những người quản lý các của cải của mình và chịu trách nhiệm theo luật lao động với những đòi hỏi, khó khăn và thiếu thốn của nó; làm chứng về tính đơn sơ, tiết độ, và chừng mực bằng việc xa tránh sự xa hoa và phô trương, vốn là những điều bất công đối với đám đông quần chúng cơ cực và túng quẫn; tinh thần liên đới thúc đẩy người ta vượt qua thói ích kỷ tích trữ của cải và khư khư ôm giữ những thứ không dùng đến; và sự chia sẻ quảng đại tất cả những thứ ấy vì *lợi ích chung*.

▪ *Tinh thần khiết tịnh của Tin Mừng*

Đức Kitô Chúa chúng ta dành sự thân mật cho những người hiến mình cho Ngài trong sự đơn sơ của đức tin và tình yêu - “cho những ai có lòng thanh sạch” - và Ngài tuyên bố họ là những người “có phúc” vì “sẽ được nhìn thấy Thiên Chúa.” (Mt 5:8) Kinh Thánh dạy rằng mọi tạo vật đều tốt lành, và đặc biệt toàn thể thực tại tính dục - nghĩa là tình trạng cơ bản là nam hay là nữ - đều tốt lành. Theo đức tin này, khiết tịnh là một thực tại nội tâm và luân lý và hoàn toàn có thể được thể hiện trọn vẹn khi cuộc sống của một người được in đậm sự hiện diện sống động của Chúa. Để tránh ngộ nhận, cần nhớ rằng mỗi tình huống của người Kitô hữu đều mang theo loại khiết tịnh riêng biệt của nó. Có loại khiết tịnh riêng cho các đôi đính hôn, có loại riêng cho các cặp vợ chồng, và cũng có loại riêng cho những người độc thân. *Kế Hoạch Đời Sống Tông Đồ* đề nghị đức khiết tịnh như một lý tưởng mà mọi người CTV Salêdiêng có thể đạt tới, dựa theo bậc sống cụ thể của từng người. Điều này không gạt ra ngoài những người cảm thấy được Chúa kêu gọi sống khiết tịnh để có thể đạt tới mức độ từ bỏ việc xây dựng một gia đình riêng cho mình hầu hiến thân đặc biệt cho việc phục vụ Thiên Chúa và đồng loại.

Sống khiết tịnh không phải là một sự vô tri ngây thơ, không hiểu biết về thực tại tâm sinh lý

gắn liền với giới tính nam hay nữ của một người, hay chỉ là một sự “đắc thủ thanh thân” đức khiết tịnh. Đúng hơn, nó gợi lên ý tưởng về một sự *chinh phục liên tục* bằng một con đường giáo dục được soi dẫn. Nó không trình bày việc dần thân để đạt tới nó như là một gánh nặng áp bức khiến một người trở nên lo âu, hoài nghi, hay tệ hơn nữa, cay đắng và bất mãn, do tính mỏng dòn và yếu đuối của con người; nhưng đúng hơn, nó là một sức mạnh giải phóng thiêng liêng giúp một người tự chủ và được diễn tả bằng những hành vi tự nhiên và tế nhị. Nó cũng không chỉ là một sự đắc thủ thanh thân, nhưng là một nguồn mạch niềm vui: nó chính là “Mối Phúc Thật” mà Tin Mừng nói đến. Trên hết, nó được đánh giá như là *tập trung vào tình yêu*, được diễn tả bằng những cách khác nhau trong nếp sống độc thân, trong tình trạng đính hôn, trong hôn nhân, và trong tình trạng góa bụa, và nó mở ra cho nhiều hình thức tình bạn nhân loại và Kitô giáo đích thực.

■ *Lòng thương xót, công lý, và hoà bình*

Để hoàn tất đoạn nói về các Mối Phúc Thật của Tin Mừng trong tương quan với bối cảnh sống và làm việc của người CTV Salêdiêng ngày nay, điều luật này bây giờ xét đến ba tình huống văn hoá-xã hội gây ra bởi chủ nghĩa duy vật đang lan rộng khắp nơi và là nguyên nhân của không ít sự xấu xã hội: “chủ nghĩa hiệu quả” (không nên lẫn lộn với tính hiệu năng của công việc, vốn là một giá trị),

tính hiếu chiến, và sự chia rẽ. Các tình huống này đi ngược lại với ba thái độ được gợi hứng bởi địa vị tối thượng dành cho các giá trị của Thánh Thần và được Tin Mừng định nghĩa là “các Môi Phúc Thật”: lòng thương xót, công lý, và hoà bình, được thúc đẩy bởi một sự hiểu đúng về Thập Giá Đức Kitô, biểu hiện tối thượng của tình yêu.

ĐIỀU 8. Dấn thân tông đồ

- §1. Các CTV Salêdiêng thi hành việc tông đồ trước hết qua các công việc thường ngày của họ. Họ theo Đức Giêsu Kitô, Con Người hoàn hảo, được Cha sai đến thế gian để phục vụ loài người. Đây là lý do tại sao họ cam kết thực hành lý tưởng Tin Mừng là yêu mến Thiên Chúa và đồng loại trong các hoàn cảnh của đời sống hằng ngày.⁹
- §2. Được tinh thần Salêdiêng làm cho sinh động, họ chú tâm đặc biệt tới giới trẻ, cách riêng các thanh thiếu niên nghèo khổ nhất hay là nạn nhân của mọi hình thức loại trừ, bóc lột hay bạo lực; những người bắt đầu bước vào thế giới lao động; và những người bộc lộ những dấu hiệu của một ơn gọi chuyên biệt.
- §3. Họ cố vũ và bảo vệ giá trị của gia đình¹⁰—hạt nhân nền tảng của xã hội và Giáo Hội—và dấn thân xây dựng gia đình như một “Hội Thánh tại gia.”¹¹ Các CTV Salêdiêng đã kết hôn sống sứ mạng của họ qua đời sống hôn nhân như là những “người cộng tác với tình yêu của Thiên

9 *Gaudium et Spes*, số 45.

10 *Christifideles Laici*, số 40.

11 *Vat. II, LG* 11.

Chúa Đáng Tạo Hoá”¹² và là “những nhà giáo dục đầu tiên và chính yếu cho con cái họ,”¹³ theo khoa sư phạm lòng nhân hậu, đặc trưng của Hệ Thống Dự Phòng.

§4. Họ lưu tâm tới các Học Thuyết Xã Hội của Hội Thánh về công bằng xã hội và các phương tiện truyền thông xã hội nhằm giúp cho các hành trình giáo dục tăng trưởng trong các lãnh vực này.

§5. Họ nâng đỡ hoạt động truyền giáo của Hội Thánh và dấn thân cho việc giáo dục một viễn tượng toàn cầu như một sự mở ra cho đối thoại giữa các nền văn hoá.

DIỄN GIẢI

Các chủ đề chính

1. Ưu tiên các bốn phận hằng ngày
2. Ưu tiên chú tâm tới giới trẻ
3. Cổ vũ và bảo vệ giá trị của gia đình
4. Chú tâm tới Học Thuyết Hội Thánh về công bằng xã hội và các phương tiện truyền thông

¹² Cf. GS 50.

¹³ Cf. GE 3.

Các ý tưởng nòng cốt

Trong phần đầu, điều luật này khẳng định *vị trí ưu tiên dành cho các bốn phận hằng ngày* của người CTV Salêdiêng, dựa trên các tư tưởng của Don Bosco. Tiếp đến, điều luật đề nghị *nền tảng Kitô học* cho việc tông đồ trần thế của CTV Salêdiêng trong ánh sáng của Kinh Thánh và Công Đồng Vaticanô II. Chúa Kitô là vị Tông Đồ (Người Được Sai Đi), Đấng thấu tóm toàn thể vũ trụ và là điểm qui chiếu tuyệt đối cho mọi người môn đệ trung thành của Ngài, như mỗi người CTV Salêdiêng được kêu gọi làm một môn đệ như thế. Đồng thời, các đoạn khác của điều luật này nhắc nhở chúng ta về các ưu tiên của sứ mạng Salêdiêng: ưu tiên chú tâm đến giới trẻ, giá trị của gia đình, thực hành các giáo huấn của Hội Thánh về công bằng xã hội, và dân thân truyền giáo.

A. Ưu tiên các bốn phận hằng ngày

Các CTV Salêdiêng thi hành việc tông đồ trước hết qua các công việc thường ngày của họ. Lặp lại sự ưu tiên này là điều quan trọng, vì đây chính là lý do có tính quyết định đã được Don Bosco phát biểu: “Chúng ta cũng cần có những người bạn, những ân nhân và những người sống ngoài đời; họ sống trong gia đình của họ đồng thời thực hành đầy đủ tinh thần Salêdiêng.” (Xem *MB XIII* 605-606 e *ACGS* 153). Ngoài lời phát biểu này, Don Bosco

cũng thường xuyên diễn tả tư tưởng rằng người Cộng Tác Viên Salêdiêng phải là những “Kitô hữu tốt”, những người Công Giáo đích thực. Trên thực tế, *hoàn cảnh và sứ mạng trần thế của họ* chính là lý do có tính quyết định để người CTV Salêdiêng dành ưu tiên cho các bổn phận hằng ngày của họ.

▪ *Theo Đức Kitô hôm nay*

Người CTV Salêdiêng phải làm gì để là một Kitô hữu, một tông đồ giáo dân, như Don Bosco từng mong muốn hôm qua và như Hội Thánh mong muốn hôm nay?

Họ phải theo Đức Kitô hôm nay. Có nghĩa là:

- tin vào Đức Kitô, vào Mầu Nhiệm khôn tả của Thiên Chúa Làm Người, và tin vào sự sống Ngài đã hiến dâng cho sự cứu rỗi và giải phóng toàn diện của chúng ta (đức tin);
- lấy làm của mình quan niệm của Đức Kitô về thế giới, về con người, về lịch sử, và về các biến cố nhân loại (*hoán cải*);
- có những thái độ nội tâm của sự tin cậy và phó thác hoàn toàn cho Thiên Chúa và hoàn toàn tin tưởng vào tình nhân ái đối với con người, như Ngài đã có (đức cậy);
- yêu mến Thiên Chúa và tha nhân giống như Ngài yêu (đức ái) và đối xử với mọi người như Ngài đã đối xử;

- cư xử giống như Ngài trong gia đình, nơi làm việc, trong xã hội, khi vui cũng như lúc đau khổ, khi gặp cảnh nghèo và bệnh tật, gặp bất công và áp bức, và mọi loại thử thách; và
- ngoan ngoãn vâng phục giống như Ngài đối với tiếng nói của Thánh Thần, Đấng soi sáng lương tâm và thúc đẩy ý chí.

Những điều này không chỉ dừng lại trên lý thuyết và các ý tưởng mà thôi, nhưng phải đem ra thực hành trong cuộc sống hằng ngày. Bằng việc tập trung vào các phát biểu quan trọng này, *Kế Hoạch Đời Sống Tông Đồ* vạch ra một số nét của diện mạo và đời sống của Chúa Giêsu: Sứ mạng của Ngài trong thế giới, việc phục vụ của Ngài cho loài người, các hoạt động của Ngài trong các hoàn cảnh bình thường của đời sống, và sự kiện Ngài là Con Người Hoàn Hảo và một gương mẫu sống động cho mọi con người: *Ai theo Đức Kitô, Con Người hoàn hảo, người ấy cũng làm cho mình thành con người hơn*. Một số nét của đời sống Chúa Giêsu có ý nghĩa đặc biệt cho các dân thân tông đồ trần thế và Salêdiêng của người CTV Salêdiêng.

▪ *Được Cha sai đến*

Sứ mạng của Dân Thiên Chúa và của những người tham dự vào sứ mạng ấy xuất phát từ Đức Kitô và tìm thấy nơi Ngài nguồn gốc và lý do hiện hữu. Theo các Tin Mừng Nhất Lãm, Đức Kitô được trình bày như là Đấng *tuyệt hảo* được Thiên Chúa

sai đến (xem Lc 4:17-21). Mọi khía cạnh của hành động giải phóng củ Đức Kitô (rao giảng Tin Mừng, chu toàn Lễ Luật và các Tiên Tri, kêu gọi cả người công chính lẫn người tội lỗi, tìm kiếm những gì đã mất, và trả lại ý nghĩa thật cho TẠO DỰNG) đều được tóm gọn trong sứ mạng Ngài đã lãnh nhận từ Cha, Đấng TẠO HOÁ giàu lòng thương xót. Người CTV Salêdiêng gặp được nơi Đức Giêsu Kitô vị Tông Đồ hoàn hảo của Cha. Trong Kế Hoạch Đời Sống của các Kitô hữu, những “tông đồ giữa đời” như các CTV Salêdiêng phải là, danh hiệu ấy của Đức Kitô cần phải được ghi nhớ rõ ràng.

▪ *Để phục vụ con người*

Được Cha sai đến để hoàn tất công trình của các tông đồ Thiên Chúa trong Cựu Ước (xem Mt 21:33tt.), Người Con Yêu Dấu đến để phục vụ. Ngay từ thời thơ ấu Ngài đã khẳng định Ngài phải lo những công việc của Cha Ngài (Lc 2:49). Dòng đời Ngài được đặt dưới dấu hiệu của một “nhu cầu” diễn tả sự vâng phục con thảo của Ngài đối với Ý của Cha (xem Mt 16:21) nhưng bên trong nhu cầu phục vụ này mà đã dẫn Ngài đến Thập Giá, *tình yêu* được bộc lộ mà chỉ một mình nó diễn tả phẩm cách và giá trị của Ngài: “Để cho thế gian biết rằng Thầy yêu mến Chúa Cha và làm đúng như Chúa Cha đã truyền cho Thầy.” (xem Ga 14:30). Đức Kitô phục vụ Thiên Chúa bằng cách đặt mình *phục vụ loài người*, trong đó Ngài bộc lộ kế hoạch của Chúa Cha

đối với loài người: Cha muốn mọi người hiến thân phục vụ lẫn nhau giống như Đức Giêsu Nadarét, Chúa và Thầy của họ, đã làm. Đường hướng cơ bản này của sứ mạng Đức Giêsu không thể thiếu trong *Kế Hoạch Đời Sống Tông Đồ* để các trách nhiệm gia đình và xã hội của người CTV Salêdiêng và việc phục vụ Tin Mừng của họ có thể được kết nối với nguồn mạch và tâm điểm Tin Mừng của họ: Mầu Nhiệm Chúa Giêsu.

▪ *Trong thế giới*

Đức Kitô đã sống sứ mạng của Ngài và thực hiện việc phục vụ loài người trong một bối cảnh cụ thể của loài người: trước hết là môi trường gia đình và quê hương Nadarét của Ngài, rồi đến môi trường rộng lớn hơn là Dân Israel của Ngài, thậm chí dân này đã mang một chiều kích cứu độ hoàn vũ. Ngài đã không xa lánh hay tách mình ra khỏi môi trường văn hoá và xã hội mà Ngài đã được sai đến; Ngài đã không từ chối các trách nhiệm gia đình, dân sự và xã hội. Ngài muốn giống như các anh chị em mình trong mọi sự ngoại trừ tội lỗi (xem Dt 2:17). Ngài giao tiếp với những con người hèn mọn và đơn sơ; Ngài tiếp xúc với các giới chức dân sự và tôn giáo thời Ngài; Ngài gặp rắc rối trong những cấu trúc của Dân Ngài. Và chính trong cái cấu trúc nhân loại này, với tất cả những ánh sáng và bóng tối của nó, với tất cả những cảnh cùng cực và đau khổ, các âu lo và hi vọng, các khát vọng và thất vọng, Ngài đã thực hiện công cuộc cứu rỗi và giải

phóng hoàn toàn nhân loại. Ngày nay người CTV Salêdiêng đang sống và làm việc trong những tình huống cụ thể khá khác biệt với những tình huống của thời Đức Giêsu về nhiều phương diện, nhưng cũng có những tình huống khá giống với thời của Ngài. Họ phải có những thái độ và hành vi giống như của Đức Giêsu, không phải bằng cách trốn tránh các hoàn cảnh bình thường như thế của cuộc sống, nhưng bằng cách ở lại trong đó.

▪ *Người Salêdiêng giữa đời*

Các CTV Salêdiêng *theo Đức Giêsu Kitô, Con Người hoàn hảo...* Đây là lý do tại sao họ cam kết thực hành lý tưởng Tin Mừng là yêu mến Thiên Chúa và đồng loại trong các hoàn cảnh của đời sống hằng ngày.

Nhưng người CTV không muốn thực hiện việc này một cách chung chung, giống như mọi giáo dân bình thường khác, nhưng họ muốn làm một cách chuyên biệt, như một tông đồ Salêdiêng giữa đời. Vì thế, điều luật này xác định một cách thích hợp rằng họ làm như thế vì được tinh thần Salêdiêng làm cho sinh động, họ ưu tiên chú tâm tới giới trẻ ở bất cứ nơi nào. Thực vậy, người CTV Salêdiêng chuyển thành hành động sự chọn lựa tông đồ đặc biệt này - trên hết - trong các hoàn cảnh cụ thể và bình thường mà họ hành động trong tư cách là một giáo dân sống giữa đời. Trong gia đình, trong công việc, trong các hoạt động xã hội và giải trí, họ luôn

luôn chú tâm tới giới trẻ, bắt đầu bằng một sự nhậy cảm đặc biệt trước các nhu cầu của những người sống quanh họ, bằng cách cho thấy họ sẵn sàng tiếp xúc với những người ấy với phong cách quan hệ đặc trưng của Don Bosco.

■ *Chú tâm ưu tiên tới giới trẻ*

Don Bosco được Thiên Chúa ban cho một trái tim “rộng lớn như cát đại dương.” Ngài không bao giờ gặp bất cứ ai - dù là đàn ông hay đàn bà, giàu hay nghèo, trẻ hay già, sang hay hèn - mà không tìm cách làm một điều gì tốt cho họ. Thế nhưng cuộc đời và mỗi một hành động của ngài đều chứng tỏ ngài cảm thấy rõ ngài được Thiên Chúa sai đến trực tiếp, và trước hết, cho giới trẻ.

Chính mối quan tâm ưu tiên này đã khơi dậy những lời kêu gọi mạnh mẽ nhất của ngài cho các CTV và là điều được biểu lộ rõ ràng không thể tranh cãi trong bản *Qui Luật* được viết cho họ: “Chúng ta là những Kitô hữu đang sống trong thời buổi nhiều nhương này, chúng ta cũng phải đoàn kết trong tinh thần cầu nguyện, bác ái và nhiệt thành, sử dụng mọi phương tiện mà đạo Chúa cống hiến cho chúng ta. Chúng ta phải cố gắng đập tan, hay ít là dẹp bớt sự ác đang gây nguy hiểm cho đời sống luân lý của giới trẻ, lớp người đang nắm trong tay vận mệnh của xã hội chúng ta... Tu Hội Salêdiêng, sau khi đã được Hội Thánh chính thức phê chuẩn, phải cung cấp một sợi dây chắc chắn và vững bền để nối kết

các CTV Salêdiêng lại với nhau. Mục đích hàng đầu của nó là làm việc cho lợi ích của giới trẻ, vì xã hội tương lai tốt hay xấu sẽ tùy thuộc vào họ... hằng ngày chúng ta nhận được nhiều lời xin trợ giúp từ nhiều nơi trên đất Ý và Châu Âu, từ Trung Quốc, Úc và Châu Mỹ, cách riêng từ Cộng Hoà Argentina. Họ yêu cầu chúng ta gửi các thừa tác viên có chức thánh [và các tu sĩ Salêdiêng] để chăm lo cho các thanh thiếu niên gặp nguy hiểm... Chính vì muốn đáp ứng các nhu cầu này mà chúng ta đang tìm kiếm các cộng tác viên... Mục đích chính của Hội CTV Salêdiêng là [thực thi] bác ái [đối với người đồng loại, và đặc biệt,] cho các trẻ nam đang gặp nguy hiểm. [Một điểm đáng chú ý: tất cả những gì được yêu cầu cho các trẻ nam đang gặp nguy hiểm thì cũng được đề nghị cho các trẻ nữ trong hoàn cảnh nguy hiểm tương tự.] (*Regolamento di Don Bosco per i Cooperatori*, 1876, đoạn I, II, và IV).

B. Cổ vũ và bảo vệ giá trị gia đình

Ngày nay gia đình là tâm điểm của sự chú ý và của sự chăm lo mục vụ của toàn thể Hội Thánh. Thượng Hội Đồng Giám Mục [về Gia Đình] vừa kết thúc đã đưa ra những hướng dẫn quý báu cho việc đồng hành mục vụ với các gia đình, trong văn kiện cuối cùng, số 67:

Thượng Hội Đồng nhất trí tái xác nhận rằng trường học đào luyện đầu tiên là gia đình, và cộng

đoàn Kitô tham gia bằng việc nâng đỡ và phối hợp với vai trò đào luyện không thể thiếu này. Cần phải xác định các địa điểm và thời gian để các gia đình gặp gỡ nhau nhằm khuyến khích việc đào tạo các cha mẹ và chia sẻ kinh nghiệm của các gia đình. Các bậc cha mẹ là những người thầy và chứng nhân đức tin đầu tiên cho con cái, họ cần phải tham gia tích cực vào việc chuẩn bị cho con cái họ lãnh nhận các Bí Tích Khai Tâm Kitô giáo.

Đối với Hiệp Hội CTV Salêdiêng, gia đình là nơi ưu tiên cho sứ mạng tông đồ của Hội. *Kế Hoạch Đời Sống Tông Đồ* chỉ ra sợi dây nối kết sứ mạng giới trẻ và giới bình dân bằng câu này: “*Họ [= các CTV Salêdiêng] cổ vũ và bảo vệ giá trị của gia đình.*” Bản văn nêu lý do cho sự chọn lựa này bằng cách nhìn nhận gia đình là “hạt nhân cơ bản của xã hội và Giáo Hội”. thực vậy, gia đình là tế bào đầu tiên và cơ bản, độc nhất và không thể thay thế của xã hội: sức khỏe của xã hội tùy thuộc phần lớn vào sức khỏe của gia đình. Gia đình Kitô là một “Hội Thánh tại gia” sinh ra con cái cho cộng đồng Hội Thánh rộng lớn hơn và chuẩn bị chúng để thi hành sứ mạng chung của Hội Thánh trong các tác vụ khác nhau. Sau khi đã trải nghiệm đời sống vợ chồng và các vấn đề liên quan đến việc giáo dục con cái, việc chọn lựa ơn gọi, nghề nghiệp, và chuẩn bị hôn nhân, các cặp vợ chồng Công Giáo có khả năng cống hiến một sự phục vụ vô giá và thiết yếu trong việc thăng tiến lợi ích của gia đình. Cũng

cần lưu ý tới mối tương quan sâu xa giữa việc mục vụ giới trẻ và mục vụ gia đình.

▪ *Dấn thân xây dựng gia đình như một “Hội Thánh tại gia”*

Gia đình nảy sinh từ hôn nhân Kitô giáo không chỉ có nghĩa là một sự hội nhập vào Hội Thánh hay trở thành một phần của Hội Thánh. Nó có thể gọi một cách chí lý là một “Hội Thánh thu nhỏ” hay một “Hội Thánh tại gia”. (THĐGM, số 87). Đây là ý nghĩa mới mẻ - và rất quan trọng, rất giá trị - mà gia đình có được trong kế hoạch cứu độ của Chúa Giêsu. Từ Thánh Phaolô đến các Giáo Phụ lớn của các thế kỷ đầu, gia đình Kitô được coi là một Hội Thánh ở qui mô nhỏ trong đó các thành phần cấu tạo của Gia Đình Thiên Chúa là Hội Thánh có thể được thể hiện và biểu lộ: Mầu nhiệm của đức tin, đức ái, chứng tá mạnh về Nước Thiên Chúa, và sự hiện diện sống động của Chúa Phục Sinh. “Hãy làm cho gia đình anh chị em thành một Hội Thánh,” Th. Gioan Kim Khẩu rất thường xuyên giảng như thế giữa những tiếng hoan hô của dân chúng.

▪ *Cộng tác với tình yêu của Thiên Chúa Đáng Tạo Hoá*

Nhưng phải làm gì để cái lý tưởng tuyệt vời này của Tin Mừng trở thành một thực tại đầy an ủi, như chúng ta có thể mong đợi nơi mỗi gia đình hạt nhân của Hội Thánh? Hiến Chế *Gaudium et Spes* số 50 nói:

Bổn phận truyền sinh và giáo dục phải được coi là sứ mệnh riêng biệt của vợ chồng. Trong khi thi hành bổn phận ấy, họ biết rằng mình cộng tác với tình yêu của Thiên Chúa Tạo Hóa và như trở thành những kẻ diễn đạt tình yêu của Ngài. Bởi vậy, họ sẽ chu toàn bổn phận mình với trách nhiệm của con người và của con người Kitô hữu 60*. Tôn trọng, tuân phục Thiên Chúa, đồng tâm hiệp lực với nhau, họ sẽ tạo được cho mình một phán đoán ngay thẳng: biết xét đến lợi ích riêng của họ cũng như của con cái đã sinh hay tiên liệu sẽ có, nhận định về các hoàn cảnh vật chất hay tinh thần của thời đại và bậc sống, sau hết biết nghĩ đến lợi ích của gia đình, của xã hội trần gian và của chính Giáo Hội. Sự phán đoán ấy, sau cùng chính đôi vợ chồng phải chọn lựa lấy trước mặt Thiên Chúa. Trong cách thể hành động, vợ chồng Kitô hữu hãy ý thức là mình không thể làm theo sở thích, nhưng phải luôn luôn tuân theo tiếng nói của một lương tâm phải được khuôn đúc theo luật Chúa, hãy vâng phục Giáo huấn của Giáo Hội, vì Giáo Hội có thẩm quyền giải thích luật Chúa dưới ánh sáng Phúc Âm. Luật Chúa tỏ rõ ý nghĩa đầy đủ của tình vợ chồng, bảo vệ và khích lệ mối tình ấy đến mức hoàn thiện trên bình diện đích thực nhân loại.

Cũng văn kiện này ở số 51 nhắc nhở chúng ta: “Mọi người đều phải ý thức rằng: đời sống nhân loại và bổn phận lưu truyền sự sống ấy không chỉ giới hạn ở đời này cũng như không thể hiểu và đo lường được ở đời này, nhưng luôn qui chiếu về định mệnh vĩnh cửu của con người.”

Lấy lại làm của mình các hướng dẫn này của Vaticanô II và của Thượng Hội Đồng Giám Mục, và lấy thái độ “quảng đại” đón nhận và lưu truyền sự sống để chống lại trào lưu đang phổ biến chống lại sự sống, *Kế Hoạch Đời Sống Tông Đồ* đã phát biểu như sau về khía cạnh thứ hai này của sứ mạng và về bốn phạm đạo đức của những người CTV Salêdiêng đã kết hôn: “*những người cộng tác với tình yêu của Thiên Chúa Đáng Tạo Hoá*” và “*những nhà giáo dục đầu tiên và chính yếu cho con cái họ.*”

▪ *Những nhà giáo dục đầu tiên và chính yếu cho con cái*

“Chắc chắn một trong những thách thức chính đặt ra cho các gia đình hôm nay là việc nuôi dạy con cái; thách thức này lại càng khó khăn và phức tạp do nền văn hoá ngày nay và ảnh hưởng to lớn của các phương tiện truyền thông.” (*THĐGM* số 66). Chăm lo cho sự phát triển của con cái bằng lời nói và gương sáng là trách nhiệm đầu tiên và lớn nhất của bậc cha mẹ. Về phương diện này, một khái niệm cơ bản phải được lưu ý và cắt nghĩa: Tình hình hiện nay của nhiều nước mang nét đặc trưng của một chủ nghĩa đa nguyên về xã hội và văn hoá—tại trường học, nơi làm việc, trong xã hội, và qua các phương tiện đại chúng, người ta đưa ra rất nhiều những ý tưởng, những mẫu ứng xử và phong cách sống không chỉ khác nhau nhưng thường đối chọi nhau. Sự nổi dậy của các trào lưu này khiến cho vai trò truyền thống của các cha mẹ gặp khủng

hoàng và đòi hỏi một sự thay đổi sâu xa.

Đề là những người truyền đạt chân chính về các giá trị nhân bản và Kitô giáo, các cặp vợ chồng phải hành động sao cho gia đình họ trở thành nơi ưu tiên đề tình trạng đa nguyên nói trên về các ý tưởng, các mẫu ứng xử, các ý kiến và các cách đánh giá được biết đến, được nhìn nhận, thảo luận, đón nhận một cách có phê phán và tích hợp một số vào đời sống của họ sau khi đã suy nghĩ, phân tích và phê phán qua việc trao đổi thành thật và liên tục giữa cha mẹ và con cái; nói khác đi, vai trò của cha mẹ ngày nay là đào luyện thế nào để con cái họ có khả năng biết đánh giá một cách có phê phán các hình thức khác nhau của sự thao túng văn hoá-xã hội khiến chúng có thể rơi vào nguy hiểm, và để chúng biết tạo ra những giá trị mới theo hướng đã vạch ra ở trên.

Trong bối cảnh này, phải nhấn mạnh tầm quan trọng của những điểm sau đây:

- việc *dạy giáo lý cho các thiếu nhi và thiếu niên* được thực hiện theo các chỉ dẫn của Đức Thánh Cha và các Đức Giám Mục và các dựa theo các kinh nghiệm có giá trị hiện nay về việc dạy giáo lý trong gia đình;
- việc *giáo dục giới tính* thích hợp, như được yêu cầu và khuyến khích trong các hướng dẫn chính xác củ các văn kiện của Công Đồng và giáo hoàng; và

– *giáo dục chiều kích xã hội của đời sống.*

Khi nói về nhiệm vụ giáo dục được thực hiện bởi người CTV Salêdiêng, *Kế Hoạch Đời Sống Tông Đồ* nhắc nhở chúng ta rằng nó được thực hiện theo khoa sư phạm lòng nhân hậu, đặc trưng của Hệ Thống Dự Phòng.

C. Họ lưu tâm tới Học Thuyết Xã Hội của Hội Thánh và các phương tiện truyền thông xã hội

Quan điểm được khai triển trong Học Thuyết Xã Hội của Hội Thánh là quan điểm của một khoa nhân học Kitô giáo, với cái nhìn về phẩm giá và đời sống con người trong quan hệ với các thành viên khác của xã hội. Nhân vị tạo thành trục xoay của toàn thể suy tư về giáo dục xã hội, và được coi là tâm điểm của xã hội do phẩm giá ưu việt và không thể chuyển nhượng. Phẩm giá này của con người được đặt trên cơ sở là con người được dựng nên theo hình ảnh của Thiên Chúa và giống với Thiên Chúa (St 1:26-27). Chúng ta có thể nói rằng ở điểm này, mặc khải của Thiên Chúa trong Kinh Thánh bắt gặp những suy tư của lý trí con người trong việc khẳng định giá trị và phẩm giá của con người.

Con người “luôn luôn là một giá trị *tự thân*” và không thể bị sử dụng như một công cụ hay bị đối xử như một đồ vật, dù là nhân danh một Nhà Nước, một tổ chức, hay một đảng phái chính trị nào... Trên

thực tế, con người trong tính cá thể của mình không phải là một con số hay một mắt xích trong một sợi xích; cũng không phải là một cái răng trong một cái bánh răng. Con người giữ vị trí tối thượng trên Nhà Nước và xã hội. Đây là một *quyền tự tại của con người*, và vì thế thậm chí là nền tảng của quyền; do đó, không phải Nhà Nước với thái độ phụ mẫu và “nhân từ” trao ban các quyền này cho con người hay quyết định từ chối các quyền này. Đúng hơn, Nhà Nước có nhiệm vụ bảo vệ, cổ vũ và nâng đỡ sự phát triển các quyền tự nhiên của mọi người, không có bất cứ sự kỳ thị nào, vì bất cứ sự kỳ thị nào cũng là một sự bất công hoàn toàn không thể chấp nhận được vì nó làm hoen ố phẩm giá con người.

D. Nâng đỡ hoạt động truyền giáo của Hội Thánh

Don Bosco đã vun trồng lý tưởng truyền giáo và tham gia vào hoạt động trgì của Hội Thánh thời ngài. Theo ý muốn rõ ràng của ngài, hoạt động tông đồ truyền giáo là một yếu tố cơ bản thuộc bản chất và mục đích của toàn thể Gia Đình Salêdiêng. Trên thực tế, các CTV Salêdiêng đã cống hiến một phần đóng góp quyết định cho công cuộc truyền giáo Salêdiêng. Các việc nhân bản hoá, phúc âm hoá, và thiết lập Giáo Hội - cả trong các xứ truyền giáo - đều được qui hướng về giới trẻ nghèo và giới bình dân, dựa trên tiêu chí ưu tiên và cấp bách. Hoạt động truyền giáo hôm nay càng có tầm quan

trọng hơn vì nó chặt chẽ gắn liền với những vấn đề nghiêm trọng nhất của thời đại chúng ta: hoà bình, phát triển, liên đới, và những sự trao đổi tích cực giữa các quốc gia, chủng tộc, và tôn giáo.

ĐIỀU 9. Nhiệm vụ giáo dục Kitô giáo

§1. Như Don Bosco, các CTV Salêdiêng, đem công cuộc giáo dục và phúc âm hoá¹⁴ đến mọi nơi, để tạo nên những “công dân lương thiện, những Kitô hữu tốt, và những cư dân hạnh phúc trên Trời,”¹⁵ ý thức rằng họ luôn luôn đang trên hành trình tiến tới một sự trưởng thành hơn về nhân bản và Kitô giáo.

§2. Họ chia sẻ với giới trẻ niềm đam mê sống trung thực các giá trị sự thật, tự do, công bằng, ý thức lợi ích chung, và phục vụ.

§3. Họ dạy giới trẻ biết gặp gỡ Đức Kitô Phục Sinh - trong đức tin và các bí tích - để các em tìm thấy nơi Người ý nghĩa cuộc đời mình để lớn lên thành “những con người mới”.

§4. Họ nỗ lực giúp giới trẻ phát triển một kế hoạch đời sống có khả năng làm chứng về sự hiện diện Kitô giáo và Salêdiêng của các em trong Giáo Hội và xã hội.

¹⁴ Cf. ACS 290, luglio 1978: E. Viganò, *Il progetto educativo salesiano*, 25-35.

¹⁵ Cf. DB, *Il Sistema Preventivo nell'educazione della gioventù*, 1877,I; Cf. P. Braidò, *Il Sistema preventivo in un 'decalogo' per educatori*, RSS 4,1985.

DIỄN GIẢI

Các chủ đề chính

1. Giáo dục và Phúc âm hoá.
2. Chia sẻ với giới trẻ niềm đam mê sống các giá trị một cách trung thực.
3. Giáo dục giới trẻ gặp gỡ Đức Kitô Phục Sinh—trong Đức Tin và các Bí Tích.

Các ý tưởng nòng cốt

Nếu chúng ta theo cái nhìn của Kinh Thánh và khái niệm về Hội Thánh được Công Đồng Vaticanô II đề nghị, thì với mỗi “sứ mạng” đều có một “việc phục vụ” tương ứng. Hội Thánh tham dự vào sứ mạng của Đức Kitô và tự bản chất được sai đi “phục vụ” Thiên Chúa và loài người. Khoản luật này mô tả kiểu phục vụ của người CTV Salêdiêng với tư cách một con người và một Kitô hữu thực hiện giữa những người mà việc phục vụ truyền giáo của họ ưu tiên nhắm tới. Nhiệm vụ giáo dục Kitô giáo này được trình bày trong những khía cạnh cơ bản của nó.

A. Giáo dục và Phúc âm hoá: Nhận thức thời nay

Hệ Thống Dự Phòng giúp chúng ta có một sự thống nhất chặt chẽ giữa phúc âm hoá và giáo dục.

Trên thực tế, trong hoạt động giáo dục-mục vụ của ngài, Don Bosco loại bỏ mọi sự chia cắt giữa giáo

dục và phúc âm hoá. Ngài muốn mô tả việc thực hành của ngài bằng một khẩu hiệu dễ nhớ: ‘Phúc âm hoá bằng giáo dục và giáo dục bằng phúc âm hoá.’ ... ‘Chúng ta rất ý thức rằng giáo dục và phúc âm hoá là những hoạt động chuyên biệt và phân biệt, nhưng có một sự liên kết chặt chẽ giữa chúng trên bình diện thực hành trong đời sống.’ (Viganò Egidio, *Il progetto educativo salesiano*, in ACS n. 290).

■ *Phúc âm hoá bằng giáo dục*

Quan tâm mục vụ của Don Bosco được đặc trưng một cách nghiêm túc và nhất quán bởi việc chọn lựa giáo dục như là lãnh vực và phương thức hành động mục vụ của ngài; bởi thế, Hệ Thống Dự Phòng đặt nền trên sự kiện cụ thể của sự thâm thấu hiện sinh giữa ‘phúc âm hoá’ và ‘giáo dục’ theo cùng một triển tư tưởng như những gì được vạch ra cho chúng ta trong Tông Huấn *Evangelii Nuntiandi*, các số 31-36. Don Bosco nói đến các “Kitô hữu tốt và công dân lương thiện, chính trực”, những người tìm kiếm sự “thánh thiện, khôn ngoan và sức khoẻ” và ngài đề nghị một lối sống bao gồm “niềm vui, học tập và lòng đạo.” (xem *ACG XXI*, 81).

Thế nên thừa tác vụ của ngài không chỉ là trong lãnh vực dạy giáo lý và phụng vụ, nhưng còn mở rộng ra tất cả những công việc giáo dục và văn hoá liên quan đến các hoàn cảnh của giới trẻ. Đúng hơn, thừa tác vụ của ngài được định vị trong tiến trình nhân bản hoá, chắc chắn là theo nghĩa phê phán các khiếm khuyết của nó, nhưng cũng có cái

nhìn tổng thể lạc quan về sự trưởng thành của con người, với sự xác tín rằng đây chính là mảnh đất mà hạt giống Tin Mừng phải được gieo vào để dẫn đưa người trẻ tới chỗ quảng đại dấn thân vào chính lịch sử của họ. Hành động mục vụ của ngài hướng tới việc giúp ích cho việc kiến tạo một xã hội mới, khiến cho Don Bosco đã có thể giới thiệu cho một số chính khách rằng “hệ thống” của ngài là một sự cam kết đích thực cho việc thăng tiến con người, cho dù họ không chấp nhận cùng một quan điểm đức tin của ngài. Một cách chính đáng, trong con mắt của thế giới và Hội Thánh dbc xuất hiện như là một “Nhà Giáo Dục Thánh,” hay một linh mục in đậm dấu ấn sự thánh thiện của mình trong giáo dục. Mặt khác, nếu Tin Mừng có giá trị cứu rỗi trong sự tăng trưởng nhân bản, và nếu các thanh thiếu niên sống “tuổi giáo dục”, thì việc phúc âm hoá các em sẽ vô cùng thuận lợi nếu nó đồng hành với các em trong tiến trình giáo dục trong đó đức tin được tích hợp như là yếu tố thống nhất và soi sáng cho toàn thể nhân cách của các em.

▪ *Giáo dục bằng phúc âm hoá*

Công việc giáo dục của CTV Salêdiêng có mục tiêu là phúc âm hoá. Nghệ thuật giáo dục của chúng ta là “mục vụ”, không chỉ theo nghĩa nó phát xuất từ đức ái tông đồ của nhà giáo dục và được đức ái ấy nuôi dưỡng hằng ngày, mà còn theo nghĩa toàn thể tiến trình giáo dục, cả trong nội dung lẫn phương pháp, được qui hướng về mục tiêu cứu rỗi

của Kitô giáo và được thấm nhuần ánh sáng và ân sủng của Kitô giáo. Khoa sư phạm Salêdiêng trong bản chất toàn diện của nó bao gồm nhiệm vụ khá sâu xa là mở cõi lòng của mình và của người khác ra cho những giá trị tuyệt đối của Thiên Chúa, và cắt nghĩa cuộc đời và lịch sử theo sự phong phú của Mầu Nhiệm Đức Kitô. Nó thật sự chú tâm đến sức mạnh và viễn tượng về sự sống lại và phản ánh sâu sắc sự hiện diện ban sự sống của Chúa Thánh Thần trong Hội Thánh và thế giới. Phương thức “giáo dục bằng phúc âm hoá” này cũng mang theo một số chọn lựa cụ thể liên quan đến tiến trình giáo dục. Những chọn lựa này nhắm tới thực tại “nhân vị” của người đang được giáo dục, tới mục tiêu thật và lịch sử của sự tăng trưởng của họ, tới nội dung và phương tiện họ cần, và phương pháp luận có lợi nhất cho sự trưởng thành của họ.

B. Chia sẻ với giới trẻ niềm đam mê sống các giá trị một cách trung thực

Khi phân tích nội dung việc phục vụ giáo dục Kitô này, chúng ta dừng lại trên một số giá trị của Tin Mừng mang tính xã hội: “sự thật, tự do, ý thức lợi ích chung, và phục vụ.” Đây là những giá trị lớn được công bố trong các văn kiện của Công Đồng Vaticanô II về công bằng xã hội: “Trật tự xã hội đòi phải phát triển mỗi ngày một hơn: phải đặt nền tảng trên chân lý, xây dựng trong công bình, nuôi

sống nhờ tình yêu; phải dần dần tìm được trong tự do sự quân bình mỗi ngày mỗi hợp với nhân bản hơn. Để chu toàn được những điều trên, phải có sự đổi mới tâm thức và những thay đổi sâu rộng trong xã hội.” (GS, số 26). Đây cũng là những giá trị mà mỗi người CTV Salêdiêng phải đem đến cho thực tại xã hội của mình. Do đó, điều đương nhiên là nó phải được “chia sẻ” với giới trẻ là những người mà chúng ta chăm lo cho việc giáo dục Kitô giáo. Ở đây một sự đào luyện đúng đắn về “dấn thân xã hội và chính trị” đóng một vai trò quan trọng.

▪ *Giáo dục về sự thật*

Xã hội chúng ta hôm nay được đánh dấu bởi những thay đổi ghê gớm với một tốc độ chóng mặt. Chúng ta không còn sống trong một thời đại thay đổi, chúng ta sống trong *một sự thay đổi thời đại*. Đây là nét đặc trưng của thời hậu hiện đại. Hậu hiện đại là kết quả của một sự vỡ mộng và thất vọng với sự thất bại của các định đề của thời hiện đại. “Hiện đại”, trên thực tế, là thời đại của những chuyện không tưởng xã hội to lớn. Nó là thời đại của niềm tin vào nhiều chuyện: niềm tin vô giới hạn vào *tự do*, niềm tin vào *khoa học*, niềm tin vào *tiến bộ*, và niềm tin vào con người. Người ta đã nghĩ rằng lý trí con người, sự hiểu biết, và tiến bộ sẽ là giải pháp cho mọi vấn đề. Họ giả định rằng sẽ không còn tình trạng dốt nát, nô lệ, mê tín dị đoan, và con người sẽ hoàn toàn hạnh phúc. Nhưng tất cả

những điều này đã không xảy ra (lưu ý về hai cuộc Thế Chiến).

Và rồi thời hậu hiện đại nổi lên theo sau thời hiện đại, chống lại và vượt qua thời hiện đại. Nó là sự cạn kiệt của lý trí, sự từ chối các hệ thống và các ý thức hệ, và cũng từ chối cả các ý tưởng và sự thật. Ngày nay chúng ta bị choáng ngợp về thông tin nhưng lại mù mờ về sự khôn ngoan. Chúng ta sống trong một “*nền văn hoá lỏng*.” Có vô số những ý tưởng, giá trị, tầm nhìn vũ trụ, phong cách sống, nhưng lại không có một nguyên tắc định hướng do thiếu và chối bỏ bất cứ cái gì là tuyệt đối. Các ý tưởng hậu hiện đại kết thúc bằng *chủ nghĩa hư vô* và tạo ra một môi trường của *chủ nghĩa tương đối* và chủ nghĩa đa giá trị, được đánh giá dựa trên *tính hữu dụng và thực dụng*.

▪ *Giáo dục về công bằng, về ý thức công ích và về phục vụ*

Ý tưởng cho rằng công ích đã được định nghĩa dưới những hình thức cụ thể, một lần và mãi mãi, không phân biệt ý nghĩa của nó trong các tình huống lịch sử phức tạp của một người, là một ý tưởng sai lầm. Việc xây dựng một trật tự xã hội mà trong đó mỗi người nhận được phần thích đáng của mình là một nhiệm vụ căn bản mà mỗi thế hệ đều phải đối diện. Nhiệm vụ của một “*công dân lương thiện*” liên quan đến công ích, do đó, là một nếp sống và một cách hành động được đánh dấu bởi

một số chọn lựa nổi bật, là một đòi hỏi phải có đối với những ai dấn thân hay muốn dấn thân vào lãnh vực chính trị.

Chúng ta tóm tắt những chọn lựa này trong 5 điểm xem ra là tối cần thiết cho một người muốn phục vụ công ích:

Thứ nhất – Bốn phận đối với đạo đức công cộng và luân lý xã hội phải được liên kết bất khả phân ly với bốn phận đạo đức *cá nhân*: cách lý luận “mặt nạ” - nối kết “các tội xấu riêng tư với các nhân đức công cộng” - phải bị loại bỏ. Điều này bao hàm sự nhìn nhận *vị trí tối thượng của lương tâm* khi hành động trong xã hội và chính trị và quyền *vấn nạn lương tâm* của mỗi người đại diện của dân chúng trong những vấn đề liên quan đến đạo đức. Nhưng nó cũng có nghĩa là tính đáng tin của nhà chính trị phải được đánh giá dựa trên nếp sống giản dị của họ, lòng quảng đại, giữ các cam kết, và lòng trung thành của họ với các giá trị, được họ chứng tỏ bằng hành động.

Thứ hai – Trong quan hệ với các công dân, nhà chính trị phải theo câu châm ngôn: “*thuộc về quần chúng và chiếm hữu thế giới*.” Có nghĩa là họ phải ở gần dân, lắng nghe những quan tâm của dân, và nói lên những vấn đề công lý thay cho những người không có tiếng nói - để ủng hộ họ. Chúng ta không phục vụ bất cứ ai đang cầm quyền, nhưng phục vụ nhân dân. Trong sự phục vụ công ích này, chúng

ta hãy để cho những người nghèo, những người không có tiếng nói, những người yếu thế trong xã hội, trở thành những địa chỉ tham khảo để chúng ta lắng nghe và tôn trọng họ. Địa vị xã hội, việc giáo dục, và việc bảo vệ sức khoẻ của mọi người không phải là những đề tài để tranh cãi, nhưng là những giá trị thiết yếu phải giữ cho an toàn và phải được cải thiện bằng việc giải phóng chúng khỏi những hình thức phí phạm và thái quá của quỹ cứu trợ của Nhà Nước mà trên thực tế không phục vụ cho người nghèo.

Thứ ba – Biện chứng pháp chính trị phải luôn luôn đặt sau sự *tìm kiếm những điểm tương đồng có thể có* để cùng nhau làm việc phục vụ công ích: tính đồng trách nhiệm, đối thoại, và tham dự phải được đặt trước mọi sự phản biện có thành kiến hay một lập luận bị chi phối bởi những lợi ích cá nhân hay nhóm. Công ích phải luôn luôn đứng trên lợi ích cá nhân hay lợi ích đảng phái chính trị của một cá nhân.

Thứ tư – Khi phục vụ công ích, cần biết cách chấp nhận *tính tiệm tiến* cần thiết để đạt các mục tiêu: Kiểu lý luận “phải có ngay lập tức” thường khiến người ta đưa ra những lời hứa nhưng rồi không giữ lời. Cần phải tập trung vào mục tiêu với sự kiên trì và kiên quyết đồng thời không chiều theo những thoả hiệp vô đạo đức và những sự trì hoãn không chính đáng hay bằng những phương tiện tội lỗi. Mọi chọn lựa vì lợi ích chung không chỉ được

đánh giá dựa trên hiệu quả trước mắt, nhưng trên hết phải dựa trên giá trị và vai trò giáo dục của nó để phục vụ mọi người: cụ thể, cam kết với những giá trị cơ bản của việc bảo vệ sự sống con người ở tất cả các giai đoạn, thăng tiến gia đình, công bằng cho mọi người, bác bỏ chiến tranh và bạo lực dưới mọi hình thức, và dấn thân cho hoà bình.

Sau cùng – Người công dân muốn làm việc cho công ích phải xem xét mục đích của việc phục vụ này là *vì lợi ích của mọi người*—thậm chí của cả các đối thủ chính trị của mình, và do đó không được coi những người này như là những kẻ thù hay đối thủ cạnh tranh cần phải loại trừ, nhưng trái lại, coi họ như một sự bảo đảm để có sự phản biện tích cực hầu phân định ra những cách thức tốt nhất để thể hiện nhân phẩm của mỗi người.

C. Giáo dục giới trẻ gặp gỡ Đức Kitô Phục Sinh - trong đức tin và các bí tích

Sắc Lệnh về Hoạt Động Truyền Giáo của Vaticanô II *Ad Gentes* dạy rằng sứ mạng của Hội Thánh cho muôn dân, “nhờ gương mẫu đời sống, lời giảng dạy, các Bí Tích và những phương tiện ân sủng khác, Giáo Hội sẽ dẫn họ đến đức tin, tự do và hoà bình của Chúa Kitô: nhờ đó họ thấy con đường tự do và vững chắc giúp họ tham dự trọn vẹn mầu nhiệm Chúa Kitô.” (số 5). *Hiền Chế Mục Vụ về Hội Thánh Trong Thế Giới Ngày Nay* diễn tả khái

niệm này rất rõ, khẳng định rằng Dân Thiên Chúa có nhiệm vụ dẫn đưa con người không chỉ tới chỗ khám phá bằng trí óc nhưng cũng nhận thức bằng kinh nghiệm về ý nghĩa sự sống, lao động, sự chết, hiện tại và tương lai trong ánh sáng của Đức Kitô để trở nên những “con người mới” theo cách này.

Gương mẫu và lời dạy của Don Bosco cũng như truyền thống Salêdiêng đã chứng kiến các CTV Salêdiêng hiến mình cho công cuộc này với tất cả sự quyết tâm và bằng nhiều sáng kiến, họ ý thức về sự cao cả siêu nhiên của việc phục vụ giới trẻ và giới bình dân. Trung thành năng động với sứ vụ đã lãnh nhận đòi hỏi người CTV Salêdiêng tiến bước theo hướng đi ấy, đồng thời lưu tâm tới bối cảnh hiện nay của Hội Thánh và của xã hội.

ĐIỀU 10. Khoa sư phạm của lòng nhân ái

Trong công việc giáo dục của mình, các CTV Salêdiêng:

§1. Thực hành “Hệ Thống Dự Phòng” của Don Bosco, một kinh nghiệm thiêng liêng và giáo dục dựa trên lý trí, tôn giáo, và tình thương mến;¹⁶

§2. vun trồng một bầu khí gia đình trong đó sự đối thoại thường xuyên, sự hiện diện sinh động, sự đồng hành cá nhân và kinh nghiệm nhóm giúp mọi người nhận ra sự hiện diện của Thiên Chúa;

§3. khuyến khích làm việc thiện và giáo dục tình yêu đối với cuộc sống, tinh thần trách nhiệm, tình liên đới, chia sẻ, sự hiệp lực và hiệp thông;

§4. kêu gọi các nguồn nội lực của cá nhân và tin vào tác động vô hình của ân sủng. Họ nhìn mỗi người trẻ với cái nhìn thực tế và lạc quan, xác tín về giá trị giáo dục của trải nghiệm đức tin. Mỗi quan hệ của họ với người trẻ được gợi hứng bởi một tình yêu trưởng thành và thân thiện.

¹⁶ DB, *Il Sistema preventivo nell'educazione della gioventù*, 1877, I; cf. P. BRAIDO, *Il sistema preventivo in un 'decalogo' per educatori*, RSS 4, 1985.

DIỄN GIẢI

Các chủ đề chính

1. Thực hành Hệ Thống Dự Phòng.
2. Vun trồng bầu khí gia đình.
3. Giáo dục tình yêu cuộc sống.
4. Kêu gọi các nguồn nội lực của cá nhân.

Các ý tưởng nòng cốt

“Nhà giáo dục là người hiến mình vì lợi ích của các học trò; vì vậy họ phải sẵn sàng đối diện với mọi sự bất tiện và mệt nhọc để đạt mục tiêu của mình: đó là giáo dục công dân, đạo đức và khoa học cho các học trò của mình.” (“Tiểu luận về Hệ Thống Dự Phòng”)

“Các con yêu dấu, cha mới chỉ xa các con ít ngày, thế mà cha tưởng nhiều tháng đã trôi qua rồi. Các con là niềm hoan lạc và niềm an ủi của cha và cha thấy thiếu cả hai điều này khi ở xa các con.”
(*Memorie biografiche XVII*, 369)

A. Thực hành Hệ Thống Dự Phòng

Nhà giáo dục chính là Hệ Thống Dự Phòng. Phát biểu này nghe có vẻ cường điệu, gượng ép và nghịch lý. Thế nhưng có vẻ không xa sự thật khi nói rằng Hệ Thống Dự Phòng của Don Bosco được đồng hoá với con người của nhà giáo dục, vì họ được sự tin cậy quá lớn. Chức năng chính của nhà

giáo dục gần như là mang những đặc tính của một sự thánh hiến—gần như là một Ôn Gọi. Vì thế, giáo dục không chỉ là một loại lao động thuần túy—nó là một dạng đời sống vì nó không “sinh sản” ra những của vật chất nhưng nó “*kiến tạo*” những con người mang nơi mình các khả năng về kế hoạch, ý tưởng, sự chắc chắn, hi vọng và một linh hồn. Nó đòi hỏi nhà giáo dục không chỉ giỏi về sự phạm và các khả năng tiếp xúc, nhưng còn biết sống một căn tính nhất định.

▪ *Đồng hành với người trẻ*

Ở tâm điểm của hệ thống này là người trẻ và các khát vọng của em; tuy nhiên, đứng bên cạnh em là nhà giáo dục - người hoàn toàn trung thành đứng sẵn bên cạnh em và tham dự với em. Vì vậy, mọi hành vi giáo dục có thể nói đều là “đồng giáo dục”; không phải theo nghĩa của một sự “giáo dục hỗ tương” giữa một người trưởng thành và một người trẻ, nhưng theo một nghĩa kép - cả hai được kêu gọi tham dự vào hành động giáo dục “chung” này. Những người trẻ phải trở thành những đồng minh hơn chỉ là người nghe hay nhận. Các em phải là những người bạn đồng hành và hợp tác với các nhà giáo dục. Do đó, nhiệm vụ đầu tiên của nhà giáo dục là *có mặt ở đó*, đứng cạnh người trẻ. Lằn ranh giữa những người lớn và những người trẻ không phân biệt rõ ràng. Nhà giáo dục và người trẻ có thể ví như là ở trên cùng một con thuyền; nếu thuyền chìm, cả hai sẽ chìm. Nhà giáo dục cũng

có thể ví như là người đứng bên lề một cuộc chơi, hay giữ vai trò của một người trọng tài vô tư. Nếu người được giáo dục không cảm thấy mình đang có nhà giáo dục như người đồng hành trên con đường trưởng thành, em sẽ cảm thấy mình đang bị “phơi mình trước gió.” Nếu em không có sự bảo đảm để tin chắc rằng cả hai người đang cùng hướng tới sự trưởng thành của em, em sẽ hoảng sợ.

▪ *Để xây dựng, không phải để phá đổ*

Nhà giáo dục luôn luôn đặt cả con người mình vào trong *mối quan hệ giáo dục*. Nhân cách của nhà giáo dục, quá khứ, những nỗi sợ và những mối quan tâm của nhà giáo dục có tác động quan trọng trên người thụ giáo. Luôn luôn và trên hết, người giáo dục là chính con người. Giáo dục dự phòng không thể có nếu nó không phải là kết quả của một cuộc gặp gỡ giữa những con người đứng đối diện nhau, hoàn toàn hiện diện trước mặt nhau. Một mối quan hệ nhân vị đích thực có nghĩa là tôi hoàn toàn hiện diện và quan tâm đến người kia. Người trẻ dễ dàng và mau chóng nhận ra nhà giáo dục có trung thực trong các hành động của họ hay không - có xuất phát từ những động cơ tích cực và những niềm xác tín sâu xa tạo nên chính căn tính của nhà giáo dục hay không. Những người trẻ không tìm kiếm một người cha hay một người mẹ suy nghĩ mọi chuyện thay cho chúng, tổ chức thời giờ rảnh cho chúng, hay là người thầy dạy chúng môn này hay môn khác; chúng cũng không tìm kiếm một người

lớn bảo chúng phải làm cái này hay cái khác, càng không muốn một “quan toà” đe dọa chúng bằng hình phạt. Không. Cái chúng mong muốn là một người có thể đứng cạnh chúng và quan tâm tới từng cá nhân chúng, như một nhân vị, chứ không phải là người chỉ biết quan tâm tới các đòi hỏi chuyên biệt của giáo dục; chúng muốn tìm kiếm một ai đó sẵn sàng cống hiến cho sự phát triển tích cực các tiềm năng của chúng. Chính trong mức độ nhà giáo dục tạo cho người trẻ cảm giác chúng có khả năng đánh giá các tiềm năng ấy, chúng sẽ nhận ra con đường mở ra cho sự hiện diện tích cực và năng động của chúng.

B. *Giáo dục về tình yêu cuộc sống*

▪ *Giáo dục là chuyện của con tim*

Tình yêu cuộc sống chỉ xuất phát từ trái tim. Chân lý không phải chỉ là vấn đề của trí tuệ. Có một chân lý về những con người, về cuộc đời, và về những mối quan hệ con người ở trung tâm của hữu thể chúng ta mà chúng ta gọi là “trái tim”. Đây chính là cội nguồn mọi khả năng của con người. Do đó người CTV Salêdiêng là nhà giáo dục không thể chỉ bó gọn mình vào công việc truyền đạt kiến thức. Họ phải kích hoạt những năng lượng còn tiềm ẩn trong con tim của người trẻ để chúng không trở nên mờ nhạt hay thui chột vì các áp lực bên ngoài. Nhiệm vụ của các CTV, và trước họ, của các cha

mẹ, là kích hoạt và mở đường cho những *năng động lực cá nhân và cộng đồng* có thể giúp phát triển tiến trình này.

■ *Tình yêu cuộc sống bắt đầu với việc thống nhất chủ thể*

Quá thường xuyên giữa *nhà trường, gia đình và giáo xứ* xảy ra một tình trạng *tâm thần phân liệt* làm cản trở khả năng người trẻ hình thành một hình ảnh thực tế của con người họ. Kết cục là tình trạng tâm thần phân liệt này làm cho nhiều người trẻ (mà không chỉ có những người trẻ) rơi vào tình trạng *vỡ vụn căn tính*. Những cơ hội, những kích thích, và những thông điệp (nhiều khi trái ngược nhau) xảy ra nhiều quá mức. Con người (trẻ) không có khả năng đánh giá chúng một cách có phê phán hay tạo ra được một bậc thang giá trị liên quan đến chúng. Cái nhìn của họ về thực tại, thậm chí về chính căn tính của họ, bị phân tán và vỡ vụn. Nó tạo nên một sự bất an sâu xa và một khủng hoảng căn tính trầm trọng. Không có một *trung tâm nội tại*, một cột trụ, để có thể giúp họ tập hợp và liên kết lại một cách nhất thống mọi kinh nghiệm của họ và hoạch định lịch sử của bản thân một cách khôn ngoan.

Gia đình, nhà trường và giáo xứ có những công cụ cần thiết để đáp ứng khủng hoảng này: *Lý trí, tôn giáo, và tình thương mến*. Ba từ này là những chìa khoá giáo dục giúp soi sáng trí óc, chạm đến con tim, và làm đôi chân di chuyển—đây là những chìa

khoá để tập hợp và thống nhất nhiều khía cạnh của đời sống, làm cho ý nghĩa cuộc đời dần dần xuất hiện theo những giai đoạn khác nhau; nếu không, chúng ta sẽ có nguy cơ đào tạo những đứa bé-người lớn trở thành những người lớn-trẻ con. Như Don Bosco, người CTV Salêdiêng dấn thân để đào tạo những con người trưởng thành và có trách nhiệm trong xã hội và trong Hội Thánh.

C. Kêu gọi các nguồn nội lực của con người

Hệ Thống Dự Phòng đòi hỏi nhà giáo dục “vào cuộc” và thường xuyên đánh giá các xác tín cá nhân của mình, gồm những xác tín liên quan đến các vấn đề của giới trẻ, sống cạnh người trẻ, với một thái độ luôn tin cậy chứ không phải như một nhà tư vấn nghiêm nghị hay một quan toà cứng nhắc. Cụ thể, nhà giáo dục cần phải trở thành hiện thân của các giá trị mình có để chuẩn bị cho người trẻ đắc thủ những tiêu chí cần thiết để làm những chọn lựa có phê phán cũng như có được những công cụ giúp người trẻ sống vui tươi thanh thản sau khi phải xa cách nhà giáo dục. Giáo dục tìm cách tạo ra nơi người trẻ một đáp ứng bên trong và khơi dậy một sự cam kết bảo đảm tính liên tục, sự kiên trì, và sự phát triển suốt đời họ.

Tóm lại: Hiệu năng giáo dục của Hệ Thống Dự Phòng tùy thuộc trước hết vào phẩm chất sự hiện diện của nhà giáo dục với người thụ giáo. Chính

nhà giáo dục là chìa khoá để hiểu hành động giáo dục mà mình thực hiện trong sự hoà hợp hoàn toàn với “người bạn đồng hành” nói cùng một ngôn ngữ với mình.

D. *Nuôi dưỡng bầu khí gia đình*

Phương pháp dự phòng giúp tạo ra một mối tương quan liên nhân vị giữa người thụ giáo và nhà giáo dục rất gần với mối tương quan trong gia đình, cho phép có sự trao đổi và hiểu biết lẫn nhau ở mức độ thân mật, nhưng đồng thời cũng có một bộ qui tắc tự nhiên về các nghĩa vụ và quyền lợi được cụ thể hoá bằng một sự phân phối các vai trò và trách nhiệm.

▪ *Người cha, người anh, người bạn*

a) Nhà giáo dục thể hiện trước hết vai trò của *người cha*, tương đương với vai trò được tâm lý học nhìn nhận là cơ bản: vai trò của uy quyền và gương mẫu. Đối với các thiếu nhi và thiếu niên, nhà giáo dục là người lớn đa phần vẫn là cực thu hút lớn; đối với trẻ vị thành niên và thanh niên, nhà giáo dục là cực biện chứng để các em xác định lại căn tính riêng của chúng, và cũng là “sân” đối chứng cho các ý tưởng của người thụ giáo và là xung động giúp các em hiểu rõ bản thân mình hơn nhờ đối thoại và trao đổi. Trong Hệ Thống Dự Phòng, không có sự bào chữa cho tính tùy tiện, phóng túng hay nuông chiều

tính hồn nhiên trẻ con, nhưng cũng không chọn thái độ chuyên chế tai hại. Nhà giáo dục không từ chối trách nhiệm cá nhân, không đùn đẩy công việc cho người khác, hay ở trong tình huống dao động giữa việc đưa ra một đề nghị yếu ớt và một khuynh hướng áp đặt độc tài. Để có uy tín trước mặt người trẻ, nhà giáo dục không thể gạt bỏ vai trò người cha của mình để lấy lòng người trẻ bằng cách tránh nói ra những sự thật không dễ chịu. Giáo dục là công việc khó khăn!

b) Tình cha phải liên kết với *tình bạn* và *tình anh em*. Don Bosco yêu cầu nhà giáo dục phải là bạn và là anh, vì ngài biết rằng người trẻ tự trong thâm tâm có một nhu cầu cơ bản được truyền thông, có tình bạn và cảm thấy mình quan trọng. Cho nên cả hai bạn bè/người đối thoại cảm thấy mình như thể ở trong một tình bạn bình đẳng và anh em. Là người cha thì truyền lệnh và thống trị, là người anh và người bạn thì không làm thế. Trong cuộc gặp gỡ một-với-một giữa các bạn bè, được thực hiện bởi nhà giáo dục để có thể chẩn đoán đúng về khó khăn của người trẻ, họ *cùng nhau* xem xét các phương tiện và cách thức để có một giải pháp. Kết luận người trẻ rút ra được là sự dấn thân vào một giai đoạn mới của cuộc đời trong sự đồng hành của nhà giáo dục-bạn, người hiện diện giữa những người trẻ, vui chơi giải trí cùng với họ, làm việc cùng với họ, chia sẻ tình yêu cuộc sống cùng với họ, và “bùng nổ” các năng lượng tuổi trẻ của họ: thể chất,

trí tuệ, cảm xúc, luân lý - trong mọi sự - gồm cả những đau khổ của họ.

■ *Điều kiện tiên quyết*

Tạo các điều kiện cần để thiết lập một mối quan hệ hợp tác tự nguyện và một sự “cùng đi” là một trong những khía cạnh tế nhị nhất của vấn đề này. Về phía nhà giáo dục—cha-anh-bạn—cần có sự “chấp nhận” và “được chấp nhận”; tương tự, về phía người trẻ, họ cần để cho mình làm phần của mình. Do đó, một sự chấp nhận sự phạm lương cực được thiết lập: một mặt là “sự cảm thông phụ tử, huynh đệ và bạn hữu” từ phía nhà giáo dục quan tâm tới người trẻ, và mặt khác là từ phía người thụ giáo “chấp nhận” những việc can thiệp giáo dục và chấp nhận người làm công việc can thiệp này. Về phía nhà giáo dục, điểm khởi đầu là sự chấp nhận vô điều kiện người trẻ trong tình trạng hiện có của họ chứ không phải như nhà giáo dục muốn người trẻ phải như thế nào. Đây là một sự chấp nhận được tạo ra trên bình diện hiện hữu chứ không trên bình diện sở hữu: “Chỉ cần các con là những người trẻ,” Don Bosco viết, “đủ để cha yêu các con rất nhiều.” Cùng với điều này, nhà giáo dục được yêu cầu nuôi dưỡng nơi mình lòng nhân hậu, loại trừ mọi sự thù ghét và tính tự ái, và nhìn nhận rằng các khó khăn chủ quan và khách quan có thể cùng tồn tại bất chấp thiện chí của người trẻ. Nhưng người trẻ cũng phải chấp nhận nhà giáo dục và sự can thiệp của họ theo một nhóm các lý do: tính hợp lý lẽ, quyền

bính và sợ hãi, uy thế cá nhân và sức cuốn hút. Để có thể làm như thế, người trẻ phải khắc phục một số cơ chế tự vệ tâm lý, bởi vì lợi ích tương lai đòi hỏi phải trả giá bằng việc khước từ những điều đem lại sự thoả mãn trước mắt.

ĐIỀU 11. Các hoạt động tiêu biểu

Các CTV Salêdiêng mở rộng cho những hoạt động tông đồ đa dạng. Trong số những hoạt động này, họ dành ưu tiên cho đời sống gia đình, bên cạnh công việc riêng của họ và đời sống họ trong Hiệp Hội.¹⁷

- *huấn giáo và đào luyện Kitô giáo;*
- *sinh động hoá các nhóm trẻ và gia đình và các phong trào;*
- *hợp tác trong các tổ chức giáo dục và học đường;*
- *phục vụ xã hội giữa người nghèo;*
- *hoạt động truyền thông xã hội;*
- *cộng tác trong thừa tác vụ Ôn Gọi;*
- *hoạt động truyền giáo;*
- *hợp tác trong đối thoại đại kết và liên tôn;*
- *làm chứng đức tin của mình trong việc phục vụ chính trị-xã hội;*
- *phát triển Hiệp Hội.*

¹⁷ Xem *Salesian Cooperators: A Practical Way...* Art. IV, 1; *Lumen Gentium*, số 35; *Giáo Lý Hội Thánh Công Giáo*, số 904-906; *Salesian Cooperators: A Practical Way...* Art. IV, 2-5.

DIỄN GIẢI

Chủ đề chính

Các hoạt động là chỗ để dấn thân tông đồ

Các ý tưởng nòng cốt

A. Sứ mạng Salêdiêng và việc phục vụ giáo dục của nó được thực hiện bằng hàng loạt những sáng kiến và hoạt động. Khoản luật này lặp lại nguyên tắc chung rằng mọi hình thức tông đồ Salêdiêng được mở rộng cho các CTV bởi họ là những Salêdiêng thực sự giữa đời. Do đó khoản luật này đề ra một danh sách nói về những hoạt động trực tiếp phù hợp với sứ mạng chuyên biệt của người Salêdiêng và có thể là ưu tiên hơn các hoạt động khác. Việc chọn lựa hoạt động nào trong số này hay các hoạt động khác không được liệt kê ở đây nhưng vẫn phù hợp với tinh thần Salêdiêng sẽ tùy thuộc năng khiếu và khả năng, sự chuẩn bị và cởi mở, và các hoàn cảnh của mỗi cá nhân CTV; vì vậy khoản luật này đưa ra những đề nghị chứ không phải những “qui định bó buộc.”

B. Đam mê giáo dục và phúc âm hoá là linh hồn cuộc đời Don Bosco. Ngài dành phần lớn hoạt động cho việc dạy giáo lý và đào luyện Kitô giáo cho giới trẻ. Nhiều linh mục và cộng sự viên giáo dân của ngài ngay từ thời kỳ đầu đã dấn thân cho việc dạy giáo lý và những sáng kiến giáo dục tôn

giáo cho giới trẻ. Trong *Hiến Luật* của ngài, Don Bosco viết: “Công việc bác ái đầu tiên sẽ là qui tụ các thanh thiếu niên nghèo khổ và bị bỏ rơi nhất để dạy các em về Đạo Thánh.” Để đáp ứng nhu cầu của thời đại chúng ta, *Kế Hoạch Đồi Sống Tông Đồ* của các CTV Salêdiêng đã đặt huấn giáo và các hoạt động đào luyện Kitô giáo cho người lớn và giới trẻ vào vị trí số một và số bốn.

Don Bosco cũng rất chú ý tới bản tính thích tụ tập của giới trẻ, họ có nhu cầu là thành phần của một nhóm; chỉ cần nghĩ đến tầm quan trọng ngài gán cho các “hội lành” cũng đủ để hiểu điều này. Ngài coi các hội đoàn như thế là một phương tiện hiệu quả cho việc đào luyện xã hội, luân lý và tôn giáo cho giới trẻ và giúp các em trưởng thành về ý thức cá nhân và trách nhiệm tập thể.

Một số rất đông CTV Salêdiêng ngày nay đang hành nghề tại các trung tâm giáo dục và học đường: là các nhà giáo dục, giáo viên và tư vấn ở mọi trình độ. Luật học đường tại nhiều quốc gia thậm chí dự kiến có sự tham dự tích cực vào việc điều hành nhà trường hay trung tâm bởi các phụ huynh học sinh, bên cạnh các nhân viên của nhà trường.

Trong nhiều vùng đất hiện nay, sứ mạng Salêdiêng cho giới bình dân đã mang hình thức của “việc phục vụ xã hội cho người nghèo,” được thực hiện bằng những sáng kiến do các nhu cầu và tiềm năng của địa phương: các trung tâm tiếp nhận, các

trạm xá, các phòng khám di động, các bệnh viện, nguyện xá, các trung tâm học tập và giải trí...

C. Các CTV cũng quan tâm tới các hoạt động dấn thân trong lãnh vực truyền thông xã hội, là lãnh vực tạo ra văn hoá và đưa ra những mẫu đời sống cho người dân. Don Bosco đã có sự dũng cảm và nhiệt tình khi thể hiện các sáng kiến tiên phong trong lãnh vực này. “In ấn là một trong những công cuộc mà Chúa Quan Phòng đã uỷ thác cho cha. Cha không ngần ngại gọi phương tiện này là ‘thánh’ vì chính Thiên Chúa đã sử dụng nó để trong việc tái sinh con người.” (Epistolario Volume IV, 318tt.) Những lời này là của Don Bosco ngày 19 tháng 3, 1885, trong Luân thư gửi các hội viên Salêdiêng; chúng tóm lược tư tưởng và hoạt động của Don Bosco và là “Hiến Chương” của hoạt động Salêdiêng trong lãnh vực này.

Tình yêu của ngài đối với giới trẻ khiến ngài nghĩ ra mọi phương tiện thích hợp và ích lợi để tạo một bầu khí thuận lợi cho việc đào luyện toàn diện của giới trẻ. Trong kịch nghệ và diễn xuất, ngài thấy một yếu tố đào tạo giá trị và một phương tiện có thể giúp giới trẻ phát triển tính cách trẻ trung của họ; trong âm nhạc, ngài nhìn thấy một kênh chuyên tải những ý tưởng toàn vẹn và phương tiện để khơi dậy một bầu khí vui tươi tinh tuyền. Ngài đã để lại cho các Nhóm của Gia Đình Salêdiêng

câu nói này: “Cha cầu nguyện cho các con và xin các con đừng bao giờ từ bỏ phần quan trọng nhất này của sứ mạng chúng ta.” (Epistolario Volume IV, 321). Don Bosco thấu hiểu giá trị của “trường học đại chúng” này, nó tạo ra nền văn hoá và cống hiến những mẫu sống và vì thế ngài đã dẫn mình vào các công cuộc tông đồ giúp bảo vệ và nâng đỡ đức tin nơi dân chúng.

D. Có sự chú ý đặc biệt dành cho những thanh thiếu niên tỏ dấu hiệu có ơn gọi tông đồ. Trong lãnh vực mục vụ ơn gọi, người CTV Salêdiêng có thể cống hiến sự hợp tác của mình bằng nhiều cách: gây ý thức cá nhân và tập thể cho môi trường gia đình, nơi làm việc, trong cộng đồng giáo hội họ sống và làm việc; soạn các kế hoạch mục vụ ơn gọi ở mọi cấp cộng đoàn Salêdiêng địa phương và tỉnh, giáo xứ, và giáo phận; đảm nhận các trách nhiệm sinh động hoá ơn gọi; và tham gia vào việc phân định ơn gọi qua việc nhận ra những người trẻ có dấu hiệu ơn gọi tông đồ và giới thiệu họ tới những người và những nơi mà ở đó họ có thể nhận được sự hướng dẫn ơn gọi.

E. Rất nhiều sáng kiến mà các CTV Salêdiêng (cá nhân hay tập thể), các Trung Tâm, và các Ban Cố Vấn ở mọi cấp có thể bắt đầu nhằm mục đích thăng tiến Hiệp Hội. Một số sáng kiến liên quan đến *sự*

tăng trưởng của Hiệp Hội—cả về số lượng và chất lượng các thành viên; một số liên quan đến việc *mở rộng* Hiệp Hội qua việc lập các Trung Tâm mới; và số khác liên quan đến *sinh lực nội tại* của Hiệp Hội trong lãnh vực hoạt động và tổ chức.

Thuật ngữ “công cuộc truyền giáo” có nghĩa là cả một nhóm các việc phục vụ và sáng kiến để cổ vũ và nâng đỡ các xứ truyền giáo và tỉnh liên đới. Nó cũng có nghĩa là tham gia trực tiếp vào việc truyền giáo tại các xứ truyền giáo và các điểm truyền giáo. Liên quan đến sự *hợp tác truyền giáo*, có thể kể ra một số kiểu hợp tác cụ thể khác nhau: hợp tác với Ban Cố Vấn truyền giáo, Ban Quản Trị truyền giáo, và các Trung Tâm truyền giáo được thiết lập ở cấp tỉnh và giáo phận; các tổ chức thiện nguyện; các tổ chức phi chính phủ. Để làm được điều này, cần làm sống dậy sự quan tâm truyền giáo giữa những người chúng ta gặp gỡ nơi chúng ta sống và làm việc bằng việc cổ vũ và nâng đỡ các sáng kiến nuôi dưỡng các ơn gọi truyền giáo cũng như soạn thảo và thực hiện các dự án và kế hoạch tìm kiếm tài trợ cho các sáng kiến ấy thông qua Nhà Nước, Giáo Hội, các tổ chức và các thực thể tư nhân.

F. Trong cuộc sống, người CTV Salêdiêng cũng tiếp xúc hằng ngày với những Kitô hữu không Công Giáo. Mặc dù trong quá khứ gần đây, mối quan hệ giữa những người này thường được thúc

đây bởi thái độ tự vệ (hộ giáo) đối với các niềm tin của nhau và mục đích chiêu dụ tín đồ, nhưng với sự xuất hiện của phong trào đại kết và sau những gì CĐ Vaticanô II nói trong Sắc Lệnh về Đại Kết, và với những phát triển gần đây hơn trong Giáo Hội Công Giáo về lãnh vực này, tình hình nay đã thay đổi. Tuy nhiên, mặc dù đại kết và đối thoại liên tôn có liên hệ với nhau, nhưng chúng phân biệt với nhau. Có một sự khác biệt về loại và về chất giữa hai việc này mà chúng ta không được lẫn lộn. Đối thoại kết không chỉ dựa trên sự kính trọng đối với niềm tin của mỗi người, trên hết là đối với tôn giáo của một người; nó cũng không chỉ dựa trên một lòng nhân từ dễ dãi hay sự vị nể; trái lại, đối thoại đại kết được đặt nền trên niềm tin chung vào Đức Giêsu Kitô và trên sự nhìn nhận Phép Rửa của nhau làm cho mọi người đã rửa tội đều là chi thể của một Thân Thể Đức Kitô và có thể cùng nhau cầu nguyện như Chúa Giêsu đã dạy, “Lạy Cha chúng con”. Trong các tôn giáo khác, Giáo Hội nhìn nhận một tia sáng Chân Lý “soi chiếu mọi người,” nhưng Chân Lý ấy chỉ được mặc khải trọn vẹn trong Đức Giêsu Kitô. Một mình Người là “Đường, Sự Thật, và Sự Sống.” (*Nostra Aetate*, số 2). Do đó, sẽ là hàm hồ khi nói về đối thoại liên tôn bằng những kiểu nói mang ý nghĩa “đại đồng” hay được hiểu như là một giai đoạn mới và rộng hơn của đại kết.

Các Kitô hữu và các tín đồ của các tôn giáo khác có chung với nhau: Ý thức về Thiên Chúa

và tôn kính Thiên Chúa hay Thần Linh, cũng như ước muốn Thiên Chúa hay Thần Linh; tôn trọng sự sống; ước muốn hoà bình với Thiên Chúa hay Thần Linh, hoà bình giữa loài người và trong vũ trụ; và nhiều giá trị đạo đức. Họ có thể và phải hợp tác với nhau để cùng bảo vệ và cổ vũ công bằng xã hội, hoà bình, và tự do vì lợi ích mọi người. Điều này đặc biệt đúng với các tôn giáo độc thần nhìn nhận ông Ápbraham là Tổ Phụ của họ trong đức tin. Bầu khí đối thoại mới này thúc đẩy các CTV Salêdiêng tham gia vào các sáng kiến của các Giáo Hội địa phương - trên hết, trong các lãnh vực liên quan đến linh đạo và sứ mạng Salêdiêng.

G. Các cấu trúc mà các xã hội tự tạo cho mình không bao giờ sở hữu một giá trị tối thượng hay tự chúng có thể bảo đảm tất cả các điều tốt lành mà con người ao ước. Cách riêng, chúng không thể thay thế tiếng nói của lương tâm mỗi người hay thoả mãn niềm khao khát Chân Lý và Đấng Tuyệt Đối. Việc chấp nhận Tin Mừng cứu độ mang theo những hiệu quả tốt lành cả trong khía cạnh công cộng của đời sống các xã hội và các cá nhân và có thể nhân tính hoá bộ mặt trái đất. Trên thực tế, ơn gọi của người Kitô hữu, và cách riêng ơn gọi của người CTV Salêdiêng là một sự tuyên xưng đức tin công khai và một sự hiện diện tích cực trong mọi lãnh vực của đời sống dân sự. Do đó Hội Thánh, được tạo thành một cách tự do bởi những người

tin vào Đức Kitô, thì theo lời Đức Thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô II trong bài diễn văn trước Quốc Hội Châu Âu ngày 11 tháng 10 năm 1998, trong những vấn đề liên quan đến luật pháp hiện hành, Hội Thánh phải “bảo đảm cho mọi công dân quyền bình đẳng được sống theo lương tâm của họ và không trái với những qui tắc của trật tự đạo đức tự nhiên vốn được nhìn nhận bởi lý trí.”

Trong lãnh vực này, người CTV Salêdiêng cần phải có: một lương tâm được đào luyện tốt và đúng; vâng phục các lệnh truyền của Tin Mừng và Huấn Quyền của Hội Thánh; một lương tâm có khả năng hành động khôn ngoan và có trách nhiệm để phục vụ xã hội để việc tham gia chính trị không gây ra chia rẽ. Chúng ta và tất cả những ai tham gia chính trị phải làm việc trong sự thật, công lý, tình yêu, và tôn trọng phẩm giá con người, và phải lưu ý tới một mục tiêu duy nhất: phát triển công ích.

Trong Tông Huấn *Christifideles Laici*, số 42, Đức Thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô II viết:

Để đem đạo vào đời, theo ý nghĩa chúng ta vẫn nói, là phục vụ con người và xã hội, giáo dân tuyệt đối không thể từ chối tham gia vào “chính trị”, tức là những hoạt động đa dạng về kinh tế, xã hội, luật pháp, hành chánh, văn hóa, một chính trị có mục đích cổ vũ công ích một cách có tổ chức và qua các định chế ... Đây là điều được cảm nhận ngày nay như một trách nhiệm cấp bách: giáo dân phải làm chứng về những giá trị của con người và Tin Mừng...

Các CTV Salêdiêng được yêu cầu cống hiến phần đóng góp cần thiết của họ vào việc tái tạo một nhân quan trọn vẹn và toàn diện về con người và thế giới chống lại văn hoá của sự chết, của sự nghi kỵ, và của việc tục hoá đời sống. Việc phục vụ của họ phải chân thành, ngay thẳng và không vị kỷ, trong sự hợp tác với tất cả những người khác và có khả năng duy trì và phát triển truyền thống và văn hoá Kitô giáo trên bình diện chính trị-xã hội.

ĐIỀU 12. Cơ cấu và cách thức hoạt động

§1. Các CTV Salêdiêng tham gia vào sứ mạng của Hiệp Hội trong Hội Thánh và tăng cường sứ mạng bằng sự dấn thân của chính họ và sự tham dự của những người khác.

§2. Thông thường, các hoạt động của các CTV Salêdiêng diễn ra với tinh thần cộng tác và hợp tác trong các cơ cấu mà hoàn cảnh trần thế giúp họ thuận lợi hơn trong việc tham gia vào các hoạt động có ý nghĩa: dân sự, văn hoá, kinh tế-xã hội, chính trị, giáo hội, và Salêdiêng.¹⁸

§3. Các CTV Salêdiêng có thể thực thi việc dấn thân tông đồ của mình trong các công cuộc được điều hành độc lập bởi Hiệp Hội và trong các sáng kiến nhằm đáp ứng các nhu cầu cấp bách hơn của địa phương họ.

DIỄN GIẢI

Chủ đề chính

Các cơ cấu cho sự tăng trưởng và phát triển đặc sủng.

¹⁸ Eugenio Ceria, SDB, *The Biographical Memoirs of St. John Bosco*. Bản dịch tiếng Anh Vincent Zuliani, SDB, Vol. XVII (New Rochelle: Salesiana Publishers, 2002) 10-11; *Bộ Giáo Luật Điều 305; Christifideles Lacici*, số 42.

Các ý tưởng nòng cốt

A. Hành động tông đồ phải tự thích nghi với các thực tại xã hội, văn hoá, chính trị và tôn giáo đương thời vì các thực tại này vừa khác biệt vừa có cấu trúc. Nếu không, nó có nguy cơ vô hiệu và vô dụng. Trong lãnh vực liên quan đến cơ cấu, tính chất trần thế của người giáo dân CTV Salêdiêng tạo thuận lợi cho sự tham gia của họ, và do đó, cho việc đưa sứ điệp Kitô giáo và việc phục vụ hội nhập vào cơ cấu sống động của thực tại con người và giáo hội.

Khoản luật này đề cập đến các cơ cấu dân sự, giáo hội, và Salêdiêng. Các hoạt động được chọn lựa cho các cơ cấu này dựa trên nguyên tắc sau: sự dấn thân của mỗi CTV Salêdiêng vào cơ cấu này hay cơ cấu khác sẽ tùy thuộc khả năng, sự sẵn sàng và chuẩn bị của mỗi cá nhân.

Bản văn liệt kê những loại cơ cấu sau đây:

- a) dân sự:* các hội đồng liên bang, chính phủ, tỉnh, miền, và các hội nghị, quốc hội, thượng viện và hạ viện; các hiệp hội vùng; và các loại hiệp hội công và tư nhằm bảo đảm và cổ vũ các giá trị và lợi ích dân sự;
- b) văn hoá:* các loại và cấp trường học khác nhau, các nhà in, trung tâm sản xuất và phát hành các chương trình truyền thanh và truyền hình, các câu lạc bộ giải trí hay văn hoá;

- c) *kinh tế-xã hội*: các cơ cấu kỹ nghệ, thương mại, y khoa, và an sinh xã hội; và
- d) *chính trị*: các đảng phái, nghiệp đoàn, các nhóm lợi ích đặc biệt, các hiệp hội công nhân và giáo viên, v.v...

Lưu ý: Sự tham gia của các CTV Salêdiêng vào các cơ cấu này không được vượt ra ngoài những đòi hỏi của sứ mạng và tinh thần Salêdiêng.

B. Một chỉ dẫn hữu ích liên quan đến khiếu tham dự của người CTV Salêdiêng trong các cơ cấu giáo hội là công hiến sự cộng tác có trách nhiệm của họ *cho các giám mục và linh mục*. Nó nhấn mạnh mối tương quan giữa tín hữu giáo dân và giáo sĩ đã được thúc đẩy bởi Công Đồng Vaticanô II. Sự tương quan này không còn phải là giữa một chủ thể *chủ động* (Chủ Chăn) và một chủ thể *thụ động* và chỉ đón nhận (Tín Hữu) mà là một tương quan đồng trách nhiệm giữa *hai chủ thể chủ động*, trong khi vẫn nhìn nhận những khác biệt trong các thừa tác vụ và vai trò.

C. Những nhóm CTV Salêdiêng có khả năng phù hợp và sẵn sàng đều được Hiệp Hội khuyến khích mở ra những công cuộc mới và đảm nhận chúng bằng sáng kiến của chính họ tại những địa phương có nhu cầu. Điều này hoàn toàn phù hợp với các hướng dẫn của Sắc Lệnh *Apostolicam Actuositatem*

của Vaticanô II, trong đó Công Đồng nhìn nhận trách nhiệm của người giáo dân trong việc thực hiện các sáng kiến tông đồ, và hơn nữa, kêu gọi các Chủ Chăn cổ vũ và nâng đỡ họ trong các sáng kiến này, đồng thời tôn trọng sự tự do thích hợp của họ trong tư cách là những con cái Thiên Chúa và những tông đồ giữa đời.

CHƯƠNG III

TÌNH THẦN SALÊDIÊNG CỦA CTV SALÊDIÊNG

*“Những gì anh em đã học hỏi,
đã lãnh nhận,
đã nghe, đã thấy ở nơi tôi,
thì hãy đem ra thực hành,
và Thiên Chúa là nguồn bình an
sẽ ở với anh em.”*

(Pl 4:9)

“Cộng tác” với Thiên Chúa Cha

Lấy Thiên Chúa làm trung tâm thống nhất cuộc đời mình và nguồn hiệp thông huynh đệ và gợi hứng cho các hoạt động của mình đòi hỏi phải có một hình ảnh nhất định về Thiên Chúa. Ngài không phải là một vị Thiên Chúa xa cách, cô độc và hoàn toàn thịnh lặng, không quan tâm gì đến các chuyện ở trần gian. Không, Ngài là Thiên Chúa-Tình Yêu (xem 1 Ga 4:16), Đấng trao hiến mình hoàn toàn cho loài người - một người “Cha luôn luôn làm việc.” (Ga 5:17) Ngài chia sẻ cuộc sống của con cái mình, đến gặp gỡ họ trong những khát vọng thâm sâu của họ bằng những hành vi yêu thương vô hạn.

Ngài là vị Thiên Chúa đi sâu vào lịch sử chúng ta đến độ Ngài để mình dễ bị tổn thương bởi tự do của con người, chấp nhận nguy cơ bị từ chối, và luôn luôn trao hiến mình bằng tình yêu tha thứ. Là Đấng hoạt động thầm lặng nhưng hiệu quả trong lịch sử loài người, Ngài mời gọi sự cộng tác tích cực của những người dâng hiến sức lực của mình để loan báo tình thương của Ngài và thực hiện những việc công việc tốt lành trong các hoàn cảnh cụ thể của đời sống mình, bằng cách dựa vào sức mạnh của Ngài để sống, trao ban và phục vụ.

Đối với Gia Đình Salêdiêng và các thành viên của Gia Đình, “sống trong sự hiện diện của Thiên Chúa” có nghĩa là vun trồng một mối quan hệ tình yêu sâu xa và liên lý với Ngài (“hiệp nhất với Thiên Chúa”); do đó họ cảm thấy tràn ngập tình yêu như Ngài - một tình yêu tự trao ban một cách quảng đại, nhân từ và xả kỷ, cho những người được thừa hưởng sứ mạng của tình yêu. Sống trong sự hiện diện của Thiên Chúa cũng là biết cách nhận ra và đón tiếp những dấu chỉ của Mầu Nhiệm Hiện Diện của Ngài trong những khát vọng và nhu cầu của những con người thời nay.

Chính là với vị Thiên Chúa Cha nhân từ này mà Don Bosco đã dâng lên những lời cầu khẩn thiết tha của ngài: “*Da mihi animas, coetera tolle* — Xin cho con các linh hồn, mọi sự khác Chúa cứ lấy đi.” Với các học trò của mình, Don Bosco thường nói: “Điều thánh thiêng nhất trong mọi điều thánh

thiên là cộng tác với Thiên Chúa trong việc cứu rỗi các linh hồn và là một con đường chắc chắn để nên thánh.” Cách riêng, chính hình ảnh Người Mục Tử Nhân Hậu là cái gợi hứng và hướng dẫn cho hành động của chúng ta, chỉ ra cho chúng ta hai chiều kích quý báu của linh đạo tông đồ Salêdiêng:

Thứ nhất: Người tông đồ của Chúa Giêsu đặt con người làm trung tâm chú ý của mình và yêu thương mọi người với những ưu khuyết điểm của họ, không thành kiến hay loại trừ, theo gương Người Mục Tử Nhân Hậu - cả đối với con chiên lạc.

Thứ hai: Người tông đồ không giới thiệu bản thân mình cho người khác nhưng luôn luôn và chỉ giới thiệu Chúa Giêsu, Người Duy Nhất có thể giải phóng chúng ta khỏi mọi hình thức nô lệ; Người Duy Nhất có thể dẫn đàn chiên tới đồng cỏ sự sống muôn đời (xem Ga 10:1-15). Ngài là Người Duy Nhất không bao giờ từ bỏ bất cứ ai đã lạc đường, nhưng Ngài tự đồng hoá mình với người yếu hèn bằng tình liên đới, tìm kiếm họ bằng niềm tin và hi vọng, và đưa họ trở về để họ có sự sống dồi dào.

Kết hợp sâu xa với Đức Kitô và trở nên đồng hình dạng với Ngài là niềm vui lớn lao nhất của các con cái Don Bosco. Từ sự kết hợp này phát sinh tình yêu đối với Lời của Ngài và ước muốn sống Mầu Nhiệm Đức Kitô như được trình bày trong Phụng Vụ của Hội Thánh; siêng năng tham dự các bí tích Thánh Thể và Hoà Giải, là những bí tích giáo dục tự do của người Kitô hữu, sự hoán cải cõi

lòng, và tinh thần chia sẻ và phục vụ; và sự tham dự vào Mẫu Nhiệm Vượt Qua của Chúa mở ra cho họ một nhận thức mới về cuộc đời và ý nghĩa cuộc đời - cả trên bình diện cá nhân và cộng đồng, nội tâm và xã hội.

Để cất nghĩa sự hiệp thông trọn vẹn với Thiên Chúa trong sự sống của Ba Ngôi Thiên Chúa mà mọi người được kêu gọi vào, Don Bosco không dựa vào những công thức thần học vốn khó hiểu đối với các học trò trẻ tuổi của ngài. Ngài diễn tả bằng những từ đơn giản: *Trời, Thiên Đàng, phần thưởng đang chờ chúng ta, triều thiên vinh quang, “miền đất hạnh phúc”, được gấp trăm trong tương lai, một tình trạng tốt đẹp hơn, hạnh phúc thật, hạnh phúc đời đời, v.v...* Và đây là một chương trình của ngài cho đời sống thiêng liêng: *vui vẻ, học hành, đạo đức, sức khoẻ, khôn ngoan, và thánh thiện.*

Yêu mến Thiên Chúa và làm việc không mệt mỏi ở đời này và thiên đàng ở đời sau là cốt tủy linh đạo “làm việc” của Don Bosco cho các con cái Salêdiêng của ngài, nhưng nó cũng được mở rộng cho những người nam người nữ khác, trẻ và già, những Cộng Tác Viên, những ân nhân và cảm tình viên, những giáo sĩ và giáo dân. Nó là một hình thức đời sống Kitô giáo thấm nhuần đức ái, có Thiên Chúa là nguồn mạch và cùng đích. Đúng là Don Bosco thường xin tiền nhưng ngài cũng thông truyền linh đạo bác ái bằng lời nói và các bài viết của ngài về sự cứu rỗi đời đời, tình yêu đối

với tha nhân, đức tin, đức cậy, và thiên đàng. Don Bosco “người ăn xin” luôn luôn được nhận ra là một “người của Chúa, một bậc thầy thiêng liêng, một vị thánh an ủi, một người con tràn đầy tình yêu đối với Mẹ Maria, Trinh Nữ Vô Nhiễm Nguyên Tội và Phù Hộ các Giáo Hữu, và đối với Chúa Giêsu, Con của Mẹ.

Linh đạo tông đồ là hạt nhân gợi hứng và sinh động hoá đời sống hiệp thông trong và cho sứ mạng của Gia Đình Salêdiêng. Thực vậy, đây là một sự hiệp thông không bắt nguồn từ một kế hoạch của loài người; nó cũng không đồng nghĩa với một tổ chức có trật tự - cho dù là hoàn hảo đến đâu - và cũng không có nghĩa là một sự kết hợp kỹ thuật tinh vi. Đúng hơn, nó xuất phát từ đức ái mục tử được Chúa Thánh Thần khơi dậy trong quả tim của Don Bosco và làm cho ngài trở nên sinh động tới mức thánh thiện. *Linh đạo* có nghĩa là Gia Đình chúng ta được Chúa Thánh Thần dẫn dắt, Ngài là Đấng ân thưởng các đặc sủng của Ngài cho những Nhóm khác nhau của Đại Gia Đình chúng ta. *Tông đồ* có nghĩa là có một năng động nội tại thúc đẩy chúng ta trao ban và phục vụ, tạo hiệu quả cứu độ cho công việc giáo dục và truyền giáo của chúng ta và thống nhất toàn thể đời sống chúng ta trong nguồn mạch và trung tâm soi sáng này. Được đức tin, đức cậy và đức mến thúc đẩy, các CTV Salêdiêng tham gia vào công việc của Thiên Chúa. Bằng cách thông truyền tình yêu nhân từ của Thiên Chúa cho mọi

người, các CTV cảm thấy mình được đắm chìm trong sự hiệp thông và trong việc tông đồ của Hội Thánh. Chương này mô tả các giá trị thiêng liêng nền tảng của người CTV Salêdiêng. Sống tinh thần Salêdiêng là tham dự vào kinh nghiệm thiêng liêng này của Đấng Sáng Lập:

- đức ái mục tử của ngài;
- phong cách hiện diện của ngài giữa đời;
- phong cách hành động của ngài;
- phong cách quan hệ của ngài; và
- đời sống cầu nguyện của ngài.

ĐIỀU 13. Di sản quý báu

Được Chúa Thánh Thần dẫn dắt, Don Bosco đã sống và để lại cho các thành viên của Gia Đình ngài một lối sống và hành động độc đáo: Tinh thần Salêdiêng.¹⁹

Tinh thần Salêdiêng là một kinh nghiệm Tin Mừng độc đáo, phát xuất từ nguồn mạch là chính trái tim Chúa Giêsu, nó thôi thúc những ai sống kinh nghiệm này tới sự trao ban và phục vụ. Tinh thần Salêdiêng được nuôi dưỡng bằng việc thực thi đức ái tông đồ, động lực nội tại chính nối kết niềm say mê Thiên Chúa và say mê đồng loại. Nó được biểu hiện trong một linh đạo Bí Tích, được hiện thực hoá bằng đời sống hằng ngày với niềm vui và lạc quan, và bằng việc phục vụ có trách nhiệm trong cộng đồng giáo hội và xã hội. Nó đòi hỏi một “phương pháp tu đức” nghiêm ngặt được diễn tả qua một thái độ vui tươi thanh thản, và phù hợp với lời khuyên dạy của Don Bosco: “làm việc và tiết độ.”²⁰

19 Xem *Salian Family Charter* (Hiến Chương Gia Đình Salêdiêng), 37.

20 *The Biographical Memoirs of St. John Bosco*, Vol. XII, 338; *BM*, Vol. XIV, 89; *BM*, Vol. XV, 148.

DIỄN GIẢI

Các chủ đề chính

1. Tinh thần Salêdiêng
2. Phương pháp tu đức

Các ý tưởng nòng cốt

A. Điều 1 của *Kế Hoạch Đời Sống Tông Đôn* nói rằng Chúa Thánh Thần đã hình thành nơi Thánh Gioan Bosco quả tim của một người Cha và Thầy, một quả tim có khả năng hoàn toàn hiến dâng, bằng cách gợi hứng cho ngài một phương pháp giáo dục thấm nhuần “đức ái của Người Mục Tử Nhân Hậu.” Don Bosco là người đầu tiên đã “sống” tinh thần Salêdiêng, bằng cách biến các trực giác và nhân đức của ngài thành hành động, đồng thời để mình được hướng dẫn bởi Chúa Thánh Thần. Tinh thần Salêdiêng là thành phần thiết yếu của di sản thiêng liêng Don Bosco để lại, một di sản thấm nhuần sự thánh thiện của ngài bởi vì nó dẫn đến Tin Mừng và do đó dẫn đến chính Đức Kitô.

B. Đoạn đầu tiên của điều luật này cố gắng mô tả tinh thần Salêdiêng. Đây là một thực tại rộng lớn và sâu xa vì nó liên quan đến đời sống. Thuật ngữ “Tinh Thần Salêdiêng” được Don Bosco sử dụng khi ngài khuyên người Salêdiêng duy trì tinh thần tốt, bày tỏ sự “duy nhất tinh thần” và “tinh thần Luật.” Tổng Tu Nghị Đặc Biệt của Tu Hội

Salêdiêng mô tả tinh thần này như là “lối suy nghĩ và tình cảm, lối sống và hành động, khi thi hành ơn gọi và sứ mạng chuyên biệt mà Chúa Thánh Thần không ngừng ban cho chúng ta. Nói cụ thể hơn, tinh thần Salêdiêng là tập hợp các yếu tố và giá trị của thế giới con người và của mầu nhiệm Kitô giáo... mà các con cái Don Bosco dưới sự soi sáng của Chúa Thánh Thần và sứ mạng của họ, cảm nhận một cách tinh tế đặc biệt, cả trong tâm hồn và hành vi bên ngoài.”

Kiểu nói cô đọng *lối sống và hành động* có nghĩa là có những cách nhìn, cảm nghĩ và hành động giống như Chúa Giêsu. Nó có nghĩa là mặc lấy phong cách làm việc trong xã hội, cách quan hệ với người khác, và cách đặt mình trước mặt Thiên Chúa giống như phong cách của Đức Giêsu Nadarét.

C. Tinh thần Salêdiêng bao trùm con người toàn diện. Nó là một thực tại được chấp nhận một cách sống động đến độ nó trở thành một phần của con người. Thế nên người CTV Salêdiêng “chiếu toả” tinh thần Salêdiêng trong mọi “chuyện nhỏ bé” và mọi cử chỉ, hành vi của cuộc sống hằng ngày. Mọi thành viên trong Gia Đình tông đồ của Don Bosco sống tinh thần Salêdiêng trong Hội Thánh, nó là một nhân tố phân biệt họ với các tín hữu Công Giáo khác: trong trường hợp người CTV Salêdiêng là một linh mục hay phó tế, họ sống như những người

có chức thánh trong việc thực thi thừa tác vụ của họ; hay trong trường hợp họ là một giáo dân, họ sống theo bậc giáo dân của họ và làm các công việc của bậc giáo dân, như trường hợp của đa số các CTV. “Là Salêdiêng” vì thế mang những cách diễn tả cụ thể khác nhau.

D. Tinh thần Salêdiêng là một kinh nghiệm Tin Mừng điển hình. Đức Giêsu Kitô là thực tại cụ thể đã diễn ra trong Mạc Khải Kitô giáo. Ngài là Đấng Duy Nhất có khả năng làm thoả mãn hoàn toàn những ai xem xét thực tại một cách có phê phán. Là sự xem xét có phê phán và tương tác với thực tại, tu đức là một thái độ tự đồng hoá mình liên lý với Mẫu Nhiệm Đức Giêsu Kitô. Thái độ này được xác nhận nhờ cầu nguyện và phụng vụ: “chăm chú nhìn vào Đức Kitô chịu đóng đinh. Theo Đức Bê-nê-đictô XVI, tương giao với Thiên Chúa tự bản chất đã là một nhu cầu - giống như hơi thở hằng ngày của chúng ta... Nếu Thiên Chúa không hiện diện, chúng ta không thể hít thở đúng cách (xem Bê-nê-đictô XVI, *Deus caritas est*). Vì vậy, sống tinh thần Salêdiêng có nghĩa là rập theo cách nói năng, cảm nghĩ và hành động của Đức Giêsu. Có nghĩa là rập theo cách làm việc trong thế giới, quan hệ với người khác, và đứng trước mặt Thiên Chúa giống như Đức Giêsu Nadarét đã làm. Nó tạo bản chất và sắc thái cụ thể cho sự hiện diện và hành động của người CTV Salêdiêng giữa đời cũng như cho các

mối quan hệ của họ với anh chị em mình và cho mỗi tương quan của họ với Thiên Chúa.

Tinh thần Salêdiêng liên quan tới *toàn bộ* con người và đời sống của một người. Nó không phải là một bộ quần áo mặc trên người và thay đổi tùy theo mùa: nó là một thực tại phải được hấp thu một cách sống động, để trở nên *thành phần* của một người. Người ta không sống tinh thần này tùy lúc và chỉ trong lãnh vực này hay lãnh vực khác của hành động, công việc và đời sống: nó lan toả toàn thể cuộc sống con người bằng cách tạo một sắc thái đặc trưng và cụ thể cho sự hiện hữu và hành động của một người.

Tóm lại, người CTV Salêdiêng không chỉ *làm* những việc tốt và hữu ích tương ứng với lý tưởng Salêdiêng, nhưng họ là người Salêdiêng trong tất cả chiều sâu của con người họ, từ đầu đến chân. Và điều này được cảm nhận, được nhìn thấy và được chiếu toả trong những việc bé nhỏ, trong các cử chỉ hằng ngày, và trong các quyết định lớn lao. Nó được cảm nhận rõ nhất khi một nhóm CTV qui tụ lại với nhau để cùng làm một công việc chung hay những cuộc hội họp: không cần cố gắng gì đặc biệt, họ cũng tạo ngay được một bầu khí rồi... Và khi ai nấy trở về nhà, họ nói một cách hết sức tự nhiên: “Tôi đã hít thở bầu khí Salêdiêng và tôi cảm thấy hoàn toàn thoải mái. Ở những nơi khác cũng có cái đẹp và giá trị, nhưng ‘có cái gì đó’ còn thiếu. ‘Cái gì đó’ chính là Tinh Thần Salêdiêng?

E. “Làm việc và tiết độ” là hai Viên Ngọc thứ bốn và thứ năm đính trên vai áo choàng của nhân vật trong “Giấc Mơ Mười Viên Ngọc” được kể lại trong quyển XV của bộ Hồi Sử Don Bosco (*Memorie Biografiche*). Viên ngọc “Làm Việc” được đặt trên vai phải, như thể muốn chỉ về vị trí cao siêu của tình trạng “xuất thần của làm việc” được Thánh Phanxicô Salê nói tới trong cuốn *Theotimus* và nó hoàn toàn trở nên sinh động nhờ năng động sâu xa của Đức Tin, Đức Cây, và nhất là Đức Mến. Làm việc là nét đặc trưng cơ bản của người Salêdiêng. Người Salêdiêng là một người lao động. Don Cagliero thường nói: “Ai không làm việc thì không phải là Salêdiêng.” Theo Don Bosco, làm việc không chỉ là một hoạt động đơn thuần nào, mà là hiến trọn thời giờ và tất cả khả năng của mình cho sứ mạng. Nó không chỉ bao gồm lao động tay chân nhưng cả lao động trí óc và tông đồ. Ai viết lách, giải tội, giảng, học hành hay quét dọn nhà cửa cũng là làm việc cho các linh hồn. Lao động của chúng ta được đánh dấu bởi đức ái mục tử và ý hướng ngay lành.

Viên ngọc “Tiết Độ” đính trên vai trái áo choàng, chỉ về tính tự chủ trong một lối sống với tinh thần chừng mực và quân bình. Tiết độ là nhân đức trụ, nó dung hoà các đam mê, lời nói và hành động theo lý trí và các đòi hỏi của đời sống Kitô giáo. Khiêm nhường, chừng mực, đơn sơ, và khắc khổ xoay quanh đức tiết độ. Biểu hiện của nó trong

đời sống hằng ngày là sự quân bình (chừng mực trong mọi sự), khả năng cộng tác, thanh thản bên trong và bên ngoài, và một mối quan hệ vui tươi và uy tín với mọi người, đặc biệt với người trẻ.

Tóm lại: Chính là bằng cách này chúng ta nhận ra *chiều sâu* mà tinh thần Salêdiêng *hợp nhất và duy trì sự hợp nhất* giữa các thành viên của Hiệp Hội và của Gia Đình Salêdiêng một cách vững bền mãi mãi. Cùng một dòng máu thể chất và sinh học hợp nhất mọi thành viên của cùng một gia đình nhân loại. Cùng một tinh thần Salêdiêng hợp nhất các anh chị em Salêdiêng. Ở đâu thiếu tinh thần này thì cũng thiếu tư cách thuộc về “đời sống” của Hiệp Hội; trong trường hợp ấy, tư cách thành viên chính thức hay Lời Hứa được tuyên bố cũng không có nhiều ý nghĩa hay giá trị.

ĐIỀU 14. Trải nghiệm một Đức tin dẫn thân

§1. Người CTV Salêdiêng đón nhận Tinh Thần Salêdiêng như một món quà của Chúa cho Hội Thánh và làm nó sinh hoa kết quả tùy theo bậc sống giáo dân hay giáo sĩ của mình. Họ tham dự vào trải nghiệm đặc sủng của Don Bosco và dẫn thân phát triển khoa nhân bản Salêdiêng để tạo lý do hi vọng và viễn tượng tương lai cho con người và xã hội.²¹

§2. Bằng việc sống linh đạo Salêdiêng, họ vun trồng một trải nghiệm “thực hành” về sự hiệp thông Hội Thánh.

§3. Người CTV Salêdiêng phó thác vào Đức Nữ Trinh Vô Nhiễm Phù Hộ các Giáo Hữu, vì Mẹ là người hướng đạo cho ơn gọi tông đồ của họ: đích thực là “người cộng tác với Thiên Chúa”²² để làm cho kế hoạch cứu độ của Người trở thành hiện thực. Họ cầu nguyện với Đức Maria, Phù Hộ các Giáo Hữu và Mẹ Chúa Chiên Lành, để xin sự trợ giúp và sức mạnh cần thiết cho phần rỗi của chính họ và của giới trẻ. Linh đạo Salêdiêng được đánh dấu bằng sự tin tưởng phó thác hằng ngày cho Đức Mẹ.

21 Hiến Chương Gia Đình Salêdiêng, 27.

22 1 Cr 3:9.

DIỄN GIẢI

Các chủ đề chính

1. Một Đức Tin dân thân
2. Đức Maria, Cộng Tác Viên đầu tiên của Thiên Chúa
3. Hiệp thông Hội Thánh

Các ý tưởng nòng cốt

A. Người CTV Salêdiêng được kêu gọi tuyên xưng toàn thể đức tin Kitô giáo: *Kinh Tin Kính* của họ là kinh của toàn thể Hội Thánh. Trong sự phong phú của các Mầu Nhiệm Kitô, chính Chúa Thánh Thần hướng dẫn họ hiến mình phục vụ “hạnh phúc” thể chất và thiêng liêng của con người, đặc biệt những người cần được giúp đỡ và cần niềm hi vọng nhiều nhất. “Con Người đến không phải để được phục vụ, nhưng để *phục vụ* và hiến mạng sống mình vì phần rỗi của nhiều người.” (Mc 10:45)

Nói theo gương sáng và lời dạy của Đức Giêsu Nadarét và của Hội Thánh, và của Hiệp Hội trong Hội Thánh, người CTV Salêdiêng đặt mình phục vụ nhân loại để loan báo Tin Mừng cho mọi người và kêu gọi mọi người vào sự sống sung mãn. Theo Huấn Quyền của Hội Thánh thời hậu-Công Đồng, việc phục vụ này bao gồm: việc đổi mới nhân loại qua hoạt động xã hội và các hình thức sáng kiến giáo dục khác nhau; *chứng tá Kitô giáo* của cá nhân và cộng đồng; *rao giảng công khai* Tin Mừng qua

việc giảng dạy về Đạo và huấn giáo; *hoạt động truyền giáo* qua đối thoại liên tôn (đặc biệt chia sẻ đời sống và cầu nguyện) và *hợp tác* với các tôn giáo khác để chống lại những hoàn cảnh bất công và giúp đỡ những người muốn gia nhập Hội Thánh; *sinh động hoá việc cầu nguyện* trong cộng đồng Kitô và cách riêng trong cộng đoàn phụng vụ; nhiều *sáng kiến về tình liên đới con người và Kitô giáo*; và nhiều hình thức hợp tác truyền giáo và một sự *hiện diện truyền giáo* tại những vùng nổi trội về sự dửng dưng với tôn giáo hay vô thần.

Đào luyện những “Kitô hữu tốt và công dân lương thiện, chính trực” là cách Don Bosco thường dùng để chỉ về *mọi sự mà giới trẻ cần* để sống sung mãn đời sống con người và Kitô hữu của họ: quần áo, lương thực, nhà ở, việc làm, và thời giờ rảnh rỗi; niềm vui và tình bạn; đức tin tích cực, Ôn Chúa, và con đường nên thánh; sự tham dự, năng động lực và sự hội nhập vào các thực tại xã hội và giáo hội. Kinh nghiệm giáo dục của ngài đề nghị một kế hoạch và một *kiểu can thiệp* cụ thể, được ngài cô đọng lại trong *Hệ thống Dự Phòng* của ngài, hoàn toàn dựa trên lý trí, tôn giáo, và lòng thương mến.

Nói đến Valdocco là chúng ta muốn nói đến Nguyễn Xá, và chỉ về những năm đầu trong thập niên thứ 4 của thế kỷ 19 (1841-1846), là thời kỳ *Nguyễn Xá Ngày Lễ* được hình thành: một trường giáo lý, một vườn giải trí, và một trung tâm xoá mù

chữ, trước hết dành cho những người trẻ di dân, hay những trẻ bị bỏ rơi, vào những ngày nghỉ trong tuần. Nguyễn Xá được hình thành chủ yếu để làm nơi mà giới trẻ có thể tìm được sự hợp nhất và diễn tả năng lượng sinh động của một nhóm trẻ nam và trẻ nữ, những thiếu niên và thanh niên vốn xa lạ với nhau trước khi có nơi qui tụ này. Về cơ cấu tổ chức, thoạt đầu chính Don Bosco cùng với một số những học trò của ngài (các thầy giáo và giáo lý viên) đã được đào tạo tốt hơn trong các hội đoàn, đã sinh động hoá tất cả các trẻ khác trong việc thực hành các nhân đức Kitô giáo qua các sinh hoạt tôn giáo tích cực, học văn hoá, giải trí, và các loại sinh hoạt đa dạng gồm việc bắt đầu tham gia vào công việc và rồi lãnh các công tác và các trách nhiệm. Rồi từ năm 1847, Nguyễn Xá cũng thu nhận các thiếu niên nghèo khổ nhất trong số các trẻ bị bỏ rơi, cho họ nơi ăn ở - Nhà Tá Túc Thánh Phanxicô Salê. Đây là một trung tâm thu nhận các trẻ nam cần có chỗ tá túc để đi làm hay đi học tại các trường trong thành phố. Về sau, nó trở thành nơi cho các loại trợ giúp khác, trường dạy nghề, trường học văn hoá, và giáo dục học thuật. Từ 1855 đến 1870, có thể vẽ ra một bước ngoặt rõ ràng trong công cuộc giáo dục và cứu trợ của Don Bosco: dần dần Nguyễn Xá Valdocco được biến thành một *trường nội trú* cho các học sinh học nghề (1852-1862) và các học sinh học văn hoá (1855-1859). Chính các biến chuyển này về các loại hoạt động đã đẩy hình thức Nguyễn Xá Ngày Lễ xuống hàng thứ hai, cho dù Nguyễn

Xá vẫn giữ vị trí hàng đầu trên bình diện lý tưởng.

Từ một nơi đơn sơ để qui tụ các trẻ em học giáo lý và giải trí vào các ngày nghỉ - Chúa Nhật và các ngày lễ - nó trở thành một nơi cho việc đào luyện toàn diện, với việc xây thêm nhiều toà nhà. Hiện tượng “biến thành trường trung học” (các lưu xá, các trung học văn hoá, các *trường học nghề*, và sau này là các học sinh nội trú và ngoại trú) đã diễn ra mau lẹ và, ít là trong một thế kỷ sau đó, sẽ chiếm phần lớn sức lực (tốt nhất) của Tu Hội Salêdiêng và tạo cho Hệ Thống Dự Phòng một “hình dạng mới.” Bất kể là trường dạy văn hoá hay dạy nghề, các trường này đều công hiến:

1. Các khoá học kỹ thuật để có thể làm việc trong một ngành nghề nào đó;
2. Dạy dỗ các môn giáo dục cơ bản để có thể học lên cao, gồm cả thần học;
3. Các môn giáo dục rộng rãi bao có thể (ca nhạc, kịch nghệ, trò chơi và du ngoạn)—tất cả đều theo định hướng Kitô giáo; và
4. Không được dự kiến trong bản *Hiến Luật* đầu tiên được Toà Thánh phê chuẩn năm 1874, một hoạt động mới và phi thường được mở ra cho *công cuộc truyền giáo* (từ 1875 trở đi), hoạt động này được đưa vào Argentina và chủ yếu quan tâm tới các người Ý nhập cư đầu tiên tại đây.

B. Bằng việc tìm hiểu lại các ý tưởng và kinh nghiệm của Don Bosco trong ánh sáng của một khoa giáo hội học mới của Công Đồng và của Huấn Quyền giáo hoàng liên quan đến việc phúc âm hoá, các CTV Salêdiêng diễn tả hành động tông đồ của họ bằng các thành ngữ khác nhau: *phục vụ giáo dục/mục vụ*, được thi hành theo Hệ Thống Dự Phòng; “*giáo dục bằng phúc âm hoá và phúc âm hoá bằng giáo dục*”; *giáo dục toàn diện theo phong cách Hệ Thống Dự Phòng*; giáo dục và phúc âm hoá theo khoa sư phạm của *lòng nhân hậu*; và các cách nói tương tự. Về cơ bản, người CTV Salêdiêng thi hành việc phục vụ Tin Mừng của mình trong đời sống hằng ngày bằng việc rao giảng Tin Mừng và làm chứng cho Tin Mừng.

Cũng chính Don Bosco đã vạch ra một số yếu tố của hành trình này (Rôma, 1878): giúp người Salêdiêng “đối diện và chặn đứng tình trạng vô đạo và các hành vi xấu đang ngày càng gia tăng, cả ở thành phố và thôn quê, chúng lôi kéo những người trẻ nghèo khổ và thiếu kinh nghiệm tới chỗ hư mất đời đời.” “Giảm bớt số lượng những trẻ hư đồn mà nếu để mặc cho chúng, chúng sẽ có nguy cơ làm chật kín các nhà tù.” (Genoa, 30-3-1882): “Chúng ta thấy chúng đi lang thang từ quảng trường này tới quảng trường khác, từ bãi biển này tới bãi biển khác, vô công rồi nghề và chơi bời lêu lổng, và học những điều tục tĩu và lộng ngôn; và sau đó chúng ta thấy chúng trở thành những tên côn đồ và tội

phạm; rồi sau cùng, và rất thường xuyên ngay ở tuổi xuân xanh của chúng, chúng ta thấy chúng đi vào các nhà tù.” (Lucca, tháng 4-18820): “Hàng ngàn thanh niên tại hơn 100 Nhà đang nhận được một nền giáo dục Kitô giáo, được dạy dỗ, và được đưa vào con đường của các ngành kỹ thuật hay một ngành nghề có thể giúp chúng kiếm miếng ăn hằng ngày một cách lương thiện (...) Các của quyên góp của anh chị em giúp thăng tiến các người trẻ này cho xã hội để là những người lao động Kitô giáo, những người lính trung thành, những giáo viên gương mẫu, những linh mục, và thậm chí những nhà truyền giáo sẽ đem Đạo Chúa và văn minh đến cho các dân man di.” (Torinô, 1-6-1885): Phải nâng đỡ Công Cuộc Salêdiêng “bởi vì nó giáo dục người trẻ tới nhân đức, tới con đường Thánh Điện [sic] vì mục đích chính của công cuộc là dạy dỗ người trẻ để họ làm phát triển trong thế giới, trong các trường học, các nhà tá túc, các nguyện xá ngày lễ, các gia đình—tôi nói lại, để họ phát triển lòng mộ mến tôn giáo, phép lịch sự, cầu nguyện, và việc siêng năng lãnh nhận các bí tích—những người trẻ ấy, ngày hôm nay, đang là mục tiêu của những kẻ xấu.”

“Trong thời đại này, những kẻ xấu tìm cách gieo rắc sự vô đạo và phong hoá đồi bại, gây nguy hiểm đặc biệt cho những người trẻ thiếu cảnh giác qua các hội nhóm, sách vở và các cuộc tụ tập với các mục đích hơn kém công khai là lôi kéo chúng xa rời Tôn Giáo, Giáo Hội và đạo đức chân chính.”

C. Điều luật này đặc biệt nhắc tới số 4 của văn kiện *Ad Gentes* của Công Đồng Vaticanô II:

Để hoàn thành việc đó, Chúa Kitô đã sai Chúa Thánh Thần từ Chúa Cha đến để Ngài thực hiện công trình cứu chuộc trong các tâm hồn và thúc đẩy Giáo Hội bành trướng thêm mãi. Dĩ nhiên là Chúa Thánh Thần đã hành động nơi trần gian trước khi Chúa Kitô được vinh hiển, nhưng trong ngày Hiện Xuống, Ngài đã ngự xuống trên các Tông Đồ để ở lại với họ muôn đời: Giáo Hội công khai ra mắt dân chúng, Phúc Âm bắt đầu được phổ biến giữa muôn dân nhờ lời giảng dạy, và sau hết tiên báo sự hợp nhất các dân tộc trong tính cách công giáo của đức tin, nhờ Giáo Hội Tân Ước nói mọi thứ tiếng, thấu hiểu và bao gồm mọi ngôn ngữ trong tình bác ái, và như thế đã thắng vượt sự phân tán do tháp Babel. Thực vậy “công vụ Tông đồ” bắt đầu từ ngày Hiện Xuống, như khi Chúa Thánh Thần đến ngự trên Trinh Nữ Maria thì Chúa Kitô được thụ thai, và như khi Chúa Thánh Thần ngự trên Chúa Kitô lúc Người cầu nguyện thì Người được thúc đẩy bắt đầu thi hành chức vụ.

Tuỳ mức độ ý thức mình là thành phần sống động và tích cực của Hội Thánh, người CTV Salêdiêng nuôi dưỡng nhu cầu sống thân mật với Chúa Thánh Thần và kiên trì cầu khẩn Người, biết rằng Người hiện diện một cách bí ẩn nhưng thật sự trong tâm hồn họ và nâng đỡ họ trong dân thân tông đồ Salêdiêng của họ.

B. Nhờ công trình của Chúa Giêsu và việc sai Chúa Thánh Thần ngự đến, Thiên Chúa cho Hội Thánh xuất hiện để nhờ sự phối hợp hoạt động của mọi thành viên—các tín hữu và chủ chăn—Hội Thánh có thể là người cộng tác hữu hình với kế hoạch của Người qua các thời đại. Vaticanô II đưa ra viễn tượng đức tin này của mình ngay từ những dòng đầu tiên của *Lumen Gentium*, khi Công Đồng định nghĩa Hội Thánh là “Bí tích cứu độ phổ quát,” nói cách khác, là “dấu chỉ và khí cụ của sự hiệp mật thiết với Thiên Chúa và của sự hiệp nhất toàn thể nhân loại.” Bằng việc đặt mình trong viễn tượng đức tin này, người CTV Salêdiêng nhìn Hội Thánh như là “Thân Thể (hữu hình và hữu cơ) của Đức Kitô,” được sinh động bởi Thánh Thần Tình Yêu của Ngài. Đây là một trong những cách hiện thực nhất mà Thánh Phaolô đã dùng để mô tả Hội Thánh. “Chúng ta biết mình là một bộ phận sống động” của Hội Thánh, bởi vì nhờ sức mạnh của các Bí Tích Khai Tâm Kitô giáo và của ơn gọi Salêdiêng chuyên biệt, chúng ta trở thành những chủ thể tích cực và đồng trách nhiệm. Chúng ta thấy Hội Thánh là “trung tâm hiệp thông của mọi lực lượng hoạt động cho sự cứu rỗi.” Theo lời tuyên bố của Công Đồng Vaticanô II: Hội Thánh,

“Dân tộc thiên sai ấy, tuy hiện nay chưa bao gồm toàn thể nhân loại và đôi khi tỏ ra như một đàn chiên nhỏ, nhưng lại là một mầm mống vững chắc nhất của hiệp nhất, hy vọng và cứu rỗi cho toàn

thể nhân loại. Dân tộc thiên sai ấy được Chúa Kitô thiết lập để thông dự vào sự sống, bác ái và chân lý, được Người sử dụng như khí cụ cứu rỗi cho mọi người, và được sai đi khắp thế giới như ánh sáng trần gian và muối đất.”

E. Suy tư của Hội Thánh ngày nay về Mầu Nhiệm Đức Kitô và về bản chất của chính Hội Thánh đã giúp Hội Thánh khám phá ra, nơi cội nguồn của mầu nhiệm Đức Kitô và nơi sự thành toàn của Hội Thánh, có hình ảnh của Người Nữ: Đức Trinh Nữ Maria, Mẹ Đức Kitô và Mẹ Hội Thánh. Thiên Chúa đã đặt trong Gia Đình của Người—Hội Thánh—giống như trong mọi gia đình ở trần gian, hình ảnh của Người Nữ, là người trông coi và bảo vệ Hội Thánh trong một tinh thần phục vụ. Trong công trình cứu rỗi của Ngài, Đức Kitô đã có “một Cộng Tác Viên” là Mẹ của Ngài, Đức Maria Nadarét, được tiền định bởi sự khôn ngoan của Chúa Cha và được đào luyện bởi sự hiện diện của Chúa Thánh Thần. người CTV Salêdiêng nhìn ngắm và tôn kính Đức Maria như là “Người Tôi Tớ hoàn hảo” của Chúa Cha theo gương Người Con của Mẹ, Mẹ đã “cộng tác một cách độc nhất vô nhị vào công trình cứu chuộc của Đấng Cứu Thế, với tư cách là *Mẹ Đức Giêsu*”; và là Đấng đồng công cứu chuộc, đồng hưởng vinh quang với Con của Mẹ, Mẹ “không ngừng cộng tác trong tư cách là *Mẹ và Đấng Phù Hộ dân Kitô hữu*.”

F. Suy gẫm những mẫu nhiệm này hằng ngày giúp soi sáng ơn gọi của người CTV Salêdiêng và giúp họ thấu hiểu nó trong những khía cạnh sâu xa nhất. Trong cuộc sống và công việc tông đồ hằng ngày của mình, người CTV Salêdiêng chia sẻ niềm vui và sự kinh ngạc của Thánh Phaolô vì được kêu gọi làm “một người cộng tác với Thiên Chúa, trong việc xây dựng công trình của Người”: “Tôi là người hèn kém nhất giữa các thánh, nhưng đã được ban cho ơn này là rao giảng sự phong phú khôn lường của Đức Kitô.” Cũng vậy, Don Bosco vào đầu năm 1878 đã cho in trên trang đầu của tờ *Bollettino Salesiano* câu nói được cho là của Thánh Dionysiô Areopagite: “Giữa tất cả những việc linh thiêng cao cả, việc linh thiêng nhất là *cộng tác với Thiên Chúa* trong việc cứu rỗi các linh hồn.”

ĐIỀU 15. Địa vị trung tâm của Đức Ái tông đồ

§1. Tâm điểm của tinh thần Salêdiêng là đức ái tông đồ và mục tử. Đức ái này làm hiện diện nơi giới trẻ lòng thương xót của Chúa Cha, tình yêu cứu độ của Đức Kitô, và quyền năng của Chúa Thánh Thần. Don Bosco diễn tả điều này bằng khẩu hiệu: “Da mihi animas, coetera tolle.” Ngài ngụ ý điều này trong tên gọi “Salêdiêng,” qua việc chọn Thánh Phanxicô Salê²³ làm bản mạng, vì thánh nhân là mẫu mực của tính nhân bản Kitô giáo, sự tận tụy tông đồ, tình yêu dịu hiền, và là người cổ vũ linh đạo giáo dân.

§2. Đối với người CTV Salêdiêng, đức ái này là một quà tặng của Thiên Chúa, nó kết hiệp họ với Thiên Chúa và với giới trẻ. Hơn nữa, nó còn được gợi hứng từ tình mẫu tử của Đức Maria, Đáng nâng đỡ và củng cố họ trong đời sống chứng tá hằng ngày.

²³ *Salesian Cooperators: A Practical Way...* Art. V, 8. Francis de Sales, *On the Love of God*. Bản dịch tiếng Anh của John K. Ryan. 2 quyển (Garden City, NY: Doubleday & Company, Inc., 1963).

DIỄN GIẢI

Các chủ đề chính

1. Đức ái tông đồ và mục tử
2. Tính nhân bản Kitô giáo

Các ý tưởng nòng cốt

A. Điều người ta có thể nhận ra ngay trong các lời của Don Bosco là ngài hoan nghênh tất cả những gì hoàn toàn nhân bản. Trước hết, nhắm tới việc trở thành công dân lương thiện và Kitô hữu tốt cũng là nhấn mạnh phẩm giá con người. Công Đồng Vaticanô II trong Hiến Chế Mục Vụ *Gaudium et Spes* số 12 nói rõ: “Những người tin cũng như những người không tin hầu như đồng quan điểm là mọi sự trên trái đất phải được hướng về con người như là trung tâm và tột đỉnh của chúng.”

Các nhà giáo dục và các tông đồ có nhiệm vụ đánh thức và huy động mọi tiềm năng nơi người trẻ: các khả năng nhận thức và lý luận; các xu hướng tình cảm đa dạng của họ; và ý chí của họ được kiện cường bởi tự do. Noi gương Don Bosco, các CTV Salêdiêng chọn khoa nhân bản Kitô giáo và phương pháp đức ái của Thánh Phanxicô Salê. Khoa nhân bản này không phủ nhận sự yếu đuối của con người nhưng đặt niềm tin vững vàng vào sự thiện nội tại của con người vì con người được Thiên Chúa yêu thương và được Người kêu gọi tới sự trọn lành Kitô giáo, trong mọi bậc sống của họ.

Tính nhân bản này là một khía cạnh tạo thành của kinh nghiệm đặc sủng và thiêng liêng của tất cả các Nhóm do Don Bosco sáng lập và đã trở thành gia sản quý báu của các Nhóm khác mà ngày nay đã được kết hợp vào cùng một Gia Đình.

Đối với Don Bosco, *khoa nhân bản “Salêdiêng”* có nghĩa đánh giá tích cực tất cả những gì có gốc rễ trong đời sống con người, trong thực tại tạo dựng và trong các biến cố lịch sử. Quan điểm này khiến ngài: nhận ra các giá trị đích thực hiện diện trong thế giới, đặc biệt nếu chúng được giới trẻ yêu thích; dẫn mình vào dòng chảy văn hoá và sự phát triển con người của thời đại ngài, khuyến khích điều thiện và không oán thán điều xấu; tìm sự hợp tác từ nhiều phía, đồng thời ý thức rằng mỗi cá nhân có những khả năng cần được khám phá, nhìn nhận và đề cao; tin vào sức mạnh của giáo dục có khả năng nâng đỡ sự phát triển của người trẻ và khuyến khích họ trở thành công dân lương thiện, chính trực và Kitô hữu tốt; và phó thác mình mọi nơi mọi lúc cho Thiên Chúa Quan Phòng, Đấng được ngài nhận ra và yêu mến như một người Cha.

Trong sự trung thành sáng tạo đối với Don Bosco, các CTV Salêdiêng cam kết cống hiến cho xã hội hôm nay việc phục vụ của mình, theo các đường hướng canh tân của Công Đồng Vaticanô II và các giáo huấn sau Công Đồng của các Đức Thánh Cha liên quan đến mối quan hệ của Hội Thánh với các tôn giáo khác và với xã hội thời nay,

tập trung vào đối thoại liên tôn, sự bảo vệ phẩm giá của con người và của gia đình, cổ vũ công lý và hoà bình, đối thoại liên văn hoá - đặc biệt trong các môi trường đa sắc tộc - và việc bảo vệ toàn thể tạo vật.

Việc giáo dục Don Bosco đề ra có một mục tiêu kép: Kitô hữu tốt và công dân lương thiện, câu nói có thể được tóm gọn bằng công thức của một sự giáo dục toàn diện hay bằng bộ ba “S” truyền thống nổi tiếng: *Sanità* (sức khoẻ), *Studio* (học tập), và *Santità* (sự thánh thiện), hay “niềm vui, học hành, và đạo đức,” “bánh ăn, lao động, và thiên đàng,” “lao động, tôn giáo, và nhân đức,” “đạo đức, luân lý, văn hoá, và lịch sử,” “hạnh phúc cả ở đời này và đời sau.”

1. *Kitô hữu tốt*: được mời gọi cầu nguyện; nêu gương sáng; siêng năng thực hành các việc đạo đức; “tham gia vào tất cả những việc có thể làm vinh danh Chúa và cứu rỗi các linh hồn”; nói tốt về Hội Thánh, về các linh mục và giám mục, về Đức Thánh Cha, và về các phẩm trật trong Hội Thánh; giúp loại trừ gương mù; và sửa lỗi cho nhau bằng tình huynh đệ. Các phương tiện thiêng liêng gồm những phương tiện được thừa hưởng từ Công Đồng Trentô và từ linh đạo của thời ngài: một khoa huấn giáo được hấp thu tốt, các bí tích, các việc thực hành đạo đức, và ý thức bốn phận tôn giáo—tất cả dẫn tới sự thánh thiện. “Điều đầu tiên được đề nghị cho em [Đaminh Saviô] để nên thánh là làm việc để

chinh phục các linh hồn cho Thiên Chúa; vì không có gì thánh thiện hơn ở đời này cho bằng cộng tác cho lợi ích các linh hồn.” (*Tiểu sử Đaminh Saviô*, ch. 8).

2. *Công dân lương thiện*: Là người chu toàn các bổn phận của bậc sống mình. Rõ ràng người Kitô hữu, với tư cách là một công dân tốt, cũng được kêu gọi góp phần vào trật tự và sự tiến bộ của xã hội bằng việc cai quản gia đình mình một cách khôn ngoan, tham gia bao có thể vào các công cuộc bác ái và liên đới, vào các việc dạy giáo lý và hành động giáo dục, và “dẫn mình vào lãnh vực hành động và lao động” bằng việc tham gia các nhóm và các hiệp hội của Kitô giáo đang tích cực hoạt động trên thế giới, và cởi mở trước các viễn tượng tông đồ và truyền giáo đầy thách thức. Họ cũng làm việc này với tinh thần bổn phận, tôn trọng trật tự dân sự, lao động như một nhu cầu để sống còn nhưng cũng như một nhân tố của căn tính của họ, của sự phát triển bản thân, và của sự phục vụ xã hội. Đương nhiên họ làm như thế trong những giới hạn được đặt ra bởi hoàn cảnh xã hội của giới trẻ.

Ngày nay công thức “công dân lương thiện và Kitô hữu tốt” được coi là đương nhiên mang những nghĩa sau đây: Một “Kitô hữu tốt” không chỉ là người đi nhà thờ và vâng lời hàng giáo phẩm, nhưng cũng là người làm việc cho một xã hội được xây dựng trên tình liên đới và với trách nhiệm trong cộng đồng Giáo Hội. Người “công dân lương

thiện” là người không rút lui khỏi xã hội bởi vì nó đa nguyên và tràn ngập các thông điệp khác nhau, nhưng tham gia vào xã hội với các năng động và sức mạnh riêng của mình, góp phần quan trọng của mình và tích cực tham gia để có một cuộc sống tốt đẹp hơn cho mọi người.

Don Bosco kiên cường trong niềm tin vào một Nhà Nước Tôn Giáo và vào hình ảnh một xã hội với những “giai tầng” trong đó những người giàu và người nghèo chung sống với nhau, và có sự nẩy nở lòng tôn trọng đối với quyền bính, tình yêu đối với lao động, lòng biết ơn đối với các ân nhân, và tính bất khả xâm phạm của quyền tư hữu. Thay vì khai triển các nguyên tắc, ngài biểu lộ các khuynh hướng: ngài bảo thủ hơn là dân chủ, phụ tử hơn là bình đẳng, giáo sĩ hơn là giáo dân, và cổ vũ các hiệp hội hơn là các tập đoàn hay nghiệp đoàn. Ngài muốn có một trật tự luân lý hài hoà biết tôn trọng mỗi con người và người giáo sĩ giữ ưu thế; mô hình xã hội của ngài là mô hình truyền thống, đặc thủ chứ không sáng tạo; ngài có một bậc thang giá trị rõ ràng, phân biệt giữa lãnh vực thiêng liêng với trần thế và coi trọng lãnh vực thứ nhất hơn lãnh vực thứ hai; tính cách của ngài không thích xung đột nhưng muốn kết hợp mọi người. Việc ngài giữ khoảng cách với chính trị không có nghĩa là ngài thiếu tinh thần dân tộc; trái lại, tinh thần này rất sống động nơi Don Bosco, được biểu lộ bằng tình yêu của ngài đối với hoà bình và sự trợ giúp tích

cực của ngài trong những hoàn cảnh cần thiết (các nạn dịch tả, động đất...).

B. Khoa nhân bản Salêdiêng lưu ý đến các thực tại hằng ngày, từ lao động tới văn hoá, từ niềm vui bạn bè tới cam kết dân sự, từ cái đẹp của Thiên Nhiên bao quanh chúng ta tới giáo dục bản thân và xã hội, và từ năng lực chuyên môn đến sự ngay thẳng đạo đức trong các cử chỉ và chọn lựa của một người - tất cả các thực tại tạo nên cuộc sống chúng ta - là những giá trị phải được bảo vệ và giúp phát triển. Sự dần thân thiện tiến con người trong lịch sử Salêdiêng rất coi trọng các thực tại nhỏ bé tạo nên kinh nghiệm của những con người.

Khoa nhân bản Salêdiêng khai triển viễn tượng của việc tạo ý nghĩa cho đời sống hằng ngày. Kiểu giáo dục của Don Bosco muốn đồ đầy con người niềm hi vọng và cống hiến một tương lai cho lịch sử của những con người bằng việc sử dụng lý trí, tôn giáo và lòng thương mến. Sự dần thân thiện Salêdiêng của tất cả các Nhóm thuộc Gia Đình Salêdiêng được định nghĩa là “giáo dục,” nó là nội dung sứ mạng chuyên biệt của một người và là cách can thiệp để trở nên hiệu quả. Nó cũng là chọn lựa thiêng liêng cho những ai làm việc trong Nước Trời và vì Nước Trời. Chúng ta giáo dục để giúp mỗi người tìm thấy chỗ đứng đúng của họ trong xã hội và trong Giáo Hội. Ôn gọi của một người là điểm

quan trọng nhất của đời họ. Chúng ta được đặt trong thế giới này không phải cho bản thân chúng ta, nhưng cho những người khác và chúng ta được giao phó một sứ mạng chuyên biệt để chúng ta dẫn thân phục vụ anh chị em chúng ta. Đây là tiếng gọi làm việc ở mọi nơi mọi lúc và trong mọi sự bằng tình thương của Thiên Chúa, là điều chúng ta rất cần. Các tín hữu, trẻ cũng như già, người thánh hiến cũng như giáo dân, nam cũng như nữ, diễn tả món quà đức ái dưới muôn vàn hình thức khác nhau; một số diễn tả bằng các hoạt động giáo dục, số khác bằng việc dẫn thân truyền giáo tới độ hiến mình hoàn toàn vát trọn vẹn.

Đức ái mục tử là tâm điểm và đỉnh điểm của Linh Đạo Salêdiêng. Nếu dấu xác nhận của các tu sĩ Phan Sinh là nghèo khó và của các tu sĩ Dòng Tên là vâng phục, thì đức ái là dấu xác nhận của các con cái Don Bosco. Thực vậy, đức ái là tột đỉnh của mọi đặc sủng: “Anh em cứ tha thiết tìm những ơn cao trọng nhất. Nhưng đây tôi xin chỉ cho anh em con đường trời vượt hơn cả”: Đức Ái. Nhân đức này không phải là một sự khắc phục bản thân, nhưng là sự mở lòng mình ra một cách khiêm nhường và hoàn toàn cho Thiên Chúa, theo gương Đức Maria. Nó là sự say mê tìm kiếm những người trẻ để chinh phục họ về cho Thiên Chúa. Như thế đức ái là dấu xác nhận linh đạo Don Bosco và đức ái nhập thể trở thành lực đẩy trung tâm của linh đạo Salêdiêng: nó là nét đặc trưng của một tình yêu biết

cách làm cho mình được yêu và kêu gọi tình yêu. Tình yêu này hữu hình, được biểu lộ, có sức giải phóng và cứu thoát.

Trong lá thư viết từ Rôma năm 1884, Don Bosco tiết lộ ý nghĩa bí nhiệm này: “Phải làm gì để các trẻ yêu dấu này lấy lại được niềm hăng say? Bằng đức ái... Chúa Giêsu đã trở nên bé nhỏ với những người bé nhỏ, và đã mang lấy thân phận hèn yếu của chúng ta. Ngài là bậc thầy của tinh thần gia đình! Chúa Giêsu Kitô không bẻ gãy cây sậy bị dập, hay dập tắt tim đèn còn khói. Ngài là gương mẫu của các con.” Khoa bí nhiệm của *Da mihi animas, coetera tolle* hệ tại sự hiệp thông sâu xa với Thiên Chúa, nó hun đúc trái tim nhà giáo dục, làm cho họ sẵn sàng hiến mình phục vụ hoàn toàn và quảng đại. Viễn tượng của khoa bí nhiệm của Don Bosco được thấy trong điều này: học từ Thiên Chúa để biết yêu thương và tham dự vào tình yêu của Đức Kitô bằng cách nuôi dưỡng một trái tim của người tông đồ biết hiến mình vô hạn cho phần rỗi của giới trẻ.

Chính đức ái mục tử này là năng lượng thiêng liêng thúc đẩy Don Bosco tìm kiếm các linh hồn và phụng sự một mình Thiên Chúa; chính đức ái này đổ đầy lòng trí ngài và các kế hoạch của ngài với mục đích mở rộng chúng và tạo sự bền vững cho công cuộc của ngài. Vì lý do này, ngài đã qui tụ quanh mình những con người khác nhau, phối hợp và điều hoà các hoạt động và các tài năng rất đa

dạng của họ, cho dù họ ở các bậc sống và các thừa tác vụ khác nhau.

ĐIỀU 16. Sự hiện diện Salêdiêng trong thế giới

§1. Các CTV Salêdiêng biết rằng họ “liên đới mật thiết”²⁴ với xã hội họ đang sống và được kêu gọi làm ánh sáng, muối và men cho xã hội ấy. Họ tin vào các nguồn nội lực của con người. Họ chia sẻ các giá trị của nền văn hoá và dấn thân làm việc để nó được hướng dẫn bởi khoa nhân bản Kitô giáo. Họ cổ vũ các thực tại mới với tinh thần phê bình của người Kitô hữu. Họ kết hợp vào đời sống mình “tất cả những gì là tốt đẹp,”²⁵ đồng thời có thái độ lắng nghe, đặc biệt đối với giới trẻ, trong việc phân định các dấu chỉ thời đại.

§2. Trước các khó khăn và thách thức văn hoá-xã hội,²⁶ họ chọn một thái độ có phê phán và xây dựng. Họ dấn thân làm việc để truyền bá trong xã hội một nền văn hoá và đạo đức Kitô giáo của sự tiếp nhận và tình liên đới.

²⁴ *Gaudium et Spes*, số 1.

²⁵ 1 Tx 5:21.

²⁶ *Gaudium et Spes*, số 4 và 11.

DIỄN GIẢI

Chủ đề chính

Là ánh sáng và men: Lạc quan trước điều thiện, và dũng cảm, thực tế trước điều xấu

Các ý tưởng nòng cốt

Chương nói về tinh thần Salêdiêng này nhấn mạnh và xác định *cách thức* người CTV làm việc, các *xác tín* và *tình cảm* họ phải có, và các thái độ đặc trưng Salêdiêng mà họ biểu lộ ra bên ngoài. Câu hỏi là: *Người CTV Salêdiêng cư xử thế nào trước thế giới* mà ơn gọi Salêdiêng kêu gọi họ sống và làm việc trong đó như là “ánh sáng, muối, và men” cho thế giới ấy? Điều luật này cắt nghĩa câu hỏi trên đây từ hai quan điểm: 1) Khi đứng trước điều thiện, họ thực hành thái độ lạc quan; 2) khi đứng trước điều xấu, họ thực hành lòng dũng cảm với trí phán đoán thực tế.

Đức ái mục tử Salêdiêng chỉ ra cho người CTV một thái độ tích cực cơ bản: “tình liên đới.” Là người Kitô hữu, “họ cảm thấy mình là một thành phần sống động của Hội Thánh.” Là người giáo dân Kitô hữu, họ cảm thấy mình là một thành phần sống động của thế giới, một “công dân” hoàn toàn được tháp nhập vào trong thực tại trần thế và đồng trách nhiệm về thực tại trần thế, họ cống hiến phần đóng góp của mình cho sự phát triển toàn vẹn của thế giới với vai trò là “ánh sáng, muối và men.” Hội Thánh

trong Công Đồng xác nhận điều này: “Cộng đồng Kitô này thể hiện rằng mình thực sự liên kết với nhân loại và với lịch sử nhân loại bằng mối liên kết thâm sâu nhất...” và chia sẻ những “niềm vui và hi vọng, những đau buồn và lo âu của con người thời nay, đặc biệt những người nghèo khổ dưới bất kỳ hình thức nào.”

Người CTV Salêdiêng tin rằng, trong sự quan phòng của Người, Thiên Chúa đã đặt trong mỗi con người những nguồn lực tự nhiên và ơn sủng siêu nhiên mà một con người hành động hay một nhà giáo dục có thể cậy dựa vào và tìm được những lý do chính đáng để hi vọng. Đây chính là xác tín của Thánh Phanxicô Salê, “mẫu mực của khoa nhân bản đích thực.” Đây cũng là niềm xác tín của Don Bosco, trong thái độ chống lại thuyết Giansen của thời đại ngài: *trong mỗi người trẻ, thậm chí những người trẻ xấu xa nhất - ngài thường nói - vẫn luôn luôn có một điểm để sự thiện đi vào, một dây đàn tinh tế có thể rung lên được.* Toàn thể Hệ Thống Dự Phòng hệ tại việc “kêu gọi những nguồn nội lực của con người.” Trong các bối cảnh khác nhau mà người CTV Salêdiêng đang sống, những môi trường được hình thành bởi những người trẻ hay người lớn hay bởi cả hai, họ tìm cách tạo sự tin cậy, trao các trách nhiệm, giúp những con người ấy tăng trưởng, và lan truyền sự lạc quan.

Trong các hoàn cảnh và các sự kiện của thế giới này, tính lạc quan Salêdiêng giúp người CTV

nhìn thấy khía cạnh tốt hơn là khía cạnh tiêu cực - tuy nhiên, họ không nhắm mắt làm ngơ trước điều này. Trên thực tế, họ tìm cách khám phá ra những điều tốt đang diễn ra nhưng được nói tới. Họ hoan nghênh và đánh giá cao bất cứ điều gì thực sự là nhân bản và phù hợp với một khía cạnh nào đó của ơn gọi và phẩm giá con người, và cách riêng, “các giá trị của nền văn hoá của họ.” Họ chia sẻ với giới trẻ sự mến mộ các giá trị đích thực. Do đó họ sẵn sàng lắng nghe lời mời gọi của Thánh Phaolô cho các tín hữu Philípphê: “Thưa anh em, những gì là chân thật, cao quý, những gì là chính trực tinh tuyền, những gì là đáng mến và đem lại danh thơm tiếng tốt, những gì là đức hạnh, đáng khen, thì xin anh em hãy để ý. Những gì anh em đã học hỏi, đã lãnh nhận, đã nghe, đã thấy ở nơi tôi, thì hãy đem ra thực hành, và Thiên Chúa là nguồn bình an sẽ ở với anh em!” (Pl 4:8-9).

Người CTV Salêdiêng mang một thái độ tích cực trước mọi hình thức tiến bộ chân chính: quyền sở hữu vật chất, phẩm giá và tự do của mọi người và mọi dân tộc, phẩm giá bình đẳng giữa nam và nữ, tình liên đới ngày càng mạnh ở bình diện liên nhân vị, xã hội, quốc gia và quốc tế. Đứng trước những cái mới lạ, họ không mang thái độ thành kiến, tiêu cực hay nghi kỵ. Họ có khuynh hướng xem xét chúng một cách thuận lợi, “đặc biệt nếu chúng làm giới trẻ ưa thích.” Don Bosco thích những gì giới trẻ thích, không sợ hãi; trong các nhà của ngài, chúng cảm thấy thoải mái và không cảm thấy bị ức chế.

Trong tất cả những điều này, cần có sự phân định bằng “óc phê phán của người Kitô hữu”: những cái mới không luôn luôn đồng nghĩa với tiến bộ; đôi khi chúng là vô bổ bởi vì “những tay buôn cái mới” thao túng các lương tâm và lợi dụng sự khao khát thay đổi; vì vậy, người CTV Salêdiêng theo nguyên tắc của Thánh Phaolô: “Hãy xem xét mọi sự và giữ lại điều gì là tốt.”

Người CTV Salêdiêng nhìn thực tại với một thái độ “tin tưởng”: nhận thức của họ về lịch sử và trên hết là đức tin của họ làm họ xác tín rằng cuộc đời luôn luôn kết thúc bằng chiến thắng trên văn hoá sự chết. Do đó họ không sợ chiến đấu chống lại tất cả những gì đi ngược lại phẩm giá của con người và của người Kitô hữu—đặc biệt chống lại những gì phá hoại niềm hi vọng của giới trẻ. Họ hoạt động một cách sáng suốt, trung thực, thực tế và can đảm. Họ thích làm hơn là nói: “Họ can đảm và kiên cường chống lại sự xấu,” và không bỏ trái đất cho những kẻ bóc lột trái đất. “Họ dấn thân để gia tăng điều thiện.” Văn hóa sự chết càng lan rộng, người học trò của Don Bosco càng cảm thấy được kích thích xắn tay áo lên làm việc để tác động trên công luận và tìm kiếm những giải pháp mới nhằm đem đến điều thiện, nhất là khi giới trẻ không có khả năng tự vệ. Hiệp Hội đã được lập ra vì lý do này: “lay động tình trạng mê ngủ của quá nhiều Kitô hữu và lan truyền năng lượng của đức ái.” (*Biographical Memoirs*, vol. XVIII, 125).

ĐIỀU 17. Phong cách hành động

Các CTV Salêdiêng sống tư cách là những “Kitô hữu tốt và công dân lương thiện,”²⁷ bằng cách thánh hoá cuộc sống hằng ngày và gắn chặt hành động của mình trong sự kết hợp với Thiên Chúa. Họ tin vào giá trị của cuộc đời, vào việc tự nguyện cho đi mà không đòi trả lại, vào tình bạn, và sự gần gũi thân thiện. Họ vun trồng những thái độ thuận lợi cho việc giáo dục niềm vui của cuộc sống hằng ngày và thông truyền nó cho người khác.

DIỄN GIẢI

Các chủ đề chính

1. Phong cách hành động
2. Tính cụ thể, sáng tạo, và linh hoạt
3. Sống tư cách Kitô hữu tốt và công dân lương thiện: Dẫn thân tham gia dân sự và chính trị

²⁷ *Salesian Cooperators: A Practical Way*. Nhập đề: “Gửi Bạn Đọc.”

Các ý tưởng nòng cốt

A. Điều luật này gồm ba câu: câu đầu khai triển nền tảng hành động của người CTV Salêdiêng; hai câu sau trình bày một số nét đặc trưng tiêu biểu: thái độ thực tế, linh hoạt và can đảm sẵn sàng hi sinh. Nó mô tả hành động của người CTV Salêdiêng, hay đúng hơn, các khía cạnh hoạt động và thực hành của đời sống họ trong mọi lãnh vực, và cách riêng, trong lãnh vực tông đồ.

Trong hàng ngũ các thánh, Don Bosco là một trong số các vị thánh đã làm việc nhiều nhất cho Nước Chúa và là người rất tán dương công việc được thực hiện cho Nước Chúa, đó là “*cộng tác*” với Thiên Chúa trong việc thể hiện kế hoạch cứu rỗi của Người. Trong suốt bảy mươi hai năm cuộc đời, ngài đã thể hiện: các công cuộc cho giới trẻ (các nguyện xá, các trường dạy văn hoá và trường dạy nghề, và các trung tâm ơn gọi); các công cuộc cho giới bình dân (chủ yếu là xuất bản các sách báo tốt); các công cuộc truyền giáo (tổ chức mười một chuyến đi của các đoàn truyền giáo); thành lập ba Nhóm tông đồ (giữa sự thiếu thông cảm của nhiều người) và một Nhóm Huynh Hội truyền giáo bằng việc cầu nguyện và sùng kính Đức Mẹ Phù Hộ các Giáo Hữu; xây cất bốn nhà thờ (hai trong số này bây giờ là vương cung thánh đường); linh hướng (đặc biệt bằng bí tích Hoà Giải); viết sách cho quần chúng (khoảng một trăm cuốn sách và những tập sách nhỏ); làm trung gian giữa Toà Thánh và chính

quyền của Nước Ý mới; và rất nhiều chuyến công du (một số chuyến đi rất dài: Paris, Barcelona). Hơn nữa, ngài ra sức thúc giục các con cái ngài làm việc, hứa cho họ “bánh ăn, công việc và thiên đàng.” “Đây là gương mù đối với một vị thánh,” Don Caviglia ghi nhận: “Ngài rất nhiều lần nói ‘chúng ta làm việc,’ thay vì ‘chúng ta cầu nguyện.’” Trên giường bệnh, ngài hai lần nói với Don Rua: “Cha xin con nói với mọi người Salêdiêng rằng họ phải làm việc hăng say và nhiệt tình.” Sự làm việc này được sinh động bởi một đời sống nội tâm sâu xa và liên tục. Không chỉ là chuyện công việc được làm theo nghĩa vật chất, nhưng là công việc có một “cái hồn” - đức ái mục tử - với sự ý thức rằng mình đang “cộng tác” với Thiên Chúa Hoá Công và Cứu Chuộc cho Nước của Người.

Người CTV Salêdiêng xác tín về giá trị của hành động. Họ không bao giờ nói: chẳng có gì để làm! Người CTV Salêdiêng tự ý thức về các nhu cầu của Hội Thánh, của thế giới, của giới trẻ, của quê hương, thành phố của họ, và hàng xóm của họ. Lời mời gọi các CTV Salêdiêng trong tư cách cá nhân và trong tư cách Hiệp Hội là “cộng tác” với Đức Kitô cho sự thành công của kế hoạch cứu rỗi của Người. Nếu đúng là như thế, làm sao họ có thể không “quyết tâm, sẵn sàng và quảng đại” trong các công việc khác nhau của họ? Hay để sử dụng một từ đặc trưng Salêdiêng và đã được áp dụng cho Thánh Phanxicô Salê - Làm sao họ có thể không

“nhiệt thành”? “Sự nhiệt thành” này chính là hoạt động hăng say sốt sắng. Chỉ cần lưu ý rằng hoạt động ấy được *thúc đẩy* và *sinh động hoá* bên trong và “gắn chặt trong sự kết hợp với Thiên Chúa,” vì suy cho cùng, đó là hành động cho Thiên Chúa. Don Rinaldi còn tìm ra một công thức cô đọng tuyệt vời: chúng ta phải học biết “thứ hoạt động không mệt mỏi được thánh hoá bởi sự cầu nguyện và kết hợp với Thiên Chúa, nó phải là *dấu* đặc trưng của các con cái Don Bosco.”

B. Hoạt động này có một số đặc trưng Salêdiêng rõ ràng:

1. *Chú ý đến thực tại*: Bất cứ ai đọc tiểu sử Don Bosco đều nhận ra rằng mọi công cuộc được liên tục tung ra đều đã được ngài quyết định qua tiếp xúc với đời sống thực tế, sau khi đã nhận ra một số nhu cầu hay đòi hỏi cấp bách trong một thời gian và địa điểm, và trong đó ngài đã nghe thấy một tiếng gọi từ Thiên Chúa: “Cha luôn luôn tiến tới theo sự soi sáng của Chúa và theo hoàn cảnh đòi hỏi.” Cũng vậy, người CTV Salêdiêng học biết nhạy bén trước sự phát triển của các ý tưởng và trước sự cấp bách cụ thể của những con người và những biến cố.

2. *Có óc sáng tạo*: Don Bosco có “óc sáng tạo” và giàu trí tưởng tượng mục vụ - không phải vì sở thích tung ra những cái mới - nhưng để thử

những giải pháp *hiệu quả* hầu đáp ứng các nhu cầu và các công việc cấp bách. Nhiều lần ngài đã phải liều và bất chấp những chỉ trích và sự thiếu thông cảm của những người khác. Một hôm ngài viết cho một CTV Salêdiêng để khuyến khích người này mở một công cuộc Salêdiêng: “Trong những chuyện có lợi cho giới trẻ đang gặp nguy hiểm hay chiếm được các linh hồn về cho Chúa, *cha cứ táo bạo tiến tới!*”

3. *Linh động trong hoạt động*: hay đúng hơn, trung thành với thực tế đời sống và các chuyển động của nó hơn là cứng nhắc theo các luật lệ và cơ cấu. Những con người và những hoàn cảnh luôn tiến triển, đặc biệt giữa giới trẻ, những người nhạy cảm nhất về tương lai. Để làm điều này, cần thực hiện hai nhiệm vụ: 1) định kỳ kiểm chứng hoạt động cá nhân của mình để đánh giá hiệu năng thực sự của nó; 2) không ngừng thích nghi hoạt động của mình để duy trì tính hiệu quả của nó theo các nhịp độ của cuộc sống.

C. Điều luật này khơi dậy một quan điểm cần được đào sâu, đó là quan điểm đã được đề nghị bởi Công Đồng Vaticanô II trong Hiến Chế *Gaudium et Spes*, số 75:

Tất cả mọi Kitô hữu phải ý thức về ơn gọi đặc biệt của mình trong cộng đồng chính trị. Họ phải nêu gương sáng bằng cách phát biểu ý thức trách nhiệm nơi chính mình và tận tâm phục vụ

công ích. Nhờ thế, qua hành động, họ cũng chứng minh cho thấy rằng làm sao dung hòa được quyền bính với tự do, sáng kiến cá nhân với sự liên đới và những đòi hỏi của toàn thể xã hội, dung hòa được sự hiệp nhất sinh ích với những dị biệt phong phú. Trong việc tổ chức trần thế, họ phải nhìn nhận những quan điểm chính đáng dầu đối chọi nhau. Họ phải tôn trọng các công dân khác hay các đoàn thể khi những người này bênh vực quan điểm của mình cách thẳng thắn... Muốn cho mọi công dân xứng đáng nắm giữ vai trò của họ trong đời sống của cộng đoàn chính trị, cần phải hết sức quan tâm đến việc giáo dục cả về công dân và về chính trị. Việc giáo dục này ngày nay rất cần thiết cho mọi người nhất là cho giới trẻ.

Nếu chúng ta suy xét nghiêm túc các lời này của Công Đồng, thì thách thức ở đây là chứng tỏ rằng, trong mối tương quan giữa đức tin và đời sống, không được tạo ra sự ngăn cách giữa việc cử hành phụng tự và đời sống diễn ra với những vất vả của cuộc sống hằng ngày, trong một môi trường xã hội mà người tín hữu không được phép dừng dung với việc đời, và trong đó mỗi người Kitô hữu được kêu gọi sống với tất cả đức tin của mình. Đó là ý nghĩa chúng ta phải hiểu về câu “mọi Kitô hữu phải ý thức về ơn gọi đặc biệt của mình trong cộng đồng chính trị”: ‘thành phố của con người’ được đặc trưng bởi ý thức cộng đồng; nó là nơi chính yếu để người CTV Salêdiêng biểu hiện tư cách Kitô hữu

của mình. Cho nên, nhiệm vụ của Hiệp Hội ở mọi cấp cũng phải là chăm lo việc đào luyện mọi CTV Salêdiêng, ngay từ thời kỳ đào luyện ban đầu, về sự quan tâm tới các vấn đề này của xã hội, để không một ai cảm thấy xa lạ trước những sự kiện xảy ra tại nơi họ đang sống.

Một cách thực tế, chúng ta phải nói rằng thật không may đây không phải là điều được nhìn nhận một cách đương nhiên và chúng ta không luôn luôn thấy được tác động của đức tin trên đời sống và một số cuộc thảo luận đã không đề cập đến nó, đôi khi chỉ vì thiếu sửa soạn. Người ta không nói đến chúng vì không biết nói gì hay vì họ thiếu các công cụ văn hoá để đối diện với các đề tài như tự do, dân chủ, công bằng xã hội, lao động, đời sống kinh tế, bảo vệ môi trường, và tất cả các đề tài khác đã được trình bày rất rõ trong cuốn *Tóm Lược Học Thuyết Xã Hội của Hội Thánh*. Vì thiếu các sự hiểu biết này, các cuộc thảo luận chỉ xoay quanh các vấn đề chung chung.

Thế nên người CTV Salêdiêng tin rằng, trong các sáng kiến và chương trình đào luyện ban đầu của CTV Salêdiêng, cần phải dành nhiều chỗ hơn cho việc học hỏi Học Thuyết Xã Hội của Hội Thánh, như đã được nói rõ trong *Sollicitudo Rei Socialis* số 41, ở đó chúng ta thấy viết về Học Thuyết Xã Hội của Hội Thánh như sau: “Mục tiêu chính của nó là cắt nghĩa các thực tại này, xác định chúng có phù hợp hay khác biệt với các lời dạy của Tin Mừng

về con người và ơn gọi con người, một ơn gọi vừa trần thế vừa siêu việt; mục tiêu của nó là hướng dẫn hành vi người Kitô hữu.”

Lời Chúa và các *Học Thuyết Xã Hội của Hội Thánh* là hai nguồn cơ bản cung cấp nội dung cho một nền đào luyện chân chính về dẫn thân chính trị-xã hội. Không phải lúc nào người ta cũng biết đến Lời Chúa, bất chấp sự thúc đẩy mạnh mẽ của Công Đồng Vaticanô II trong Hiến Chế Tín Lý *Dei Verbum*. Thế nhưng trong Kinh Thánh chúng ta gặp được những nguyên tắc nền tảng cho sự dẫn thân xã hội và chính trị của mỗi người. Trong các bối cảnh và ngôn ngữ khác nhau, các quyền của Cựu Ước và Tân Ước cho thấy một đạo đức học cá nhân và xã hội của Đức Giêsu. Ngôi Lời làm người chỉ ra con đường yêu thương và mời gọi mọi người làm như Đức Giêsu đã làm. Giới luật yêu thương tìm được sự biểu hiện cụ thể trong cách mà Đức Giêsu chấp nhận thập giá và chịu chết trong khi tha thứ cho những kẻ giết Người và mang lấy tội lỗi của thế gian.

Tin Mừng của Đức Giêsu được áp dụng cho thời đại hôm nay trong Học Thuyết Xã Hội của Hội Thánh mà các Đức Giáo Hoàng trình bày cho chúng ta trong lịch sử để đối diện và đáp ứng các nhu cầu đang nổi lên trong xã hội. Các Học Thuyết Xã Hội phải được đưa vào lịch sử tư tưởng Kitô giáo, được hình thành từ những con người, những sự kiện và những hành động. Theo hướng này, các

lộ trình đào luyện phải dự kiến một số thời điểm để trình bày những nhân chứng thời xưa và cả một số nhân vật thời nay, những người đã đưa các giá trị Tin Mừng vào cuộc sống họ và làm gương về điều này. Những nhân vật này nói cho chúng ta rằng có thể thật sự sống tư cách của người Kitô hữu trong xã hội này.

Một số trích dẫn của Huân Quyền khá thích hợp ở đây:

Để hoàn thành nhiệm vụ sinh động hoá thực tại trần thế, theo nghĩa phục vụ con người và xã hội, người tín hữu giáo dân không bao giờ được từ chối tham gia vào “đời sống công cộng,” nghĩa là, trong các lãnh vực khác nhau của đời sống kinh tế, xã hội, pháp luật, quản trị và văn hoá, nhằm mưu cầu lợi ích chung một cách có tổ chức. (*Christifidesles Laici*, số 42).

Cũng như: “Khuyến khích và phải khuyến khích người trẻ tích cực hoạt động nhân danh Hội Thánh trong tư cách lãnh đạo công cuộc truyền bá Tin Mừng và tham gia vào việc đổi mới xã hội.” (*ibid.*, số 46). Và: “Một đức tin chân chính - không bao giờ dễ chịu hay cá nhân - luôn luôn bao hàm một ước muốn sâu xa là biến đổi thế giới, truyền thông các giá trị, làm cho thế giới này phần nào tốt hơn khi ta gặp nó. [...] Mọi Kitô hữu, bao gồm cả các mục tử của họ, được kêu gọi bày tỏ quan tâm đối với việc xây dựng một thế giới tốt đẹp hơn.” (*Evangelii Gaudium*, số 183).

Có thể soạn nhiều giáo trình cho nội dung này. Các đề tài cho các giáo trình này được cung cấp cho chúng ta dưới dạng lược đồ trong phần mục lục của cuốn *Tóm Lược Học Thuyết Xã Hội của Hội Thánh*. Các nguyên tắc lấy con người làm trung tâm và nguyên tắc liên đới kết hợp với nguyên tắc tản quyền trong việc tìm kiếm công ích được áp dụng trong các vấn đề lớn của đời sống xã hội được trình bày trong quyển *Tóm Lược* này: gia đình, lao động, đời sống kinh tế, cộng đồng chính trị, cộng đồng quốc tế, bảo vệ tạo vật, và hoà bình. Nội dung rất rộng và mỗi giáo trình có thể được thích nghi một cách tự do và bắt đầu với những khía cạnh được cho là cấp bách nhất.

Trong giáo trình được đề nghị, phải làm cho người CTV Salêdiêng ý thức về sự cần thiết của các nhân đức đối thân và các nhân đức trụ. Mục đích của việc đào luyện này là giúp người học có những tiêu chí cần thiết để phân tích, đánh giá về thời đại mà họ đang sống. Đào luyện lương tâm là mục tiêu nền tảng và cơ bản và vì thế chúng ta được mời gọi chú ý đặc biệt đến phương pháp được đề nghị: “Các tổ chức chính trị và các nhóm xã hội khác có nhiệm vụ giúp nâng cao ý thức của người dân.” [đào luyện lương tâm] (*Laudato si* số 214). Đó là việc ý thức về những gì đang xảy ra và “tìm xem chúng ta có thể làm được gì trong chuyện này.” [tìm xem mỗi người có thể đóng góp cái gì] (*Laudato si*, số 19).

Người CTV Salêdiêng sẽ theo phương pháp

trải nghiệm trong việc tìm kiếm một con đường mở rộng trí khôn và con tim. Mục đích là đào luyện những con người tự do và có khả năng suy nghĩ về thời đại hiện tại bằng cách sử dụng các tiêu chí nền tảng được Hội Thánh công hiến trong Lời Chúa và trong các Học Thuyết Xã Hội của Hội Thánh. Mục tiêu là nâng cao những con người không chỉ có hiểu biết mà còn ước muốn hăng say dẫn thân trong xã hội và là những người hoạt động tích cực trong “thành phố của con người.” Không có nghĩa là mọi người phải trực tiếp hoạt động chính trị hay tham gia các đảng phái chính trị. Một số người có thể chọn phục vụ trong lãnh vực quản lý công cộng; số khác có thể sinh động hoá trong nội bộ Hiệp Hội. Song song với mục tiêu này, còn có một mục tiêu cơ bản khác: đào luyện những người phát triển nghệ thuật lắng nghe và làm việc với người khác, một công việc khó khăn. Trên thực tế, một trong những đặc điểm của thời hậu hiện đại là tình trạng phân mảnh tạo ra những phong cách sống cá nhân và những mâu thuẫn cực đoan. Mặt khác, “thành phố của con người” là cái cần được mọi người chung ta kiến tạo, trong sự hợp tác với nhau. Vì lý do này, việc đào luyện những người biết làm việc chung với nhau là một nhiệm vụ cấp bách của mọi lãnh vực trong Giáo Hội, cũng như của lãnh vực chính trị-xã hội.

Thách thức lớn đầu tiên là giới thiệu Học Thuyết Xã Hội của Hội Thánh thế nào để làm cho

nó hấp dẫn và tìm cách trình bày nó cho giới trẻ thế nào để họ cảm thấy thích thú rồi tự họ bắt đầu tìm đọc các văn kiện của Huân Quyền. Max Weber nói: “Vì không có gì xứng với con người trong tư cách là con người ngoại trừ việc họ có thể theo đuổi nó với sự mê mẩn say mê.”

Trong lãnh vực giáo dục, người CTV Salêdiêng hiểu rằng niềm đam mê giáo dục là nét đặc trưng cơ bản để thông truyền các giá trị; cũng có thể nói như thế về lãnh vực chính trị-xã hội: chúng ta cần những con người có đam mê để họ có thể thông truyền, ngay cả bằng giọng nói của họ, sự nhiệt tình bùng nổ của họ đối với những gì họ đang kể lại. “Đam mê” cũng có nghĩa là chấp nhận đau đớn khổ sở khi chúng ta thấy rằng các sự việc không diễn ra đúng như chúng phải diễn ra; và cũng là một ước muốn sâu xa để cải thiện chúng, và tin rằng có thể xây dựng thành phố xứng hợp hơn với con người, ở đó những người nghèo và hèn mọn không bị bỏ quên.

Một yếu tố thứ hai nổi lên từ một bài viết của Norberto Bobbio từ những năm 1950: “Điều quan trọng hôm nay là vạch trần những lời hứa hẹn hão huyền khiến người ta mãi mong chờ những điều sẽ đến và ru ngủ mọi việc tìm kiếm cấp bách.” Cần nhiều cố gắng để thấu hiểu năng động xã hội-chính trị. Sự trung thực và ngay thẳng tri thức, vốn không có những câu trả lời làm sẵn, phù hợp, là đức tính cần có của những người phải đào luyện những

người khác. Chính các Học Thuyết Xã Hội của Hội Thánh vạch ra những con đường có thể đi và những việc có thể làm trong cuộc sống hằng ngày. Chúng ta không được bằng lòng với những câu trả lời hời hợt vì chúng ta biết rằng phương pháp phải theo là phương pháp của người nhà nông gieo hạt và kiên nhẫn chờ đợi cho cây lớn lên, và của người biết rằng mọi cố gắng làm cho cây lớn lên bằng cách kéo nó lên đều vô ích bởi vì kết quả sẽ hoàn toàn ngược lại: cây sẽ bị tróc rễ.

Sau cùng, một yếu tố thứ ba được gọi ra bởi một bài thơ của Cha David Maria Turollo. Vị tu sĩ và thi sĩ của những năm 1900 này diễn tả như sau:

Tôi là người lang thang như cánh gió
Tự do là đền thờ và nhà của tôi.
Cứ để ai khác thu tích nhiều của cải
Để cho trộm cắp lấy sạch đi.
Với tôi niềm vui ca hát là đủ rồi.
Ít ra người nghèo sẽ là bạn cố tri
Mỗi người lang thang là anh em chí cốt
Mỗi người phụ nữ lạc đường là một dấu chỉ
Và mỗi đứa trẻ
Cho tôi biết chắc rằng cuộc sống...

Bài thơ diễn tả rất hay phong cách của một người tiếp tục đặt những con người vào tâm điểm

hành động và lời cầu nguyện của họ. Nó nói rằng thu tích của cải là vô ích và Tin Mừng kêu gọi tất cả chúng ta luôn luôn hướng con mắt về phía những người nghèo. Ai tự đào luyện mình cho nhiệm vụ chính trị-xã hội, nếu là Kitô hữu, người ấy phải luôn luôn hướng cái nhìn lên Chúa Giêsu, đi theo con đường tình yêu của Ngài cho đến cùng, không vương vẩn của cải vật chất, và không đánh giá bằng đáng vẻ bên ngoài. Sẽ thật đáng buồn khi đào tạo những chính khách chỉ quan tâm đến những kẻ bỏ phiếu cho mình và những người có thể giá, nhưng bỏ quên những người nghèo và những người bị gạt ra khỏi trái đất này.

ĐIỀU 18. Phong cách giao tiếp

Các CTV Salêdiêng lấy nguồn cảm hứng từ Hệ Thống Dự Phòng và thực hành tình thương mến²⁸ trong các mối giao tiếp của họ như một dấu chỉ tình thương của Thiên Chúa và như một phương tiện để khơi dậy sự hiện diện của Thiên Chúa trong tâm hồn những người họ gặp. Họ luôn luôn sẵn sàng “đi bước trước” và tiếp đón người khác với lòng nhân hậu, kính trọng và kiên nhẫn. Họ thiết lập các mối tương quan dựa trên sự tin tưởng và tình bạn để tạo bầu khí đơn sơ và yêu thương của một gia đình. Họ là những người xây dựng hoà bình và tìm kiếm sự sáng tỏ, sự đồng thuận và hoà hợp trong và nhờ đối thoại.

DIỄN GIẢI

Các chủ đề chính

1. Tình thương mến trong các quan hệ với người khác
2. Phong cách ưa thích: Tạo một bầu khí gia đình
3. Giải quyết các xung đột

²⁸ P. Braido, SDB, “I molti volti dell’amorevolezza.” *Rivista di Scienza dell’educazione*, 37.1 (1999) 17-46.

Các ý tưởng nòng cốt

A. *Tình thương mến* Salêdiêng biểu thị một thái độ nhân ái cả bên trong lẫn bên ngoài và là đặc trưng cho các mối quan hệ của người CTV Salêdiêng, không chỉ với giới trẻ, nhưng với mọi người: anh chị em, bạn bè, đồng nghiệp, những người họ tiếp xúc vào những giờ rảnh rỗi, các tu sĩ SDB và FMA, và những người họ gặp khi này hay khi khác. Trong một mối quan hệ giáo dục hiệu quả, *tình thương mến* đáp ứng được nhu cầu thâm sâu của giới trẻ là chúng không chỉ được yêu thương mà còn biết rằng chúng được yêu thương; đây là một phong cách quan hệ đặc biệt của tình thương, “muốn điều tốt,” “muốn lợi ích cho người khác”—nó đánh thức các năng lượng của con tim nơi người trẻ và làm các em trưởng thành tới mức tự hiến hoàn toàn.

Tình thương mến được Don Bosco đưa vào Nguyên xá đầu tiên của ngài tại Valdocco. Nó là một phong cách yêu thương huynh đệ tràn trề: mỗi người nhìn người khác như là anh em chị em mình, chấp nhận họ một cách cởi mở, vui tươi và sẵn sàng chia sẻ đời sống. Sở dĩ như vậy là vì có “sự ý thức về nhân vị” và mỗi người được nhìn như là hình ảnh của Thiên Chúa. Bằng cách này, một người được yêu thương vì bản thân người ấy, giống như Đức Kitô Mục Tử Nhân Hậu nhận ra các con chiên của mình và gọi tên từng con một, không có sự phân biệt kỳ thị. Mỗi người là một vũ trụ, một Mầu Nhiệm, và một người anh chị em mà Đức Kitô đã

tự hi sinh chính mình vì họ.

Niềm vui là một nét đặc trưng không thể lẫn lẫn của tinh thần Salêdiêng. Niềm vui Salêdiêng không được định nghĩa như là “có tính khôi hài” hay “ồn ào,” “náo động”; đúng hơn, niềm vui này là một thực tại sâu xa mà người CTV Salêdiêng liên tục “nuôi dưỡng nơi mình”. Nó là một trạng thái tinh thần của một người có đức tin sống động, đặt cuộc đời và các lo lắng của mình trong tay một người Cha nhân từ vô hạn. Họ ý thức rằng ơn gọi của họ là một lời mời gọi đi đến sự tự hiến hoàn toàn và không vị kỷ. Do đó niềm vui Salêdiêng là một niềm vui *thanh thảo* bắt nguồn từ sự kết hợp với Đấng Phục Sinh. Nó là một niềm vui không chấp nhận xung đột. Nó được biểu hiện nơi khuôn mặt và các cử chỉ dễ thương của một người. Nó được nuôi dưỡng bằng và trong sự hiện diện của Chúa bởi vì niềm vui Salêdiêng là một hoa quả của đời sống Ân Sủng.

Người CTV Salêdiêng sống cởi mở và *thân thiện, sẵn sàng “đi bước trước”* và *luôn luôn tiếp đón người khác với lòng nhân hậu, kính trọng và kiên nhẫn*. Họ ý thức mình là những người nam người nữ được kêu gọi để tạo những mối quan hệ. Một tông đồ của Đức Kitô đã nhận được từ Cha sứ mạng loan báo Tin Mừng cho thế giới thì không được sống như một vị ẩn sĩ. Hơn nữa, họ biết cách đến gần người khác cũng như tiếp đón người khác đến với mình và đi bước trước để gặp gỡ những

người có tính nhút nhát hay sợ hãi, hay những người có tính e dè muốn giữ khoảng cách vì sự kính trọng quá đáng. Họ biết cách thu hẹp khoảng cách, đến gần người khác bằng sự đồng cảm, “từ trên bục giảng bước xuống” và “trở nên bé mọn với những người bé mọn.” Vì vậy, nếu người khác là người chủ động đến với họ, họ luôn luôn mở rộng vòng tay đón tiếp người ấy, đưa người ấy vào trong lòng mình, lắng nghe với sự thông cảm và quan tâm tới các mối lo lắng của người ấy. Tất cả các hành vi này diễn ra với một thái độ nhân hậu muốn tìm điều tốt cho người khác, với sự quý mến và tôn trọng phẩm giá mỗi người, và với sự kiên nhẫn cũng chính là tình thương vững bền.

B. Tinh thần Salêdiêng là một “tinh thần gia đình”: nó làm cho ai nấy cảm thấy “như ở nhà mình,” “thoải mái,” và đồng thời, có trách nhiệm về lợi ích chung. Tinh thần gia đình là một phong cách được đặc trưng bởi sự tin cậy lẫn nhau được biểu hiện chủ yếu bằng hai thái độ: trao đổi thâm sâu, nghĩa là thường xuyên chia sẻ cho nhau những kinh nghiệm và sáng kiến, thậm chí cả những của cải vật chất. Các thành viên làm cho nhau thêm phong phú trong các mối quan hệ hỗ tương và họ lớn mạnh trong sự hiệp thông. Các mối tương quan của họ không chịu sức ép của những luật lệ hay tập quán nhưng được điều khiển bởi các khả năng bên trong của họ là lý trí, tự do, quả tim và đức tin. Họ

tin tưởng vào sự thuyết phục hơn là sự áp đặt; vào sáng kiến và tinh thần đồng trách nhiệm hơn là bồn phân và vâng lời; vào tình thương được tự nguyện trao ban hơn là kỷ luật rõ ràng và nghiêm khắc. Don Bosco thường nói: “Thiên Chúa không vui do những việc phải làm vì ép buộc. Vì Người là Thiên Chúa tình yêu, Người muốn mọi sự được làm vì yêu. Tinh thần gia đình bắt nguồn từ Thánh Thể. Trên thực tế, mọi sự giáo dục nhằm tạo nên tinh thần gia đình đều được gợi hứng từ Thánh Thể.

C. Các xung đột luôn luôn có thể xảy ra và hầu như là chuyện tất yếu. Ngay cả Don Bosco cũng gặp những trường hợp bị hiểu lầm hay đụng chạm. Ngài không mất bình tĩnh hay chán nản. Ngài biết cách tránh những sự công kích trực diện. Ngài chú ý ngăn ngừa những chống đối có thể xảy ra. Ngài biết cầu nguyện và chờ đợi với lòng dũng cảm. Trong trường hợp xảy ra xung đột, phản ứng đầu tiên của người CTV Salêdiêng là tìm cách làm sáng tỏ tình hình bằng việc đối thoại chân thành và vui vẻ để tìm ra tiếng nói chung vì “đức ái tin tưởng mọi sự, chịu đựng mọi sự, hi vọng mọi sự.”

ĐIỀU 19. Phong cách cầu nguyện

§1. Các CTV Salêdiêng xác tín rằng họ không thể làm được gì²⁹ nếu họ không kết hợp với Đức Giêsu Kitô. Họ cầu khẩn Chúa Thánh Thần, Đáng soi sáng và ban sức mạnh cho họ từng ngày. Được gắn chặt vào Lời Chúa, việc cầu nguyện của họ đơn sơ và đầy tin tưởng, vui vẻ và sáng tạo, thấm nhuần nhiệt tình tông đồ, bám chặt vào cuộc sống và mở ra cho cuộc sống. Để nuôi dưỡng đời cầu nguyện, các CTV Salêdiêng dựa vào các nguồn lực thiêng liêng được cống hiến bởi Hội Thánh, Hiệp Hội và Gia Đình Salêdiêng. Họ tích cực tham dự phụng vụ và quý trọng các hình thức đạo đức bình dân giúp cho đời sống thiêng liêng của họ thêm phong phú.

§2. Họ kiện cường đức tin qua các bí tích. Họ tìm của nuôi dưỡng đức ái tông đồ trong Thánh Thể. Trong bí tích hoà giải, họ gặp được lòng thương xót của Cha, Đáng ghi tạc vào đời sống họ một sự hoán cải năng động và liên tục và làm cho họ tăng trưởng khả năng tha thứ.

§3. Họ tăng cường đời sống nội tâm và tông đồ bằng các chương trình linh đạo, cũng được tổ chức bởi Hiệp Hội.

29 Ga 15:5. Vaticanô II, *Apostolicam Actuositatem*, số 4.

DIỄN GIẢI

Các chủ đề chính

1. Cầu nguyện: Đơn sơ, sinh động, được gọi hứng bởi Sự Sống Ba Ngôi được biến đổi thành cuộc sống hằng ngày
2. Tăng trưởng đời sống thiêng liêng trong hiệp thông với Giáo Hội và Hiệp Hội

Các ý tưởng nòng cốt

A. Là một Kitô hữu được gọi đi theo con đường Salêdiêng, người CTV Salêdiêng cảm thấy có nhu cầu sự hiệp thông sâu xa hơn trong đức tin và tình yêu với Đức Kitô, và “nhờ Người,” với Chúa Cha và trong Chúa Thánh Thần. Tình yêu của Chúa Ba Ngôi gọi hứng cho mọi CTV Salêdiêng đặt đức ái mục tử vào trung tâm đời sống mình để có thể là dấu chỉ và người mang tình yêu của Người Mục Tử Nhân Hậu đến với giới trẻ, hơn nữa vì họ lãnh nhận từ Chúa Giêsu Thần Khí ban cho họ ánh sáng và sức mạnh họ cần. Sự kết hợp mật thiết với Đức Kitô được biến đổi và trải nghiệm trong cuộc sống hằng ngày và lớn lên theo mức độ họ thi hành các hoạt động riêng của họ theo ý Chúa. Trong bốn phận chăm lo cho gia đình và các bốn phận trần thế của họ, mọi sự được làm “nhân danh Chúa Giêsu Kitô, và nhờ Người mà tạ ơn Thiên Chúa Cha.” Họ sống mối kết hợp với Chúa Giêsu qua việc cầu nguyện đơn sơ và sâu xa hằng ngày.

B. Kinh nguyện của người CTV Salêdiêng liên quan tới Hội Thánh phổ quát và địa phương, tới Gia Đình Salêdiêng và Hiệp Hội. Đó là cầu nguyện cho người trẻ và cùng với người trẻ, với phong cách của tuổi trẻ. Người CTV Salêdiêng cảnh giác để không có sự chia cắt giữa cầu nguyện và đời sống: họ cầu nguyện với lòng chân thành, xa tránh mọi kiểu hình thức máy móc.

Người CTV Salêdiêng tích cực tham dự phụng vụ của Hội Thánh. Họ hăng hái tuân theo những việc canh tân do Công Đồng Vaticanô II đề xướng cho bản thân họ và cho việc sinh động hoá phụng vụ trong gia đình họ, trong giáo xứ và giữa giới trẻ. Họ sẵn sàng đi vào ba nhịp điệu giờ giấc được Hội Thánh thiết lập để thánh hoá các thành viên của Hội Thánh trong Các Giờ Kinh Phụng Vụ (bao có thể), trong Thánh Lễ các ngày Chúa Nhật, tuân theo nhịp điệu thường niên của Năm Phụng Vụ, và cách riêng, của Tam Nhật Vượt Qua. Công Đồng Vaticanô II và Phụng Vụ canh tân đã làm nổi bật vị trí trời vượt của Lời Chúa trong đời sống của Hội Thánh và của các tín hữu, đặc biệt của giáo dân. Người CTV Salêdiêng tham dự các giờ giấc mạnh này để suy niệm về Lời Chúa và các thời khắc cử hành phụng vụ chung được đề nghị bởi Hội Thánh địa phương và Hiệp Hội, vì đây là những “nguồn mạch để Hội Thánh kín múc sự sống.” Người CTV Salêdiêng phải dành thời giờ mỗi ngày suy gẫm về một vài đoạn Tin Mừng và duy trì mối liên kết mật

thiết với Chúa. Sử dụng cuốn sách lễ hằng ngày sẽ giúp ích rất nhiều cho việc suy gẫm này.

Công Đồng phê chuẩn các *việc đạo đức của các Kitô hữu* bằng việc kết hợp hài hoà các việc đạo đức này với phụng vụ. Người CTV Salêdiêng là một Kitô hữu với tâm hồn đơn sơ yêu thích các hình thức đạo đức này và sử dụng chúng cho bản thân mình và người khác với một tinh thần sự phạm và mục vụ Salêdiêng, như Don Bosco đã làm, mà không rơi vào thái độ “sùng mộ theo tình cảm.” Họ sùng kính Đức Giêsu trong Bí Tích Thánh Thể bằng việc thờ lạy cá nhân và cộng đoàn, và bằng việc viếng Thánh Thể, như Don Bosco từng khuyên làm thường xuyên.

Don Bosco nhấn mạnh rất nhiều hai bí tích này: Hiệp Lễ và Xưng Tội. Ngài thường khuyên người ta lãnh các bí tích *trong sự thật*, nghĩa là đều đặn và thường xuyên, tránh làm cho nó trở thành một thói quen máy móc. Trong Thánh Thể, người CTV Salêdiêng tìm được “của nuôi dưỡng đức ái tông đồ.” Việc hiệp lễ trong đối thoại thân mật với Chúa Giêsu giúp chúng ta dần dần mặc lấy đức ái của Người Mục Tử Nhân Hậu. Xưng Tội - hay Bí Tích Hoà Giải - là “cử hành, tại đây và hôm nay, lòng thương xót vô biên của Cha cho các con cái yếu đuối tội lỗi của Người.” Bí tích này, được lãnh nhận đều đặn và thường xuyên (ít là hằng tháng), giúp ngăn ngừa người CTV Salêdiêng khỏi tình trạng nguội lạnh thiêng liêng và giúp họ hoán cải liên tục, tăng trưởng đích thực về đời sống Kitô hữu và Salêdiêng.

ĐIỀU 20. Hiệp thông với Đức Mẹ và các Thánh

§1. Như Don Bosco, các CTV Salêdiêng vun trồng một tình yêu con thảo với Đức Mẹ Phù Hộ các Giáo Hữu, Mẹ Hội Thánh và Mẹ nhân loại.³⁰ Mẹ đã cộng tác vào sứ mạng cứu độ của Chúa Cứu Thế và nay Mẹ vẫn còn tiếp tục làm như thế, trong tư cách là Mẹ và Đấng Phù Hộ Dân Thiên Chúa. Mẹ là người hướng đạo đặc biệt của Gia Đình Salêdiêng. Don Bosco đã phó thác các CTV Salêdiêng cho Đức Mẹ, để được Mẹ bảo vệ và soi sáng trong sứ mạng của họ.

§2. Họ đặc biệt yêu mến Thánh Giuse, Bồn Mạng của Hội Thánh. Họ tin tưởng cậy dựa vào sự chuyển cầu của Thánh Gioan Bosco, “Cha và Thầy”³¹ của giới trẻ và của toàn thể Gia Đình Salêdiêng.

§3. Trong số các gương mẫu đời sống tông đồ, họ tôn kính mến yêu Thánh Phanxicô Salê, Thánh Maria Domenica Mazzarello, Alexandrina da Costa, Mẹ Magarita, và tất cả

30 *Salesian Family Charter (Hiến Chương Gia Đình Salêdiêng)*, 53-55.

31 Gioan Phaolô II, *Juvenum Patris*. Bản dịch Direzione Opere Don Bosco. Par. 1, không đề ngày tháng. Trang web: 1-5-2014: www.sdb.org/ENG/doc/JuvenumPatris-eng.doc

các Thánh, các Chân Phước và các vị Đáng Kính khác của Gia Đình Salêdiêng. Hiểu biết đời sống các ngài là nguồn mạch cảm hứng và cầu nguyện.

DIỄN GIẢI

Các chủ đề chính

1. Tình yêu con thảo đối với Đức Maria, Mẹ Hội Thánh và Mẹ loài người.
2. Các Thánh và các Chân Phước: Các vị chuyển cầu trên trời cho Gia Đình Salêdiêng.

Các ý tưởng nòng cốt

A. Trong cuộc đời Don Bosco, Đức Maria giữ một vị trí ưu tiên đặc biệt. Người CTV Salêdiêng vun trồng lòng sùng kính con thảo và mạnh mẽ đối với Đức Mẹ, noi gương lòng tôn sùng của Đấng Sáng Lập chúng ta đối với Đức Mẹ Vô Nhiễm, Tội Tở tuyệt vời của Thiên Chúa và mẫu mực của mọi Kitô hữu, và đối với Đức Maria Mẹ Hội Thánh và Phù Hộ các Giáo Hữu, nhìn nhận Đức Mẹ là *người hướng đạo* đặc biệt của mình và của toàn thể Gia Đình Salêdiêng. Đây là những tước hiệu bảo đảm và đòi hỏi lòng sùng kính đặc biệt của người CTV

Salêdiêng. Không chỉ là những biểu hiện của lòng sùng kính trong những lúc đặc biệt, ở đây chúng ta đang nói đến một thái độ thường hằng: “Đức Maria là nhà của chúng ta.” Có ba thái độ đặc biệt để diễn tả tình yêu đối với Đức Mẹ: thường xuyên *kêu cầu* Mẹ; *sốt sắng cử hành các Lễ của Mẹ* (đặc biệt các lễ ngày 8 tháng 12 và 24 tháng 5); và *làm cho người khác biết và yêu mến Mẹ*. Mọi người CTV Salêdiêng phải chuyên chăm đọc và học các tài liệu trình bày về Đức Mẹ và về vai trò của Đức Mẹ trong Hội Thánh và trong Gia Đình Salêdiêng.

Người CTV Salêdiêng giữ sống động mối hiệp thông nối kết “Hội Thánh Lữ Hành và Hội Thánh Chiến Đấu” với “Hội Thánh Khải Hoàn” trên trời [“Các thánh thông công”]: Các Thánh giúp chúng ta xây dựng Nước Chúa. *Thánh Giuse* là bổn mạng của Hội Thánh phổ quát. Don Bosco chọn ngài làm một bổn mạng chính của Gia Đình Salêdiêng và nêu ngài lên như là gương mẫu và bổn mạng của các thợ thủ công, là gương mẫu về sự tin tưởng vào Chúa Quan Phòng, là Đấng Bảo Vệ Hội Thánh, và là bổn mạng của ơn Chết Lành.

Người CTV Salêdiêng cầu nguyện cùng Đấng Sáng Lập với danh hiệu là “*Cha và Thầy*”. Họ không ngừng đào sâu sự hiểu biết về cuộc đời và sự thánh thiện của ngài. Khía cạnh này trở thành một hạt nhân cơ bản của việc đào luyện ban đầu và thường xuyên của họ.

B. Các gương mẫu đời sống tông đồ

Thánh Phanxicô Salê

Không những tên gọi “Salêdiêng” của chúng ta lấy từ tên của ngài, ngài còn làm gương cho chúng ta về sự dùi hiền và nhiệt tình mục vụ. Các CTV Salêdiêng đào sâu sự hiểu biết về phương pháp mục vụ và tình yêu của ngài đối với Hội Thánh.

Thánh Maria Domenica Mazzarello

Người CTV Salêdiêng noi gương ngài về sự mạnh bạo trong hoạt động tông đồ và lòng tin tưởng của ngài vào Thiên Chúa.

Thánh Đaminh Saviô

Ngài là mẫu gương của sự ân cần tông đồ và đời sống chiêm niệm.

Chân Phước Alexandrina Maria da Costa

Ngài là gương mẫu về sự kết hợp với Chúa Giêsu trong sự đau khổ của Chúa và là gương mẫu về lòng tin vào Chúa Giêsu trong phép Thánh Thể.

Mẹ Magarita

Ngài là chứng nhân cho sự hiện diện của Thiên Chúa, sự kinh ngạc trước công trình tạo dựng của Thiên Chúa, lòng biết ơn Thiên Chúa vì các ân huệ của Người, và sự vâng phục thánh ý Người. Ngài

cũng dạy cách giáo dục con cái biết về Đức Tin và Đức Cây.

Các Thánh và Chân Phước của Gia Đình Salêdiêng tạo thành di sản của sự thánh thiện Salêdiêng, nó có tác dụng kích thích đời sống thiêng liêng.

Alberto Marvelli

Là mẫu gương sáng ngời của một chuyên gia trẻ, một giáo dân trẻ dấn thân cho hoạt động tông đồ và cho việc xây dựng một thế giới tốt đẹp hơn, thậm chí là một chính khách. Ông qua đời ở tuổi 28. Sinh ngày 21-3-1918 tại Ferrara, nhưng Rimini mới là nơi ông chủ yếu sống và làm việc. Từ thuở thiếu thời, ông đã có khát vọng nên thánh mãnh liệt và ông quan niệm nó không chỉ là nhu cầu của linh hồn mình mà còn là một phương tiện thiết yếu để cộng tác vào việc cứu rỗi người khác. Ngoài nền tảng giáo dục đạo đức nhận được trong gia đình, ông còn nhận được sự đào luyện của Nguyễn Xá Salêdiêng tại Rimini và của Công Giáo Tiến Hành và ông đã có những trải nghiệm tông đồ đầu tiên khi làm việc trong tổ chức này. Ông là một tông đồ thấm nhuần đặc sủng Salêdiêng qua các tiếp xúc cá nhân, các cuộc thảo luận, các bài giảng và các buổi thuyết trình. Ông đã khơi dậy nhiều sáng kiến bác ái và trợ giúp xã hội. Ông là một hội viên Hội Thánh Vinhson Phaolô và có lòng ưu ái đặc biệt đối với những người nghèo và bị bỏ rơi. Giữa

nhều điều khác, ông viết: “Chúa Giêsu đang mời gọi tôi leo lên, đi lên cao. Tôi có ước muốn mãnh liệt trở thành một vị thánh bằng cuộc sống Chúa muốn cho tôi.” Ông được Đức Thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô II tuyên Chân Phước ngày 5 tháng 9 năm 2004 tại Loreto, nước Ý.

Attilio Giordani

Là một gương mẫu cho đời sống gia đình. Ông nổi bật như là một người cha và người chồng mẫu mực trong mọi lúc và là một người giàu đức tin và niềm vui, đồng thời bản thân ông sống khắc khổ và theo tinh thần nghèo khó Phúc Âm để cứu giúp những người nghèo khổ nhất. Ông kết hôn với bà Noemi vào tháng 5 năm 1944, và ông coi lễ cưới của ông trước hết là một Bí Tích của Đức Kitô mà ông cố gắng diễn tả sự thánh thiện và bất khả phân ly của hôn nhân trong đời sống hằng ngày của hai vợ chồng và trong việc giáo dục con cái. Gia đình ông luôn sống hoà hợp yêu thương vì hai vợ chồng Attilio và Noemi nâng đỡ lẫn nhau trong cầu nguyện và làm việc bác ái. Ông là một mẫu gương sống thánh thiện trong niềm vui của người giáo dân Salêdiêng. Sau khi trở thành một CTV Salêdiêng, ông sống đức tin trong thực tại giáo dân của mình, lấy nguồn cảm hứng từ kế hoạch đời sống tông đồ của Don Bosco. Đáng Đáng Kính Attilio Giordani là một sự nhập thể trong sáng của linh đạo Salêdiêng trong tư cách của một giáo dân.

Các Nhóm của Gia Đình Salêdiêng có rất nhiều giáo dân tham gia vào sứ mạng. Chúng ta ý thức rằng không thể có sự dẫn thân hoàn toàn nếu không đồng thời có sự chia sẻ cùng một tinh thần. Vì vậy, sống linh đạo Salêdiêng trong tư cách người giáo dân đồng trách nhiệm trong công việc giáo dục mục vụ là một nhiệm vụ cơ bản.

CHƯƠNG IV

CỘNG TÁC VIÊN SALÊDIÊNG TRONG HIỆP THÔNG VÀ HỢP TÁC

*“... anh em hãy sống cho xứng với ơn kêu gọi
mà Thiên Chúa đã ban cho anh em.
Anh em hãy ăn ở thật khiêm tốn,
hiền từ và nhẫn nại;
hãy lấy tình bác ái mà chịu đựng lẫn nhau.
Anh em hãy thiết tha duy trì
sự hiệp nhất mà Thần Khí đem lại,
bằng cách ăn ở thuận hòa gắn bó với nhau.”*
(Ep 4:1-3)

Sau khi nhắc nhở các Kitô hữu về thân phận mới họ có được nhờ hành động của Đức Kitô, Thánh tông đồ Phaolô bắt đầu đưa ra những lời khuyên nhủ thực tế cho các Giáo Hội ở Tiểu Á, bằng một giọng đặc biệt. Ngài không sử dụng hình thức ngôn ngữ pháp lý, nhưng nói với giọng khích lệ: “Tôi khuyên anh em.” Với lời mời gọi này, ngài kêu gọi họ cư xử phù hợp với Ôn Gọi họ đã lãnh

nhận. Đề tài đầu tiên ngài nói tới là sự hiệp nhất của Hội Thánh, và ngài chỉ ra rằng đây là tiền đề cho mọi mối quan hệ chân chính trong đời sống Kitô hữu. Hiệp nhất là công trình của Chúa Thánh Thần, với sự hợp tác của mỗi người: vì vậy Thánh Phaolô kể ra trước tiên những thái độ mà người Kitô hữu phải trưởng thành, với ba nhân đức và hai phong cách hành xử: tránh mọi tham vọng (đức khiêm nhường); duy trì thái độ dịu dàng và thân thiện (đức hiền lành); và noi gương Chúa, lấy lòng thương xót đáp lại những điều xấu để đưa người anh chị em mình quay trở về (đức kiên nhẫn). Những nhân đức này được thể hiện qua việc lấy tình bác ái mà *tiếp nhận* người khác, quan tâm duy trì và bảo vệ sợi dây hiệp nhất mà Chúa Thánh Thần đã đem đến cho các tín hữu, đó là sự *bình an*, món quà của Chúa Kitô Phục Sinh (Ep 2:11-18).

Thánh Phaolô một lần nữa lấy lại hình ảnh về Hội Thánh như là Nhiệm Thể của Đức Kitô (Ep 1:22-23), được kêu gọi để làm chứng cho thế giới về Mầu Nhiệm cứu độ của Thiên Chúa đối với toàn thể loài người và Thần Khí của Chúa Phục Sinh hoạt động trong đó (xem Ep 1:8-10). Mọi tín hữu được kêu gọi vào thực tại này nhờ Phép Rửa; đây không phải là một thực tại xã hội học. Thiện chí của các cá nhân không phải là yếu tố nối kết các tín hữu, nhưng chính là Thiên Chúa Cha, trong Con của Người, đã hoà giải “những người còn ở xa.” Các tín hữu Êphêsô biết rất rõ trước kia họ

đã từng “ở xa” Thiên Chúa như thế nào! Sự *hiệp nhất* do đó là một quà tặng hơn là bất cứ thứ gì khác. Nó là một điều tốt lành cần phải được giữ gìn và bảo vệ để chúng ta không coi thường phẩm giá đã lãnh nhận trong Phép Rửa. Đây là ý nghĩa mà điều 21 nhắc nhở chúng ta: *“On gọi tông đồ và tư cách thành viên mà các CTV Salêdiêng có chung với nhau trong cùng một Hiệp Hội làm cho họ trở thành những anh chị em thiêng liêng.”*

Đức Kitô đã lên trời ngự trong vinh quang của Chúa Cha. Ngài đã được ban mọi quyền trên trời và dưới đất. Sự kiện này được biểu hiện trong lịch sử dưới đất nơi Thân Thể Ngài, nơi Con Người hoàn hảo, Ngài làm chứng trong lịch sử về phạm vi quyền thống trị hoàn vũ của Ngài; vì vậy các ân huệ mà Chúa đã ban cho các tín hữu sau khi Ngài lên trời có một mục đích chung cuộc đặc biệt. Mục đích này được diễn tả bằng một cách cắt nghĩa độc đáo và hơi táo bạo về Thánh Vịnh 67/ 68. Có lẽ muốn ám chỉ về ngày lễ Ngũ Tuần, Thánh Phaolô cho thấy Đấng đã lên trời bây giờ đang làm giàu cho Hội Thánh bằng những ân huệ giúp Hội Thánh sống thực tại trần thế và đồng thời sống thực tại thiên quốc. Chiến thắng của Đức Kitô trên sự chết làm cho mọi thực tại tạo dựng trở nên phong phú. Ngài vượt lên trên các tầng trời, đạt đến “sự sung mãn mọi sự.” Sự sống sung mãn mà Đức Kitô đã đổ tràn trên mọi người được mở rộng ra toàn vũ trụ. Hội Thánh không chiếm hữu tất cả sự phong phú

của hành động cứu độ này nhưng coi nó là một bí tích: khi Hội Thánh kết hợp với Đầu của mình là Đức Kitô, thì Hội Thánh được gọi là “là thân thể Đức Kitô, là sự viên mãn của Người, Đấng làm cho tất cả được viên mãn.” (Ep 1:23), nhưng Hội Thánh cũng được mời gọi “lớn lên trong mọi sự, hướng về Đức Kitô là Đầu.”

Hiệp nhất một lòng một trí

Đây là lý tưởng vẫn còn phải cố gắng tiến tới. Đề cao giá trị của các cá nhân là một trong những thành tích lớn của thời hiện đại. Người ta đã hiểu rằng con người không phải là một con số vô danh nhưng là một nhân vị độc nhất vô nhị và có quyền theo kế hoạch riêng của mình. Điều này cho thấy một sự tôn trọng thuận lợi đối với sự thân mật và đối với việc làm các quyết định tự do và gia tăng đối thoại và sự trao đổi tự do, tin tưởng giữa các con người. Nhưng đôi khi sự đề cao cá nhân này bị thoái hoá thành chủ nghĩa cá nhân và dừng dừng. Những người theo chủ nghĩa cá nhân là những người từ chối bất cứ cái gì không có lợi cho họ hay họ không thích. Họ không cho đi cái gì của bản thân họ hay cam kết với bất cứ ai hay bất cứ cái gì. Họ từ chối tạo những mối liên kết và việc ghét các mối liên kết khiến họ “dị ứng” với các sự dân thân của người khác. Họ thấy khó chia sẻ các kế hoạch và các dự định; họ muốn kiểm soát và tự mình làm

các việc ấy; họ bảo vệ các kế hoạch riêng của họ và tự mình quyết định mọi chuyện.

Chủ nghĩa cá nhân là căn nguyên gây chia rẽ trong các cộng đồng và các dân tộc. Chúng ta không thể xưng mình là Kitô hữu nếu chúng ta không trở về với một Kitô giáo có một ý nghĩa cộng đồng mạnh. Dần dà virút cá nhân chủ nghĩa có nguy cơ làm cho Kitô giáo cũng như đời sống của Hiệp Hội trở nên “căn cỗi”. Tự do hiểu theo nghĩa này không có chỗ cho sự dấn thân vào bất cứ kế hoạch chung nào nhưng cảm thấy mệt mỏi khi phải dấn thân vì lợi ích của người khác. Đây là cám dỗ đưa vào mọi mối quan hệ một mục đích vụ lợi, chỉ nhắm tới lợi ích của bản thân mình. Chủ nghĩa cá nhân sinh ra cảnh cô đơn và cô lập. Chương này sẽ nhấn mạnh lời kêu gọi quan tâm tới những yếu tố sau đây:

- hiệp thông và hợp tác với các Nhóm khác của Gia Đình Salêdiêng;
- việc phục vụ của Cha Bề Trên Cả;
- việc phục vụ tông đồ của các Ủy Viên.

ĐIỀU 21. Là anh chị em trong Don Bosco

Cùng chung một ơn gọi tông đồ và tư cách thành viên trong Hiệp Hội làm cho các CTV Salêdiêng trở thành những anh chị em thiêng liêng. Thực vậy, “kết hợp một lòng một trí với nhau,”³² họ sống tình hiệp thông bằng các mối dây liên kết đặc trưng của tinh thần Don Bosco.

Họ vui vẻ tham dự “đời sống gia đình” của Hiệp Hội bằng cách hiểu biết lẫn nhau, cùng nhau lớn lên, trao đổi kinh nghiệm đức tin, và thi hành các kế hoạch tông đồ.

Họ vun trồng đời sống hiệp thông bằng cách vui vẻ chấp nhận nhau.³³

³² *Salesian Cooperators: A Practical Way...* Art. 1.

³³ *Ibid.*, Art. V, 7 và VII, 4-5.

DIỄN GIẢI

Các chủ đề chính

1. Anh chị em thiêng liêng trong Don Bosco.
2. Đời sống gia đình, biểu hiện của sự hiệp thông.

Các ý tưởng nòng cốt

A. Trên hết, các CTV Salêdiêng là những anh chị em với nhau trong Đức Kitô. Tình huynh đệ Kitô giáo này của họ được phong phú nhờ sức mạnh của một ơn gọi Salêdiêng chung. Tình huynh đệ Kitô giáo có bản chất bí tích vì được tạo ra bởi các Bí Tích. Nó có bản chất “đặc sủng” vì nó được liên kết với một ơn gọi chuyên biệt là theo Don Bosco và là một ơn gọi bắt nguồn từ một ân huệ, một đặc sủng của Chúa Thánh Thần. Tình huynh đệ Salêdiêng này phải được hiểu trong ánh sáng của sứ mạng chuyên biệt của Don Bosco, Đấng Sáng Lập.

Như Điều 1 của bản Điều Lệ xác định, Chúa Thánh Thần đã khơi dậy Don Bosco trong Hội Thánh và muốn ngài có những người giáo dân làm chứng nhân, họ sống giữa đời và nối tiếp sứ mạng của ngài qua thời gian và sống tinh thần của ngài. Là Đấng Sáng Lập có đặc sủng, ngài là tâm điểm của một hàng ngũ đông đảo những con người đặc sủng đã nhận được ơn gọi Salêdiêng. Ngài được gọi là “cha” bởi các Nhóm ơn gọi khác nhau thuộc

Gia Đình tông đồ của ngài do ơn gọi Salêdiêng của họ. Cũng vì lý do này, các CTV Salêdiêng là những anh chị em với nhau trong Don Bosco, người Cha thiêng liêng của họ.

Tất cả các yếu tố này nuôi dưỡng nơi người CTV Salêdiêng một ý thức sâu xa rằng họ thuộc về Hiệp Hội và vun trồng niềm xác tín rằng mỗi người là một thành phần sống động của sự hiệp thông những con người dân thân cho một sứ mạng chung. Theo gương sáng của cộng đoàn Kitô hữu thời sơ khai, họ sống các giá trị Tin Mừng, trong đó có tình huynh đệ và hiệp thông. Bằng cách nào? Bằng cách ghi khắc trên các mối quan hệ của họ với mọi anh chị em các tình cảm kính trọng và yêu thương chân thành và bằng các biểu hiện những thái độ diễn tả những tình cảm ấy; do đó, việc chia sẻ và trao đổi các giá trị thiêng liêng, như các ý tưởng, các kế hoạch và dự tính, các niềm vui, nỗi buồn và đau khổ, và sự giúp đỡ lẫn nhau, kể cả những lo lắng về các khía cạnh kinh tế, được coi là sự tham dự chung với nhau: tất cả là thành phần của tinh thần Salêdiêng.

B. Các CTV Salêdiêng được mời gọi sống tình hiệp thông huynh đệ trong đời sống hằng ngày của họ bằng việc duy trì sự hiệp thông với nhau trong tư tưởng, tình cảm, và cầu nguyện. Họ có thể chứng tỏ tình hiệp thông này bằng các cuộc gặp

gỡ không chính thức hay chính thức với tần suất và các thể thức khác nhau tùy theo điều kiện cho phép. Ngoài ra, trên cương vị của Hiệp Hội ở các cấp khác nhau (địa phương, tỉnh, vùng và thế giới), Hiệp Hội cung cấp những thời khắc cho “đời sống gia đình.” Những thời khắc này bao gồm các cuộc gặp gỡ, các ngày về linh đạo, các cuộc lễ cử hành, các tuần học hỏi hay cập nhật, các đợt tĩnh tâm và linh thao, vv. Mục tiêu của tất cả các sáng kiến này là:

- *hiểu biết lẫn nhau*: hiểu biết lẫn nhau trong một bầu khí Salêdiêng vui tươi thanh thản của sự “gần gũi,” một-với-một, hay trong một nhóm, hay một cộng đoàn: đây là những bước đầu để tạo sự hiệp thông bằng cách có những thời giờ sống bên nhau;
- *chia sẻ các kinh nghiệm, kế hoạch và dự tính tông đồ*: sự trao đổi này có thể được kèm theo việc chia sẻ và phê chuẩn, các đề nghị, sự khích lệ, lời hứa giúp đỡ, và sự an ủi; những việc này có thể giúp phát hiện những khả năng sáng tạo nơi mỗi người, trẻ hay trưởng thành, và trong mọi lãnh vực hoạt động tông đồ, lớn hay nhỏ, và chúng tạo động lực cho việc bắt chước và ganh đua; và
- *cùng nhau lớn lên*: sự hiểu biết nhau mỗi ngày một hơn và chia sẻ các kinh nghiệm và dự tính

tất yếu tạo ra một sự tăng trưởng cá nhân và tập thể, một tiến trình trưởng thành, một công việc tông đồ được soi sáng và can đảm hơn, và những sợi dây gắn kết mạnh hơn giữa tất cả những người thuộc các cấp khác nhau của Hiệp Hội.

Ý tưởng này về sự “hiệp thông” của mọi Kitô hữu với Thiên Chúa và với nhau đã có trong khái niệm về tình huynh đệ của Tin Mừng. Theo nghĩa Kinh Thánh, “hiệp thông” xác định cách thức hiện hữu và hành động của một người và mối quan hệ của họ với Thiên Chúa và với người khác, và là dấu đặc trưng của cộng đoàn Kitô giáo: kết hiệp mật thiết và sinh động với Đức Kitô. Sự hiệp thông này được thể hiện một cách cụ thể qua việc chia sẻ cho người khác và lãnh nhận từ họ, trong khi tôn trọng nhân cách của mỗi người. Bằng cách này, mọi thành viên của Hội Thánh hiệp thông với Đức Kitô nhờ Chúa Thánh Thần, tham dự vào sự sung mãn của Người và vào mối hiệp thông với tất cả các anh chị em mình để làm thành một “Cộng Đoàn” duy nhất là chính Hội Thánh.

Sự hiệp thông này có tính năng động và sẽ tự biến đổi thành hành động—trong sự hợp tác và phục vụ. Khi Thánh Luca nói trong sách *Công Vụ Tông Đồ* rằng các tín hữu, ngoài việc “chuyên cần nghe các Tông Đồ giảng dạy, tham dự lễ bẻ bánh, và cầu nguyện,” tất cả họ “hiệp thông” với nhau, tác giả muốn chỉ về một cộng đoàn rất cụ thể đã diễn tả sự

hiệp thông sâu xa trong các mối quan hệ với nhau: “Họ chỉ có một lòng một trí.” Do đó không có sự chia rẽ. Đó là một cộng đoàn được gọi và được qui tụ lại với nhau bởi sự hiện diện của Chúa Phục Sinh và quyền năng của Chúa Thánh Thần, và vì thế, đó là một tình huynh đệ thiêng liêng nhưng được diễn tả bằng những dấu hiệu khả giác.

Sự hiệp thông Hội Thánh không chỉ xảy ra với mỗi cộng đoàn riêng lẻ nhưng cũng xác định các mối quan hệ giữa các giáo hội địa phương với nhau. Các giáo hội này diễn tả sự hiệp thông trong sự nhìn nhận và chấp nhận lẫn nhau và họ thể hiện điều này bằng việc chia sẻ các của cải thiêng liêng, các cuộc thăm viếng, việc gửi các người hoạt động tông đồ, và cũng bằng các hành vi liên đới cụ thể.

Các văn kiện của Công Đồng Vaticanô II dành rất nhiều chỗ cho sứ điệp Tin Mừng này. Các văn kiện này trình bày *tình huynh đệ* như là yếu tố cấu thành cơ bản của sự hiện hữu Kitô giáo và của thực tại Hội Thánh. Trên thực tế, Hội Thánh được định nghĩa là một *cộng đoàn anh chị em* vì mọi thành viên của Hội Thánh đã nhận được cùng một Thần Khí của Chúa. Tình huynh đệ Kitô giáo phải bao trùm và thấm nhuần mọi mối tương quan trong lãnh vực Hội Thánh: các tương quan giữa giáo dân với nhau và với các chủ chăn của họ; giữa các linh mục với nhau và với các giáo dân của họ; giữa các giám mục với nhau và với các linh mục của họ; và các

mối tương quan giữa các tu sĩ của các Dòng Tu. Chỉ bằng cách này, các Hội Thánh địa phương và Hội Thánh phổ quát mới có thể trở thành dấu chỉ và chứng tá về tình huynh đệ trước mặt mọi người.

Công Đồng Vaticanô II đã lấy Hội Thánh thời sơ khai làm *mẫu mực* cụ thể của mình, bên cạnh các *giá trị* và các đòi hỏi nội tại trong Hội Thánh và đã áp dụng chúng vào tình hình hiện nay. Công Đồng đã định nghĩa Hội Thánh địa phương và Hội Thánh phổ quát là “hiệp thông”—là sự phản ánh và tham dự vào sự hiệp thông mẫu nhiệm khôn tả trong Thiên Chúa Ba Ngôi, hiệp nhất Cha, Con và Thánh Thần. Trên thực tế và trên hết, mỗi *hiệp thông* năng động này chạy xuyên suốt toàn thể thành phần cấu tạo Hội Thánh địa phương và Hội Thánh phổ quát, sinh động hoá Hội Thánh từ bên trong. Vì thế, Hội Thánh là một sự hiệp thông đức tin, đức cậy và đức mến; Hội Thánh là một cộng đoàn tham dự vào chức tư tế cộng đồng của Đức Kitô và vào sứ mạng của Người là làm chứng và sinh động hoá trật tự trần thế bằng các giá trị Kitô giáo. Kết quả của sự hiệp thông Hội Thánh này là *sự bình đẳng triệt để của các Kitô hữu*, như Vaticanô II nhấn mạnh khi nói về giáo dân: “Mặc dù theo ý Chúa Kitô, có những người được chọn làm tiến sĩ, làm người phân phát các nhiệm tích hay chủ chăn lo cho kẻ khác, nhưng giữa tất cả mọi người vẫn có sự bình đẳng thực sự, bình đẳng về phương diện phẩm giá và hoạt động chung của mọi tín hữu để xây dựng

thân thể Chúa Kitô.” (*Lumen Gentium*, số 32).

Sự “hiệp thông” năng động này ngụ ý rằng toàn thể hoạt động của cả Hội Thánh địa phương và Hội Thánh phổ quát có thể được thực hiện trong sự *cộng tác*, *hợp tác*, và *liên đới*. Đây là nguyên tắc phải được thực thi trong hoạt động tông đồ giáo dân, trong mối quan hệ của họ với các chủ chăn của họ, và trong hoạt động của họ với những người Công Giáo cũng như với những ai không có đức tin. Nó làm nổi bật các mối dây liên kết giữa các linh mục với nhau và giữa các linh mục với các giám mục, các giáo dân của họ, và với các tu sĩ. Nó là nét đặc trưng của các mối quan hệ giữa các giám mục với nhau, với Đức Giáo Hoàng và với các linh mục. Ở mọi cấp bậc, nó liên quan trực tiếp tới mối quan hệ giữa các tu sĩ với nhau, với các giám mục, với các linh mục triều, và với giáo dân. Nó hướng dẫn toàn thể hoạt động đại kết và truyền giáo của các cá nhân và các cộng đồng Kitô hữu khác nhau. Nó mở ra cho một sự hợp tác và cộng tác rộng hơn với mọi người thiện tâm. Như thế, mọi thành viên của cộng đồng Kitô giáo được liên kết với nhau bằng một *tinh thần trách nhiệm chung*. Là những thành viên tích cực của Nhiệm Thể Đức Kitô, mọi người được kêu gọi hợp tác có trách nhiệm vào sứ mạng tông đồ.

ĐIỀU 22. Đồng trách nhiệm trong sứ mạng

§1. Người CTV Salêdiêng cảm thấy có trách nhiệm về sứ mạng chung và thực thi sứ mạng theo hoàn cảnh sống riêng của mình, theo năng lực và khả năng của mình, góp phần nâng đỡ tích cực và quý giá cho sứ mạng. Họ chia sẻ sự đồng trách nhiệm về công việc giáo dục và truyền giáo trong Hiệp Hội. Mỗi CTV Salêdiêng phải tham dự các cuộc họp lập kế hoạch và đánh giá các hoạt động, và lựa chọn những người đảm trách các nhiệm vụ chuyên biệt.

Nếu được kêu gọi đảm nhận các trách nhiệm cụ thể, họ sẵn lòng thi hành với sự trung thành và tinh thần phục vụ.

§2. Với tinh thần trách nhiệm và ý thức thuộc về Hiệp Hội, mọi CTV Salêdiêng nâng đỡ sự tự lập kinh tế của Hiệp Hội để Hiệp Hội có thể thực thi sứ mạng.³⁴

³⁴ *Salesian Family Charter (Hiến Chương Gia Đình Salêdiêng), 20-21.*

DIỄN GIẢI

Các chủ đề chính

1. Người CTV Salêdiêng: chịu trách nhiệm về sứ mạng chung.
2. Sự liên đới kinh tế.

Các ý tưởng nòng cốt

A. Nếu mỗi CTV Salêdiêng cảm thấy có trách nhiệm về sứ mạng chung, đó là vì Hiệp Hội *có* một sứ mạng đặc thù và mỗi CTV Salêdiêng là một chủ thể tích cực do tư cách là thành viên của Hiệp Hội này. Sứ mạng là chung nhưng được thực hiện bởi các *cá nhân* phải hành động trong sự hiệp thông chứ không phải theo tính cách cá nhân chủ nghĩa; nghĩa là phải hành động trong tinh thần đồng trách nhiệm về sứ mạng.

Điều luật này xác định các *cách thức* mà mỗi CTV Salêdiêng thể hiện khi thi hành sứ mạng chung: “thực thi sứ mạng theo hoàn cảnh sống riêng của mình, theo năng lực và khả năng của mình.” Không đòi hỏi các thành viên phải làm điều không thể, nhưng mỗi CTV được nhắc nhở họ phải hoàn thành bất cứ việc gì mình có thể làm. Điều luật không xác định số lượng và cách thức cụ thể; nhưng để tùy theo sáng kiến và ý muốn sẵn sàng của mỗi người tùy theo các trách nhiệm riêng của họ đối với gia đình và công ăn việc làm của họ.

Điều luật cũng chỉ ra *hai lãnh vực* mà mỗi thành viên có thể cống hiến sự hợp tác có trách nhiệm của họ “với tinh thần sáng kiến.” Cụ thể đó là hai lãnh vực thực tế sau đây: 1) Các cuộc họp lập kế hoạch và đánh giá liên quan đến các hoạt động khác nhau; và 2) tham gia vào việc bầu chọn các lãnh đạo về sinh động hoá và quản trị (các Cố Vấn). Đây là hai lãnh vực trọng yếu cho việc điều hành tốt đẹp Hiệp Hội ở các cấp khác nhau, cho việc đào luyện vững chắc và cập nhật của các hội viên, và cho hoạt động tông đồ Salêdiêng rộng lớn và hiệu quả hơn của Hiệp Hội.

Trong nội bộ Hiệp Hội, vị Điều Phối Viên thực thi trách nhiệm của mình với tinh thần phục vụ theo các nguyên tắc hiệp thông và đồng trách nhiệm. Hiệp Hội đã chọn một tổ chức “tập đoàn” ở các cấp, dựa trên chính những nguyên tắc này. Có nghĩa là mọi nhiệm vụ phải được thực thi như là một việc phục vụ.

Có những nguyên tắc của Tin Mừng và đã được Vaticanô II nói đến liên quan đến các thừa tác viên có chức thánh—các giám mục, linh mục và phó tế—và liên quan đến tất cả những ai có một nhiệm vụ, hay có một vai trò trong Hội Thánh. Các thừa tác viên chức thánh và được tấn phong thì thi hành các nhiệm vụ này trong sự “hiệp thông phẩm trật” và như là một việc phục vụ có thẩm quyền và có chất lượng cho Dân Chúa. Tất cả các vai trò khác

được thực thi trong sự “hiệp thông Hội Thánh” và như là một việc phục vụ người khác. Nơi tất cả những ai tiếp đón Người với đức tin và đức mến, Đức Kitô đã dùng ơn của Thần Khí Người mà thiết lập một môi hiệp thông huynh đệ mới trong Thân Thể Người là Hội Thánh, trong đó mọi chi thể phục vụ lẫn nhau theo các ân huệ khác nhau họ đã lãnh nhận.

B. Liên quan đến sự liên đới kinh tế, cần khẳng định rằng trong các bản thảo khác nhau của Điều Lệ và *Qui Chế*, Don Bosco đã do dự giữa việc đòi hỏi sự đóng góp bắt buộc theo định kỳ và việc mời gọi quyên góp tự nguyện. Cuối cùng ngài đã quyết định chọn hình thức quyên góp tự nguyện “hằng tháng hay hằng năm *tùy lòng hảo tâm của họ gọi ý*” và mở rộng ý tưởng của ngài để bao gồm các thời khắc tham dự cần thiết là: “ít là hai Đại Hội [hằng năm]—một được tổ chức gần lễ Đức Mẹ Phù Hộ các Giáo Hữu và một gần lễ Thánh Phanxicô Salê. Ngài cũng qui định rằng “tất cả các khoản quyên góp này phải được gửi đến Bề Trên Cả để nâng đỡ các công cuộc của Hiệp Hội.” Hơn nữa, ngài còn thêm rằng “khi có ai không thể có mặt tại Đại Hội, họ phải lo sao để gửi các khoản quyên góp này bằng những phương tiện dễ dàng và bảo đảm nhất.” (Xem *Qui Luật* năm 1876, ch. VI, đoạn 3 và 4). Hình thức *quyên góp tự nguyện* này đã được giữ lại trong *Kế Hoạch Đời Sống Tông Đồ*, mặc dù một

số hình thức tham gia vào việc quyên góp này được cho phép tùy sự lựa chọn của mình.

Điều luật này xác định rõ một số lý do ủng hộ sự lựa chọn này:

- ý thức thuộc về Hiệp Hội;
- ý thức đồng trách nhiệm và tham dự của mọi CTV Salêdiêng; và
- tinh thần liên đới được diễn tả trong tựa đề của điều luật này là “liên đới về kinh tế.”

Điều luật này cũng nhắc đến tình liên đới được sống bởi Hội Thánh thời sơ khai—một sự nhắc nhở tạo động lực và thuyết phục. Trên thực tế, Don Bosco đã nhắc nhở các CTV về tình liên đới này của các Kitô hữu tại Giêrusalem. Trên hết, điều luật muốn phù hợp với việc thực hành đã được Đấng Sáng Lập khởi xướng và được duy trì trong suốt truyền thống Salêdiêng.

Việc quyên góp và các hình thức gây quỹ (do tư cách pháp nhân của mình, Hiệp Hội có thể mua bán và sở hữu các tài sản vật chất) không phải là những mục đích tự tại và càng không phải là được quản lý để làm giàu. Chúng có các mục đích cụ thể liên quan đến sứ mạng Salêdiêng: tài trợ cho các hoạt động cần chi tiêu của các Ban Cố Vấn; tài trợ cho các sáng kiến ở các cấp khác nhau: các hội nghị, các cuộc gặp mặt, các nguồn lực vật chất, các công

cụ mạng, v.v...; và sau cùng, các sáng kiến thể hiện tình liên đới của Gia Đình Salêdiêng.

Điều luật này không qui định bất cứ *cách thức cụ thể* nào phải được thực hiện giống nhau trong toàn Hiệp Hội, cũng không qui định cụ thể về các hình thức quyên góp tự nguyện: trên cơ sở của nguyên tắc tản quyền, luật dành quyền quyết định toàn thể vấn đề này cho các Ban Cố Vấn ở các cấp khác nhau.

ĐIỀU 23. Sự tham dự và các mối liên kết với các Nhóm của Gia đình Salêdiêng

§1. Trung thành với quan niệm của Don Bosco rằng “các lực lượng yếu nếu đoàn kết lại thì trở nên mạnh, và một sợi dây dễ dàng đứt thì dễ đứt, nhưng ba sợi chụm lại thì khó đứt hơn.”³⁵ Các CTV Salêdiêng chăm lo sự hiệp thông và hợp tác với các Nhóm khác của Gia Đình Salêdiêng. Họ làm điều này bằng sự hiểu biết lẫn nhau và có thông tin về nhau, giúp đỡ nhau về thiêng liêng và đào luyện, và tham gia vào các công việc tông đồ chung, trong khi vẫn tôn trọng căn tính và quyền tự chủ của mỗi Nhóm.³⁶

§2. Sự tham dự vào các Ban Cố Vấn của Gia Đình Salêdiêng³⁷ ở các cấp khác nhau và sự liên kết với các cơ cấu mục vụ của Hội Thánh và các tổ chức dân sự giúp cổ vũ việc tìm kiếm các sáng kiến mới. Sứ mạng Salêdiêng thúc đẩy và làm chứng cho di sản thiêng liêng và tông đồ phong phú đã lãnh nhận.

35 *Salesian Cooperators: A Practical Way...* Art. 1.

36 *Ibid.* Art. VI, 1-2.

37 Xem *Salesian Family Charter* (Hiến Chương Gia Đình Salêdiêng), 66-67.

§3. Các CTV Salêdiêng cảm thấy gần gũi với tất cả các Nhóm khác thuộc Gia Đình Salêdiêng vì tất cả đều thừa hưởng đặc sủng và tinh thần Salêdiêng.

Họ cởi mở trước mọi hình thức hợp tác và cố vũ chúng, đặc biệt đối với các nhóm giáo dân, đồng thời tôn trọng căn tính và quyền tự chủ của mỗi nhóm.

DIỄN GIẢI

Các chủ đề chính

1. Hợp tác với Gia Đình Salêdiêng.
2. Các giá trị cần được cùng nhau cố vũ.

Các ý tưởng nòng cốt

A. Các viễn tượng được mở rộng trong điều luật này: sự chú ý được chuyển từ Hiệp Hội sang Gia Đình Salêdiêng và tập trung vào *cách thức* người CTV Salêdiêng và Hiệp Hội có thể *thể hiện* sự hiệp thông, hợp tác và đồng trách nhiệm trong phạm vi của Gia Đình Tông Đồ do Don Bosco sáng lập.

Mỗi ân huệ của Thiên Chúa ban cho đều mang theo một *nhiệm vụ* làm cho nó có ích cho người

khác. Vì sợi dây liên kết “ơn gọi và tông đồ” của nó, tư cách thuộc về Gia Đình Salêdiêng đòi hỏi mỗi người phải *cam kết* sống sự hiệp thông và hợp tác trên cơ sở đồng trách nhiệm với các Nhóm khác.

Do đó, hiệp thông và đồng trách nhiệm “với các Nhóm và các thành viên khác của Gia Đình Salêdiêng” phải được hiểu như là sống với *tất cả* các Nhóm chứ không phải chỉ với *một số* Nhóm. Tuy nhiên, rõ ràng có các mối liên kết chặt hơn và bó buộc hơn giữa các Nhóm ơn gọi do Don Bosco sáng lập. Với những Nhóm này, các CTV Salêdiêng có sự đồng trách nhiệm đối với sự sống của kế hoạch tông đồ của Don Bosco vì chúng mang cùng một ơn gọi Salêdiêng. Đồng trách nhiệm bao hàm việc “cùng đến với nhau” và cùng hành động từ phía tất cả những người có liên quan bằng cách coi công việc của mỗi cá nhân và trách nhiệm tương ứng của họ là những việc chung.

B. Trên bình diện truyền thông và hợp tác liên nhân vị, điều luật này liệt kê ba loại giá trị phải được cùng nhau vun trồng: “hiểu biết lẫn nhau và có thông tin về nhau, giúp đỡ nhau về thiêng liêng và đào luyện, và tham gia vào các công việc tông đồ chung.”

Giá trị thứ nhất là cơ sở nền tảng cho mọi sự hợp tác chân thành và bền vững. Nhiều hình thức

gặp gỡ được trải nghiệm giữa các nhóm khác nhau trong ba năm qua (các Ngày Linh Đạo Gia Đình Salêdiêng và Ban Cố Vấn Gia Đình Salêdiêng, v.v...) chứng tỏ nhu cầu thực sự của việc hiểu biết lẫn nhau, sự phong phú nhân bản và Kitô giáo của những con người, và các sáng kiến tông đồ của các Nhóm. Tất cả những điều này tạo thành gia đình và làm chúng ta được nhận biết trong Hội Thánh và trong các khu vực chúng ta sống và làm việc.

Ý thức sâu xa mình thuộc về một Gia Đình cổ vũ sự chia sẻ các nguồn phong phú của mỗi Nhóm khiến chúng có thể trở thành sự phong phú của tất cả các Nhóm. Đây là sự trung thành năng động đối với Chúa Thánh Thần và các ân huệ của Người, khiến cho mỗi Nhóm có thể thể hiện một “mục đích chung” của Gia Đình Salêdiêng. Qua sự thông truyền cho nhau như thế, tất cả chúng ta sẽ được soi sáng hơn về *tính xác thực của ân huệ* đã được ban cho Don Bosco và các ân huệ mà Chúa Thánh Thần ban cho mỗi người chúng ta cùng với ân huệ của Don Bosco.

Trong các thư luân lưu gửi cho *Gia Đình Salêdiêng*, các Bề Trên Cả (trước là Don Viganò rồi đến Don Chavez) hết sức nhấn mạnh về giá trị chuyên biệt mà mỗi nhóm có thể đem đến cho Gia Đình chung này. Thật ngọt ngào và an ủi khi cảm thấy mình là một thành viên của một Gia Đình Thiêng Liêng mà trong đó các điểm khác biệt làm

sáng tỏ căn tính và vẻ đẹp của sự hoà hợp - chứ không phải sự lộn xộn hay sự đơn điệu của mỗi Nhóm, nhưng đúng hơn là sự qui chuộng được dành cho mỗi Nhóm trong căn tính của Nhóm ấy.

Sự tham gia vào các công việc tông đồ chung là lãnh vực trong đó sự hiệp thông và hợp tác diễn ra khá thường xuyên và hiệu quả. Sự tham gia chung này diễn ra trên bình diện thực hành qua các sáng kiến nhắm tới hai mục đích khả dĩ có thể đạt được: *các hoạt động có sức hấp dẫn Salêdiêng và một sự phục vụ phong phú hơn được thực hiện cho các Hội Thánh địa phương và Hội Thánh phổ quát.*

Khi cùng nhau tiến tới phía trước trong tư cách là *Gia Đình Salêdiêng*, cần phải “cùng nhau” đáp ứng các *mục tiêu cụ thể* sau đây:

1. Làm sống dậy và kiện cường sự hiểu biết về Don Bosco, và do đó, về đức ái mục tử của chúng ta;
2. phúc âm hoá giới trẻ của chúng ta;
3. dành ưu tiên cho sự đào luyện chuyên biệt của mỗi nhóm và sự đồng tham gia của giáo dân; và
4. một mục vụ ơn gọi thống nhất.

Can đảm khi làm việc thiện và tin tưởng vào các nguồn lực tích cực là hai từ khoá trong tiến trình làm việc chung này.

Đối với Don Pascual Chavez, nguyên Bề Trên Cả, các công cụ hiệp thông hiệu quả là các Ban Cố Vấn địa phương và Ban Cố Vấn tỉnh của Gia Đình Salêdiêng. Cùng cố các công cụ hiệp thông này có nghĩa là tìm kiếm những hình thức thích hợp nhất để thiết lập chúng nhờ đó không những chúng trở thành cơ hội để chia sẻ các ý tưởng và kinh nghiệm, mà trên hết, trở thành một công cụ để cùng nhau suy tư về các thách thức của sứ mạng trong khu vực của mình và để chia sẻ một số đường hướng hành động cơ bản nhằm đáp ứng các thách thức ấy - điều này mỗi Nhóm sẽ cố gắng để đảm đương tùy theo các khả năng và phương tiện của Nhóm. Ngoài ra, đây cũng là tìm cách hợp tác hiệu quả và có phối hợp vào các dự án giáo dục và phúc âm hoá nhằm phục vụ giới trẻ.

Người CTV Salêdiêng không thể cùng một lúc thuộc về một Hiệp Hội khác không cùng một đặc sủng. Nếu muốn, với tư cách giáo dân họ có thể tham dự các buổi cầu nguyện và linh đạo hay giải trí và có thể giúp ích cho các sinh hoạt này với tư cách CTV Salêdiêng, và coi đây là một lãnh vực hoạt động tông đồ của họ. Tuy nhiên điều này không cho phép họ từ bỏ các cam kết của mình đối với Hiệp Hội CTV, đặc biệt các bổn phận tham dự các cuộc họp lên kế hoạch và đánh giá của Trung Tâm địa phương vì đây là những thời khắc đào luyện quan trọng. Do đó, trong trường hợp cần thiết, họ phải thảo luận và dàn xếp với vị Điều Phối Viên và Ủy

Viên của Trung Tâm của họ nhằm cân nhắc và linh hoạt tìm ra những cách thức khác để liên kết với Trung Tâm địa phương.

ĐIỀU 24. Thừa tác vụ của cha Bề Trên Cả

§1. Theo ý muốn rõ ràng của Đấng Sáng Lập, Bề Trên Cả của Tu Hội Salêdiêng là người kế vị Don Bosco;³⁸ ngài là Bề Trên của Hiệp Hội và thi hành chức vụ Điều Hành Viên tối cao trong Hiệp Hội. Ngài bảo đảm Hiệp Hội luôn trung thành với kế hoạch của Đấng Sáng Lập và thúc đẩy sự phát triển của Hiệp Hội.

§2. Bề Trên Cả cũng thi hành nhiệm vụ này qua vị Phó Bề Trên Cả hay vị Điều Phối Viên Thế Giới, và thông thường ngài nhờ sự hợp tác của Hội Đồng Thế Giới và Văn Phòng Tổng Thư Ký (SEM—Segreteria Esecutiva Mondiale) để sinh động hoá toàn thể Hiệp Hội và phối hợp các sáng kiến đào luyện và tông đồ khác nhau.

§3. Các thành viên Hiệp Hội nuôi dưỡng lòng yêu mến chân thành đối với Cha Bề Trên Cả và trung thành tuân theo các hướng dẫn của ngài.

³⁸ Xem *Salesian Family Charter* (Hiến Chương Gia Đình Salêdiêng), 23; Xem *Salesian Cooperators: A Practical Way...* Art. V, 3.

DIỄN GIẢI

Các chủ đề chính

1. Người kế vị Don Bosco, cha và trung Tâm hiệp nhất của Gia Đình Salêdiêng.
2. Bề Trên của Hiệp Hội.

Các ý tưởng nòng cốt

A. Điều luật nói về Cha Bề Trên Cả được đặt một cách có ý nghĩa giữa điều luật nói về toàn thể Gia Đình Salêdiêng, trong đó Bề Trên Cả là *người cha và trung tâm hiệp nhất*, và điều luật nói về các mối liên kết của Hiệp Hội với Tu Hội Salêdiêng. Với tư cách người kế vị Don Bosco và người biểu thị chức vụ làm cha trong đặc sủng, Bề Trên Cả có mối liên kết đồng nhất trên bình diện tinh thần và đặc sủng trong tương quan với các Nhóm khác nhau của Gia Đình Salêdiêng. Ngài là người đặc sủng trong nhiệm vụ cổ vũ, sinh động hoá và bảo đảm cho sự hiệp nhất trong Gia Đình này và cho lòng trung thành với kế hoạch tông đồ của Đấng Sáng Lập.

Điều 126 của *Hiến Luật* 1984 của Tu Hội Salêdiêng nói: “Bề Trên Cả là người kế vị Don Bosco, là người cha và trung tâm hiệp nhất của toàn thể Gia Đình Salêdiêng... Ngài chủ yếu quan tâm tới việc cổ vũ lòng trung thành bền bỉ của các hội viên với đoàn sủng Salêdiêng để hoàn thành sứ

mệnh Chúa đã trao phó cho Tu Hội chúng ta.” Điều 3 của *Hiến Luật* 1982 Dòng FMA nói: “Bề Trên Cả của Tu Hội Thánh Phanxicô Salê—với tư cách là người kế vị Don Bosco—là người cổ vũ và là trung tâm hiệp nhất của Gia Đình Salêdiêng.”

B. Tư cách là “cha” mà Đấng Sáng Lập đã để lại làm di sản quý báu cho các người kế vị ngài khiến cho quyền bính của Bề Trên Cả mang một diện mạo đặc trưng Salêdiêng - được tạo thành bởi việc sinh động hoá và lòng nhân hậu - và định hướng quyền bính này tới việc hoàn toàn phục vụ ơn gọi của những con người và sức sống của Hiệp Hội. Không phải vô cớ mà quyền bính này được định nghĩa là “thừa tác vụ.” Điều luật này trình bày ba *cách thức* mà Bề Trên Cả thực thi thừa tác vụ đặc sủng và pháp lý này cho Hiệp Hội:

1. đích thân hay nhờ sự hợp tác của Phó Bề Trên Cả hay Điều Phối Viên Thế Giới;
2. nhờ sự hợp tác của Hội Đồng Thế Giới và Văn Phòng Tổng Thư Ký (SEM); và
3. hiện diện ở các cấp tỉnh và địa phương thông qua các giám tỉnh của SDB và FMA.

Điều luật này cũng vạch ra các chức năng của Bề Trên Cả, đó là: bảo đảm sự *trung thành* của Hiệp Hội với kế hoạch của Đấng Sáng Lập (liên

quan đến căn tính của Hiệp Hội); vun trồng sự tăng trưởng về số lượng, sinh động hoá và thúc đẩy phát triển; chăm lo sự *hiệp nhất* của Hiệp Hội, vì Hiệp Hội mang đặc tính quốc tế và có một diện mạo Công Giáo mạnh mẽ; và chăm lo sự *hiệp thông và hợp tác* của Hiệp Hội với các Nhóm khác của Gia Đình Salêdiêng và với các thực thể khác của Hội Thánh.

C. Về khía cạnh pháp lý, Bề Trên Cả có những vai trò khác nhau trong tương quan với mỗi Nhóm. Ngài là “Đại Diện Tông Toà” đối với Tu Hội Con Đức Mẹ Phù Hộ, như được nói đến ở điều 111 trong *Hiến Luật* 1982 của Tu Hội FMA. Đối với Tu Hội Salêdiêng Don Bosco, ngài là Bề Trên hay Bề Trên Cả, và đối với các Cộng Tác Viên Salêdiêng, ngài là “Người Điều Hành tối cao.” Đương nhiên ngài là người đầu tiên hiểu rằng mình là Bề Trên của các *tu sĩ Salêdiêng* và của các Cộng Tác Viên *giáo dân* hay *linh mục triều*. Vì lý do này, ngài cai quản và sinh động hoá hai Nhóm này đồng thời ý thức về bản chất rất khác nhau của hai Nhóm, theo giáo huấn của Vaticanô II, và tôn trọng thẩm quyền của các Hội Đồng và các Điều Phối Viên các cấp khác nhau được nhìn nhận trong *Kế Hoạch Đời Sống Tông Đồ*. Là Người Điều Hành tối cao của Hiệp Hội, Bề Trên Cả có quyền cai quản thông thường, được thi hành theo Giáo Luật, đối với toàn thể Hiệp Hội, các Hội Đồng, các Trung Tâm và các thành

viên của Hiệp Hội. Trên bình diện hoạt động, chức năng pháp lý của Bề Trên thể hiện vai trò đặc sủng của ngài là cha và trung tâm của Gia Đình thiêng liêng của Don Bosco.

Hội Đồng Thế Giới là một cơ quan được thiết lập lần đầu tiên năm 1974 (dưới quyền Tổng Điều Phối Viên Luigi Sarcheletti) trong tư cách là “Hội Đồng Tham Vấn cấp thế giới” cho Bề Trên Cả, và cộng tác với Bề Trên Cả trong việc sinh động hoá Hiệp Hội vào lúc bộ *Qui Luật ad experimentum* (“thử nghiệm”) được phê chuẩn. Hội Đồng này gồm các thành viên có quyền do chức vụ và cả các thành viên được chỉ định hay được bầu. Vai trò của Hội Đồng là trợ giúp Bề Trên Cả trong việc cai quản và sinh động hoá Hiệp Hội ở cấp thế giới. Khi kết thúc nhiệm kỳ bảy năm của Hội Đồng Tham Vấn thứ hai (1981-1987, Tổng Điều Phối Viên là Luigi Sarcheletti), một Hội Đồng thứ ba được thành lập (1987-1994, Tổng Điều Phối Viên Paolo Santoni) gồm các Cố Vấn cấp thế giới và một số thành viên khác được giao nhiệm vụ chuẩn bị cho Đại Hội Thế Giới lần thứ hai và trông coi việc duyệt xét và cập nhật bộ *Qui Luật* mới.

Sau nhiệm kỳ của Hội Đồng Tham Vấn Thế Giới thứ tư (1994-2001, Tổng Điều Phối Viên Roberto Lorenzini), và trong nhiệm kỳ của Hội Đồng Tham Vấn thứ năm, được gia hạn thành nhiệm kỳ mười một năm để soạn thảo *Kế Hoạch Đời Sống*

Tông Đồ (2001-2012, Tổng Điều Phối Viên Rosario Maiorano), với sự phê chuẩn *ad experimentum* cho *Kế Hoạch Đời Sống Tông Đồ* vào năm 2007, Hội Đồng Tham Vấn được đổi tên thành Hội Đồng Thế Giới và với tên gọi mới này, nó trở thành một cơ quan cai quản theo cơ chế tập đoàn, giống như các Hội Đồng cấp tỉnh và địa phương. Bắt đầu từ 2012 (2012-2018, Điều Phối Viên thế giới Noemi Bertola), Hội Đồng Thế Giới là một cơ quan được thành lập để hỗ trợ Bề Trên Cả trực tiếp trong việc sinh động hoá và quản trị Hiệp Hội và có nhiệm kỳ là sáu năm. Nhiệm vụ của Hội Đồng Thế Giới bao gồm hai lãnh vực:

- 1) sinh động hoá toàn thể Hiệp Hội, và
- 2) phối hợp các sáng kiến đào luyện và tông đồ của Hội Đồng Thế Giới, trong đó các uỷ viên cấp thế giới của SDB và của FMA tham dự với quyền đương nhiên do chức vụ.

“Sinh động hoá” là một hoạt động có mục đích giúp một người phát triển ý thức mình thuộc về và tham gia vào Hiệp Hội. Hoạt động này được thực hiện bằng một tiến trình giúp thể hiện tính đồng trách nhiệm như một biểu hiện của một lương tâm trưởng thành. Nó giả thiết sự đối thoại, thái độ lắng nghe, giao tiếp, và phân định. Việc sinh động hoá Salêdiêng mang bản chất thiêng liêng và nhắm mục tiêu ơn gọi và mục vụ.

Về tầm quan trọng và các thể thức của sự *phối hợp*, cần lưu ý tới các hướng dẫn của *Gaudium et Spes*:

Những hiệp hội công giáo quốc tế khác nhau còn có thể góp sức bằng nhiều cách để xây dựng một cộng đoàn các dân tộc trong hòa bình và huynh đệ. Phải củng cố các hiệp hội này bằng cách gia tăng số hội viên đã được huấn luyện kỹ lưỡng, bằng cách giúp đỡ các phương tiện cần thiết cũng như phối hợp chặt chẽ các năng lực. Thật vậy, thời đại chúng ta đòi hỏi sáng kiến tập thể để hoạt động hữu hiệu và thỏa mãn nhu cầu đối thoại. Lại nữa, những hình thức tổ chức ấy góp phần không ít vào việc gia tăng ý thức đại đồng là điều rất hợp với người công giáo, cũng như vào việc khai sinh ý thức liên đới và trách nhiệm quốc tế thực sự.

Sự điều phối ở cấp thế giới không có nghĩa là thay thế các lực lượng tông đồ đã đang hoạt động ở các cấp thấp hơn hay ở mức độ các sáng kiến của các cấp ấy, nhưng là làm thế nào để các lực lượng ấy được phối hợp lại để kiến tạo một toàn thể có tổ chức nhằm đạt các mục đích và mục tiêu của Hiệp Hội một cách hiệu quả hơn.

ĐIỀU 25. Các mối liên kết đặc biệt với Tu Hội Thánh Phanxicô Salê

Hiệp Hội CTV Salêdiêng có một “mối dây hiệp nhất vững bền và chắc chắn”³⁹ với Tu Hội Thánh Phanxicô Salê và mối liên kết đặc sủng với Tu Hội Con Đức Mẹ Phù Hộ các Giáo Hữu.

Như Don Bosco mong muốn, mỗi cộng thể Salêdiêng (SDB và FMA), cả ở cấp tỉnh và địa phương, cảm thấy có bổn phận “nâng đỡ và phát triển” Hiệp Hội, góp phần vào việc đào luyện các thành viên của Hiệp Hội, phổ biến và cổ vũ Kế Hoạch Đời Sống Tông Đồ.⁴⁰

³⁹ *Salesian Cooperators: A Practical Way...* Art. II.

⁴⁰ *Hiến Luật và Qui Chế Tu Hội Thánh Phanxicô Salê* (1984). *Qui Chế*, điều 38.

DIỄN GIẢI

Các chủ đề chính

1. Các mối liên kết chắc chắn và vững bền với Tu Hội Salêdiêng Don Bosco
2. Các mối liên kết đặc sủng với Tu Hội Con Đức Mẹ Phù Hộ các Giáo Hữu

Các ý tưởng nòng cốt

A. Điều luật này phản ánh một ý muốn rõ ràng và không thể đảo ngược của Đấng Sáng Lập. Ý muốn này đã được cắt nghĩa một cách có thẩm quyền bởi Tổng Tu Nghị Đặc Biệt XX của Tu Hội SDB (các số 732, 734, 742, và 743): “1) Chúng ta biết mình là sợi dây liên kết chắc chắn và vững bền mà Don Bosco đã rõ ràng mong muốn chúng ta thể hiện - như là bảo đảm cho sự hiệp nhất trong cùng một tinh thần, cho hiệu quả tông đồ trong cùng một sứ mạng, và cho sức sống trường tồn của công cuộc mà ngài đã sáng lập, và cho sức mạnh của niềm vui ơn gọi trong việc tái phát động một phong trào rộng lớn và có tổ chức cho phần rỗi của những thanh thiếu niên nghèo hay gặp nguy hiểm. 2) Chúng ta biết chúng ta phải luôn luôn là trung tâm thúc đẩy của phong trào tông đồ này, gồm những người đã chịu phép rửa và theo tinh thần Don Bosco hiến mình hoàn toàn cho việc phục vụ Hội Thánh để cứu rỗi các thanh thiếu niên.”

Theo ý muốn rõ ràng của Đấng Sáng Lập, Tu Hội Salêdiêng có “một vai trò trách nhiệm đặc biệt trong Gia Đình này” - điều 5 *Hiến Luật* SDB nói như thế - đó là “duy trì sự hiệp nhất tinh thần, khích lệ sự đối thoại và hợp tác huynh đệ nhằm làm phong phú cho nhau và đạt hiệu năng tông đồ lớn lao hơn.”

B. Trung thành với tư tưởng của Don Bosco, Tổng Tu Nghị Đặc Biệt đưa ra lời tuyên bố của mình cho các CTV Salêdiêng thông qua Cha Bề Trên Cả lúc ấy là Don Ricceri: “Anh chị em hãy trở thành những cộng sự viên chân thành và vẹn toàn bên cạnh chúng tôi, chứ không phải dưới quyền chúng tôi; vì vậy, anh chị em đừng chỉ là những người hoạt động biết vâng lời và trung thành, nhưng hãy là những người có khả năng nắm giữ trách nhiệm trong công việc tông đồ.” Điều này sẽ cho phép chúng ta “thiết lập ở mọi cấp một mối tương quan huynh đệ chân thực để từ giờ phút này tạo thành phong cách sống Salêdiêng mới trong các cộng đoàn giáo dục và bên ngoài các cộng đoàn ấy.” (*Bollettino salesiano*, tháng 4-1970).

C. Giữa Tu Hội FMA và Hiệp Hội CTV Salêdiêng có các “mối liên kết đoàn sủng đặc biệt”, nhờ một sự tương tác sâu xa và sinh động. Thông qua các Ủy Viên của mình, Tu Hội FMA sinh động hoá các

Trung Tâm được thiết lập gần các công cuộc của họ, theo cách hoàn toàn tương tự với cách của các Ủy Viên SDB. Trên cơ sở này, Tu Hội Con Đức Mẹ Phù Hộ các Giáo Hữu trực tiếp đi vào đời sống và sinh hoạt của nhiều Trung Tâm và tổ chức của Hiệp Hội ở các cấp khác nhau, thông qua sự tham dự của các Ủy Viên của họ.

Từ năm 1953, các chị FMA đã trực tiếp sinh động hoá các Trung Tâm CTV Salêdiêng. Mỗi tương quan giữa các Ủy Viên SDB và các Ủy Viên FMA được hướng dẫn bởi tinh thần huynh đệ Salêdiêng và bởi các qui tắc chứa đựng trong *Kế Hoạch Đời Sống Tông Đồ*. Bắt đầu từ năm 1970, đã có một bản thoả thuận qui định mối tương quan giữa các Ủy Viên SDB và FMA trong việc sinh động hoá Hiệp Hội CTV. Từ 2007 trở đi, Hiệp Hội này đã có một thoả thuận với các Ủy Viên SDB và FMA thông qua Cha Bề Trên Cả, và ngài đã uỷ quyền cho Bề Trên Tổng Quyền của Tu Hội FMA về các thể thức cung cấp việc phục vụ sinh động hoá của họ trong Hiệp Hội.

Các điều khoản của thoả thuận này đề cập đến các vấn đề sau: nhiệm vụ hai Tu Hội phải giữ, liên quan đến các trách nhiệm của họ, *Kế Hoạch Đời Sống Tông Đồ* của Hiệp Hội; đời sống của các Trung Tâm; việc sáp nhập hay giải thể các Trung Tâm; sự hiểu biết và hợp tác giữa các Trung Tâm gần nhau; và tư cách thuộc về các Tỉnh hay Nhóm

Tĩnh liên hệ. Về các Ủy Viên: việc bổ nhiệm các Ủy Viên; mối tương quan giữa họ với các Trung Tâm và các Hội Đồng; việc bổ nhiệm các Ủy Viên SDB và FMA vào Hội Đồng Thế Giới và vào SEM (Văn Phòng Tổng Thư Ký) – từ phía Cha Bề Trên Cả khi liên quan đến các hội viên SDB và từ phía Mẹ Bề Trên Tổng Quyền khi liên quan đến các chị FMA; và thẩm quyền của Cha Bề Trên Cả và của Mẹ Bề Trên Tổng Quyền trong việc cắt nghĩa điều khoản liên quan đến các Ủy Viên.

ĐIỀU 26. Việc phục vụ tông đồ của các Ủy viên

§1. Trong Hiệp Hội, các Ủy Viên ở bất kỳ cấp nào cũng đều là thành viên đương nhiên trong Ban Cố Vấn của cấp ấy và có quyền bỏ phiếu; họ bảo đảm “mỗi dây hiệp nhất chắc chắn và vững bền” với tinh thần Salêdiêng, và chia sẻ kinh nghiệm thiêng liêng và đặc sủng của Đáng Sáng Lập.

Trong sự trung thành sáng tạo đối với Don Bosco, họ cống hiến phần đóng góp chuyên biệt của họ, kể cả tham gia nhiệm vụ làm các quyết định trong Hiệp Hội.

§2. Họ sinh động hoá các Cố Vấn trong các trách nhiệm và ủng hộ tính tự chủ về mặt tổ chức trong sự hiệp thông với Tu Hội Salêdiêng và Tu Hội Con Đức Mẹ Phù Hộ các Giáo Hữu.

§3. Họ phục vụ trong việc hướng dẫn thiêng liêng, giáo dục và mục vụ để nâng đỡ một hoạt động tông đồ hiệu quả hơn của các CTV Salêdiêng trong khu vực của họ.⁴¹

41 *Salesian Cooperators: A Practical Way... V, 5.*

DIỄN GIẢI

Các chủ đề chính

1. Họ là ai.
2. Vai trò của các Ủy Viên SDB và FMA.
3. Các lãnh đạo ở các cấp khác nhau.

Các ý tưởng nòng cốt

A. Các Ủy Viên là những hội viên của Tu Hội Salêdiêng và Tu Hội Con Đức Mẹ Phù Hộ các Giáo Hữu. Họ là thành phần của Hội Đồng, làm việc chung và có trách nhiệm, với một nhiệm vụ cụ thể: đào luyện Salêdiêng cho các Cộng Tác Viên. Vì thế, theo các qui tắc của Vaticanô II, Ủy Viên phải: được đào tạo cho công việc này; trung thành với giáo huấn và tinh thần của Hội Thánh; có khả năng vun trồng đời sống thiêng liêng của giáo dân và tinh thần tông đồ của họ; có khả năng tư vấn khôn ngoan cho giáo dân, giúp đỡ họ trong các công cuộc tông đồ của họ và khích lệ các sáng kiến của họ; biết đối thoại với họ để giúp cho hoạt động tông đồ của họ đạt hiệu quả; và là những người biết trân trọng các công cuộc tông đồ của giáo dân và cổ vũ các công cuộc này. Đặc biệt khuyến các tu sĩ hiến thân với một tinh thần luôn sẵn sàng và cổ vũ các công cuộc của giáo dân theo tinh thần và các qui tắc riêng của họ.

B. Các Uỷ Viên được kêu gọi kích thích sức sống trong Hiệp Hội. Họ làm việc này bằng cách nhắc nhở các CTV chú ý tới:

- bản chất và mục đích của Nhóm trong tư cách là một Nhóm của Hội Thánh;
- các lý do để thuộc về Hiệp Hội, chia sẻ trách nhiệm, và các nhiệm vụ chuyên biệt của mỗi vai trò khác nhau;
- phong cách quản trị riêng;
- tính trung thực Salêdiêng;
- dân thân và nhiệm vụ tông đồ; và
- sống linh đạo *Da mihi animas, coetera tolle*.

Ưu tiên của công việc sinh động hoá là giúp cả cá nhân người CTV và nhóm lớn lên trong ơn gọi của họ. Nhưng trên hết, các Uỷ Viên phải ý thức rằng hành động sinh động hoá của họ có mục đích làm cho các CTV – trước hết là các lãnh đạo – “lớn lên”, bằng cách giúp họ khám phá ra các khả năng của họ và sử dụng chúng để phục vụ người khác.

Ngoài ra, các Uỷ Viên là sợi dây hiệp thông kết nối giữa Cộng Đoàn tu sĩ và các CTV Salêdiêng. Nhiều khó khăn xảy ra giữa các CTV và các tu sĩ là do thiếu sự trao đổi, dẫn đến tình trạng không thoải mái với nhau. Uỷ Viên tạo điều kiện để có các mối tương quan huynh đệ và tông đồ giữa Cộng Đoàn tu sĩ và Hiệp Hội.

▪ Đồng trách nhiệm về việc đào luyện tông đồ Salêdiêng.

Ủy Viên được định nghĩa là đào luyện viên trong các khía cạnh Salêdiêng và tông đồ. “Đào luyện viên” là thuật ngữ thích hợp nhất đối với chức năng của họ. Họ là một người linh hướng, người hướng dẫn cầu nguyện, và người hướng đạo trong công việc tông đồ. Họ phải là một chuyên gia trong các lãnh vực sau đây, và chăm sóc các lãnh vực này trong tinh thần đồng trách nhiệm với Hội Đồng và với vị Cộng Tác Viên đặc trách đào luyện:

- sự đào luyện nhân bản của các CTV;
- sự đào luyện Kitô giáo và đào luyện Hội Thánh của họ; và
- sự đào luyện Salêdiêng của họ.

Don Bosco muốn Hiệp Hội phải nổi bật về đức ái hoạt động - mà tâm điểm là *Da mihi animas, coetera tolle* - trong một sự dấn thân không mệt mỏi cho phần rỗi của giới trẻ và trong việc tìm kiếm tính nội tâm tông đồ. Sự hiện diện của Ủy Viên phải bảo đảm tính Salêdiêng và sự dấn thân tông đồ của cá nhân CTV và của Hiệp Hội. Họ không chỉ thi hành nhiệm vụ vào những lúc đào luyện chuyên biệt chính thức (vd., những lúc linh hướng và hội họp lên kế hoạch) nhưng cả trong bầu khí huynh đệ tin cậy lẫn nhau và trong các hoàn cảnh bên ngoài của đời sống cầu nguyện và hiệp thông.

Các Ủy Viên cấp tỉnh và thế giới - và các Ủy Viên tu sĩ [SDB và FMA] - có nhiệm vụ giúp đỡ và sinh động hoá việc phục vụ đào luyện của các Ủy Viên khác. Các Ủy Viên, trong tư cách thành viên các Hội Đồng các cấp, tham dự vào việc lấy các quyết định và góp phần mình vào tiến trình phân định. Bỏn phận hiện diện tại các phiên họp của Hội Đồng bắt nguồn từ lý do này, chứ không phải vì đó là nhiệm vụ riêng của Điều Phối Viên và Hội Đồng hay của vị chủ tọa phiên họp. Ngoài ra, các Ủy Viên tỉnh và thế giới thăm viếng các Trung Tâm CTV thuộc quyền của họ, đặc biệt để chăm lo cho hành trình đào luyện của các trung tâm này.

C. Việc bổ nhiệm các Ủy Viên được thực hiện:

- đối với cấp tỉnh và cấp địa phương: bởi Giám Tỉnh sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội Đồng CTV có liên quan;
- đối với cấp vùng: bởi Bề Trên Vùng cho SDB và bởi Hội Đồng Liên Tỉnh cho FMA; và
- đối với Hội Đồng Thế Giới: bởi Bề Trên Cả cho các hội viên SDB và bởi Bề Trên Cả dựa trên đề cử của Mẹ Tổng Quyền cho các hội viên FMA.

▪ ***Ủy Viên giáo dân và Ủy Viên linh mục triều: một trường hợp đặc biệt***

Khi một Trung Tâm không được thiết lập tại một công cuộc của SDB hay FMA, Giám Tỉnh SDB có thể chỉ định một CTV có sự chuẩn bị thích hợp làm Ủy Viên. Hiện nay đang có những CTV làm Ủy Viên. Những người đầu tiên được nghĩ tới cho nhiệm vụ này là các CTV linh mục triều hay các CTV phó tế vĩnh viễn, vì sự đào luyện thần học và mục vụ của họ. Nhưng không loại trừ các CTV giáo dân được chuẩn bị thích hợp cũng có thể được chỉ định cho nhiệm vụ này. Điều kiện cần cho loại Ủy Viên này là sự chuẩn bị, đặc biệt về tinh thần Salêdiêng và hoạt động tông đồ. Việc bổ nhiệm này được thực hiện bởi Giám Tỉnh SDB theo cùng một qui trình giống như đối với các Ủy Viên là hội viên SDB.

Khi bổ nhiệm một người CTV làm Ủy Viên, nên có sự tham khảo với giám mục của địa phương nơi Trung Tâm được thiết lập theo phép của ngài. Trong tư cách một CTV làm Ủy Viên, họ phải được mời tham dự các cuộc họp Ủy Viên Tỉnh. Các Ủy Viên không phải là tu sĩ SDB hay FMA thì thực thi vai trò của mình giống như các Ủy Viên là SDB và FMA, ngoại trừ các chức vụ dành riêng cho chức linh mục—nếu Ủy Viên là giáo dân. Điều quan trọng là Ủy Viên giáo dân tôn trọng vai trò riêng của Điều Phối Viên và của các thành viên khác của

Hội Đồng và tránh ôm đồm các trách nhiệm thuộc vai trò của các người khác. Việc họ là giáo dân và cũng là Ủy Viên không cho phép họ đặt mình vào địa vị cao hơn các thành viên khác của Hội Đồng.

CHƯƠNG V

VIỆC GIA NHẬP VÀ ĐÀO LUYỆN CỦA CTV SALÊDIÊNG

*“Xin Chúa cho tình thương của anh em
đối với nhau và đối với mọi người
ngày càng thêm đậm đà thắm thiết,
cũng như tình thương của chúng tôi
đối với anh em vậy. Như thế,
Chúa sẽ cho anh em được bền tâm vững chí,
được trở nên thánh thiện,
không có gì đáng chê trách,
trước nhan Thiên Chúa là Cha chúng ta...”*

(1 Tx 3:12-13)

Sau khi xin Thiên Chúa cho phép trở lại giáo đoàn Thêxalônica để gặp những người mà ngài đã viết thư cho, Thánh Phaolô cầu xin Thiên Chúa cho họ: “Xin Chúa cho tình thương của anh em đối với nhau và đối với mọi người ngày càng thêm đậm đà thắm thiết, cũng như tình thương của chúng tôi đối với anh em vậy.” (1 Tx 3:12). Họ đã cho thấy bằng chứng tình yêu thắm thiết của họ, nhưng con đường

vẫn còn dài ở phía trước. Mục tiêu lời chuyển cầu này của ngài là sự trưởng thành và dồi dào tình yêu của họ đối với nhau và đối với mọi người; Thánh Phaolô còn lấy tình yêu của chính ngài đối với họ làm mẫu mực - một tình yêu tự hiến hoàn toàn và một sự chăm sóc ân cần và chín chắn.

Sau đó Phaolô có thêm một yêu cầu khác có liên quan tới yêu cầu trên vì nó nói lên lý do của ngài: “cho anh em được bền tâm vững chí, được trở nên thánh thiện, không có gì đáng chê trách, trước nhan Thiên Chúa là Cha chúng ta, trong ngày Đức Giêsu, Chúa chúng ta, quang lâm cùng với các thần thánh của Người.” (1 Tx 3:13). Ở đây cái nhìn được tập trung vào giờ phút “quang lâm lần thứ hai” (*Parousia*) của Chúa Giêsu, cùng với các thần thánh của Ngài; nghĩa là cùng với đạo binh các thiên thần. Vì sự kiện này, Phaolô xin Chúa kiên cường lòng trí những người đã lãnh nhận bí tích Rửa Tội để họ nên thánh thiện, không có gì đáng trách. Điều này phải diễn ra “trước nhan Thiên Chúa Cha.” Một tình yêu huynh đệ được mở ra cho mọi người, kể cả những người không thuộc về cộng đoàn, nó là sự chuẩn bị và bảo đảm tốt nhất cho cuộc hội ngộ quyết định vào ngày tận thế. Vì vậy, việc chờ đợi ngày đến lần của cùng của Đức Kitô không phải là “đứng quanh không làm gì” nhưng là một sự dấn thân để xây dựng những mối quan hệ mới dựa trên yêu thương. Trong lời nguyện này, là lời nguyện kết thúc phần đầu của lá thư, chúng ta

thấy nổi bật các thái độ của tình yêu, sự thánh thiện và nếp sống không có gì đáng chê trách.

Đối với người CTV Salêdiêng cũng thế, việc thuộc về Hiệp Hội phải kích thích nơi họ một năng động mới giúp họ liên tục tăng trưởng trong mối quan hệ với Thiên Chúa và với anh chị em mình. Ân huệ hoàn toàn cho không của Thiên Chúa không loại trừ sự hợp tác, trái lại, nó đòi hỏi sự hợp tác. Nói cách khác, Thiên Chúa không sử dụng con người như một dụng cụ thụ động; trái lại, việc Ngài can thiệp có mục đích trước hết là giúp con người thể hiện tự do và tính sáng tạo của họ. Tình yêu thương và gắn bó trung thành với Đức Kitô và với cộng đoàn là con đường chính dẫn tới sự phát triển toàn diện của con người. Tất cả những điều trên đòi hỏi một hành trình đào luyện.

Tự bản chất, tiếng Chúa kêu gọi một người làm CTV Salêdiêng không có nghĩa là người ấy ngay từ đầu đã có đầy đủ tất cả những yếu tố cần thiết mà ơn gọi này đòi hỏi; nó cũng không có nghĩa là người ấy đã đang sống đầy đủ các đòi hỏi của ơn gọi này.

Ơn gọi làm CTV Salêdiêng là một lời mời gọi đi vào một cuộc hành trình để phát triển dần dần đời sống của Phép Rửa bằng việc dần dần thể hiện sứ mạng Salêdiêng và sống tinh thần của Don Bosco. Ơn gọi làm một CTV Salêdiêng như thế có căn tính độc đáo, có nội dung phong phú, và có những đòi hỏi gắt gao.

Bên cạnh bộ *Kế Hoạch Đời Sống Tông Đồ* mới, Hiệp Hội đã duyệt lại bản *Các Đường Hướng Dẫn và Chỉ Dẫn cho việc Đào Luyện các CTV Salêdiêng*. Hiểu biết các văn kiện này sẽ giúp tăng cường ý thức thuộc về Hiệp Hội. Cái nhìn tổng thể này cần phải được thích nghi - cho các cá nhân cũng như cho Hiệp Hội - vì *Kế Hoạch Đời Sống Tông Đồ* cũng dành chỗ cho các sáng kiến địa phương để các chương trình đào luyện có thể đáp ứng chính xác hơn các tình hình khác nhau. Để kết luận, đào luyện là một công việc của bản thân: mỗi người chịu trách nhiệm đào luyện mình trong lãnh vực thuộc vai trò và trách nhiệm của mình. Trên thực tế, công việc đào luyện này không đòi hỏi điều gì vượt quá khả năng thực hiện của một người với lòng quảng đại.

Chương này vạch ra lộ trình ơn gọi mà mỗi cá nhân CTV phải đi để căn tính của một tông đồ Salêdiêng giáo dân có thể trưởng thành. Lộ trình này đi theo ba giai đoạn nối tiếp nhau:

- Một sự chuẩn bị trước và thích hợp;
- gia nhập Hiệp Hội bằng việc tuyên *Lời Hứa*; và
- trung thành hằng ngày và tiêm tiến với ơn gọi của mình và với các cam kết của ơn gọi.

Lộ trình này được nâng đỡ và sinh động hoá nhờ một ý thức sống động và sâu xa về sự thuộc về Hiệp Hội.

ĐIỀU 27. Gia nhập Hiệp Hội

§1. Cam kết trở thành một CTV Salêdiêng đòi hỏi một sự chọn lựa cá nhân, tự do, tiệm tiến và trung thực, được hoàn thiện dưới tác động của Chúa Thánh Thần và sự đồng hành của những người có trách nhiệm trong công việc này.

Người muốn trở nên thành viên của Hiệp Hội chấp nhận một tiến trình đào luyện với đầy đủ các điểm cơ bản của Kế Hoạch Đời Sống Tông Đồ và lưu tâm tới kinh nghiệm bản thân của ứng viên. Bằng cách này, một cơ chế đào luyện thích hợp được bảo đảm trong khi vẫn được cá thể hoá. Kế hoạch đào luyện cá thể này sẽ được thích nghi bởi những người chịu trách nhiệm thực thi vai trò này trong Hiệp Hội.

§2. Khi ứng viên đã đạt tới mức hấp thu đủ đoàn sủng Salêdiêng, như được nhìn nhận bởi những người hữu trách tại Trung Tâm địa phương, đương sự sẽ nộp đơn xin tiếp nhận. Ứng viên phải đã đạt tuổi pháp lý.

§3. Tư cách thành viên của Hiệp Hội bắt đầu với việc đích thân tuyên Lời Hứa Tông Đồ, qua đó ứng viên diễn tả ý muốn sống các cam kết của Phép Rửa trong ánh sáng của Kế Hoạch Đời Sống Tông Đồ.

DIỄN GIẢI

Các chủ đề chính

1. Các khía cạnh của sự chọn lựa và thuộc về.
2. Đào luyện: Đào luyện ban đầu và đào luyện thường xuyên.

Các ý tưởng nòng cốt

Điều kiện cơ bản cần có để trở thành một CTV Salêdiêng: sự chọn lựa tự do. Cách nói này nghe có vẻ là đương nhiên nhưng nó buộc chúng ta suy nghĩ về ý nghĩa của “tự do chọn lựa” là gì. Nó có nghĩa là kiểm chứng các điều kiện của sự chọn lựa này không chỉ ngay từ đầu nhưng còn trong suốt dòng đời, và vì thế các tính từ “trung thực và tiêm tiến” đã được thêm vào.

Nếu đúng là sự dẫn thân của người CTV là để đáp lại một ơn gọi (Điều Lệ, điều 2), thì cũng cần thiết là đương sự cảm thấy và biết rằng mình được gọi vào một đời sống đức tin qua một tiếng gọi của Chúa Thánh Thần từ bên trong và thường là qua trung gian của những con người (SDB, FMA, CTV) và tiếng gọi này đã hiện diện ngay lúc bắt đầu có sự chọn lựa tự do. Ban đầu, đương sự tự hỏi mình, “Cần phải làm gì để trở thành một CTV Salêdiêng?” Chung chung, câu trả lời là hợp tác và biến kế hoạch giáo dục và mục vụ của Don Bosco

thành hành động. Nhưng cũng có những thảo luận cơ bản phức tạp hơn: làm CTV Salêdiêng có nghĩa là sống một nếp sống phù hợp với Tin Mừng, tham gia vào sứ mạng của Hội Thánh, và sống đời sống đức tin trong cuộc sống hằng ngày một cách dân thân và cố gắng. Do đó, ngoài khía cạnh “làm,” khía cạnh “sống” cũng được nhấn mạnh: chấp nhận Thiên Chúa là Cha, gặp gỡ Chúa Kitô, Con Một của Người, và sống kết hiệp với Chúa Thánh Thần. Từ đó, đương sự hiểu rằng sự chọn lựa này đạt được một chiều kích nội tâm sâu xa, không chỉ dựa trên hành động vì lợi ích của giới trẻ nghèo mà còn dựa trên việc sống Tin Mừng hoàn toàn.

Trên cơ sở này, cần có sự chấp nhận một chương trình đào luyện tiệm tiến, kết quả của sự trải nghiệm. Nó là một con đường giúp đương sự khám phá ra rằng giá trị thật của một con người hệ tại chất lượng nếp sống Kitô giáo của người ấy, và “con người thể hiện hoàn toàn” là một “thánh nhân” chứ không phải một “nhân vật nổi tiếng” theo quan điểm nhân loại, lịch sử.

Trong tiến trình trưởng thành, việc đào luyện đóng một vai trò quan trọng: việc đào luyện ban đầu dựa trên các cuộc gặp gỡ trong đó các đào luyện viên tìm cách giúp đương sự đào sâu sự hiểu biết và nhận thức của mình về đoàn sủng Salêdiêng, về các giáo huấn của Hội Thánh và của Salêdiêng, cũng như trải nghiệm đời sống với các CTV trong Hiệp

Hội - sự trải nghiệm này có ảnh hưởng to lớn và đóng một vai trò quan trọng trong đào luyện bởi vì chính cuộc đời là cái đào luyện chúng ta. Vì thấy rằng chúng ta luôn luôn được mời gọi hoán cải con tim và sửa chữa các hành vi của mình trong ánh sáng Tin Mừng, cho nên chúng ta cũng được tăng cường sức mạnh nhờ các anh chị em đang chia sẻ cùng một con đường với chúng ta. Mặc dù việc đáp lại ơn gọi là công việc của một cá nhân, nhưng chắc chắn rằng con đường phát triển và trưởng thành sẽ được nâng đỡ từ các cuộc gặp gỡ nhau, và cởi mở chia sẻ cho nhau những khó khăn, nghi nan, thành công và kinh nghiệm. Vì lý do này, mỗi CTV Salêdiêng được mời gọi đảm nhận tiến trình đào luyện bản thân suốt đời mình, trong sự tăng trưởng liên tục, và trong việc đào sâu đời sống nội tâm của mình trong ánh sáng Lời Chúa và phù hợp với *Kế Hoạch Đời Sống Tông Đồ*.

Đạt tới điểm *Tuyên Hứa* là mục tiêu đầu tiên đương sự đạt được sau khi đã ý thức trọn vẹn về các cam kết cần thiết của một thành viên và của một người thuộc về Gia Đình Salêdiêng. Đây là thời điểm mà, bằng một hành vi công khai, ứng viên thực hiện quyết định hiến thân cho một lý tưởng mình hướng tới sau khi đã trải qua một chặng đường đào luyện ban đầu và trưởng thành nội tâm.

Tuyên Hứa cũng được hiểu như là một hành vi khiêm nhường phó thác mình cho Chúa: trong khi ý

thức sự mỏng giòn của mình, mỗi ứng viên cậy dựa vào lòng thương xót của Chúa Cha, tình yêu cứu độ của Chúa Con, các Ân của Chúa Thánh Thần, và sự chuyển cầu mạnh mẽ của Đức Maria. Ứng viên cũng ý thức rằng việc họ được mời gọi vào Hiệp Hội sẽ nâng đỡ và tăng sức cho họ trong hành trình cuộc đời họ, và vì thế, họ sẽ sống tinh thần thuộc về Hiệp Hội trong niềm vui và sẽ phục vụ người khác với thái độ mau mắn.

ĐIỀU 28. Giá trị của tư cách thành viên

§1. Các CTV Salêdiêng ý thức rằng tư cách thành viên trong Hiệp Hội nuôi dưỡng kinh nghiệm đức tin của họ và của cộng đoàn Hội Thánh. Hơn nữa, nó là một yếu tố nâng đỡ ơn gọi tông đồ của mình.

§2. Tư cách thành viên đòi hỏi những dấu hiệu cụ thể được diễn tả cả trong việc tham gia tích cực vào đời sống của Hiệp Hội cũng như trong cung cách xức hợp của thành viên trong đời sống hằng ngày và nghề nghiệp của họ.

DIỄN GIẢI

Chủ đề chính

Tư cách thành viên: giá trị hình thức và giá trị thiêng liêng

Các ý tưởng nòng cốt

Thuộc về bất cứ Hiệp Hội nhân loại và xã hội nào cũng đều giả thiết một số khía cạnh hình thức được thực hiện qua việc đặt một câu hỏi, việc được

tiếp nhận bởi cơ cấu tổ chức của Hiệp Hội, và bởi việc kết nạp thành viên mới vào trong đời sống và hoạt động của Hiệp Hội. Một số yếu tố hình thức cũng được tôn trọng đối với người CTV Salêdiêng: ứng viên xin được tiếp nhận vào một Trung Tâm địa phương và qua đó vào một Tỉnh/Nhóm Tỉnh. Sau một giai đoạn đào luyện ban đầu, ứng viên được nhìn nhận là thích hợp sẽ tuyên *Lời Hứa* chính thức trong một nghi lễ công khai và vào Hiệp Hội.

Bên cạnh các khía cạnh hình thức này, các thực tại khác cũng có giá trị riêng của chúng. Trước tiên là khía cạnh ơn gọi. Nếu trở thành một CTV Salêdiêng là đáp lại một tiếng gọi từ Chúa, thì điều rất quan trọng trong cuộc đời thành viên trong Hiệp Hội là không bao giờ được quên rằng sáng kiến đến từ Thiên Chúa. Điều này được ghi khắc trong ý muốn của đương sự là đi theo Đức Kitô theo gương sáng chói ngời mà hình ảnh của Don Bosco đã tác động trên ứng viên. Nó được nhận ra trong cùng một tình yêu say mê đối với các thanh thiếu niên nghèo khổ, bị bỏ rơi và ở ngoài lề xã hội mà ứng viên muốn hiến dâng cho các em hành động giáo dục của mình và làm chứng cho các em với tư cách là một Kitô hữu xác tín. Chính vì lý do này mà mọi CTV Salêdiêng chia sẻ tình yêu giới trẻ của mình với những người khác đang được đoàn sủng của Don Bosco lôi cuốn và cảm thấy rằng mình là một thành viên trọn vẹn của cùng một Gia Đình thiêng liêng.

Tư cách thuộc về Hiệp Hội mang theo nhiều hệ lụy. Nó bao hàm một cuộc đời hiệp thông với những thành viên khác, chia sẻ cùng một tinh thần, và hợp tác trong một sứ mạng chung được chuyển thành hành động thích hợp để đáp ứng các nhu cầu của một nơi, một khu vực, hay một lãnh thổ. Nó được diễn tả bằng sự tham gia vui tươi và tích cực vào các sáng kiến quan trọng cũng như các công việc đơn sơ hơn trong cuộc sống hằng ngày. Sự trung thành này được chứng tỏ bằng việc hiện diện trong các cuộc hội họp hằng tháng và trong các cuộc gặp gỡ cấp tỉnh và quốc gia mà ở đó tính “hữu hình” của Hiệp Hội đóng một vai trò lớn. Ngoài ra, sự hiệp thông giữa tất cả các CTV Salêdiêng khiến cho mỗi người cảm thấy mình là một bộ phận của cùng một “thân thể” sống động - giống như trong Hội Thánh, trong đó mọi người đã rửa tội sống tư cách thành viên của mình như là những anh chị em trong Chúa Kitô. Việc coi mình là một phần của một thực tại năng động đang liên tục tăng trưởng sẽ cho phép mình “mơ giấc mơ lớn,” trao đổi các kinh nghiệm làm cho nhau thêm phong phú, và vạch ra những kết hoạch mục vụ quan trọng cho khu vực của mình đồng thời ý thức rằng mình không bao giờ cô đơn nhưng có thể dựa nhiều vào tình huynh đệ thiêng liêng và nhân loại. Các mối dây hiệp thông này cũng phải được tăng cường qua việc quyết tâm kiên trì cầu nguyện, được thực hiện qua sự phó thác hằng ngày của Hiệp Hội vào lòng thương xót của Thiên Chúa và sự hướng dẫn mẫu tử của Đức Mẹ,

cũng như trong việc chia sẻ những giờ phút suy tư tại Trung Tâm, trong Hi Tế Thánh Lễ, và trong việc thờ lạy Thánh Thể - tất cả những việc này giúp gia tăng tình huynh đệ và làm nhẹ bớt những khó khăn không thể tránh trong các mối quan hệ giữa con người với nhau vốn rất thường xuyên dẫn đến những mối căng thẳng và hiểu lầm.

Kết quả quý giá nhất của sự thuộc về trọn vẹn là niềm vui: niềm vui không phải là sự vui tính bề ngoài chóng qua nhưng là một thái độ sâu xa được tháp nhập vào gốc rễ của nó và tìm thấy gốc rễ ấy trong việc chia sẻ đức tin và được thể hiện trong các công cuộc vì lợi ích giới trẻ.

ĐIỀU 29. Các trách nhiệm và sáng kiến liên quan đến Đào luyện

§1. Các CTV Salêdiêng là những người đầu tiên chịu trách nhiệm về sự đào luyện nhân bản, Kitô hữu, Salêdiêng, và nghề nghiệp của chính họ.

§2. Hiệp Hội cổ vũ và nâng đỡ việc đào luyện cá nhân và nhóm qua hành động của các CTV Salêdiêng có trình độ, các Ủy Viên, và các thành viên khác của Gia Đình Salêdiêng.

DIỄN GIẢI

Các chủ đề chính

1. Trách nhiệm và chiều kích của việc đào luyện.
2. Các sáng kiến cho việc đào luyện.

Các ý tưởng nòng cốt

Người CTV Salêdiêng là người đầu tiên chịu trách nhiệm về sự đào luyện của chính mình. Hiệp Hội nâng đỡ họ trong việc đào luyện bản thân và trong việc đào luyện nhóm. Liên quan đến việc đào luyện, phải lưu ý tới ba chiều kích sau đây:

1. *Nhân bản và chuyên nghiệp*: Người CTV Salêdiêng đón nhận tình trạng ơn gọi của bậc sống riêng của họ do bởi Phép Rửa và lời mời gọi “Hãy theo Thầy” của việc *Tuyên Hứa*. Với việc *Tuyên Hứa* này, họ dấn thân với tinh thần trách nhiệm vào một hành trình đào luyện thường xuyên trong đức tin để nuôi dưỡng và tăng trưởng ơn gọi của họ dọc theo tiến trình liên tục của nhiều đổi thay khác nhau trong một xã hội đang trở nên ngày càng phức tạp hơn.

2. *Đào luyện Kitô hữu*: Trên mọi sự, CTV Salêdiêng phải thực hành một đời sống đức tin “cá vị” của sự gắn bó với Đức Giêsu và Hội Thánh, giống như cành cây gắn liền với thân nho và được nuôi dưỡng bởi đức tin “năng động” của Hội Thánh. Trên thực tế, sự tăng trưởng không thể được thực hiện đơn độc một mình và sống bên ngoài cộng đoàn đông đảo các tín hữu; trái lại, nó là một lời đáp tích cực của cộng đoàn cho ba tiếng gọi không thể tách rời nhau vẫy gọi chúng ta tới mạch nước là chính Chúa. “Hãy đến!” “Hãy nghe!” “Hãy đi!”

3. *Đào luyện Salêdiêng*: Đoàn sủng của Don Bosco, Đấng Sáng Lập, và việc mục vụ trong vai trò của người giáo dân được bảo đảm cho các Hội Đồng và các CTV nhờ việc chia sẻ kinh nghiệm mà các CTV đã trải qua (các cuộc hội họp, gặp gỡ, suy tư, đọc sách, v.v...); nhờ các tài nguyên đào luyện do Hiệp Hội tạo ra để giúp tăng trưởng

và được thực hiện bởi các CTV Salêdiêng có chất lượng, các Ủy Viên, các thành viên khác của Gia Đình Salêdiêng; và cũng nhờ sự dấn thân của họ cho việc phục vụ tông đồ được nâng đỡ và theo dõi bởi Trung Tâm của họ, với sự chú ý đặc biệt dành cho giới trẻ và người nghèo.

ĐIỀU 30. Trung thành với các cam kết đã làm

§1. Với việc Tuyên Hứa tông đồ, người CTV Salêdiêng đáp lại một ơn gọi kéo dài suốt đời mình. Họ diễn tả ơn gọi ấy trong cuộc sống hằng ngày bằng chứng tá, việc tông đồ và các hình thức phục vụ khác nhau. Họ hiến mình cho việc phục vụ Hội Thánh một cách sẵn sàng, sống đoàn sủng Salêdiêng một cách trung thực. Họ dấn thân cộng tác vào các sáng kiến được khởi xướng bởi các tổ chức dân sự, tôn giáo và giáo hội khác. Sự trung thành của mỗi người được nâng đỡ bởi tình thương và tình liên đới của các thành viên khác của Hiệp Hội và của Gia Đình Salêdiêng.

§2. Để tăng cường giá trị của tư cách thuộc về Hiệp Hội - và qua Hiệp Hội, thuộc về toàn thể Gia Đình Salêdiêng - các cam kết mà các thành viên đã đảm nhận khi Tuyên Hứa tông đồ sẽ được lặp lại theo các thể thức thích hợp nhất, như được qui định bởi Qui Chế.

DIỄN GIẢI

Các chủ đề chính

1. Cam kết và nhiệm vụ tông đồ
2. Sự trung thành

Các ý tưởng nòng cốt

A. Làm CTV Salêdiêng đòi hỏi một lời đáp tự do cho ơn gọi dựa trên tiếng gọi gắn bó với các lời hứa của Phép Rửa và với kế hoạch tông đồ mà Don Bosco mong muốn. Cho suốt đời mình, cam kết tông đồ và sự trung thành của người CTV Salêdiêng ràng buộc chặt chẽ với nhau và đạt được hiệu quả đầy đủ trong việc đáp lại ân huệ nhận được từ Chúa cho Hội Thánh. Vì ý thức rằng làm CTV Salêdiêng không phải là một tước hiệu để được vinh danh, và ý thức rằng nó phù hợp với các khả năng và hoàn cảnh của mỗi cá nhân, cho nên các CTV:

- sống đức tin và đời sống thiêng liêng của mình với sự hiểu biết rằng hai yếu tố này không thể tách rời khỏi đời sống hằng ngày;
- sống Tin Mừng của Đức Kitô và hấp thu tinh thần Salêdiêng và phương pháp giáo dục của Don Bosco;
- dẫn mình vào Hội Thánh và Hiệp Hội với

sự sẵn sàng và thái độ phục vụ cả trong giáo xứ và giáo phận;

- đặc biệt coi trọng việc tham gia và nâng đỡ sự phát triển việc mục vụ của Hội Thánh; và
- làm chứng bằng việc bảo vệ đức tin theo cách thức Salêdiêng, như những tông đồ truyền giáo đích thực trong các trách nhiệm Kitô hữu của họ trong gia đình, nơi làm việc và trong các bốn phận xã hội và công dân của họ.

B. Các CTV Salêdiêng nâng đỡ lẫn nhau, hiệp nhất với nhau trong hành trình đức tin, trong sự dấn thân và phát triển các khả năng nhân bản, cá nhân, thiêng liêng và tông đồ của mình trong việc:

- trung thành với các bốn phận được yêu cầu của Gia Đình Salêdiêng bằng việc tạo dựng các môi trường sống và các cộng đoàn sinh động để phục vụ giới trẻ nghèo theo cung cách của Don Bosco. Trong tinh thần giáo dục, họ đem ra thực hành sự cảm thông của Đức Giêsu và trái tim của Don Bosco;
- trung thành với Hội Thánh, với cộng đoàn tu sĩ, và với Trung Tâm của họ, bằng việc sống các Lời Hứa của Phép Rửa và *Lời*

Hứa CTV của họ là trung thành với ơn gọi, với một căn tính rõ rệt trong Gia Đình Salêdiêng;

- trung thành với sứ điệp đích thực của Lời Chúa, là sứ điệp kêu gọi chúng ta đề kháng văn hoá bằng cách giữ lập trường chống lại trào lưu tư tưởng của xã hội hiện đại đang muốn áp đặt và đề cao chủ nghĩa cá nhân và chủ nghĩa phóng túng;
- trung thành với Thiên Chúa, không phải là thứ trung thành vị kỷ, nhưng vị tha, dựa trên niềm tin rằng Thiên Chúa luôn luôn là Cha chúng ta, trong mọi hoàn cảnh của đời sống mỗi người: thành công và thất bại, sa ngã và trỗi dậy;
- trung thành với đời sống Kitô hữu đã khởi sự trong Phép Rửa. Chúa nhân từ, luôn sẵn sàng tha thứ và kiên cường đức tin của chúng ta;
- trung thành với Don Bosco, vị hướng đạo và thầy dạy thiêng liêng của chúng ta. *Kế Hoạch Đời Sống Tông Đồ* vạch ra cho chúng ta con đường hiện thực hoá những lời khuyên của Don Bosco, tạo thành một công cụ sư phạm để nên thánh. Nó là một sự trợ giúp chứ không phải một bộ luật; nó không áp đặt nhưng đề nghị; và

- trung thành với việc tuyên lại *Lời Hứa*. Đây là một thời điểm cử hành công khai, ưu việt và giàu ý nghĩa mà chúng ta phải thực hiện một cách có chủ ý theo thể thức được qui định bởi mỗi Hội Đồng. Một thể thức cụ thể được dự liệu cho các CTV Salêdiêng ở xa Trung Tâm: Họ có thể lặp lại *Lời Hứa* với Trung Tâm liên hệ của họ hay vào một lúc khác—được dự liệu bởi Hội Đồng—khi có một số CTV Salêdiêng khác đến thăm họ; tuy nhiên các đường truyền thông luôn luôn mở cho họ để họ có các thông tin về đời sống của Trung Tâm. Luôn luôn phải nhấn mạnh tình thương và kinh nguyện là những yếu tố nối kết họ như là những thành viên của Hiệp Hội và của Gia Đình Salêdiêng.

Vì là nơi lưu giữ các dữ liệu tế nhị, Hội Đồng của Trung Tâm mà người CTV thuộc về ghi lại ngày tuyên lại *Lời Hứa* trong sổ thành viên của Trung Tâm.

ĐIỀU 31. Ra khỏi Hiệp Hội

§1. Người CTV Salêdiêng nào do chọn lựa cá nhân của mình mà có ý thôi là một thành viên của Hiệp Hội thì sẽ viết một tuyên bố về ý định này của mình và gửi cho Hội Đồng địa phương. Hội Đồng địa phương sẽ gửi một bản sao của tuyên bố này lên cho Hội Đồng Tỉnh.

§2. Quyết định thải hồi một thành viên khỏi Hiệp Hội vì các lý do nghiêm trọng phải được thực hiện bởi Hội Đồng Tỉnh, dựa trên yêu cầu chính đáng của Hội Đồng địa phương, trong tinh thần bác ái và minh bạch, sau khi đã kiểm chứng một lối sống không phù hợp với các bốn phận cơ bản như được diễn tả trong Kế Hoạch Đời Sống Tổng Đồ. Quyết định này sẽ được thông báo bằng văn bản cho bên liên quan.

DIỄN GIẢI

Các chủ đề chính

1. Một chọn lựa cá nhân
2. Quyết định thải hồi

Các ý tưởng nòng cốt

Là một sự khích lệ cho người CTV, *Kế Hoạch Đời Sống Tông Đồ* nhắc nhở chúng ta rằng sự cam kết cá nhân của mỗi người trong việc trung thành với ơn gọi của mình cũng bao hàm sự cam kết của các CTV khác và của Gia Đình Salêdiêng.

Bất kể điều gì xảy đến cho họ trong cuộc đời, các CTV sẽ không bao giờ cảm thấy mình cô đơn trước các thực tế và các trách nhiệm này. Họ sẽ luôn luôn tìm thấy những anh chị em CTV sẵn sàng và muốn nâng đỡ họ “bằng tình thương và sự liên đới.” Toàn thể Chương III, “Trong Hiệp Thông và Hợp Tác,” khẳng định điều này. Nếu chúng ta muốn sự bảo đảm này không phải là chữ chết nhưng trở thành một thực tại sống động, thì mỗi một CTV, mỗi một Trung Tâm, và mỗi một Hội Đồng phải ý thức trách nhiệm này và không ngừng canh tân sự ý thức này. Tinh thần huynh đệ phải mạnh và tình thương dành cho nhau phải là thật.

Vì vậy, trung thành với ý muốn của Don Bosco về Gia Đình Salêdiêng tông đồ, các tu sĩ SDB và FMA phải ý thức nhiệm vụ này của mình và phải quan tâm đến nó bằng hành động và sự nâng đỡ hiệu quả cho các anh chị em CTV của họ trên con đường trung thành với ơn gọi.

Các suy tư trên đây giúp chúng ta hiểu rằng chỉ có thể hết thuộc về Hiệp Hội vì *các lý do nghiêm*

trọng, chủ yếu là hai lý do này: một chọn lựa cá nhân của người CTV, hay một quyết định thái hời của Hội Đồng Tỉnh.

A. Một chọn lựa cá nhân

Trong trường hợp thứ nhất, có thể là vì người CTV, bất luận là có lỗi hay không, *tự thâm tâm không còn cảm thấy mình đồng lòng với lý tưởng mình đã chọn trước kia*, và sau khi hiểu rõ tình hình, muốn được giải thoát khỏi các cam kết mình đã thực hiện, ngay cả (và có lẽ, nhất là) các cam kết bên ngoài. Vì họ đã cam kết trước mặt Thiên Chúa và các CTV khác khi họ tuyên *Lời Hứa* và qua đó họ đã gia nhập một Hiệp Hội công của Hội Thánh, nên rất hợp lý khi *Kế Hoạch Đời Sống Tông Đồ* đòi hỏi nơi họ một thái độ hay một sự nghiêm túc: hẳn là họ đã phải chín chắn “một cách nghiêm túc” về quyết định này bằng cách suy nghĩ rằng chọn lựa họ đã làm trước đó hoàn toàn không phải là chuyện nhỏ; và họ phải biểu lộ quyết định mới này bằng một yêu cầu minh nhiên với Hội Đồng Tỉnh, để Hiệp Hội có thể chính thức có thông tin rõ ràng về tình huống mới này.

B. Quyết định thái hời khỏi Hiệp Hội

Trường hợp thứ hai rời bỏ Hiệp Hội thì nghiêm trọng hơn và khá tế nhị: nó không liên quan đến

trường hợp một CTV không còn muốn tham dự vào bất cứ Trung Tâm nào của Hiệp Hội nữa (họ luôn luôn có thể quay về với Hiệp Hội!), nhưng là trường hợp của *một người sống nghịch hẳn với các cam kết mà trước kia họ đã đảm nhận một cách tự nguyện*. Ở đây chúng ta không nói đến một tội lỗi thầm kín nào mà chỉ một mình Thiên Chúa có thể xét đoán, nhưng là những hành vi hiển nhiên, được người khác biết và xác nhận, những hành vi này *gây gương mù công khai* và gây tổn hại nghiêm trọng cho việc chứng tá của Hiệp Hội, và trong trường hợp xấu nhất, làm hại uy tín của chính Hội Thánh. Chúng ta cần phải cầu xin Chúa giữ gìn Hiệp Hội khỏi trường hợp này! Đương nhiên, khi đưa ra quyết định thải hồi này, các thành viên của Hội Đồng phải dựa trên hai thái độ được hướng dẫn bởi *Kế Hoạch Đồi Sống Tông Đồ*. Một đảng, họ phải đối xử với người anh chị em của mình với một “tinh thần bác ái,” nghĩa là với sự tôn trọng, cảm thông và đối thoại; đảng khác, họ phải điều tra tình huống này để có được sự “rõ ràng” - nghĩa là, với óc thực tế, không trì hoãn, và quan tâm đến danh dự của Hiệp Hội, coi việc thải hồi này là một quyết định cần thiết nhưng đau lòng.

ĐIỀU 32. Ý nghĩa và Văn thức Tuyên Hứa tông đồ

§1. Ý nghĩa và mục đích của việc Tuyên Hứa là diễn tả ý định của ứng viên muốn sống Phép Rửa của mình theo Kế Hoạch Đời Sống Tông Đồ. Chính Don Bosco đã đề nghị việc Tuyên Hứa này như là cách diễn tả Ôn Gọi Salêdiêng trong xã hội.

§2. Mẫu Tuyên Hứa

“Lạy Cha, con thờ lạy Cha vì Cha tốt lành và yêu thương mọi người.

Con tạ ơn Cha đã dựng nên con và cứu chuộc con,

đã gọi con làm một phần tử của Hội Thánh Cha,

và trong Hội Thánh,

Cha đã cho con biết đến Gia Đình tông đồ của Don Bosco,

là gia đình sống cho Cha để phục vụ giới trẻ và giới bình dân.

Được tình yêu nhân từ của Cha lôi kéo,

con muốn đáp lại tình yêu của Cha

bằng cách làm việc thiện.

Vì vậy, **CON TUYÊN HỨA**

dấn thân sống Kế Hoạch Đời Sống Tông Đồ của Hiệp Hội Cộng Tác Viên Salêdiêng (trong tư cách một linh mục).

Đó là:

- *là một môn đệ trung thành của Đức Kitô trong Hội Thánh Công Giáo;*
- *làm việc trong Nước Cha, đặc biệt cho sự thăng tiến và phần rỗi giới trẻ;*
- *đào sâu và làm chứng cho tinh thần Salêdiêng;*
- *hợp tác trong các sáng kiến tông đồ của Hội Thánh địa phương,*
trong sự hiệp thông của Gia Đình Salêdiêng.

Lạy Cha, xin ban cho con sức mạnh của Thần Khí Cha

để con biết cách là một chứng nhân trung thành cho các cam kết này.

Xin Mẹ Maria, Phù Hộ các Giáo Hữu, Mẹ Hội Thánh,

trợ giúp và dẫn dắt con trong chọn lựa này của đời con. Amen.”

DIỄN GIẢI

Các chủ đề chính

1. *Tuyên hứa*
2. Các cam kết

Các ý tưởng nòng cốt

Khác với các tổ chức Công Giáo hay các Nhóm khác của Hội Thánh, Hiệp Hội CTV Salêdiêng không chỉ đơn giản phát sinh từ sự quan tâm nhân loại của các Kitô hữu nam nữ, dẫn thân cho một hoạt động tông đồ—cho dù cũng đúng là như thế. Hiệp Hội cũng không phải là kết quả của một sự can thiệp đặc biệt từ phía các giám mục và Đức Thánh Cha, chẳng hạn như trường hợp của Công Giáo Tiến Hành hay các hiệp hội khác vốn phát sinh từ sáng kiến của một vị giáo sĩ.

Hiệp Hội CTV Salêdiêng đã phát sinh và có hướng tồn tại qua thời gian nhờ một hành vi đặc biệt của Chúa Thánh Thần, mà xét theo lịch sử, đã được biểu lộ trước tiên nơi Don Bosco và trong việc sáng lập các Nhóm khác nhau của Gia Đình Tông Đồ của ngài, và rồi được Hội Thánh chấp nhận và phê chuẩn như là một thực tại mới, và sau cùng, trong lịch sử một trăm năm của Gia Đình Salêdiêng, và của các Cộng Tác Viên trong gia đình này. Sự hiện diện chủ động của Chúa Thánh Thần

làm cho Nhóm Cộng Tác Viên Salêdiêng có được diện mạo hay căn tính riêng của nó, và qua sự hợp tác của họ, canh tân nó cho hợp với các dấu chỉ của thời đại.

A. *Tuyên Hứa*

Việc chính thức gia nhập Hiệp Hội diễn ra với việc *Tuyên Hứa*. Tuyên hứa là lời cầu nguyện của một Kitô hữu tốt muốn dẫn thân. Nó là sự diễn tả bằng kinh nguyện, tự do và công khai của một ứng viên “biểu lộ ý muốn sống” như một CTV Salêdiêng. Bằng hành vi này, người CTV Salêdiêng tự nguyện *dẫn thân* đi theo con đường mình đã chọn, đồng thời biết và cảm thấy rằng mình được đồng hành bởi nhiều anh chị em khác, và nhất là, được tăng thêm sức mạnh nhờ Hội Thánh và quyền năng của Chúa Thánh Thần.

Trên hết, tuyên hứa là đạt tới một mục tiêu vui sướng cho người đã trải qua một quá trình đào luyện và đạt tới sự trưởng thành ơn gọi của Phép Rửa theo kế hoạch tông đồ của Don Bosco. Tuyên hứa cũng là điểm xuất phát cho một cuộc đời hiến dâng cho Chúa Kitô vì giới trẻ và giới bình dân.

Hơn nữa, nó là biểu hiện của một *lời đề nghị trung thành* với Thiên Chúa, Đấng kêu gọi họ sống Tin Mừng một cách cụ thể trong Gia Đình

Salêdiêng, và là Đấng đã sinh ra đức ái mục tử trong lòng họ. Ứng viên nhìn nhận quà tặng này, và để tỏ lòng biết ơn, họ dần thân làm cho nó sinh hoa kết quả khiến cho cuộc đời họ trở thành một chứng tá cho tình yêu bằng hành động.

Tuyên hứa cũng là một sự *cam kết trung thành* với Hội Thánh đã đón nhận họ làm thành viên, đã nuôi dưỡng đời sống Kitô giáo của họ, và bây giờ mời gọi họ tham gia vào sứ mạng cứu rỗi với tinh thần đồng trách nhiệm. Bằng việc *Tuyên Hứa* trước cộng đoàn, tân CTV Salêdiêng vui vẻ chấp nhận lớn lên trong việc trải nghiệm đời sống Salêdiêng, được coi như là “một cách đặc biệt để sống Tin Mừng và tham gia vào sứ mạng của Hội Thánh.”

Sau cùng, nó là ý muốn *trung thành thuộc về Hiệp Hội* mà họ được dự phần vào do một quyết định tự do bởi vì Hiệp Hội cống hiến cho họ một con đường cụ thể để sống đời Kitô hữu và hoạt động tông đồ trong khung cảnh Gia Đình do Don Bosco sáng lập.

Hiệp Hội đáp lại đề nghị của ứng viên bằng một sự tiếp đón huynh đệ và một cam kết đồng hành với họ trong nhiệm vụ đào luyện tông đồ và trung thành với cam kết họ đã đảm nhận.

Ý tưởng về việc *Tuyên Hứa* làm ta nhớ lại chính Don Bosco. Trong chương nổi tiếng của ngài về “các thành viên ngoại trú” mà chúng ta đọc được

trong bản thảo đầu tiên của *Hiến Luật*, ngài đã qui định như sau: “Thành viên phải ít là tuyên một lời hứa với giám đốc là sẽ cam kết làm những việc mà họ cho là vì lợi ích lớn lao hơn của Thiên Chúa.” (*Memorie Biografiche*, quyển VII, 885). Trong đề cương mang tựa đề *Hiệp Hội các việc thiện* (1875) và trong các ấn bản đầu tiên của bộ *Luật* chính thức năm 1876, Don Bosco đã chèn thêm hai lời tuyên bố tương ứng với lời *Tuyên Hứa* hiện nay và với Giấy Chứng Nhận đính kèm: “Người CTV Salêdiêng được đề nghị cùng một sứ mạng như Tu Hội Thánh Phanxicô Salê mà họ được liên kết với.” (*Memorie Biografiche*, quyển XI, 545).

Sự gia nhập của một tân CTV vào Hiệp Hội, và vì thế, vào Gia Đình Salêdiêng, là lý do tạo nên niềm vui lớn lao cho mọi người. Trong truyền thống Salêdiêng, đây là một dịp đặc biệt cho một ngày lễ gia đình tuyệt vời!

Vì việc trở thành một CTV Salêdiêng là một chọn lựa tự do quyết định cả cuộc đời của một người, nên việc *Tuyên Hứa* chỉ có thể được thực hiện sau một sự chuẩn bị nghiêm túc. Đây là một hành vi không được phép vội vàng, coi nhẹ, hay mang những động cơ không thích đáng; cũng không được trì hoãn vô hạn định nếu không có lý do chính đáng.

B. *Con xin hứa*

Hành vi hứa với Chúa một điều gì đẹp lòng Chúa là một phần của nhân đức “thờ phượng.” Nhân đức này nhằm mục đích làm những công việc thể nào để mối tương quan với Thiên Chúa được soi sáng và xứng với thân phận của những loài thụ tạo và con cái của Người. Nó ăn rễ sâu trong các nhân đức đối thần và được diễn tả bằng các hành vi bên ngoài, cá nhân và xã hội. Đây chính là cái làm cho việc hứa với Chúa có ý nghĩa là gì. Với lời hứa này, người CTV Salêdiêng biểu lộ ý muốn vững chắc của mình là sẽ cố gắng đáp ứng một cách trung thành ơn gọi cá nhân này mà họ nhận được từ Thiên Chúa. Lời hứa này không tạo ra một phong cách sống mới cho người CTV. Nó chỉ diễn tả trước Thiên Chúa và các anh chị em của họ trong Hiệp Hội rằng họ có ý sống *Kế Hoạch Đời Sống Tông Đồ* và chu toàn các bổn phận gắn liền với kế hoạch này: đây là một hành vi của tình yêu và sự dễ dạy đối với Thiên Chúa và cũng là một hành vi của niềm vui.

C. *Các bổn phận*

Ơn gọi Kitô hữu vừa là một *quà tặng* vừa là một *bổn phận*, bởi vì mỗi người nhận được một lời mời gọi riêng từ Thiên Chúa để thể hiện mình bằng cách dùng chính cuộc đời mình phục vụ Nước Chúa. Trong dòng chảy của đời mình, mỗi người

gặp một tập hợp các khả năng giúp cho phép họ làm cho ơn gọi này trở thành hiện thực và trưởng thành. Các khả năng này, gồm cả sáng kiến riêng của mỗi người, đều là quà tặng của Chúa Quan Phòng và của Ôn Thánh giúp chúng ta luôn trung thành với Đức Tin của mình.

Nhưng quà tặng ấy cũng kèm theo một *bổn phận* vì Thiên Chúa không bao giờ hành động mà không có sự ưng thuận của con người. Đây là một lời kêu gọi mở rộng lòng mình và cộng tác với hành động của Thiên Chúa có sức biến đổi để cả cuộc đời của một người được hướng dẫn bởi Chúa Thánh Thần. Điều này đòi hỏi một *lộ trình* chuẩn bị mà nếu thiếu nó thì dù có đơn giản và hợp với khả năng của một người, nó mãi mãi vẫn chỉ là một ước muốn vô hiệu.

Nhìn trong tổng thể, các cam kết mà một người đảm nhận qua hành vi *Tuyên Hứa* hệ tại việc sống kế hoạch Tin Mừng của Hiệp Hội CTV như được trình bày trong *Kế Hoạch Đời Sống Tông Đồ*. Một sự cam kết như thế được xác định rõ theo các khía cạnh chính của nó, mỗi khía cạnh đều trình bày một cách tóm lược các nội dung của các chương khác nhau trong bản Điều Lệ.

- “*Là một môn đệ trung thành của Đức Kitô trong Hội Thánh Công Giáo,*” như một người Công Giáo được gọi để trở thành một người Salêdiêng đích thực giữa đời - như một giáo

dân, một linh mục triều, hay một phó tế - được gia nhập một Hiệp Hội công của các tín hữu, là thành phần của Hội Thánh. (Ch. I)

- “*làm việc trong Nước Chúa, đặc biệt cho sự thăng tiến và phần rỗi của giới trẻ,*” bằng cách thực thi một hoạt động tông đồ giáo dân theo thừa tác vụ riêng của mỗi người, trong gia đình mình, trong đời sống hôn nhân của mình, tại nơi làm việc và môi trường sống của mình, và trong thực tại văn hoá và xã hội, cống hiến một việc phục vụ giáo dục Kitô giáo cho giới trẻ - tiêu điểm ưu tiên của công cuộc chúng ta - qua các hoạt động tiêu biểu được thực hiện trong các cơ cấu khác nhau. (Ch. II)
- “*đào sâu và làm chứng cho tinh thần Salêdiêng,*” di sản quý báu của Đấng Sáng Lập và quà tặng của Chúa cho Hội Thánh. (Ch. III)
- “*hợp tác trong các sáng kiến tông đồ của Hội Thánh địa phương, trong sự hiệp thông của Gia Đình Salêdiêng,*” ý thức rằng họ là những anh chị em của mình trong Don Bosco, đồng trách nhiệm trong hành động, và tham dự vào đời sống của Gia Đình Salêdiêng: sẵn sàng phục vụ thừa tác vụ của Cha Bề Trên Cả, duy trì mối dây liên kết đặc biệt với Tu Hội Salêdiêng và với các Nhóm khác của Gia Đình Salêdiêng; và làm mọi sự trong tình liên đới với các Hội Thánh địa phương. (Ch. IV)

– “*thuộc về Hiệp Hội qua việc Tuyên Hứa.*” (Ch. V).

Cầu xin Ông Chúa giúp để sống trung thành

Văn thức Tuyên Hứa kết thúc bằng một lời cầu nguyện cùng Chúa Cha và kêu xin sự trợ giúp của Đức Mẹ. Trong lời cầu này, người CTV xin Cha ban sức mạnh của Thánh Thần, vì chỉ một mình Người có sự bảo đảm chắc chắn cho ta trung thành với các cam kết của mình. Bằng lời cầu xin này, người CTV Salêdiêng khiêm nhường tỏ bày với Chúa rằng tự sức mình không thể thi hành các cam kết đã hứa với Chúa, vì thế họ lấy lòng con thảo phó thác và cậy trông ơn trợ giúp dồi dào của Chúa. Họ cũng xin Đức Mẹ, Người Mẹ dịu hiền của Đức Tin, giúp đỡ và dẫn dắt họ trên con đường dẫn tới tình yêu vì Mẹ là mẫu gương tuyệt vời cho mọi tín hữu biết hành động với đức mến. Ngoài ra, người CTV cũng nói lên ý muốn quảng đại của mình là trung thành với *Kế Hoạch Đời Sống Tông Đồ* mà họ đã hoàn toàn tự do chọn lựa.

CHƯƠNG VI

TỔ CHỨC CỦA HIỆP HỘI

*“Ôn riêng Thiên Chúa đã ban,
mỗi người trong anh em phải dùng
mà phục vụ kẻ khác. Như vậy, anh em mới là
những người khéo quản lý ân huệ
thiên hình vạn trạng của Thiên Chúa.”*

(1 P 4:10)

Như Đức Giêsu, ai muốn làm lớn... thì phải làm đầy tớ mọi người

Hai người con ông Dêbêđê là Giacôbê và Gioan đến gần Đức Giêsu và nói: “Thưa Thầy, chúng con muốn Thầy thực hiện cho chúng con điều chúng con sắp xin đây”. Người hỏi: “Các anh muốn Thầy thực hiện cho các anh điều gì?” Các ông thưa: “Xin cho hai anh em chúng con, một người được ngồi bên hữu, một người được ngồi bên tả Thầy, khi Thầy được vinh quang”. Đức Giêsu bảo: “Các anh không biết các anh xin gì! Các anh có uống nổi chén Thầy sắp uống, hay chịu

được phép rửa Thầy sắp chịu không?” Các ông đáp: “Thưa được.” Đức Giêsu bảo: “Chén Thầy uống, anh em cũng sẽ uống, hay chịu được phép rửa Thầy sắp chịu không?” Các ông đáp: “Thưa được”. Đức Giêsu bảo: “Chén Thầy uống, anh em cũng sẽ uống; phép rửa Thầy chịu, anh em cũng sẽ chịu. Còn việc ngồi bên hữu hay bên tả Thầy, thì Thầy không có quyền cho, nhưng Thiên Chúa đã dọn sẵn cho ai thì kẻ ấy được”. Nghe vậy, mười môn đệ kia đâm ra tức tối với ông Giacôbê và ông Gioan. Đức Giêsu gọi các ông lại và nói: “Anh em biết: những người được coi là thủ lãnh các dân thì áp đặt trên họ quyền bá chủ, những người làm lớn thì áp đặt trên họ quyền hành của mình. Nhưng giữa anh em thì không phải như vậy: ai muốn làm lớn giữa anh em thì phải làm người phục vụ anh em; ai muốn làm đầu anh em thì phải làm đầy tớ mọi người. Vì Con Người đến không phải để được người ta phục vụ, nhưng là để phục vụ, và hiến dâng mạng sống làm giá chuộc muôn người.” (Mc 10:35-45)

Ông Gioan - không chỉ là một tông đồ bình thường, mà còn là tông đồ được Chúa Giêsu yêu nhất, gần Chúa nhất, giàu trực giác nhất - đã xin cho mình và anh trai mình được những chỗ cao nhất. Cả nhóm mười môn đệ còn lại lập tức phản đối, đồng loạt ganh tị với hai anh em này. Cứ như thể những lời Đức Giêsu dạy họ từ trước đến giờ đều bị rơi vào khoảng không: “Các anh không biết

các anh xin gì!” Các anh không biết mình đã phá đổ bức tường bảo vệ bằng lòng tham danh vọng này. Các anh không hiểu cái sức mạnh đen tối sinh ra từ sự say mê quyền lực này, trái tim phát sinh từ cái khát vọng ấy trở nên nghèo nàn như thế nào đâu!

Và đây là những lời Đức Giêsu dùng để cho thấy sự khác biệt của người Kitô hữu: “Giữa anh em thì không phải như vậy.” Những người làm lớn trên thế giới thì thống trị những người khác... Giữa anh em thì không phải như vậy! Họ nghĩ cần phải cai trị bằng sức mạnh... Giữa anh em thì không như thế! Ai muốn làm lớn giữa anh em... Con người vốn có ước muốn làm lớn: không cảm thấy thoả mãn, “phải hơn một chút,” lòng không bao giờ yên. Đức Giêsu không lên án tất cả những thứ ấy. Ngài không muốn những người nam người nữ trong Nước của Ngài cảm thấy không thoả mãn, không thể hiện được mình, mờ nhạt, nhưng Ngài muốn họ được thể hiện hoàn toàn, trung thực, cao thượng, mạnh dạn, và tự do.

Thánh thiện không phải là một đam mê bị dập tắt nhưng là một đam mê được hoán cải. Bất cứ ai muốn làm lớn phải là một đầy tớ. Sự hoán cải là biến đổi từ “người thứ nhất” thành “người đầy tớ.” Đây không phải là điều dễ dàng vì chúng ta sợ rằng hành vi phục vụ là kẻ thù của hạnh phúc và nó đòi hỏi rất nhiều can đảm mà chúng ta rất thiếu và nó là định nghĩa khó, rất khó, về tình yêu. Thế nhưng

từ “đầy tớ” là tên gọi gây ngạc nhiên nhất mà Đức Giêsu dùng để áp dụng vào chính mình Ngài: “Tôi đến không phải để được người ta phục vụ, nhưng để phục vụ người ta.” Những lời này làm chúng ta chóng mặt: khi ấy “đầy tớ” là tên gọi của Thiên Chúa; Thiên Chúa là đầy tớ của tôi!

Mọi ý tưởng cũ về Thiên Chúa bị vỡ vụn: Thiên Chúa không phải là Ông Chủ của Vũ Trụ, Chúa các chúa, Vua các vua. Ngài là Đầy Tớ của mọi người. Ngài không chà đạp thế giới dưới chân Ngài; Ngài quì gối xuống dưới chân các thụ tạo của Ngài. Ngài không có ngai; trái lại, Ngài quấn quanh mình một cái khăn. Loài người sẽ ra sao nếu mỗi người chúng ta chứng tỏ cho nhau sự chăm sóc và quan tâm khiêm nhường và tích cực của Thiên Chúa? Nếu mỗi người chúng ta sẽ quì gối xuống - không phải trước những kẻ quyền thế - nhưng trước những kẻ “bé mọn nhất”?

Chúng ta vẫn chưa nghĩ đủ về ý nghĩa của việc có Thiên Chúa làm đầy tớ của chúng ta. Các ông chủ tạo sự sợ hãi; đầy tớ thì không. Đức Kitô giải phóng chúng ta khỏi sự sợ hãi lớn nhất: sợ Thiên Chúa. Ông chủ thì xét xử và trừng phạt, đầy tớ thì không bao giờ; Đức Kitô không bẻ gãy cây lau bị giập nát, nhưng Ngài cột nó lại như thể một quả tim bị thương tích. Ngài không dập tắt tim đèn còn khói, nhưng thổi nó lên để nó bùng cháy trở lại. Thiên Chúa không đòi hỏi chúng ta đã phải sáng

ngồi rồi; Ngài làm việc nơi chúng ta để chúng ta trở nên sáng ngời. Nếu Thiên Chúa là đầy tớ của chúng ta, thì ai là ông chủ? Người Kitô hữu không có ông chủ, nhưng họ là đầy tớ trong mọi mảnh của cuộc đời. Và họ làm đầy tớ không phải vì hèn nhát nhưng như là một sự dũng cảm kỳ diệu - sự dũng cảm của Thiên Chúa nơi chúng ta - của Thiên Chúa Đáng là tất cả trong tất cả. Sự hiểu biết không đúng, cục bộ về Đức Kitô là một sự méo mó của khoa giáo hội học. Lời nhắc nhở của Đức Giêsu về Chén Thánh mà Ngài phải uống và sự dìm mình mà Ngài phải chịu, nghĩa là, cái chết đầm máu đang chờ Ngài, sửa sai cho sự hiểu biết của các môn đệ về Ngài nhưng cũng nhắc nhở chúng ta rằng Hội Thánh lấy được sự sống từ việc Hội Thánh được cấy ghép vào sự chết ban sự sống của Đức Kitô, nhờ Phép Rửa và Thánh Thể. Đây là một sự cấy ghép tạo cho một người một hình dạng khác so với các tổ chức trần gian: không phải quyền lực nhưng sự phục vụ mới là cái logic nội tại của nó. Từ Đức Giêsu đầy tớ phát sinh Hội Thánh đầy tớ.

Sáng kiến của hai anh em tông đồ gây xung đột trong cộng đoàn: “Nghe vậy, mười môn đệ kia đâm ra tức tối với ông Giacôbê và ông Gioan.” (Mc 10:41). Sự tranh giành và thói giáo sĩ trị đã có mặt trong Nhóm Mười Hai - đến độ Đức Giêsu phải gọi họ lại và dạy họ về cái logic phải có trong các cộng đoàn Kitô, đối chọi với cái logic thịnh hành giữa những kẻ quyền thế ở trần gian. “Giữa anh em thì

không phải như vậy”: Câu nói này của Đức Giêsu đặt trước mắt chúng ta một tiêu chí phân biệt Hội Thánh với cái gì “không là Hội Thánh.”

Chúng ta đầu tiên mà Hội Thánh công hiến hệ tại cơ cấu nội bộ của Hội Thánh, trong việc tổ chức các cơ cấu quyền bính và cách thi hành quyền bính, nó phải hợp với những gì Đức Giêsu đã sống và đòi hỏi nơi các môn đệ Ngài. Lời Đức Giêsu kết án cái lôgic của các thế lực người đời, nhưng trên hết, nó được nhắm tới Hội Thánh: sự cảm dỗ muốn rập theo thói đời. Đức Giêsu chống lại điều này bằng sự khác biệt của người Kitô hữu: đặt nền trên việc mọi người làm đầy tớ cho nhau.

Nếu Hội Thánh là chứng nhân cho Đức Kitô Tôi Tớ trong suốt lịch sử từ Thập Giá tới ngày Quang Lâm, thì hình dạng của Hội Thánh chứng tỏ rằng Hội Thánh không phải là một cộng đoàn đơn điệu hay một cộng đoàn bị nô lệ. Và vì thế, có thể dùng một câu nói cô đọng: Hội Thánh không phải là một Nhà Nước: “giữa anh em thì không phải như thế.” Trái lại, theo những lời rất đẹp của Hồng Y Carlo Maria Martini, Hội Thánh là “*comunità alternativa*,” một cộng đoàn loại khác, hay như Chân Phước Giáo Hoàng Phaolô VI nói, là “*serva dell’umanità*,” đầy tớ của nhân loại.

Từ khoá trong chương này là “phục vụ.” Toàn thể cơ cấu và các cấp quản trị và sinh động hoá khác nhau là để phục vụ các thành viên của Hiệp Hội.

Khi đọc chương này, ta phải chú ý không đặt các khía cạnh pháp lý-giáo luật ở cùng một bình diện với các khía cạnh thuần túy tổ chức-kỹ thuật. Các khía cạnh trước đưa chúng ta trở về với các qui tắc của Hội Thánh xác định mục đích, bản chất, thành phần, và việc thiết lập tổ chức và các cơ quan của tổ chức. Còn các khía cạnh sau thường liên quan đến các thể thức, thời gian, và các hình thức để đạt mục tiêu này.

Chương này đi theo một đường từ dưới lên trên, bắt đầu với thực tại nền tảng - Trung Tâm - và kết thúc với Hội Đồng Thế Giới.

ĐIỀU 33. Các lý do của Tổ Chức này

Được kêu gọi sống Ôn Gọi tông đồ của mình trong xã hội và trong Hội Thánh, các CTV Salêdiêng có một cơ cấu tổ chức thích hợp. Hiệp Hội mà họ là thành viên là phương tiện để sống sứ mạng và sự hiệp thông theo Kế Hoạch Đời Sống Tông Đồ này.

DIỄN GIẢI**Các chủ đề chính**

1. Tinh thần và mục đích của tổ chức này.
2. Khía cạnh tổ chức trong ánh sáng của Huấn Quyền Hội Thánh.
3. Các nguyên tắc chi phối các khía cạnh tổ chức của Hiệp Hội.

Các ý tưởng nòng cốt

Là một con người nhiệt thành và có óc thực tế quan tâm tới việc kết hợp một cách hợp lý các lực

lượng hoạt động cho sự thiện và tìm kiếm sự hiệu quả, Don Bosco ngay từ đầu đã muốn các CTV tạo thành một Hiệp Hội “có tổ chức.” Với đầu óc bén nhạy và tinh thần thực tiễn, ngài đã phác hoạ cơ cấu hạ tầng chính cho tổ chức của ngài: các điều này được mô tả trong Chương V của bộ *Qui Luật* năm 1876.

Ngài muốn tổ chức ấy phải thích hợp cho nhiều thực tại địa phương khác nhau và phải phục vụ các Hội Thánh địa phương. Tuy nhiên ngài cũng ý thức rằng một tổ chức ở cấp quốc tế là điều quan trọng cho Hội Thánh phổ quát, vì thế thông qua Tu Hội của ngài lúc ấy đã đang hoạt động tại các quốc gia khác nhau, ngài đã cống hiến cho các CTV cùng một phạm vi quốc tế và một tổ chức rộng hơn tổ chức của một nhóm địa phương. Một tổ chức như thế đã được thiết lập, về cơ bản, bởi các Trưởng Nhóm địa phương hay bởi các giám đốc Salêdiêng làm đại diện ở cấp địa phương cho một Bề Trên cấp trung ương; nghĩa là đại diện cho chính Don Bosco.

Ở đây chúng ta không có ý tái dựng lại lịch sử của Hiệp Hội với tất cả những biến thể về cấu trúc như đã diễn ra từ thời kỳ này sang thời kỳ khác. Bản *Kế Hoạch Đời Sống Tông Đồ* này chỉ giới hạn vào việc mô tả tinh thần và mục đích của tổ chức hiện hành và sự định dạng của nó.

A. Tinh thần và mục đích của Tổ Chức Hiệp Hội

Điều luật này trình bày cơ cấu hạ tầng của Hiệp Hội nhằm thể hiện mục đích chuyên biệt của nó dưới hai khía cạnh: cá nhân và cộng đoàn. Trên thực tế, sự hiệp thông nối kết các CTV Salêdiêng với nhau trong tất cả những gì liên quan đến đời sống Hiệp Hội, và vì thế cũng bao gồm cả các qui tắc. Chúng thiết lập một số khía cạnh nền tảng nhờ đó người CTV thể hiện việc đào luyện bản thân mình - cả đào luyện ban đầu và đào luyện thường xuyên - bằng các phương tiện và cấu trúc được Hiệp Hội công hiến cho họ và qua sự hiệp thông huynh đệ với các anh chị em CTV khác theo *Kế Hoạch Đời Sống Tông Đồ*.

Một cách tắt yếu, sự hợp tác đòi hỏi một tổ chức. Không có tổ chức, Hiệp Hội sẽ không có hiệu năng cụ thể. Cơ cấu hạ tầng của một Hiệp Hội như Hiệp Hội CTV không phải là một mục đích tự tại nhưng được thiết lập để đạt được các mục đích của Hiệp Hội một cách đơn giản và dễ dàng hơn. Vì Hiệp Hội không mang hình thức của một nhóm tự phát nhưng là sự kết hợp của những con người được thúc đẩy bởi cùng một tinh thần và tham gia vào việc đạt một mục tiêu chung bằng cách sử dụng cùng phương tiện. Nói thế không có nghĩa là loại trừ các sáng kiến cá nhân hay nhóm, nhưng đúng hơn, làm cho chúng dễ dàng hơn và cho chúng sức mạnh bằng việc đưa chúng vào trong hành động

của Hiệp Hội một cách hài hoà hơn.

Nói một cách cụ thể, sự hiệp thông và hợp tác này được biểu lộ qua một sự sẵn sàng sống chung với anh chị em mình những thời khắc không thể thay thế đã được qui định trong *Qui Chế*, tùy theo hoàn cảnh cho phép trong công việc của mỗi người, hoàn cảnh gia đình, và các bổn phận tông đồ. Do đó tổ chức phải động viên, phối hợp và nâng đỡ tính sẵn sàng của các thành viên của mình.

B. *Khía cạnh tổ chức của Hiệp Hội trong ánh sáng Huấn Quyền của Hội Thánh*

Các Hiệp Hội Công Giáo tuân theo các tuyên bố có thẩm quyền của Công Đồng Vaticanô II, như được trình bày trong Sắc Lệnh *Apostolicam Actuositatem* về tông đồ giáo dân. Theo số 18 của Sắc Lệnh này, hoạt động tông đồ tập thể có nền tảng sâu xa trong chính bản chất của Hội Thánh, Dân Thiên Chúa, Thân Thể Đức Kitô, Đền Thờ Chúa Thánh Thần: “Vậy hoạt động tông đồ tập thể rất phù hợp với đòi hỏi của các tín hữu dưới khía cạnh con người cũng như dưới khía cạnh Kitô hữu. Đồng thời nó cũng biểu lộ được dấu chỉ hiệp thông và hiệp nhất của Giáo Hội trong Chúa Kitô, Đáng đã phán: “Vì đâu có hai, ba người nhân danh Thầy hội họp lại, Thầy sẽ ở giữa họ.” (Mt 18:20). Hoạt động tông đồ này có nhiều hiệu quả tích cực đối

với các thành viên của Hiệp Hội và đối với những người mà việc phục vụ của họ nhắm tới.

Hoạt động tông đồ tập thể rất quan trọng vì trong các cộng đoàn Giáo Hội, cũng như trong các môi trường khác nhau, hoạt động tông đồ thường đòi hỏi phải được chu toàn do một hoạt động chung. Bởi vì các hội đoàn được thành lập nhằm hoạt động tông đồ tập thể, nâng đỡ và huấn luyện các hội viên làm tông đồ, phối hợp và hướng dẫn hoạt động tông đồ của họ để có thể hy vọng nơi họ những kết quả phong phú hơn là nếu từng người hoạt động riêng rẽ.

Trong hoàn cảnh hiện nay, hoạt động tông đồ tập thể được trình bày dưới nhiều khía cạnh như là cách thức duy nhất để một người Kitô hữu có thể tác động đến các môi trường khác nhau. Văn kiện Công Đồng nói thêm ở số 18:

Vậy trong những hoàn cảnh hiện tại, nơi nào có giáo dân hoạt động thì hoạt động tông đồ nhất thiết phải được củng cố dưới hình thức tập thể và có tổ chức. Vì chỉ có việc liên kết chặt chẽ các nỗ lực mới mong đạt được đầy đủ mọi mục tiêu của hoạt động tông đồ ngày nay và bảo vệ hữu hiệu những kết quả của việc tông đồ đó ³. Do đó điều quan trọng đặc biệt là làm sao cho hoạt động tông

đồ tác động vào não trạng quần chúng và những hoàn cảnh xã hội của những người mà hoạt động tông đồ nhằm tới. Nếu không, họ thường sẽ không đủ sức chống lại áp lực của dư luận quần chúng hay của các định chế xã hội.

Giữa rất nhiều hình thức tông đồ tập thể, *Apostolicam Actuositatem* số 19 gán một tầm quan trọng đặc biệt cho một số hình thức cụ thể: “Trong số những hội đoàn đó, cần phải đặc biệt chú trọng đến những hội đoàn cổ võ và đề cao sự phối hợp chặt chẽ giữa đời sống thực tế của hội viên với đức tin của họ.” Sau cùng, cũng ở số 19 này, văn kiện của Vaticanô II nhấn mạnh vai trò độc đáo mà các tổ chức giáo dân hoạt động trên bình diện quốc tế có thể thực hiện trong sứ mạng phổ quát của Hội Thánh - chính xác là vai trò của Hiệp Hội CTV. “Trước sự tiến triển của các tổ chức cũng như đà tiến hóa mau lẹ của xã hội hiện đại, sứ mệnh phổ quát của Giáo Hội đòi hỏi các công cuộc tông đồ của người công giáo phải càng ngày càng được tổ chức quy củ trên lãnh vực quốc tế.”

C. Các nguyên tắc chi phối khía cạnh tổ chức của Hiệp Hội

Trong thời kỳ hậu Công Đồng, các Hiệp Hội Công Giáo đã trải qua một cuộc khủng hoảng - một số nghiêm trọng, số khác đỡ hơn - và đã có

rất nhiều cố gắng để tái tổ chức và tái tạo sinh lực cho mình nhằm mục đích thể hiện các hướng dẫn của Vaticanô II và đáp ứng tốt hơn các thách thức mà các Hiệp Hội phải đối diện do những sự thay đổi mau lẹ của xã hội và giáo hội. Hiệp Hội CTV Salêdiêng cũng đã tham gia một cách nghiêm túc và sâu rộng vào công cuộc canh tân tổ chức của mình. Bản dự thảo Chương VI này phản ánh những cố gắng lâu dài và vất vả ấy. Trong bản văn, các nguyên tắc không thể đảo ngược của Don Bosco đã được giữ lại; trên thực tế, chúng đã được tái đề nghị bởi Tổng Tu Nghị Đặc Biệt XX của Tu Hội SDB. Ví dụ, một số nguyên tắc đó là: nguyên tắc thống nhất, nguyên tắc linh động, nguyên tắc thích nghi. Hơn nữa, tầm quan trọng của Trung Tâm Địa Phương đã được xác nhận vì nó là hạt nhân nền tảng của tổ chức Hiệp Hội CTV, và thực tại Tỉnh có vị trí ưu tiên so với thực tại cấp quốc gia.

Tiếp đến là các hướng dẫn của Vaticanô II liên quan đến các nguyên tắc phân quyền, loại bỏ khỏi Hiệp Hội mọi khía cạnh cứng nhắc theo hình kim tự tháp trong tổ chức—và vạch rõ một cách đúng lúc các trách nhiệm ở các cấp khác nhau—địa phương, tỉnh, và thế giới—đồng thời dành rất nhiều “tự do xoay sở” cho các Trung Tâm địa phương để vun trồng sức sống và tính sáng tạo.

Sau cùng, các xác định mà *Bộ Giáo Luật* mới đòi hỏi một cách minh nhiên đã được đưa vào - trên

hết, liên quan đến thành phần và thẩm quyền của các Hội Đồng, việc thiết lập các Trung Tâm, diện mạo pháp lý của các Ủy Viên, và việc quản trị tài sản của Hiệp Hội.

ĐIỀU 34. Tổ chức linh hoạt

Trung thành với ý muốn của Đảng Sáng Lập, Hiệp Hội có một cơ cấu linh hoạt và thiết thực, được thiết lập ở ba cấp quản trị: địa phương, tỉnh và thế giới.

Nhờ cơ cấu tổ chức này, hành động của Hiệp Hội bảo đảm được tính hiệu quả trong khu vực của mình, và mở ra cho sự hiệp thông và sứ mạng phổ quát.

DIỄN GIẢI

Các chủ đề chính

1. Tính linh hoạt.
2. Tính thực dụng.
3. Ba cấp quản trị.

Các ý tưởng nòng cốt

A. Để bảo đảm hiệu lực của tình hiệp thông và hiệu quả của sự hợp tác, Hiệp Hội... có một tổ chức linh hoạt để dễ thích nghi với các khu vực và các tình hình khác nhau của Giáo Hội. Phát biểu nền

tảng này giúp chúng ta nhìn thấy tinh thần nổi bật của cả chương, đó là giọng điệu pháp lý tích cực. Nó vạch rõ mục đích kép của tổ chức: tạo hiệu năng cho sự hợp tác và hiệu quả cụ thể cho hoạt động của các CTV Salêdiêng với nhau và với các lực lượng tông đồ khác của Gia Đình Salêdiêng và của Hội Thánh.

Điều luật này nói rằng Hiệp Hội có một *cơ cấu linh hoạt và thiết thực*. Nét đặc trưng này bắt nguồn từ sự kiện ơn gọi chuyên biệt của giáo dân giúp họ hội nhập vào các bối cảnh văn hoá, xã hội và tôn giáo khác nhau. Nó cũng phát xuất từ diện mạo quốc tế của Hiệp Hội hoạt động trong các môi trường xã hội và tôn giáo rất khác biệt nhau.

Khái niệm về tính linh hoạt đòi hỏi một sự suy tư về các CTV Salêdiêng hiện diện trong các môi trường tôn giáo khác, nhưng không thù nghịch với Giáo Hội Công Giáo (ví dụ, các Kitô hữu Chính Thống Giáo ở Trung Đông). Các CTV Salêdiêng, cho dù trong các môi trường này hôm nay, biểu thị hơn bao giờ trước đây một sự nâng đỡ không thể thiếu để duy trì việc truyền giáo trong lãnh thổ ấy—đến độ chính các tu sĩ SDB và FMA, được thúc đẩy bởi động lực này và bởi các kết quả rõ ràng của sự hợp tác đã có, họ cho rằng cần phải đầu tư nhiều hơn vào vai trò này [nghĩa là CTV].

Có sự quan tâm rất lớn trong việc thiết lập các mối quan hệ gần gũi hơn để thu thập các tài liệu,

văn kiện và bất cứ điều gì khác có thể ích lợi để tăng cường các CTV hiện có hay cổ vũ hình ảnh của người CTV trong các Nhà mà các CTV chưa hiện diện chính thức ở đó hôm nay, nhưng đã có những giáo dân làm việc giống như các CTV. Đây là những lợi thế của một tổ chức linh hoạt:

- Tính sáng tạo để khởi động sự tiếp xúc qua các lộ trình thiêng liêng khác nhau với những người trẻ và người lớn;
- Tính dễ thích nghi để tạo ra các kế hoạch và dự án thực tế và dễ thực hiện; và
- Khả năng hiện diện trong các cơ cấu và xử lý các tình huống tốt hơn—trong mức độ mà các khả năng và các hệ thống giao tiếp được tăng cường.

Tuy nhiên không được phép hiểu tính linh hoạt và tính thiết thực này như là cái gì “xấp xỉ” hay “hời hợt.” Linh hoạt và thiết thực phải được hiểu như là “cái có thể và khả thi” thậm chí trong những tình hình bấp bênh hay khó khăn. Nói cách khác, ở đây cũng nhắc lại việc phải tôn trọng những con người để họ có thể tìm ra cách đưa kế hoạch của Don Bosco vào hoạt động cả khi đang sống trong những điều kiện, môi trường xã hội, khu vực, hoàn cảnh chính trị và những cơ cấu giáo hội rất khác biệt nhau - với một trong những hình thức tối thiểu của Hiệp Hội và của các cơ quan đại diện Hiệp Hội.

Đây là lý do tại sao sự tổ chức của Hiệp Hội dựa liệu ba cấp quản trị - địa phương, tỉnh và thế giới.

B. Ba cấp: Địa phương, tỉnh và thế giới

Phạm vi có tầm quan trọng lớn nhất là Trung Tâm địa phương bởi vì sức sống của Hiệp Hội dựa vào đó. Trung Tâm địa phương được định nghĩa là “Hạt nhân cơ bản của Hiệp Hội là Trung Tâm địa phương... trung tâm này qui tụ các CTV Salêdiêng hoạt động tại một lãnh thổ nhất định... gần một công cuộc Salêdiêng - của các tu sĩ Salêdiêng Don Bosco hay của các Con Đức Mẹ Phù Hộ các Giáo Hữu.” (Điều Lệ, điều 36 §1).

Trên thực tế, Trung Tâm là một cơ cấu thiết yếu; là cái tể bào có tính quyết định cho việc đạt các mục tiêu của Hiệp Hội; hạt nhân và nền móng của Hiệp Hội, vì nó cung cấp năng lượng và sự nâng đỡ; và là đơn vị hoạt động cơ sở. Các cơ quan khác của các cấp cao hơn (Tỉnh và Thế Giới) là để phục vụ các Trung Tâm: các cơ quan này thúc đẩy, tăng cường và giúp chúng trong lộ trình hoạt động nhưng đồng thời tôn trọng tính tự chủ của chúng - không phải là sự “tương thuộc” - vì các cơ quan này vun trồng sự hiệp thông của chúng với toàn thể Hiệp Hội và với các Nhóm khác của Gia Đình Salêdiêng và với vị Điều Hành Tối Cao và với Bề Trên Cả. Do đó, không những mỗi liên kết cá nhân của một CTV Salêdiêng với một Trung Tâm vì các

lý do khác nhau - từ việc đào luyện nhận được cho tới truyền thống hay một điều gì khác - có tầm quan trọng lớn, nhưng còn hơn thế nữa, việc thấy mình sống trong cùng một lãnh thổ thì phù hợp với các biên giới lý tưởng nơi các tu sĩ SDB và FMA hoạt động: đó là nhờ sự hiệp thông và hợp tác với họ, và cũng nhờ tình liên đới của người CTV Salêdiêng với các Hội Thánh địa phương.

Một lãnh vực cũng có tầm quan trọng đáng kể về tổ chức là các “nhóm trung tâm” ở cấp *Tỉnh*. Cần phải duy trì các nhóm như thế. Mục đích của hình thức nhóm này là cho phép các trung tâm phát triển và tăng trưởng nhờ gia tăng số CTV và số các trung tâm. Hơn nữa việc tụ nhóm này cũng giúp họ hoạt động mở rộng hơn và cụ thể hơn. Đó là nhờ các mối quan hệ hiệp thông và hợp tác được thiết lập ở cấp tỉnh.

Khi xét đến các tình hình khác nhau của Hiệp Hội tại các quốc gia, ở đâu không có cấp tỉnh thì phải yêu cầu thiết lập nó - không nhất thiết ngay lập tức - nhưng sớm bao có thể. Đây là một ví dụ về việc áp dụng các nguyên tắc thích nghi và linh hoạt liên quan đến tổ chức của Hiệp Hội.

Cấp thế giới nhấn mạnh tính phổ quát của sự hiệp thông và sứ mạng của Hiệp Hội. Nhưng ở đây cũng thế, tinh thần của cơ cấu tổ chức ở cấp địa phương, tỉnh và thế giới vẫn như nhau: mỗi cấp đều nhằm phục vụ sự thống nhất và hiệp thông trong

Hiệp Hội CTV Salêdiêng - những người làm việc trong Vườn Nho của Chúa để cụ thể hoá sứ mạng Salêdiêng và làm cho sứ mạng ấy sinh hoa kết quả trên thế giới.

ĐIỀU 35. Việc Quản trị và sinh động hóa ở cấp Tỉnh, Địa phương và Thế giới

Trong khi vẫn bảo đảm thẩm quyền của Bề Trên Cả, thông thường được đại diện bởi Phó Bề Trên Cả hay bởi một Ủy Viên do ngài chỉ định, việc quản trị và sinh động hoá Hiệp Hội được uỷ thác cho chính các Hội Đồng địa phương, tỉnh và thế giới, trong đó cũng có sự hiện diện của các tu sĩ SDB và FMA được chỉ định bởi các Giám Tỉnh của họ cho các Hội Đồng địa phương và Hội Đồng tỉnh, và bởi Bề Trên Cả cho Hội Đồng thế giới. Đại diện pháp lý của Hiệp Hội được uỷ thác cho Điều Phối Viên của Hội Đồng liên quan.

DIỄN GIẢI

Các chủ đề chính

1. Quyền tự trị của Hiệp Hội
2. Điều Phối Viên của Hội Đồng liên quan

Các ý tưởng nòng cốt

A. *Quyền tự trị của Hiệp Hội*

Các ý tưởng sau đây bổ sung cho thảo luận về thừa tác vụ của Bề Trên Cả (Điều Lệ, điều 24 và

Qui Ché, điều 30) và của các Ủy Viên (Điều Lệ, điều 26 và *Qui Ché*, điều 23). Vì lý do này, chúng không thể được cắt nghĩa một cách biệt lập nhưng phải được hiểu trong khung thảo luận tổng thể về quyền tự trị của Hiệp Hội và sự kết hợp đặc biệt của Hiệp Hội với Gia Đình Salêdiêng.

Trước hết, cần nhắc lại những nguyên tắc của Công Đồng Vaticanô II được khai triển trong *Bộ Giáo Luật* mới về đề tài “Các Hiệp Hội của các Tín Hữu”: “Giáo dân có bốn phận và quyền làm tông đồ do chính việc kết hợp với Chúa Kitô là Đầu. Họ được chính Chúa chỉ định làm việc tông đồ, vì phép Rửa Tội sát nhập họ vào Nhiệm Thể Chúa Kitô, phép Thêm Sức làm cho họ nên mạnh mẽ nhờ quyền năng của Chúa Thánh Thần.” (*Apostolicam Actuositatem*, số 3a). Do đó, với mối tương quan chặt chẽ giữa việc tông đồ và bản chất của sự hiệp thông Hội Thánh, một nguyên tắc thứ hai được rút ra: “Giáo dân có quyền lập hội đoàn, điều khiển hội đoàn và ghi tên vào các hội đoàn đã có sẵn, miễn là phải giữ mối liên lạc cần thiết với giáo quyền.” (*Apostolicam Actuositatem*, số 19d).

Trên thực tế, các Nhóm khác nhau của Gia Đình Salêdiêng được hưởng một sự tự trị của mình trong mọi chiều kích: đào luyện, kinh tế, quản trị, truyền giáo, và tông đồ, để họ có thể diễn tả một cách trọn vẹn sự phong phú riêng của họ và dung hoà sự can thiệp riêng của họ với kế hoạch tổng

thể được chia sẻ bởi tất cả các Nhóm - như một biểu hiện của nguồn sức sống phát sinh từ sự trung thành và óc sáng tạo trong đoàn sủng Salêdiêng.

Tính độc đáo của Hiệp Hội trong Gia Đình Salêdiêng phải được nhìn nhận và cổ vũ. Nó cho Hiệp Hội có thể dũng cảm tìm kiếm mọi cơ hội có được để phục vụ lợi ích của giới trẻ.

Sự hiệp thông trong tư cách tự trị này mời gọi mọi người đồng trách nhiệm trong sứ mạng nhưng không nhất thiết đòi hỏi sự đồng trách nhiệm trong tất cả những công cuộc được thực hiện riêng bởi từng nhóm đang có mặt trong khu vực. Đúng hơn, đây là một sự đồng trách nhiệm đòi nơi mọi người một sự cam kết hỗ tương trong việc thực hiện đến cùng một số mục tiêu chung: tất cả các Nhóm được kêu gọi truyền bá, cùng với các giá trị Tin Mừng, những nét đặc trưng của căn tính đoàn sủng và thiêng liêng của Gia Đình Salêdiêng. Mọi người, cả trong tư cách cá nhân mỗi thành viên, đều có trách nhiệm bản thân trong việc sinh động hoá và cổ vũ di sản thiêng liêng đã nhận được. (*Hiến Chương Gia Đình Salêdiêng*, 15-17).

Liên quan đến quyền tự trị, khi duyệt lại *Kế Hoạch Đời Sống Tông Đồ*, có nhiều hơn một mô hình đã được xem xét. Quyền tự trị tuyệt đối và không có quyền tự trị đều bị loại bỏ một cách cố ý, bởi vì tự cơ bản chúng đi ngược lại những gì vừa nói trên kia. Điều 35 của bản Điều Lệ nói:

“việc quản trị và sinh động hoá Hiệp Hội được uỷ thác cho chính các Hội Đồng địa phương, tỉnh và thế giới.” *Kế Hoạch Đời Sống Tông Đồ* xác định việc thành lập, thành phần, các nhiệm vụ và hoạt động của các Hội Đồng này, và bảo đảm có nhiều chỗ cho thẩm quyền làm quyết định của các CTV Salêdiêng. Các thảo luận này sẽ được đề cập một cách đầy đủ hơn trong các điều tiếp theo. Vì vậy, trong mức độ mà sự chọn lựa nguyên tắc “tự trị trong hiệp thông này phải được lưu ý, chắc chắn nó sẽ giúp chúng ta tránh được những sự chông lán vô ích và tai hại, nhưng trái lại, nó sẽ nuôi dưỡng một sự hợp tác Salêdiêng chân thành và trưởng thành ở mọi cấp.

B. Điều Phối Viên của Hội Đồng *các cấp*

Có lẽ đây là chỗ thích hợp để liệt kê một số yếu tố phải lưu ý khi xét đến diện mạo của vị Điều Phối Viên để thấy rõ được rằng việc phục vụ sinh động hoá và trách nhiệm trong Hiệp Hội được *Kế Hoạch Đời Sống Tông Đồ* vạch ra rõ ràng như là một việc tông đồ cụ thể, chuyên biệt, và quan trọng của người CTV Salêdiêng. (Xem Điều Lệ, điều 11; *Qui Chế*, điều 17, 22, 26 và 31).

Mục đích cơ bản của Điều Phối Viên là giúp Hiệp Hội phát triển và trưởng thành:

- về sự hiệp thông;

- về đời sống thiêng liêng; và
- về sứ mạng Salêdiêng.

Mục tiêu này được hoàn thành khi Điều Phối Viên đồng hành với mỗi thành viên của Hiệp Hội trên con đường tăng trưởng về ba lãnh vực này để đương sự có thể ngày càng hiểu biết hơn về căn tính được vạch ra trong *Kế Hoạch Đời Sống Tổng Đồ*. Tầm quan trọng của việc chọn lựa đúng người Điều Phối Viên sẽ được thấy rõ trong điều này - để họ có thể thi hành việc quản trị và sinh động hoá một cách rõ ràng và có năng lực hơn.

a) Các nhiệm vụ chính của Điều Phối Viên:

- Là dây liên kết hiệp thông ở mọi cấp: địa phương, tỉnh và thế giới và với các Nhóm khác của Gia Đình Salêdiêng, và tham gia tích cực vào Ban Cố Vấn của Gia Đình Salêdiêng.
- Sinh động hoá và quản trị theo đoàn sủng Salêdiêng.
- Đại diện pháp lý cho Hiệp Hội.
- Thúc đẩy sự hợp tác trong Hội Thánh và trong xã hội.
- Bảo đảm rằng, trong mọi đề nghị giáo dục được đưa ra, phải thể hiện rõ ràng *lý do hiện hữu* của Hiệp Hội CTV Salêdiêng: sự cứu rỗi những người trẻ nghèo khổ và bị bỏ rơi nhất.

- Chủ tọa các cuộc họp của Hội Đồng.
- Giúp các thành viên khác của Hội Đồng có tinh thần đồng trách nhiệm.
- Sử dụng các phương tiện truyền thông khác nhau để có thể truyền thông ở các cấp khác nhau.
- Cổ vũ sự tham gia tích cực và đồng trách nhiệm của mọi thành viên Hiệp Hội trong các Ban Cố Vấn và trong các quyết định phải làm.
- Thúc đẩy tiến trình đào luyện và tự đào luyện ở mọi cấp.
- Sinh động hoá tình liên đới và ý thức thuộc về Hiệp Hội ở mọi cấp.
- Làm các quyết định uy tín dựa trên sự hiểu biết của mình trong trường hợp gặp các tình huống quan trọng đặc biệt mà đòi hỏi một giải pháp mau lẹ và thi hành ngay rồi sau đó tường trình Hội Đồng.
- Đại diện cho Hiệp Hội một cách thích hợp và có trách nhiệm trong phạm vi thẩm quyền của mình: địa phương, tỉnh và thế giới.
- Tiếp nhận việc *Tuyên hứa* tông đồ của một ứng viên để trở thành một CTV Salêdiêng. (*Qui Chế*, điều 13)
- Cùng với Hội Đồng, chuẩn bị các bản đánh giá vào cuối nhiệm kỳ ba năm, triệu

tập các cuộc bầu cử cho Hội Đồng mới, và chủ trì việc chuyển giao quyền lãnh đạo của các Cố Vấn mãn nhiệm sang cho các Cố Vấn mới.

b) Các nhiệm vụ chuyên biệt khác của Điều Phối Viên:

Điều Phối Viên của một Trung Tâm

- Nhận đơn xin gia nhập của một ứng viên vào Hội CTV Salêdiêng. (Điều Lệ, đ. 27)
- Nhận giấy thông báo rời Hiệp Hội của một CTV Salêdiêng. (ĐL, đ. 31; QC, đ. 13)
- Chuyển đạt các ý kiến khác nhau của Hội Đồng địa phương lên Hội Đồng Tỉnh.

Điều Phối Viên Tỉnh

- Ra quyết định thải hồi một CTV Salêdiêng khỏi Hiệp Hội. (ĐL, đ. 31)
- Ra các quyết định liên quan đến việc Sáp Nhập, Di Dời, Tuyên Bố Không Lệ Thuộc, và Giải Thể một Trung Tâm.
- Ra quyết định một Trung Tâm thuộc về một Nhóm Tỉnh.
- Cộng tác với Cố Vấn Vùng Thế Giới, cổ vũ các sáng kiến của Cố Vấn Vùng và thông tin cho vị này về các sinh hoạt của Hiệp Hội.

❁ Điều Phối Viên Thế Giới

- Cộng tác trực tiếp với Bề Trên Cả và Ủy Viên của ngài trong việc quản trị và sinh động hoá Hiệp Hội.
- Hỗ trợ các Cố Vấn Thế Giới trong việc sinh động hoá Vùng của họ.
- Tạo các mối liên lạc ở mọi cấp.

c) Năng lực, khả năng, hay các đức tính cần thiết:

- Một con người quân bình trong các khía cạnh nhân bản, Kitô giáo và Salêdiêng.
- Có tình anh em, niềm nở, và năng động.
- Cởi mở lắng nghe, có tầm nhìn về tương lai, và chú ý đến thực tại.
- Có thẩm quyền trong việc thực thi nhiệm vụ, nhưng đồng thời khiêm tốn và sẵn sàng tự phê bình, lắng nghe người khác và biết thay đổi, chú ý tới các dấu chỉ thời đại.
- Luôn sẵn sàng phục vụ, nếu không toàn thời gian thì ít là một thời gian đáng kể.
- Trưởng thành về tính tự lập để không đặt mình vào thế cạnh tranh với người khác và biết cách đánh giá cao các năng khiếu của người khác.
- Trưởng thành về tinh thần phục vụ chân

chính để tinh thần đồng trách nhiệm trong sứ mạng được chuyển thành đồng trách nhiệm trong hành động.

- Có tình yêu lớn đối với Hội Thánh, Gia Đình Salêdiêng, và Hiệp Hội.
- Có năng khiếu về sự khôn ngoan và quản trị: có khả năng thi hành quyền bính và làm các quyết định trong ánh sáng của Tin Mừng và của *Kế Hoạch Đời Sống Tông Đồ*.
- Có năng lực trong vai trò của mình.
- Tận dụng mọi cơ hội để tự đào luyện mình.
- Cổ vũ tinh thần làm việc tập thể và nối kết với các thực thể khác.

ĐIỀU 36. Cấp Địa Phương

§1. Hạt nhân cơ bản của Hiệp Hội là Trung Tâm địa phương. Thông thường, Trung Tâm qui tụ các CTV Salêdiêng đang hoạt động trong một lãnh thổ cụ thể. Mỗi Trung Tâm có một Ủy Viên được chỉ định bởi Giám Tỉnh liên hệ. Trung Tâm nên được thiết lập ưu tiên gần một công cuộc Salêdiêng—của Tu Hội Salêdiêng Don Bosco hay của Tu Hội Con Đức Mẹ Phù Hộ.

§2. Các Trung Tâm địa phương được điều hành theo phương thức tập đoàn bởi một Hội Đồng Địa Phương được bầu ra bởi tất cả các thành viên thuộc Đại Hội của Trung Tâm địa phương. Hội Đồng bầu ra từ các thành viên của Hội Đồng một Điều Phối Viên địa phương và xác định các vai trò cụ thể của các thành viên Hội Đồng. Ủy Viên là một thành phần của Hội Đồng và có quyền bỏ phiếu.

§3. Những người nam người nữ thiện chí, dù thuộc một hệ phái khác của Kitô giáo, hay thuộc một tôn giáo khác, một nền văn hoá khác, nếu họ cảm thấy quý chuộng đoàn sủng Salêdiêng, họ có thể chia sẻ các sáng kiến của Trung Tâm địa phương và cộng tác với Trung Tâm như là “Những Người Bạn của Don Bosco.”

DIỄN GIẢI

Các chủ đề chính

1. Trung Tâm địa phương: Tế bào cơ bản của Hiệp Hội.
2. Tính tập đoàn.
3. Tính đại kết.

Các ý tưởng nòng cốt

A. Ngay từ lúc khởi đầu, nghĩa là bắt đầu với ý muốn cụ thể của Don Bosco, các CTV Salêdiêng đã được tổ chức thành các nhóm gọi là các Trung Tâm địa phương, và được kết hợp lại như “những sợi chỉ nhỏ đan dệt” vì mục đích làm việc thiện trong xã hội - đặc biệt cho các thanh thiếu niên nghèo khổ và bị bỏ rơi - bằng cách đáp ứng các nhu cầu cụ thể của một chỗ nhất định. Do đó, Hiệp Hội đã được tổ chức để có thể hoàn thành mục đích tốt hơn: phục vụ các trẻ em nghèo khổ nhất trong một khu vực của Hội Thánh địa phương.

Chính với tinh thần này mà mỗi CTV Salêdiêng thể hiện ơn gọi của mình trong sự hiệp thông huynh đệ trong khuôn khổ đời sống của Hiệp Hội tại Trung Tâm của mình. Trung Tâm giúp cho các CTV Salêdiêng trưởng thành về thiêng liêng và làm cho mỗi thành viên thêm phong phú nhờ sự chia sẻ và đối chứng. Đồng thời, sự hợp tác trong đức ái

tông đồ cho phép toàn thể Trung Tâm tăng trưởng. Trên thực tế, Trung Tâm địa phương là tế bào sống giúp đạt được các mục đích của các CTV, cung cấp năng lượng và sự nâng đỡ làm cơ sở hoạt động cho toàn thể Hiệp Hội.

Hành vi pháp lý từ phía Giám Tỉnh của Tu Hội SDB hay FMA trong việc chấp thuận cho ra đời một Trung Tâm là một dấu chỉ hữu hình của mối dây đoàn sủng kết nối Tu Hội Salêdiêng, Tu Hội Con Đức Mẹ Phù Hộ các Giáo Hữu, và Hiệp Hội CTV Salêdiêng - ba Nhánh Ôn Gọi của cùng một Gia Đình đã phát sinh từ quả tim tông đồ to lớn của Don Bosco.

B. Tại số §2 của điều luật này, từ khoá là từ “tập đoàn”—đây là thể thức điều hành một Trung Tâm. Hội Đồng Địa Phương, được bầu ra bởi tất cả các thành viên của Trung Tâm, là cơ quan có nhiệm vụ điều hành và sinh động hoá các sinh hoạt của Trung Tâm: đưa ra các chỉ dẫn; đề nghị các chương trình đào luyện cả ở giai đoạn đào luyện ban đầu và đào luyện thường xuyên, trong sự phối hợp với Giám Tỉnh và Hội Đồng Thế Giới; và đưa ra các sáng kiến và kế hoạch để thể hiện các mục tiêu giáo dục của mình trong thực tại xã hội tại địa phương. Hành động của Hội Đồng được thực hiện và biểu lộ trong tinh thần hiệp thông, chia sẻ huynh đệ các mục tiêu, và làm các quyết định “theo phương thức tập đoàn.” Đây không chỉ đơn thuần là chuyện thực thi

dân chủ, nhưng đúng hơn là dấu chỉ của sự thống nhất về ý hướng và về các giá trị, đồng thời làm nổi bật ý thức đồng trách nhiệm.

C. Số §3 của điều luật này nhấn mạnh tính phổ quát của đoàn sủng Don Bosco. Các ý hướng giáo dục của Đảng Sáng Lập thể hiện trong Hệ Thống Dự Phòng được đánh giá cao và được chia sẻ bởi những người nam người nữ dù thuộc các tôn giáo và các nền văn hoá khác. Công cuộc được làm cho giới trẻ nghèo và bị bỏ rơi đã chinh phục được con tim của rất nhiều người nhận ra giá trị xã hội của sự dấn thân này và tầm quan trọng của việc thăng tiến nhân bản, thiêng liêng và xã hội của giới trẻ, tương lai của nhân loại. Vì vậy, Trung Tâm địa phương mỗi khi có cơ hội thuận lợi đều nhiệt tình hoan nghênh bất cứ ai muốn chia sẻ các giá trị của đoàn sủng và tạo điều kiện cho sự hợp tác của những con người thiện chí này, những người muốn hiến mình phục vụ lợi ích giới trẻ. Bằng cách này, “Những Người Bạn của Don Bosco” được sinh ra. Họ cống hiến nhiệt tình và công sức của họ cho dù họ không thuộc về Hiệp Hội bởi vì Hiệp Hội chỉ bao gồm các Kitô hữu Công Giáo.

Sự tiếp đón niềm nở những anh chị em yêu quý Don Bosco, dù họ không thuộc Hội Thánh Công Giáo, là một dấu chỉ sự cởi mở trước các thực tại khác nhau của thế giới nơi các CTV Salêdiêng làm

việc, và phù hợp với các lời dạy của Đức Giáo Hoàng Phanxicô là người khuyên chúng ta đi ra để đến với những vùng ngoại vi địa lý và tâm lý và chứng tỏ rằng chúng ta sẵn sàng đối thoại với tất cả những người thiện tâm.

ĐIỀU 37. Cấp Tỉnh

§1. Các Trung Tâm địa phương được tổ chức thành các Tỉnh được thiết lập bởi Bề Trên Cả, dựa trên một đề nghị của Hội Đồng Thế Giới.

§2. Xét về “dây hiệp nhất” và mối liên kết đoàn sủng của Hiệp Hội CTV Salêdiêng với Tu Hội Salêdiêng Don Bosco và Tu Hội Con Đức Mẹ Phù Hộ các Giáo Hữu, các Tỉnh của Hiệp Hội được liên kết với thực tại của các Tỉnh SDB hay FMA tương ứng.

§3. Mỗi Tỉnh có một Hội Đồng Tỉnh được bầu ra bởi các Hội Đồng địa phương tham dự Đại Hội Tỉnh theo các thể thức được dự liệu trong các Qui Chế của Đại Hội.

§4. Hội Đồng Tỉnh được tổ chức theo phương thức tập đoàn, và bầu ra từ các thành viên của Hội Đồng một Điều Phối Viên Tỉnh. Chính Hội Đồng xác định các nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên Hội Đồng. Mỗi Hội Đồng Tỉnh có một Ủy Viên SDB và một Ủy Viên FMA làm thành viên của Hội Đồng. Các Ủy Viên này có quyền bỏ phiếu và được chỉ định bởi các Giám Tỉnh SDB và FMA tương ứng.

§5. Để sinh động hoá Hiệp Hội, các Tỉnh, trong khi vẫn giữ tính tự trị về quản trị của mình, được tổ chức thành các Vùng theo sự gần gũi về ngôn ngữ, văn hoá và lãnh thổ, và được thiết lập theo quyết định của Bề Trên Cả, với sự thoả thuận của Hội Đồng Thế Giới. Các Giám Tỉnh SDB và FMA có liên quan thoả thuận với nhau để bổ nhiệm một tu sĩ SDB và một tu sĩ FMA làm Uỷ Viên Vùng.

DIỄN GIẢI

Chủ đề chính

Tổ chức tỉnh, điều hành theo phương thức tập đoàn, sợi dây hiệp nhất và liên kết đoàn sủng với Tu Hội SDB và Tu Hội FMA, và Ban Cố Vấn vùng.

Các ý tưởng nòng cốt

A. Tổ chức Tỉnh

Điều luật này trình bày khả năng tập hợp thành một Tỉnh gồm các Trung Tâm địa phương của một khu vực nhất định - như được thiết lập bởi Bề Trên Cả với Hội Đồng Thế Giới. Ở cấp này, Hiệp Hội

được cai quản bởi một Hội Đồng Tỉnh hoạt động theo phương thức tập đoàn, như được qui định chính xác trong *Kế Hoạch Đời Sống Tông Đồ*. Cơ cấu của Hội Đồng Tỉnh phải lưu ý đến các qui tắc của Giáo Luật điều 119, qui định các thể thức của việc thi hành các chức năng và của việc bầu chọn các thành viên Hội Đồng.

- *Thành phần Hội Đồng Tỉnh (Qui Chế, đ. 24):* Hội Đồng Tỉnh gồm các thành viên được chọn bởi các Cố Vấn của các Trung Tâm Địa Phương trong Đại Hội Tỉnh. Hội Đồng Tỉnh gồm các Cố Vấn với một sĩ số thích hợp - từ ba đến mười hai - cộng với một tu sĩ SDB và một tu sĩ FMA làm Ủy Viên Tỉnh.

- *Bầu các thành viên Hội Đồng Tỉnh:* Các Cố Vấn của các Hội Đồng địa phương được Điều Phối Viên Tỉnh triệu tập tham dự Đại Hội Tỉnh. Trong trường hợp đây là lần đầu tiên thiết lập Hội Đồng Tỉnh, thì Giám Tỉnh SDB là người triệu tập Đại Hội này.

- *Nhiệm kỳ của các thành viên được chọn:* Các Cố Vấn được bầu sẽ giữ nhiệm kỳ 3 năm và có thể được tái bầu cho một nhiệm kỳ ba năm tiếp theo. Để có thể giữ một nhiệm kỳ thứ ba liên tiếp, cần phải nại đến cơ chế pháp lý gọi là thỉnh cử (*postulazione*) theo qui tắc của luật phổ quát (*Giáo Luật*, các điều 180-183) với sự miễn chuẩn tương ứng của Bề Trên Cả.

B. Điều hành theo phương thức tập đoàn

Một yếu tố cơ bản trong việc tổ chức của Hiệp Hội, như đã nói, đó là tính tập đoàn - ngay từ giây phút đầu tiên của việc thành lập một Hội Đồng ở bất cứ cấp nào. Vì lý do này, ý nghĩa và các qui tắc để xác định các hành vi tập đoàn được trình bày một cách chi tiết - cả về những gì liên quan đến các cuộc bầu cử (xem GL, đ. 119, §1) cũng như những gì liên quan đến các công việc khác nằm trong phạm vi và trách nhiệm chuyên biệt của Hội Đồng. (Xem GL, đ. 119, §2)

Để một hành vi được coi là *tập đoàn*, theo các qui tắc của GL 119, cần có ba điều kiện tiên quyết:

- 1) việc triệu tập tất cả các thành viên của Hội Đồng liên quan, được thực hiện theo các qui tắc của GL 166;
- 2) sự hiện diện của một đa số tuyệt đối các thành viên của Hội Đồng ấy;
- 3) việc tính toán về đa số phiếu tuyệt đối dựa trên con số thành viên có mặt thực trên thực tế để làm hành vi tập đoàn. Gọi là đa số là tuyệt đối khi nó vượt trên một nửa (một nửa + 1 là đa số tuyệt đối); nghĩa là một nửa số học của tổng số thành viên + 1.

Nếu hành vi tập đoàn ấy được thực hiện trong một cuộc *bầu cử* để chọn ra một Điều Phối Viên của Hội Đồng chẳng hạn, thì:

- 1) cần phải được đa số tuyệt đối cho vòng phiếu thứ nhất và thứ hai;
- 2) “sau hai vòng phiếu không ngã ngũ, sẽ chọn giữa hai ứng viên được nhiều phiếu hơn, hay nếu có hơn hai ứng viên (có cùng số phiếu),” - dù trong trường hợp tất cả các ứng viên đều được cùng số phiếu, hay trong trường hợp có sự khác biệt giữa một ứng viên được đa số tương đối và các ứng viên khác được cùng một số phiếu - thì chọn “hai người có tuổi đời cao hơn”;
- 3) “sau vòng phiếu thứ ba, nếu hai ứng viên có số phiếu ngang nhau, thì ứng viên cao tuổi hơn sẽ đắc cử”;
- 4) vòng phiếu thứ ba là vòng phiếu dứt khoát trong mọi trường hợp, vì thế, sau khi đã qua vòng phiếu thứ ba, tiến trình bầu cử không được kéo dài thêm nữa.

Nhưng nếu hành vi tập đoàn liên quan đến các vấn đề khác:

- 1) cần phải được đa số tuyệt đối ở vòng phiếu thứ nhất;

- 2) nếu vòng phiếu thứ nhất không ngã ngũ, vòng phiếu thứ hai được tiến hành, cũng đòi hỏi đa số phiếu tuyệt đối;
- 3) nếu không đạt được đa số tuyệt đối ở vòng phiếu thứ hai, quyết định được bỏ phiếu ấy không được phê chuẩn; nếu số phiếu ngang nhau, thì theo qui tắc của Điều Lệ 21 §2, Điều Phối Viên là người chủ toạ Hội Đồng sẽ dùng lá phiếu của mình để phá vỡ thế ngang phiếu và quyết định vấn đề.

Tuy nhiên các vấn đề pháp lý không được làm chúng ta quên mất tầm quan trọng sinh tử của những con người trong Hiệp Hội đang thể hiện hành vi tập đoàn, chính vì họ là những người điều hành Hiệp Hội. Từ đó có nhu cầu chọn những lãnh đạo có các đức tính thích hợp cho các trách nhiệm họ sẽ nắm giữ và là những người đang ở trong hoàn cảnh có thể cống hiến việc phục vụ này.

C. Các mối dây hiệp nhất và đoàn sủng với các tu sĩ SDB và FMA

Các mối dây hiệp nhất và đoàn sủng với các tu sĩ Salêdiêng Don Bosco và với các Con Đức Mẹ Phù Hộ các Giáo Hữu vẫn mạnh bất chấp những khác biệt về cơ cấu tổ chức của mỗi Nhánh này trong Gia Đình Salêdiêng.

D. Ban Cố Vấn Vùng

Điều luật này xác định rằng, để sinh động hoá Hiệp Hội, các Tỉnh, trong khi vẫn giữ tính tự trị về quản trị của mình, được tổ chức thành các Vùng theo sự gần gũi về ngôn ngữ, văn hoá và lãnh thổ.

Với sự ưng thuận của Bề Trên Cả, Hội Đồng Thế Giới có thể cổ vũ và khuyến khích việc thành lập một Ban Cố Vấn Vùng. (*Qui Ché*, đ. 34). Khi một số Tỉnh có sự gần gũi nhau về ngôn ngữ hay văn hoá mà thuộc cùng một quốc gia hay một khu vực địa lý và thấy có cơ hội để liên kết với nhau nhằm cải thiện hoạt động của mình trong tư cách một Hiệp Hội, họ có thể đệ đạt yêu cầu này lên Hội Đồng Thế Giới, và Hội Đồng này sau khi cẩn thận xem xét vấn đề, và thấy thích hợp, sẽ trình bày ý kiến thuận lợi lên Bề Trên Cả để được Bề Trên Cả chấp thuận thiết lập cơ chế sinh động hoá này trong Hiệp Hội.

Tự bản chất, Ban Cố Vấn Vùng không phải là một cơ quan quản trị tập đoàn giống như các Hội Đồng địa phương, tỉnh hay thế giới (Điều Lệ, đ. 34), nhưng nó là một cơ quan sinh động hoá và trợ giúp trực tiếp cho Cố Vấn Thế Giới để có một sự đồng trách nhiệm hiệu quả trong các sáng kiến khác nhau - tông đồ hay đào luyện - trong Vùng. Một yếu tố quan trọng nữa là nó là sợi dây hiệp nhất và hợp tác giữa mỗi Hội Đồng Tỉnh với Hội Đồng Thế Giới.

Ban Cố Vấn Vùng gồm Cố Vấn Thế Giới của Vùng liên quan (chủ toạ Ban Cố Vấn Vùng này nhân danh Hội Đồng Thế Giới), các Điều Phối Viên Tỉnh, Uỷ Viên SDB Vùng, Uỷ Viên FMA Vùng, và/hay các thành viên khác tùy theo nhu cầu của Vùng.

Có thể đọc lá thư của Cha Bê Trê n Că Don Pascual Chavez, *Lettera sul ruolo delle Consulte regionali* năm 2012 để biết thêm chi tiết và hiểu rõ hơn về lý do hiện hữu của Ban Cố Vấn Vùng.

ĐIỀU 38. Cấp Thế Giới

§1. Hội Đồng Thế Giới gồm:

- *Điều Phối Viên Thế Giới, được Bề Trên Cả trực tiếp bổ nhiệm;*
- *Ủy Viên SDB Thế Giới, được Bề Trên Cả bổ nhiệm, và Ủy Viên FMA Thế Giới, được Bề Trên Cả bổ nhiệm theo đề nghị của Mẹ Tổng Quyền Tu Hội Con Đức Mẹ Phù Hộ các Giáo Hữu;*
- *Các Cố Vấn Thế Giới, được bầu bởi các Đại Hội của mỗi Vùng;*
- *Vị Tổng Quản Lý và Tổng Thư Ký, được bầu - bằng phiếu kín - bởi chính các Cố Vấn.*

§2. Văn Phòng Tổng Thư Ký (SEM – Segreteria Esecutiva Mondiale) gồm Điều Phối Viên Thế Giới, Tổng Quản Lý, Tổng Thư Ký, Ủy Viên SDB Thế Giới, và Ủy Viên FMA Thế Giới.

Văn Phòng Tổng Thư Ký SEM có chức năng trông coi các công việc quản trị thông thường không đòi hỏi triệu tập Hội Đồng Thế Giới. Trong Hội Đồng Thế Giới, Văn Phòng này đảm nhận nhiệm vụ “Hội Đồng Kinh Tế” của Hiệp Hội theo các qui định của Giáo Luật điều 1280.

§3. Nhiệm kỳ của các Cố Vấn Thế Giới là sáu năm.

§4. Các quyết định của Hội Đồng Thế Giới có hiệu lực sau khi được Bề Trên Cả phê chuẩn.

DIỄN GIẢI

Các chủ đề chính

1. Thành phần Hội Đồng Thế Giới
2. Các nhiệm vụ và nhiệm kỳ

Các ý tưởng nòng cốt

Điều 30 của *Qui Chế* xác định rằng “Bề Trên Cả thông thường sử dụng Hội Đồng Thế Giới của Hiệp Hội CTV Salêdiêng, trước hết trong việc sinh động hoá toàn thể Hiệp Hội và trong việc phối hợp các sáng kiến đào luyện và tông đồ.” Đó là để đạt được các mục đích tông đồ truyền giáo của *Kế Hoạch Đời Sống Tông Đồ* và cũng để Hiệp Hội có được một sức sống hiệu quả hơn. Do đó Hội Đồng Thế Giới cộng tác với Bề Trên Cả trong việc quản trị và sinh động hoá Hiệp Hội: Hội Đồng cung cấp các đường hướng chung liên quan đến các sáng kiến đào luyện, tổ chức và quản trị. (QC 31)

Các nhiệm vụ và thành phần của Hội Đồng Thế Giới được xác định rõ trong *Qui Chế*, điều 31 và 32.

A. Thành phần Hội Đồng Thế Giới

- Điều Phối Viên Thế Giới, được Bề Trên Cả trực tiếp bổ nhiệm;
- Ủy Viên SDB Thế Giới, được Bề Trên Cả bổ nhiệm, và Ủy Viên FMA Thế Giới, được Bề Trên Cả bổ nhiệm theo đề nghị của Mẹ Tổng Quyền Tu Hội Con Đức Mẹ Phù Hộ các Giáo Hữu;
- Các Cố Vấn Thế Giới, được bầu bởi các Đại Hội của mỗi Vùng; và
- Tổng Quản Lý và Tổng Thư Ký, được bầu - bằng phiếu kín - bởi chính các Cố Vấn.

B. Các vai trò trong Hội Đồng Thế Giới

Trong Hội Đồng, một số vai trò chuyên biệt được dự liệu:

- Vai trò cần thiết đầu tiên được qui định là Điều Phối Viên Thế Giới. Vị này được Bề Trên Cả bổ nhiệm trong số các thành viên đã được chỉ định hay được bầu của Hội Đồng, và theo các qui định được dự liệu tại điều 32 §2 của *Qui Chế*.

- Một vai trò cần thiết khác cũng được qui định là Quản lý. Vị này là một trong số các thành viên của Hội Đồng, theo các qui tắc của *Qui Chế* 32 §2. Nhiệm vụ của Quản lý là những gì được giao cho vai trò này bởi cùng một điều khoản trên: trình bày báo cáo tài chính cho Hội Đồng Thế Giới để Điều Phối Viên Thế Giới trình lên Bề Trên cả để được phê chuẩn dựa trên các qui định tại điều 39 §3 của *Qui Chế*. Cũng không được quên các nhiệm vụ khác được dự liệu bởi luật phổ quát của Hội Thánh liên quan đến việc quản trị các tài sản của Hội Thánh như được nói trong *Bộ Giáo Luật*.

B. Bầu Cử Văn Thế Giới cho một Vùng

Điều 29 của *Qui Chế* đưa ra các qui tắc cho việc thành lập và hoạt động của Đại Hội Vùng. Nó xác định rằng các Điều Phối Viên Tỉnh và các Hội Đồng Tỉnh là những người sẽ bầu ra Cử Văn cho mỗi Vùng. Ngoài ra còn có các Ủy Viên SDB và FMA được chỉ định bởi các Giám Tỉnh liên hệ - sao cho tổng số các thành viên này không vượt quá một phần ba tổng số các thành viên có quyền bỏ phiếu trong Đại Hội.

Thê thức tiến hành nhiệm vụ này được xác

định bởi các Qui Chế Đại Hội, được phê chuẩn bởi Hội Đồng Thế Giới. Do đó, mọi khả năng khác đều để ngỏ, với điều kiện là phải bảo đảm có một sự đại diện thật sự ở cấp một Vùng, và cùng với điều này, bảo đảm được rằng các cử tri có thể tham dự thực sự vào cuộc bỏ phiếu bầu Cố Vấn Thế Giới.

Vì lý do này, ngoài rất nhiều các thể thức có thể được đề nghị, cũng được dự liệu việc có thể bầu qua thư, theo qui tắc của Giáo Luật điều 157 §1. Đương nhiên cách làm này phải bảo đảm các điều kiện thiết yếu để lá phiếu có hiệu lực của giáo luật, nghĩa là trong mọi trường hợp việc bỏ phiếu phải là tự do, bảo đảm, kín, tuyệt đối và được tiến hành theo các qui tắc của Giáo Luật điều 172.

Việc *phê chuẩn* các thể thức do Hội Đồng Thế Giới đề nghị là thuộc thẩm quyền của Bề Trên Cả, trong tư cách là Điều Hành Viên Tối Cao của Hiệp Hội; điều này đã được nêu rõ bởi số 4 của Điều 38, theo đó các chỉ thị của Hội Đồng Thế Giới “chỉ trở thành có hiệu lực sau khi được Bề Trên Cả phê chuẩn.”

D. *Nhiệm kỳ của Hội Đồng Thế Giới* (Qui Chế, đ. 32 §3)

Nhiệm kỳ của tất cả các thành viên của Hội Đồng Thế Giới, trừ các Ủy Viên, là *sáu năm*. Sự lựa chọn hạn kỳ này đã được đề nghị sau khi có

sự đánh giá cẩn thận về kinh nghiệm đã chín chắn trong thời kỳ thử nghiệm: đây là thời hạn khả dĩ cho phép Hội Đồng một mặt thi hành tốt công việc sinh động hoá và phối hợp, và mặt khác, có thể tự đổi mới mình với việc xoay vòng các thành viên của mình.

E. Các nhiệm vụ của Hội Đồng Thế Giới (*Qui Chế*, đ. 31 §4)

Lĩnh vực thẩm quyền của Hội Đồng Thế Giới được xác định bởi Điều 31 của *Qui Chế* và liên quan đến Hiệp Hội trên toàn thế giới. Điều luật này cũng vạch ra rằng các nhiệm vụ chung liên quan đến việc sinh động hoá và phối hợp các sáng kiến đào luyện và tông đồ. Bên cạnh đó, Hội Đồng Thế Giới cũng có một chức năng pháp lý-quản trị đặc trưng, có thẩm quyền giải quyết các hoài nghi và tranh cãi có thể xảy ra trong Hiệp Hội.

F. Cơ chế hoạt động của Hội Đồng Thế Giới (*Qui Chế*, đ. 32 §4)

Liên quan đến các nhiệm vụ của Hội Đồng Thế Giới, điều luật này xác định điều kiện cơ bản phải có: “Các chỉ thị của Hội Đồng Thế Giới chỉ có hiệu lực sau khi được Bề Trên Cả phê chuẩn.” Sự phê chuẩn này là bắt buộc bởi vì Bề Trên Cả “là Bề Trên của Hiệp Hội” và ngài sử dụng Hội Đồng Thế

Giới đề thi hành một cách chuyên biệt thừa tác mục vụ có thẩm quyền của ngài cho các CTV. Do đó, để các quyết định của các cuộc họp của Hội Đồng trở thành có hiệu lực, cần phải được sự phê chuẩn trước của Bề Trên Cả. Việc trình các quyết định này lên Bề Trên Cả là thuộc nhiệm vụ của Điều Phối Viên Thế Giới.

G. Văn Phòng Tổng Thư Ký (SEM)

Văn Phòng Tổng Thư Ký, gọi tắt là SEM (*Segreteria Esecutiva Mondiale*), gồm có Điều Phối Viên Thế Giới, Tổng Quản Lý, Tổng Thư Ký, Ủy Viên SDB Thế Giới, và Ủy Viên FMA Thế Giới.

Điều 31 của *Qui Chế* xác định trong từng đoạn riêng: thành phần của Hội Đồng Thế Giới và các nhiệm vụ của Hội Đồng này; việc bầu các Cố Vấn; các thể thức bầu cử; nhiệm kỳ phục vụ của các thành viên Hội Đồng; hiệu lực của các quyết định của Hội Đồng; và việc thành lập SEM.

Cơ quan này được dự liệu tại điều 38 §2 của Điều Lệ. Bản văn nói rằng Hội Đồng sử dụng một Văn Phòng Tổng Thư Ký trung ương. Văn phòng này có thể gồm một số người dưới sự hướng dẫn của một lãnh đạo. Mục đích của việc thiết lập văn phòng này là “trông coi các công việc quản trị thông thường.” Đứng đầu văn phòng có thể là Tổng Thư Ký, làm việc trực tiếp dưới quyền của Điều Phối Viên thế giới.

ĐIỀU 39. Quản trị tài sản của Hiệp Hội

§1. Là một pháp nhân công của Giáo Hội, Hiệp Hội CTV Salêdiêng có khả năng mua bán, sở hữu, quản trị, và chuyển nhượng các tài sản vật chất, theo các qui tắc của Luật. Các tài sản do Hiệp Hội sở hữu là các tài sản của Giáo Hội.

§2. Bề Trên Cả, cùng với Hội Đồng Thế Giới, quản trị các tài sản của Hiệp Hội ở cấp Thế Giới và là người có thẩm quyền ban các phép cần thiết cho các Hội Đồng địa phương và tỉnh thực hiện các hành vi quản trị và chuyển nhượng ngoại thường không đòi hỏi sự can thiệp của Tòa Thánh.

§3. Các Hội Đồng, thông qua một Quản lý được chọn trong Hội Đồng, chăm lo việc quản lý các tài sản của Hiệp Hội. Quản lý cũng chuẩn bị bản báo cáo tài chính hằng năm để trình lên Hội Đồng ở cấp cao hơn.

DIỄN GIẢI

Các chủ đề chính

1. Quản trị các tài sản giáo hội
2. Đại diện pháp lý
3. Các chức năng quản trị

Các ý tưởng nòng cốt

A. *Quản trị các tài sản giáo hội*

Để hiểu sâu hơn về đề tài “quản trị,” chúng ta phải làm sáng tỏ trước hết thế nào là một Hiệp Hội được Toà Thánh nhìn nhận là một “pháp nhân công của giáo hội” để mọi người đều có cùng một cái nhìn đối với cung cách hành động và làm việc trong các Trung Tâm và các Hội Đồng của chúng ta. Thuật ngữ “quản trị” có một ngữ nghĩa kép có thể khiến chúng ta hiểu sai. Trên thực tế, “quản trị” có thể có nghĩa là thi hành chức năng quyền bính riêng của giáo hội, khác với chức năng làm luật và xét xử vốn thuộc lãnh vực tư pháp. Song song với ý nghĩa thuộc lãnh vực quyền tài thẩm này, còn có một ý nghĩa liên quan đến kinh tế, đó là bảo tồn ngân quỹ, kiếm tiền, và gia tăng tài sản vật chất. Do đó, cần lưu ý rằng nhà làm luật của giáo hội sử dụng thuật ngữ [“quản trị”] này theo cả hai nghĩa nói trên: ví dụ, khi họ qui định rằng một pháp nhân công của giáo hội cần phải có một Quản lý, họ đang

sử dụng nó theo nghĩa thứ hai của từ “quản trị”. (xem *GL*, đ. 1279)

Đây là sự phân biệt quan trọng, đặc biệt khi phải đánh giá “việc quản trị tài sản vật chất” bởi vì, trong việc đánh giá này, nhà làm luật sử dụng thuật ngữ “quản trị” theo cả hai nghĩa liên quan đến tài sản của Giáo Hội. Cụ thể, khi *GL* 1273 xác định Đức Giáo Hoàng là “vị quản trị tối cao” mọi tài sản của Giáo Hội, người làm luật muốn nói đến quyền tài thẩm của Đức Giáo Hoàng trên Giáo Hội, và do đó, ngài có thẩm quyền trên các tài sản của các pháp nhân công được dùng cho các mục đích của Giáo Hội, hơn là chức năng quản trị kinh tế dựa trên quyền sở hữu tài sản của một người.

Trước hết, việc quản trị các tài sản của “pháp nhân công của giáo hội” được đặt dưới sự giám sát của Đấng Bản Quyền. Sự giám sát này bao gồm quyền thanh tra; yêu cầu trình bày sổ sách; lập các phương thức quản trị trung thực và có trật tự; cho phép một số hành vi quản trị quan trọng. (Xem *GL* 1277, 1281, 1285, 1292). Do đó việc giám sát này *không bao gồm quyền làm thay* người đại diện quản trị, trừ khi luật chung (vd., đối với các tu sĩ) hay các tước hiệu hợp pháp khác cho phép làm nhiều hơn. *Qui tắc của giáo luật qui định rằng Đấng Bản Quyền chỉ có thể làm thay người đại diện trong trường hợp người đại diện pháp lý sao nhãng bổn phận, hay khi Đấng Bản Quyền được ban cho*

quyền này bởi một luật riêng hay bởi các điều lệ. (Xem GL 1276, 1277, 1279, 1281, 1285, 1292).

Luật cũng cho Đảng Bản Quyền có quyền đưa ra các qui tắc cho việc quản trị tài sản của giáo hội bằng các huấn thị phù hợp với luật chung và luật riêng, trong khi vẫn lưu ý đến các quyền lợi cá nhân, các tập quán hợp pháp và các hoàn cảnh. Do đó, nếu thấy thích hợp, Đảng Bản Quyền có thể ra các huấn thị để làm sáng tỏ và xác định cách thức và thời gian thi hành các luật liên quan đến tài sản giáo hội, trong tinh thần và giới hạn của luật chung, cả luật bổ sung và địa phương (các luật của Hội Đồng Giám Mục, Đại Hội các Giám Mục Giáo Khu, Giáo Phận), có hiệu lực đối với tất cả các pháp nhân dưới quyền ngài. (Xem GL 1276; *Animare la solidarietà economica*).

Các tài sản vật chất của Hiệp Hội được quản trị không chỉ bằng các qui tắc trong bản Điều Lệ và *Qui Chế* của *Kế Hoạch Đời Sống Tông Đồ*, nhưng trước hết là trong các luật của *Bộ Giáo Luật*, được tích hợp vào các điều khoản của Điều Lệ và *Qui Chế*.

Việc sở hữu và sử dụng các tài sản của Hiệp Hội, vì là tài sản của giáo hội, phải tương ứng với việc đạt được các mục đích riêng của Hiệp Hội; những người chịu trách nhiệm về các tài sản nay của Hiệp Hội, ở các cấp địa phương, tỉnh và thế giới, phải tuân theo các qui tắc trên, và tự thích

ngiht với chúng. Việc quản trị các tài sản giáo hội này là trách nhiệm của người trực tiếp cai quản những người có liên quan đến các tài sản ấy. Bằng việc áp dụng nguyên tắc này tại các khu vực khác nhau, trong thẩm quyền quản trị tài sản vật chất của Hiệp Hội, các CTV Salêdiêng sử dụng nguyên tắc chung liên quan đến đại diện pháp lý của các thực thể giáo hội, được nêu tại điều 118 của Bộ Giáo Luật: “Những người đại diện *pháp nhân công* và hành động nhân danh pháp nhân ấy, là những người được luật phổ quát hay luật địa phương hoặc qui chế riêng công nhận họ có thẩm quyền này; những người đại diện pháp nhân tư là những người được qui chế trao cho thẩm quyền này.”

B. Đại diện pháp lý

Vì là một *pháp nhân công của giáo hội*, Hiệp Hội CTV Salêdiêng bắt nguồn từ thẩm quyền của Giáo Hội (GL, đ. 301 §3), hành động nhân danh Giáo Hội (GL, đ. 116 §1) và từ Giáo Hội mà có khả năng quản trị các tài sản của mình (GL, đ. 1255) và theo đuổi các mục đích của Giáo Hội. (GL, đ. 301 §1).

Đấng Bản Quyền ở mọi cấp - địa phương, tỉnh, thế giới - trong Hiệp Hội là Bề Trên Cả, với chức năng là Điều Hành Viên Tối Cao của Hiệp Hội. Ngài là người bảo lãnh trước mặt Toà Thánh về phạm vi phổ quát của ngài là “Bề Trên của Hiệp

Hội.” Để thi hành chức năng này, ngài sử dụng Điều Phối Viên Thế Giới và Văn Phòng Tổng Thư Ký (SEM). Vì trách nhiệm bản thân rất lớn đối với Hiệp Hội, ngài có thể uỷ quyền cho:

- Giám Tỉnh của SDB làm đại diện của ngài ở các cấp tỉnh và địa phương, từ lúc mà: “trong lãnh vực các trách nhiệm riêng đối với Tu Hội Thánh Phanxicô Salê, ngài làm cho thừa tác vụ của Bề Trên Cả hiện diện.” (Điều Lệ, 35) và
- Hội Đồng tương ứng [ở mỗi cấp] trong những gì liên quan đến bản chất riêng của vai trò là pháp nhân công: quyền đại diện này được đảm nhận trực tiếp và tự nguyện bởi các Hội Đồng cấp thế giới, cấp tỉnh và cấp địa phương của các CTV Salêdiêng. Trong sự tự trị của mình, Hội Đồng được đại diện bởi vị Điều Phối Viên. Hội Đồng có quyền quản trị, mua và chuyển nhượng các tài sản của Hiệp Hội trong tất cả các giao dịch phù hợp và liên quan tới tài sản, vật sở hữu và các kế ước.

Để thực hiện các hành vi quản trị ngoại thường, các Hội Đồng địa phương, tỉnh, và thế giới của Hiệp Hội phải xin phép của cấp có thẩm quyền theo các qui tắc của luật và chỉ có thể quyết định về hành vi ấy theo luật sau khi đã được sự ưng thuận và phê chuẩn của Bề Trên Cả. (Điều Lệ, 39 §2). Bề Trên

Cả có quyền nhờ Văn Phòng SEM liên quan đến kinh tế, ban cho các Hội Đồng (địa phương, tỉnh, thế giới) được phép thực hiện các hành vi quản trị và chuyển nhượng ngoại thường mà không đòi hỏi sự can thiệp của Toà Thánh* - nếu không có sự cho phép này, các hành vi ấy là vô hiệu.

*[§2. Cũng cần có phép Toà Thánh để việc chuyển nhượng tài sản là hữu hiệu.

§3. Nếu tài sản được chuyển nhượng có thể phân chia, các phần đã được chuyển nhượng phải được nhắc tới khi xin phép chuyển nhượng; nếu không phép này vô hiệu.

§4. Những người mà do lời khuyên hay sự ưng thuận của họ mà phải tham gia vào việc chuyển nhượng các tài sản thì chỉ được cho lời khuyên hay ưng thuận trừ khi trước đó họ đã được thông tin đầy đủ về tình trạng kinh tế của pháp nhân có các tài sản được đề nghị chuyển nhượng.

Giáo Luật 1293

§1. Để chuyển nhượng tài sản mà giá trị vượt quá mức tối thiểu thì cần có:

1. một lý do chính đáng, tỉ như sự cần thiết cấp bách, lợi ích hiển nhiên, việc đạo đức, lý do mục vụ trầm trọng nào khác;
2. việc định giá đồ vật muốn chuyển nhượng do các chuyên viên thảo ra giấy tờ.

§2. Để tránh gây tổn thất cho Giáo Hội, phải giữ các dự phòng mà nhà chức trách hợp pháp đã ấn định.

C. Đắc thủ và chuyển nhượng tài sản

Vì là một pháp nhân công của giáo hội, Hiệp Hội có thể đắc thủ các tài sản vật chất bằng các phương tiện chính đáng mà luật tự nhiên hay luật thiết định cho phép những người khác, ngoại trừ thuật ngữ “Giáo Hội” trong Quyển V của *Bộ Giáo Luật*. Một cách cụ thể về việc đắc thủ tài sản vật chất được dự liệu trong Công Ước cho các Trung Tâm Địa Phương và Hội Đồng Tỉnh:

- trong việc sáp nhập các Trung Tâm, Trung Tâm mới đảm nhận các mối quan hệ chủ động và thụ động của hai Trung Tâm trước, trừ khi có một dự liệu khác được nói trong Quyết Định Sáp Nhập;
- trong việc giải thể một Trung Tâm, “các tài sản vật chất của các Trung Tâm bị sáp nhập, gồm các quan hệ kinh tế chủ động và thụ động, được chuyển sang cho Hội Đồng Tỉnh, trừ khi có một dự liệu khác được nói trong Quyết Định Giải Thể” (xem *Bộ Giáo Luật*, Quyển V, số 4); việc chuyển quyền sở hữu các tài sản của Hiệp Hội được hiểu là chuyển từ chính Hiệp Hội sang một chủ thể khác.

Theo *Bộ Giáo Luật*, “mọi giao dịch nào mà có thể làm giảm điều kiện di sản của một pháp nhân” cũng nằm trong chủ đề về chuyển nhượng. (xem *GL*, đ. 1295)

“Để có thể chuyển nhượng cách hữu hiệu các tài sản đã được chỉ định hợp lệ để cấu tạo nên khối sản nghiệp bền vững của một pháp nhân, và giá trị của nó vượt quá mức luật định, thì cần phải có phép của nhà chức trách có thẩm quyền dựa theo các quy tắc pháp luật.” (*GL*, đ. 1291)

Do đó, đối tượng của việc chuyển nhượng, như trong các khế ước bị thiệt [hợp đồng xấu] khác, là cái mà qua việc phân bổ theo các qui tắc của Luật Dân Sự hay Giáo Luật, tạo thành di sản cố định của Hiệp Hội; đó là:

- các hành vi chuyển nhượng các quyền lợi về nội dung của di sản cho một chủ thể khác như qua việc bán, trao đổi, hay hiến tặng, có giá trị vượt quá mức tối đa mà Hội Đồng Giám Mục ấn định cho miền của mình, vốn khác nhau tùy theo hoàn cảnh kinh tế của các miền khác nhau trên thế giới;
- các hành vi kéo theo gánh nặng và gây nguy hại cho di sản (ví dụ, cầm cố, quyền xây cất, cho vay, cho thuê, bảo lãnh, lợi tức suốt đời, từ bỏ quyền nhận

tặng phẩm hay tài sản kế thừa, quyền hưởng hoa lợi, quản lý kinh doanh); hay

- các hành vi quản lý mà trong bối cảnh kinh tế hiện thời có thể có rủi ro liên quan đến tiêu chí quản trị thận trọng và trung thực, thậm chí với danh nghĩa mục vụ, cụ thể là:
 - bắt đầu hay chấp nhận tham gia vào các hoạt động kinh doanh (kỹ nghệ hay được coi là thương mại với mục đích tài chính);
 - đưa vào các đệ tam nhân liên quan đến quyền sở hữu các bất động sản bên ngoài các cuộc thương lượng được phê chuẩn);
 - đầu tư vào các công trình xây dựng, tu bổ hay phục hồi; hay
 - thay đổi mục đích sử dụng các bất động sản.

Bằng việc áp dụng các điều khoản của *Bộ Giáo Luật* và của Hiệp Hội CTV Salêdiêng, các Hội Đồng thế giới, tỉnh, và địa phương, trong lãnh vực thẩm quyền của mình, có thể chuyển nhượng hữu hiệu các tài sản của Hiệp Hội với hai điều kiện:

- chỉ khi giá cả thấp hơn mức trần được ấn định bởi Hội Đồng Giám Mục; và
- chỉ sau khi được sự phê chuẩn của Bề Trên Cả và sau khi đã được phép trước của Hội Đồng Thế Giới.

Ngoài phép trên, *Bộ Giáo Luật* cũng đòi hỏi sự can thiệp của Toà Thánh liên quan đến hiệu lực của việc chuyển nhượng trong các trường hợp sau:

- khi giá trị vượt quá mức;
- khi các tài sản chuyển nhượng được hiến cho Giáo Hội bởi lời khẩn, và
- khi các tài sản chuyển nhượng có giá trị quý về nghệ thuật hay lịch sử.

Ở đây cũng nên nhớ lại rằng các dự liệu của luật chung và luật riêng mà luật dân sự tại một lãnh thổ đã qui định cho các khế ước và việc sắp đặt chúng phải được tuân giữ với cùng những hệ quả trong Giáo Luật trong những vấn đề thuộc quyền quản trị của Giáo Hội trừ khi Luật Chúa và Giáo Luật dự liệu cách khác, và không vi phạm qui định của *GL 1547* liên quan đến các nhân chứng trong các trường hợp khác nhau.

ĐIỀU 40. Những sắp xếp cuối cùng

§1. Hiệp Hội được cai quản bởi bản Điều Lệ hiện hành. Các qui tắc khác được chứa đựng trong Qui Chế cấp Thế Giới, hay trong các Cẩm Nang ở các cấp khác nhau.

- *Điều Lệ xác định ơn gọi tông đồ của người CTV Salêdiêng: căn tính, tinh thần, sứ mạng, và sự hiệp thông của họ; và các nguyên tắc về cơ cấu tổ chức của Hiệp Hội.*
- *Qui Chế chứa các điểm thực hành nêu rõ và qui định hành động, phương pháp luận, cơ cấu và tổ chức của Hiệp Hội. Nó cụ thể hoá các nguyên tắc của Điều Lệ, và phụ thuộc vào Điều Lệ, để có thể đem ra thực hành trong đời sống.*
- *Cẩm Nang (trước kia gọi là Chỉ Nam) liệt kê các sắp xếp cụ thể của Hiệp Hội để thích nghi Kế Hoạch Đời Sống Tông Đồ vào hoạt động cụ thể trong các thực tại lãnh thổ khác nhau. Các Cẩm Nang được các Hội Đồng tương ứng thông qua và được phê chuẩn bởi các Hội Đồng ở cao hơn một cấp, các Hội Đồng này phải bảo đảm rằng các sắp xếp của Cẩm Nang phù hợp với các Điều Lệ và Qui Chế.*

§2. Bản Điều Lệ hiện hành có thể được tu chỉnh khi có đề nghị của Điều Hành Viên Tối Cao, của Hội Đồng Thế Giới hay của các Hội Đồng Tỉnh. Các điểm tu chỉnh được đề nghị phải bao gồm một trình bày rõ ràng và chi tiết về các lý do biện minh cho sự tu chỉnh, phải xác định các mục tiêu cụ thể theo sau, và các nguyên tắc cốt nghĩa nó. Bề Trên Hiệp Hội là người có thẩm quyền đánh giá và chấp nhận sự tu chỉnh được đề nghị.

Tiến trình tu chỉnh sẽ được qui định bởi Hội Đồng Thế Giới với sự ưng thuận của Bề Trên Cả.

Bản tu chỉnh phải được phê chuẩn bởi một đa số tuyệt đối các thành viên tham dự Đại Hội Thế Giới, bởi Bề Trên Hiệp Hội, và bởi Toà Thánh.

DIỄN GIẢI

Các chủ đề chính

1. Cấu trúc và giá trị của *Kế Hoạch Đời Sống Tông Đồ*.
2. Các thể thức và các điều chỉnh của các Văn Kiện tạo thành *Kế Hoạch Đời Sống Tông Đồ* hay được tích hợp vào *Kế Hoạch Đời Sống Tông Đồ*.

Các ý tưởng nòng cốt

A. Ở cơ sở của việc duyệt xét lại *Qui Luật Đời Sống Tông Đồ* trước, chúng tôi đã nhận thấy cần phải phân chia các văn kiện thành hai phần:

- Bản Điều Lệ, mông về hình dạng nhưng cốt yếu về bản chất, có mục đích trình bày thể căn cước đích thực của người CTV Salêdiêng và của Hiệp Hội, và chính vì lý do này, nó ít chịu những sửa đổi qua thời gian;
- Bản *Qui Chế* thực hành, dễ chịu những sửa đổi và những sự tích hợp hơn, và cố gắng tập hợp chung các khía cạnh tổ chức và quản trị của Hiệp Hội.

Các phần này được bổ sung bằng các quyền *Cảm Nang*, là những bản văn được soạn thảo ở các cấp khác nhau của cơ cấu Hiệp Hội (và cần phải được sự phê chuẩn và thông qua của Hội Đồng ở trên một cấp). Các *Cảm Nang* tích hợp và/ hay áp dụng các khía cạnh chuyên biệt của *Qui Chế* liên quan đến việc quản trị và sinh động hoá các Trung Tâm, để làm cho các nguyên tắc và các qui định trong *Qui Chế* trở nên linh hoạt và dễ thích nghi với thực tế của một khu vực nhất định.

B. Nhu cầu phải có các bản Điều Lệ cho một Hiệp Hội của giáo hội đã được qui định trong *Bộ Giáo*

Luật, tại điều 304 §1, như sau:

Tất cả các Hiệp Hội, dù công hay tư, mang danh hiệu hay tên gọi gì đi nữa, đều phải có nội quy định nghĩa rõ mục đích hoặc tôn chỉ, trụ sở, ban chấp hành và các điều kiện gia nhập, cũng như đường lối hoạt động xét theo nhu cầu hoặc lợi ích của mỗi thời và mỗi nơi.

Cũng *Bộ Giáo Luật* này dự liệu sự can thiệp và phê chuẩn của thẩm quyền giáo hội đối với việc tu chỉnh bản Điều Lệ của mọi Hiệp Hội công. (Xem *GL*, đ. 314):

“Điều Lệ của mỗi Hiệp Hội công, cũng như sự xét lại hay sửa đổi chúng, đều cần được sự phê chuẩn của nhà chức trách có thẩm quyền của Giáo Hội đã cho phép thành lập Hiệp Hội ấy chiếu theo điều 312, §1.”

Vì lý do này, Điều Lệ phải trải qua một *lộ trình* đặc biệt và phức tạp trước khi được sự phê chuẩn bởi Bộ các Dòng Tu Thánh Hiến và các Hội Tông Đồ.

Sự tồn tại của các qui luật xác định nguồn gốc, căn tính, và tổ chức của một Hiệp Hội luôn luôn được nhìn từ góc cạnh của một mối tương quan hai chiều giữa các nhóm liên kết trong Giáo Hội, dù là để có sự nhìn nhận lẫn nhau hay là để có sự hiệp thông hiệu quả hơn. Thực vậy, Tông Huấn *Christifideles Laici* số 30 nói:

Sự cần thiết phải có những tiêu chuẩn rõ ràng và chính xác để phân định và nhìn nhận các hiệp hội giáo dân còn được gọi là những “tiêu chuẩn có tính hiệp hội” luôn phải được hiểu trong viễn tượng về sự hiệp thông và sứ vụ của Giáo Hội, chứ không đi ngược với quyền tự do thành lập hiệp hội.

Để phân định các hiệp hội giáo dân trong Giáo Hội, có thể lưu ý toàn bộ những tiêu chuẩn sau đây như tiêu chuẩn nền tảng:

Tiêu chuẩn trước tiên là ơn gọi nên thánh của mọi người Kitô hữu, được biểu lộ “qua những hoa trái ân sủng mà Thánh Thần đã kết sinh nơi các tín hữu”, như là sự tăng trưởng đến sự viên mãn của đời sống Kitô hữu và đến sự trọn lành của đức ái.

Theo nghĩa này, mọi hiệp hội giáo dân đều được mời gọi ngày càng trở nên phương tiện thánh hóa trong Giáo Hội, một phương tiện cổ võ và khuyến khích “sự phối hợp chặt chẽ giữa đời sống thực tế của hội viên và đức tin của họ.”

Dấn thân tuyên xưng đức tin công giáo qua việc chấp nhận và công bố chân lý về Đức Kitô, về Giáo Hội và về con người, theo đúng giáo huấn của Giáo Hội, vì Giáo Hội giải thích chân lý đó cách chính thức. Mọi hiệp hội giáo dân đều phải là môi trường loan báo và trình bày đức tin, cũng là nơi để giáo dục đức tin đó trong nội dung toàn vẹn của nó.

Bằng sự xác tín của mình, làm chứng về sự hiệp thông vững chắc và mãnh liệt, trong tình con thảo với Đức Giáo Hoàng là trung tâm hiệp nhất vĩnh cửu và hữu hình của Giáo Hội phổ quát, và với Đức Giám Mục là “nguyên lý hữu hình và nền tảng của sự hiệp nhất” trong Giáo Hội địa phương, và trong “sự tôn trọng lẫn nhau giữa các tổ chức tông đồ trong Giáo Hội.”

Sự hiệp thông với Đức Giáo Hoàng và Đức Giám Mục phải được bày tỏ qua thái độ sẵn sàng thẳng thắn đón nhận những giáo huấn về giáo lý và những chỉ dẫn mục vụ của các ngài. Hơn nữa, sự hiệp thông trong Giáo Hội còn đòi phải nhìn nhận sự đa nguyên hợp pháp của giáo dân trong Giáo Hội, và đồng thời, phải sẵn sàng cộng tác với nhau.

Hòa hợp và cộng tác vào mục đích tông đồ của Giáo Hội, là “loan truyền Phúc Âm và thánh hóa nhân loại, đào tạo cho họ một lương tâm Kitô giáo, để họ có thể dần dần đem tinh thần Phúc Âm thâm nhập vào các cộng đoàn cũng như các môi trường khác nhau.”

Theo hướng này, mọi hình thức hiệp hội giáo dân, cũng như từng hiệp hội phải có một hứng khởi truyền giáo biến các hiệp hội này trở thành những dụng cụ ngày càng tích cực hơn của một cuộc phúc-âm-hóa mới.

Dấn thân hiện diện trong xã hội nhân loại để phục vụ cho phẩm giá toàn vẹn của con người, phù hợp với học thuyết xã hội của Giáo Hội.

Trong ý nghĩa này, các hiệp hội giáo dân phải trở thành những trào lưu đẩy mạnh sự tham gia và liên đới, để kiến tạo những điều kiện sống công bằng và huynh đệ hơn giữa lòng xã hội.

Những tiêu chuẩn căn bản chúng tôi vừa nêu lên được chứng thực trong những *hoa trái cụ thể* đi kèm với đời sống và những công trình của các hình thức hiệp hội khác nhau, đặc biệt là sự ưa thích cầu nguyện, chiêm niệm, đời sống phụng vụ và bí tích; giúp ý thức về ơn gọi hôn nhân Kitô giáo, ơn gọi làm linh mục thừa tác hay đời sống thánh hiến; sẵn sàng tham gia vào các chương trình và hoạt động trên bình diện quốc gia cũng như quốc tế; dấn thân vào việc giảng dạy giáo lý và khả năng sư phạm trong việc huấn luyện các Kitô hữu; thúc đẩy sự hiện diện của người Kitô hữu trong môi trường khác nhau của đời sống xã hội; thành lập và linh hoạt các công tác từ thiện, văn hóa và thiêng liêng; tinh thần siêu thoát và thanh bần phúc âm để thực hiện tình bác ái đại lượng hơn với mọi người; hoán cải trở về với đời sống Kitô hữu hay đối với những người đã rửa tội nhưng “lìa xa đức tin” được hiệp thông trở lại với Giáo Hội.

C. Tầm quan trọng của Qui Luật đã được gợi ý cho Don Bosco bằng sự can thiệp từ trời, trong “Giấc Mơ Dải Băng Trắng”, khi Đức Mẹ giới thiệu cho ngài tầm quan trọng của việc ràng buộc các cộng sự viên của ngài vào với ngài bằng sự vâng phục, được thể hiện bằng việc tôn trọng và tuân giữ các qui luật. Dưới đây là lời kể của chính Don Bosco (*Memorie Biografiche*, vol. II, 299):

Đồng thời, cha thấy các thiếu niên đến vây quanh cha mỗi lúc một đông đảo hơn, nhưng khi cha nhìn về phía Bà Lạ, các khu đất và các toà nhà cũng mọc lên theo. Lúc ấy cha thấy một ngôi thánh đường rất nguy nga [nay là Vương Cung Thánh Đường Đức Mẹ Phù Hộ các Giáo Hữu ở Torinô] tại chính điểm mà Bà đã chỉ cho cha thấy là nơi mà các quân lính của sư đoàn Theban đã chịu tử đạo. Có vô số toà nhà xung quanh, và ở giữa là một đền đài rất đẹp. Trong khi những chuyện này đang diễn ra và cha vẫn còn đang mơ, cha thấy các linh mục và các thầy tư giáo đến giúp cha, nhưng sau một lúc, họ bỏ đi. Cha Ta tìm hết cách giữ họ lại, nhưng sau một lúc họ bỏ lại cha một mình. Rồi một lần nữa cha quay về phía Bà Lạ xin Bà giúp. “Con có biết cách làm thế nào giữ họ lại không?” Bà hỏi. “Hãy cầm lấy dải băng này và cột quanh trán họ.” Cha kính cẩn cầm lấy dải băng trắng từ tay Bà và thấy có chữ “Vâng Lời” viết trên đó. Cha lập tức làm thử và bắt đầu cột lên trán những người tình nguyện này. Dải băng đã tạo ra những điều kỳ diệu khi cha tiếp tục sứ mạng được giao phó. Tất cả những người trợ giúp cha đã không còn ý nghĩ rời bỏ cha, họ đã ở lại. Tu Hội chúng ta đã ra đời như thế.

D. Nếu yêu cầu duyệt lại bản Điều Lệ được coi là một hành vi rất hiếm, việc thảo luận về sự sửa đổi *Qui Chế* lại là chuyện khác. Trong trường hợp này, như điều 35 §3 của cùng bản văn nói: *Qui Chế* có thể được sửa đổi và dựa trên đề nghị của Điều Hành Viên Tối Cao, Hội Đồng Thế Giới, hay của các Hội Đồng Tỉnh. Nhưng trong mỗi trường hợp, chính Bề Trên Hiệp Hội là người có thẩm quyền phê chuẩn sáng kiến có sự sửa đổi, và rồi sự sửa đổi này sẽ được công bố đúng lúc. Đây chắc chắn là một khả năng đơn sơ hơn và linh hoạt hơn, luôn luôn tôn trọng tính tập đoàn và nhạy cảm với sự tiến hoá của thời đại và các nhu cầu phát sinh lúc này hay lúc khác.

ĐIỀU 41. Một con đường nên thánh

Các CTV Salêdiêng chọn chia sẻ con đường Tin Mừng được vạch ra bởi Kế Hoạch Đời Sống Tông Đồ hiện hành.

Họ dẫn thân một cách có trách nhiệm vào con đường dẫn tới sự thánh thiện này: Hiệp Hội CTV Salêdiêng “được thiết lập để lay tỉnh những người Kitô hữu trong con mê ngủ của họ, và lan toả năng lượng bác ái.”

Với dồi dào ân sủng của Người, Chúa đồng hành với những ai làm việc trong tinh thần “Da mihi animas, coetera tolle,” bằng cách mưu ích cho giới trẻ và giới bình dân.

DIỄN GIẢI

Các chủ đề chính

Ôn gọi của người CTV Salêdiêng dẫn đưa họ đến sự thánh thiện: Nó là một lựa chọn tự do, một niềm đam mê vì *Da mihi animas, coetera tolle*, và sức mạnh của Ân Sủng không bao giờ rời bỏ chúng ta.

Các ý tưởng nòng cốt

A. Được gọi nên thánh

Phẩm giá của người tín hữu giáo dân được tỏ lộ trong sự sung mãn của nó nếu chúng ta xét đến ơn gọi đầu tiên và căn bản mà Cha đã làm cho mỗi người, trong Chúa Giêsu Kitô và nhờ Chúa Thánh Thần: đó là ơn gọi nên thánh; nói khác đi, là sự trọn lành của đức ái. Có thể nói rằng Người Thánh là nhân chứng rực rỡ nhất về phẩm giá được ban cho người môn đệ Chúa Kitô.

Vaticanô II đã dùng cảm ban tặng cho mọi thành viên của Hội Thánh thực tại không thể đè nén của Mầu Nhiệm Hội Thánh: Hội Thánh là Vườn Nho tuyển chọn mà các cành nho sống và lớn lên từ cùng một thân nho thánh thiện và thánh hoá của Đức Kitô. Hội Thánh là Thân Thể Mầu Nhiệm, và các thành viên của Hội Thánh được thông phần vào cùng một sự sống thánh thiện của Đầu là Đức Kitô; Hội Thánh là Hiền Thê yêu quý của Chúa Giêsu, đáng hiến thân để thánh hoá Hội Thánh (xem Ep 5:25tt). Chúa Thánh Thần, Đấng đã thánh hoá nhân tính của Đức Giêsu trong lòng dạ đồng trinh của Đức Maria (xem Lc 1:35) cũng là cùng một Thánh Thần cư ngụ và hoạt động trong Hội Thánh để thông truyền cho Hội Thánh sự thánh thiện của Con Thiên Chúa làm người (xem *Christifideles Laici*, 16).

Người CTV Salêdiêng trong bậc sống giáo dân của họ giữa đời đã đích thân nhận được tiếng gọi của Thiên Chúa để thành một người thánh. đây là chuyện chọn một nếp sống bình thường giữa đời, ở đó đời sống gia đình của họ, việc học hành, lao động, các mối quan hệ xã hội thân thiết, cũng như các mối quan hệ nghề nghiệp và văn hoá, v.v..., tìm được nơi Đức Giêsu Kitô ý nghĩa sung mãn của chúng (Điều Lệ, đ. 2). Ôn gọi nên thánh này cảm rễ sau trong Phép Rửa và được đề nghị lại trong các Bí Tích khác, đặc biệt trong Thánh Thể và Giải Tội. Có thể nói đây là chỗ mà người CTV Salêdiêng tìm thấy sức mạnh của mình, được trở nên đồng hình dạng với Đức Giêsu, và được ban khả năng và nhiệm vụ bộc lộ sự thánh thiện của con người mình trong mọi hành động, với niềm vui và sự lạc quan, trong sự phục vụ có trách nhiệm cho và trong cộng đoàn giáo hội và xã hội (Điều Lệ, 13, 17 và 19).

Kế Hoạch Đời Sống Tông Đồ đối với người CTV Salêdiêng trở thành con đường nên thánh chắc chắn. Nó là “quyển sách sự sống” bảo đảm sự trung thành với nguồn cảm hứng nguyên thủy của Don Bosco; là sự hài hoà thiêng liêng, thần học và mục vụ với Vaticanô II và Huấn Quyền của Hội Thánh; và là câu trả lời Kitô giáo và Salêdiêng cho các thách thức mới của thế giới. Từ đây phát sinh tầm quan trọng của việc coi đó là một kho tàng châu báu mà một người phải biết đến, đặt nó trong trái tim, yêu mến và làm chứng về nó. Trong *Kế*

Hoạch Đời Sống Tông Đồ, ta thấy phác hoạ rõ ràng diện mạo của người CTV Salêdiêng, nó làm cho họ hoàn toàn thích hợp với ơn gọi và sứ mạng của họ; nói khác đi, là một người Salêdiêng đích thực giữa đời (“Lời giới thiệu” bản văn *Kế Hoạch Đời Sống Tông Đồ*).

B. Niềm đam mê “*Da mihi animas, coetera tolle*”

Đối với Don Bosco, đây là ý tưởng thống nhất toàn thể cuộc đời ngài: sự cứu rỗi giới trẻ của ngài—và nó là trái tim của trái tim ngài, là cốt lõi cơ bản và không thể từ chối của ngài; gốc rễ thâm sâu nhất của hoạt động nội tâm của ngài, của cuộc đối thoại của ngài với Thiên Chúa, của chính nỗ lực của ngài đối với bản thân, và của lao động không biết mệt mỏi của ngài trong việc tông đồ. Quả thật, trái tim ngài luôn luôn đập nhịp đập *Da mihi animas*. Tất cả niềm đam mê của ngài, những công lao vất vả của ngài như một thầy dạy, một Mục Tử, một giáo lý viên, một tác giả, và một Đáng Sáng Lập, là để đưa các thanh thiếu niên đi trên con đường cứu rỗi, giúp chúng nên tốt, và cứu chúng đời đời; vì vậy, mọi thứ khác được coi như chỉ là dụng cụ hay phương tiện.

Lao nhọc của ngài, các tổ chức của ngài, việc thành lập Tu Hội Salêdiêng, Tu Hội Con Đức Mẹ Phù Hộ các Giáo Hữu, và Hiệp Hội Cộng Tác Viên

Salêdiêng - tất cả đều lấy phần rỗi của giới trẻ làm mục tiêu tối thượng. Mục tiêu duy nhất của Nguyễn Xá là cứu rỗi các linh hồn. Và nó là một mục tiêu mà ngài không thể một mình đạt được. Vì lý do này, ngài đưa ra lời mời gọi những người khác hiệp nhất với ngài trong tinh thần, để làm việc cho vinh quang cao cả của Thiên Chúa và phần rỗi các linh hồn. Và ngài thường nói: “Điều thánh thiêng nhất trong các điều thánh thiêng là cộng tác với Thiên Chúa và phần rỗi các linh hồn, và là một con đường nên thánh chắc chắn.”

Điều luật này mời gọi chúng ta một lần nữa lay động linh hồn của những thanh thiếu niên đã “ngủ mê” vì quá nhiều cám dỗ trong xã hội lôi kéo họ ra khỏi con đường thánh thiện.

Nhiệm vụ của chúng ta là sống *Da mihi animas, coetera tolle* với niềm đam mê, biến nó trở thành hiện thực bằng việc:

- Đáp lại những nhu cầu vật chất và căn bản của những thanh thiếu niên nghèo khổ và bị bỏ rơi không ai chăm sóc, cống hiến cho các em nơi ăn chốn ở, cái ăn cái mặc, để giúp các em có khả năng kiếm miếng cơm hằng ngày một cách lương thiện nhờ học được một kỹ năng và nghề nghiệp.
- Đồng hành với các em bằng một khoa sư phạm khôn ngoan lấy đức ái tông đồ của Đức Kitô

làm tâm điểm và bản tóm lược, cùng với tiến trình biến đổi về nhân bản, văn hoá và đạo đức của các em; giúp các em có khả năng thể hiện một sự tự do có trách nhiệm và biết trao ban chính mình; giúp các em trở nên ý thức về vai trò của các em trong cuộc đời, trong xã hội, và trong khu vực sinh sống của các em.

- Giáo dục đức tin cho các em theo cách thức Kitô giáo, giúp các em sống đức tin ngày càng mạnh mẽ hơn và có một sự gắn gũi thân thiết với Đức Kitô, Con Người Hoàn Hảo, nhờ nghe Lời Chúa, nhờ cầu nguyện, nhờ các Bí Tích, và nhờ yêu thương tha nhân.

Trong đoạn tóm tắt này, chúng ta thấy khoa thần bí của *Da mihi animas, coetera tolle* nối kết sự thăng tiến nhân bản và thăng tiến siêu nhiên với sự nhân mạnh đặc biệt về chiều kích tôn giáo. Sự liên kết nội tại này hôm nay được lặp lại trong lời dạy của Đức Giáo Hoàng Phanxicô khi ngài kêu mời chúng ta đến với những vùng ngoại vi địa lý và hiện sinh của xã hội loài người để có thể đáp ứng những nhu cầu thâm sâu nhất của con người và cống hiến cho họ một con đường chân chính dẫn tới sự thánh thiện.

C. Sức mạnh của Ân Sủng không bao giờ rời bỏ chúng ta

“Không có Thầy, các con không thể làm được gì”: nhu cầu được ơn trợ giúp của Chúa Giêsu và niềm tin chắc chắn nhận được Ân Sủng của Chúa Cha là hai điều kiện luôn luôn đi cùng với người CTV Salêdiêng trên đường đời của họ như là một công dân lương thiện và một Kitô hữu tốt trao ban mọi sự vì phần rỗi các linh hồn, với niềm tin chắc rằng Thiên Chúa không bao giờ bỏ rơi những ai sẵn sàng hiến thân cho Người để làm việc trong Nước của Người với tinh thần của Don Bosco, vì phần rỗi giới trẻ.

Chúng ta hãy nghe Don Bosco: *Xin Thiên Chúa, Đấng rất giàu Ân Sủng và phước lành, ban nhiều ơn xuống cho tất cả những ai giúp Người chinh phục các linh hồn cho Chúa Cứu Thế, bằng cách làm việc thiện cho những người trẻ đang gặp quá nhiều nguy hiểm, chuẩn bị những người Công Giáo tốt cho Hội Thánh và những công dân tốt cho xã hội, để mọi người một ngày kia được hưởng hạnh phúc muôn đời trên thiên đàng. Amen. (Qui Luật năm 1876, “Đôi lời cùng đọc giả”)*

Và hãy nghe Chúa nói: *Ai muốn cứu mạng sống mình thì sẽ mất; còn ai liều mất mạng sống mình vì tôi, thì sẽ cứu được mạng sống ấy. (Lc 9:24)*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[N.B. - Trừ khi có ghi chú khác, tất cả các tài liệu có ghi chữ “web” có thể tìm thấy tại đây: <https://donboscosalesianportal.org/official-family-groups/salesian-cooperators>, cùng với địa chỉ gốc trên mạng được liệt kê ở phần này. Ngôn ngữ của mục từ cũng là ngôn ngữ được dùng trong bản văn gốc.]

Associazione dei Cooperatori Salesiani. “Atti del Convegno Giovani Cooperatori Salesiani.” *Bollettino Salesiano*. 106:18. (1982) Web. 3 Nov. 2016. <<http://biesseonline.sdb.org/1982/198218.htm>>.

Aubry, Joseph, SDB. *The Salesian Spirit*. Trans. Hugh McGlinchey, SDB. Rome: Salesian Cooperators, 1974. Print.

Auffray, Augustin Fernand, SDB. “I cooperatori salesiani.” *Con Don Bosco e con i tempi*. Torino: SEI, 1955. *Salesiani di Don Bosco*. n.d. Web. 29 Aug. 2016. <<http://cooperatori.sdb.org/cooperatori/files/cooperatorisalesianiita.htm>>.

Bobbio, Norberto. *Politica e cultura*. Torino: Einaudi, 2005.

Bosco, Giovanni. “Maraviglie della Madre di Dio.” *Documenta Catholica Omnia*. Torino: Tipografia dell’Oratorio di S. Francesco di Sales, 1868. 2009. Web. 27 Aug. 2016. <http://www.documentacatholicaomnia.eu/03d/1815-1888,_Bosco_Giovanni,_Vol_149_maraviglie_della_madre_di_dio,_IT.pdf>.

- . “Salesian Cooperators: A Practical Way of Contributing to Public Morality and to the Good of Society.” *Project of Apostolic Life*. Trans. Arthur J. Lenti, SDB. 24 Nov. 2015. Web. 3 July 2016.
- . “The Preventive System in the Education of the Young.” Trans. Patrick Laws, SDB. Direzione Generale Opere Don Bosco. 50-54. n.d. Web. 30 Nov. 2013. <www.sdb.org.hk/cp/p01/p01c05/p01c05012.doc>.
- . “Letter of 1884.” *Journal of Salesian Studies*. 5:2 (1994) “The Roman Letter of 1884 And Its Aftermath” by Michael Ribotta, SDB. n.p. Web. 27 Aug. 2016. <http://journal.salesianstudies.org/wp-content/uploads/2014/06/Ribotta-The_Roman_Letter_of_1884_and_Its_Aftermath-Journal_Salesian_Studies-Vol05_No2-Fall1994.pdf>.
- . *Memoirs of the Oratory of St. Francis de Sales: The Autobiography of Saint John Bosco*. Trans. Daniel Lyons, SDB. New Rochelle, NY: Don Bosco Publications, 1989. n.d. Web. 27 Aug. 2016.
- . *The Companion of Youth*. Torino: SEI. 1940. Print.
- Bosco, Teresio, SDB. *Dominic Savio*. Trans. Silvano Borruso. Nairobi: Paulines, 2006. Print.
- Braido, Pietro, SDB. “I molti volti dell’amorevolezza.” *Rivista di Scienza dell’educazione*. 37.1. (1999) 17-46. Print.
- . “Il Sistema Preventivo in un ‘Decalogo’ per educatori.” *Ricerche Storiche Salesiane*. 4.1. (1985) 131-148. Rome: LAS, 1985. <<https://docs.google.com/>

viewer?url=http://sangiovannibosco.net/RSS/Docs/volume6/6_anno4_num1_131-148.pdf>.

Brocardo, Pietro, SDB. *Don Bosco, profondamente uomo, profondamente santo*. Rome: LAS, 2001. n.d. Web. 27 Aug. 2016. <<http://www.notedipastoralegiovanile.it/images/VARIA/brocardo%20-%20don%20bosco.%20profondamente%20uomo%20profondamente%20santo.pdf>>.

Canon Law Society of America. *Code of Canon Law: Latin-English Edition*. Washington, DC: Canon Law Society of America, 1983. Print.

Capitolo Superiore della Società Salesiana. “Breve cronistoria, deliberazioni, e raccomandazioni del XVI capitolo generale.” *San Giovanni Bosco*. Torino: SEI, 1947. n.d. Web. 24 Aug. 2016. <http://sangiovannibosco.net/attiCG/Atti_1947_143.ACS.pdf>.

Caviglia, Alberto. *Conferenze sullo spirito salesiano*. Torino: PAS, 1949. (yet to be uploaded) <<http://www.sangiovannibosco.net/index.php?id=spiritualita-di-don-bosco>>.

Ceria, Eugenio, SDB. *Annali della Società Salesiana: dalle origini alla morte di San Giovanni Bosco*. vol. 1. Torino: SEI, 1941. *San Giovanni Bosco*. n.d. Web. 29 Aug. 2016. <http://sangiovannibosco.net/annalisocieta/vol_1_Annali_della_Societa_Salesiana.pdf>.

—. *Epistolario di S. G. Bosco*. vol. III. 8 vols. Roma: LAS, 1999. Intro. Francesco Motto. *San Giovanni Bosco*. n.d. Web. 27 Aug. 2016. <<http://www>.

sangiovannibosco.net/index.php?id=epistolario-di-don-bosco>.

—. *Epistolario di S. G. Bosco*. vol. IV. 8 vols. Roma: LAS, 2003. Intro. Francesco Motto. *San Giovanni Bosco*. n.d. Web. 27 Aug. 2016. <<http://www.sangiovannibosco.net/index.php?id=epistolario-di-don-bosco>>.

—. *I Cooperatori salesiani, un po' di storia*. Torino: SEI, 1952. Print.

—. *The Biographical Memoirs of St. John Bosco*. Trans. Vincent Zuliani, SDB. vol. XVII. New Rochelle: Salesiana Publishers, 2002. Print.

Chavez Villanueva, Pascual, SDB. "My Dear Salesians, Be Saints." *Acts of the General Council of the Society of St. Francis de Sales*. Rome: Direzione Generale Opere Don Bosco, 2009. 5 Nov. 2016. Web. 5 Nov. 2016.

—. *Charter of the Charismatic Identity of the Salesian Family of Don Bosco (Salesian Family Charter)*. Rome: Tipografia Vaticana, 2012. Print.

—. *Letter on the Role of the Regional Consulte*, 2012. Trans. Denise Ann Sickinger, FMA. 5 Nov. 2016. Web. 5 Nov. 2016.

—. *Strenna 2003: Let Us Make Every Family and Every Community "The Home and the School of Communion" (NMI 43) by Fostering A "Spirituality of Communion" in the Building of a Culture of Solidarity and Peace*. Rome: Direzione Generale Opere Don Bosco, 2003. 5 Nov. 2016. Web. 5 Nov. 2016.

—. *Strenna 2009: The Salesian Family Yesterday and Today - The Seed Has Become a Tree and the Tree a Wood*. Rome: Direzione Generale Opere Don Bosco, 2009. 5 Nov. 2016. Web. 5 Nov. 2016.

—. *Strenna 2012: Let Us Make the Young Our Life's Mission by Coming to Know and Imitate Don Bosco*. Rome: Direzione Generale Opere Don Bosco, 2012. 5 Nov. 2016. Web. 5 Nov. 2016.

—. *Strenna 2014: Let Us Draw Upon the Spiritual Experience of Don Bosco, in Order to Walk in Holiness According to Our Specific Vocation*. Rome: Direzione Generale Opere Don Bosco, 2014. 5 Nov. 2016. Web. 5 Nov. 2016.

Commissione preparatoria del Capitolo Generale Speciale. *Linee di rinnovamento. I Salesiani di Don Bosco oggi*. Torino: Elle Di Ci, 1971. Print.

de Sales, St. Francis. *On the Love of God*. Trans. John K. Ryan. 2 vols. Garden City, NY: Doubleday & Company, Inc., 1963. Print.

Desramaut, Francis, SDB. "La storia primitiva della Famiglia salesiana secondo tre esposti di Don Bosco." *La Famiglia salesiana*. TorinoLeumann: Elle Di Ci, 1974. 17-44. Print.

Ecclesiastes

Galindo, Mons.Miguel Delgado. "Gli Statuti delle Associazioni." *Linee orientative per la gestione dei beni*. Congregazione per gli Istituti di vita consacrata e le Società di vita apostolica. Vatican: The Holy See. Vatican Website. Libreria Editrice Vaticana, 2014.

Web. 28 Aug. 2016. <http://www.vatican.va/roman_curia/congregations/ccsclife/documents/CIVCSVA_lettera-circolare-gesione-beni_20140802.pdf>.

Gotzinger, W. *Mamma Margherita*.

Lemoyne, Giovanni Battista, SDB. *The Biographical Memoirs of St. John Bosco*. Diego Borgatello, SDB, ed. Vol. II. New Rochelle: Salesiana Publishers, 1966. Print.

Leon-Dufour Xavier et al. “Dono.” Missione.” “Via.” “Vocazione.” *Dizionario di teologia biblica*. 5th ed. Giovanni Viola e Ambretta Milanoli, ed. Torino: Marietti, 1976. n.d. 27 Aug. 2016. <http://www.comunitacristiana.org/bibbia/Bibbia_pdf/Dizionario_biblico_Dufour_1976.pdf>.

Midali, Mario, SDB. “Costruire insieme la Famiglia salesiana.” *Atti del Simposio di Roma*. Roma: LAS, 1983. Print.

—. *Il carisma permanente di Don Bosco*. Torino: Elle Di Ci, 1969. Print.

—. *Madre Mazzarello: Il significato del titolo di confondatrice*. Roma: LAS, 1982. Print.

—, SDB. *Nella Chiesa e nella società con Don Bosco oggi*. Torino: Elle Di Ci, 1974. Print.

Pasquale U.M., *Alexandrina Maria Da Costa. Lampada d'amore*. n.d. Web. 27 Aug. 2016. (not on Don Bosco Salesian Portal)

BAN GIA ĐÌNH SALEĐIÊNG
TỈNH DÒNG SA-LÊ-DIÊNG ĐƠN BOSCO VIỆT NAM
54 đường số 5 - Linh Xuân - Thủ Đức - TpHCM